VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
tác giả & tác phẩm
nguyên sa • trần hồng châu • ngu yên
vi khuê • du tử lê • hoàng xuân sơn

nguyễn quang thiều: một tác giả,
hai truyện ngắn, hai văn phong
mai kim ngọc

đêm thâu
nguyễn quí đức

mộng đời trôi nổi
hoàng nga

và các truyện ngắn của
nguyễn ý thuần • thơ thơ • phùng nguyễn
trần vĩnh phố • trần mộng tú

thơ
nguyễn hữu nhật • phan minh khánh
hoàng phủ cương • huỳnh mạnh tiên • triều hoa đại
đỗ thì kênh g. • nguyễn phan thịnh

SỐ 111 • THÁNG 7 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

Văn Học

Số 111, Tháng 7, 1995

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TẠ QUỐC TUẤN	3	bạch thoại trong thơ trung hoa hiện đại
HUỲNH MẠNH TIÊN	17	*ngải thơ*
HOÀNG PHỦ CƯƠNG	18	*vào khuya*
MAI KIM NGỌC	19	nguyễn quang thiều: một tác giả, hai truyện ngắn, hai văn phong
PHAN MINH KHÁNH	42	*tháng 5*
HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI		
TÁC GIẢ & TÁC PHẨM		
NGUYÊN SA	43	trả lời phỏng vấn
NGUYÊN SA	45	*áo lụa hà đông*
	46	*tháng giêng và anh*
	47	*nói chuyện với phạm công thiện*
	48	*tuyệt chiêu*
	48	*tiếng biển*
TRẦN HỒNG CHÂU	49	trả lời phỏng vấn
TRẦN HỒNG CHÂU	50	*anh không đi về hư vô*
	51	*đêm loạn nghe tiếng hát l. t và k. l*
	53	*núi yêu một lá*
NGU YÊN	54	trả lời phỏng vấn
NGU YÊN	58	*cái ấy*
	59	*tìm em. âu yếm tôi*
VI KHUÊ	61	trả lời phỏng vấn
VI KHUÊ	64	*bà hàng xóm mỹ*
DU TỬ LÊ	66	trả lời phỏng vấn
DU TỬ LÊ	67	*tình yêu, trang ruột và, bìa sách*
HOÀNG XUÂN SƠN	71	trả lời phỏng vấn
HOÀNG XUÂN SƠN	72	*đơn điệu*
SÁNG TÁC		
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	73	đêm thâu
HOÀNG NGA	89	mộng đời trôi nổi
TRIỀU HOA ĐẠI	100	*chẳng cùng về*
NGUYÊN Ý THUẦN	101	người đàn ông chủ nhật
THƠ THƠ	109	mùa xuân xám
ĐỖ THỊ KÊNH G.	112	*tuyệt đỉnh hồng hoang*
PHÙNG NGUYỄN	113	nàng và tôi
NGUYÊN PHAN THỊNH	116	*chiều - long lanh*
TRẦN VĨNH PHỐ	117	trồng một cây cờ
TRẦN MỘNG TÚ	121	dưới gốc hoa đào
NGUYỄN HỮU NHẬT	126	*nhà thơ, hoa vàng, chim khuyên....*
BÙI VĨNH PHÚC	130	quyên di và mắt nhìn thân ái....
NGUYỄN HUY THẠCH	139	ghi chép

© Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1994-1995

© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved, 1994-1995

Thư Toà Soạn

Văn Học dành phần giới thiệu tác giả và tác phẩm Văn học Việt Nam Hải ngoại kỳ này cho thi ca, và xin gửi tới bạn đọc sáng tác và ý kiến của các nhà thơ Nguyên Sa, Trần Hồng Châu, Ngu Yên, Vi Khuê, Du Tử Lê và Hoàng Xuân Sơn. Hầu hết các nhà thơ kể trên đều có viết văn xuôi, nhưng chúng tôi xin dành phần văn cho những dịp khác, còn lần này, chỉ giới thiệu phần thơ. Thi ca hải ngoại, do hoàn cảnh riêng của người sáng tạo lẫn việc xuất bản, phong phú đa dạng về phẩm lượng nhưng lại chịu nhiều thua thiệt về phần phát hành; một thi phẩm in ra chỉ phổ biến trong một khu vực hạn hẹp. Do đó, Văn Học sẽ tiếp tục dành nhiều trang trên các số sau để giới thiệu thêm các nhà thơ và sáng tác của họ.

Phần tiểu luận trên số này có nghiên cứu của Tạ Quốc Tuấn về thơ bạch thoại Trung hoa, và nhà văn Mai Kim Ngọc căn cứ vào hai truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều đưa ra nhận xét về phong cách sáng tác hiện nay của văn giới quốc nội. Nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc cũng dựa vào hai tác phẩm mới ra mắt của Quyên Di để nhận diện nét cá biệt của một nhà văn lấy Tuổi thơ và Đức tin Thiên Chúa làm nguồn cảm hứng sáng tạo.

Phần văn, Ban Chủ biên vui mừng tiếp đón sáng tác giá trị của rất nhiều người cầm bút mới. Trên số trước, lần đầu Văn Học đăng truyện của Nguyễn Hiền, một người cầm bút hiện sống tại Hòa lan. Trên số này, Văn Học giới thiệu hai cây bút mới khác: Nguyễn Quí Đức và Thơ Thơ. Bạn đọc Văn Học biết đến Nguyễn Quí Đức, tác giả *Where the Ashes Are*, qua loạt bài điểm sách của Thạch Hãn trên các số 99,100 và 101; còn Thơ Thơ là cháu ngoại của nhà văn Hoàng Đạo. Ngoài ra còn có các truyện ngắn của những nhà văn đã quen thuộc với bạn đọc như Hoàng Nga, Nguyễn Ý Thuần, Phùng Nguyễn, Trần Mộng Tú, Trần Vĩnh Phố.

Phần thơ, Văn Học trân trọng giới thiệu bài thơ dài của nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật, hiện định cư tại Na Uy, cùng sáng tác mới của các nhà thơ Huỳnh Mạnh Tiên, Hoàng Phủ Cương, Phan Minh Khánh, Triều Hoa Đại, Đỗ Thị Kênh G., Nguyễn Phan Thịnh.

Trân trọng chúc bạn đọc một mùa hè rộn rã, và mong rằng trong hành lý của các bạn trên đường nghỉ hè, luôn luôn có Văn Học.

VănHọc

Bạch-thoại Trong Thơ Hiện-đại Trung-hoa

Tạ-quốc-Tuấn

Một trong những thành-quả của cuộc Ngũ-Tứ Vận-động (4.5.1919) ở bên Trung-quốc là đưa được bạch-thoại, tức là khẩu-ngữ thường-nhật của người Trung-hoa được viết thành chữ, vào trong thi-ca Trung-hoa để thay-thế văn-ngôn, hay ngôn-ngữ viết, được dùng từ mấy ngàn năm qua trong văn-chương.

I. Lý-do sử-dụng bạch-thoại thay-thế văn-ngôn

Trong bài "Thơ Mới Trung-hoa" chúng tôi đã nói tới động-lực chính của việc sử-dụng bạch-thoại trong thơ mới Trung-hoa. Đó là nhu-cầu canh-tân quốc-gia về mọi phương-diện, kể cả về văn-học. Để có thể thực-hiện mục-đích này, giới trí-thức Trung-hoa nhận thấy là phải thay-đổi quyết-liệt về ngôn-ngữ, một phương-tiện khẩn-yếu trong công cuộc khơi-động sự quan-tâm của quần-chúng đến các vấn-đề chính-trị, kinh-tế, quân-sự, xã-hội, v.v...

Thực vậy, trong khi dịch sang Hoa-ngữ các tài-liệu Âu-Mỹ về triết-học, chính-trị, khoa-học, xã-hội, văn-chương..., các dịch-giả nhận thấy văn-ngôn quá xa ngôn-ngữ thường-nhật và quá cứng-nhắc không thích-hợp cho việc truyền-bá các tư-tưởng mới một cách đầy-đủ. Do đó họ thấy cần phải có một khí-cụ dễ sử-dụng hơn và thích-hợp hơn để dùng vào việc phiên-dịch. Khí-cụ đó chính là bạch-thoại.

Chúng ta có thể nói rằng Khang-hữu-Vi (1858-1927) và Lương-khải-Siêu (1873-1929), hai học-giả lãnh-đạo cuộc Duy-tân Vận-động (1889-1898), là những người đầu-tiên mở đầu cho việc sử-dụng bạch-thoại thay văn-ngôn. Để có thể truyền-bá tư-tưởng, học-thuật tới quần-chúng một cách dễ-dàng hơn, hai ông đã sửa đổi lại văn-ngôn thành một ngữ-ngôn có ngữ-pháp uyển-chuyển hơn, ngõ hầu có thể diễn-tả những tư-tưởng, học-thuật Tây-phương, cùng là thêm những từ-ngữ, thuật-ngữ Tây-

phương vào kho-tàng ngôn-ngữ Trung-hoa.

Trong địa-hạt thi-ca, Tô-mạn-Thù (1884-1918) là người đầu tiên đã dùng bạch-thoại, không phải là để làm thơ mà là để dịch các thi-phẩm thuộc trường-phái lãng-mạn Anh. Điểm đặc-biệt là tuy dùng bạch-thoại thay vì văn-ngôn, Tô-mạn-Thù lại chọn hình-thức thơ cổ-điển Trung-hoa cho các bài thơ dịch của mình. Cần nói thêm là chính những bài thơ dịch này đã khiến cho nhiều thi-sĩ trẻ tuổi Trung-hoa thích-thú chủ-nghĩa lãng-mạn Tây-phương nói riêng và văn-học Âu-Mỹ nói chung.

Dù sao chúng ta cũng phải chờ tới cuộc Ngũ-Tứ Vận-động mới thấy nhiều người dùng bạch-thoại trong văn-chương và nhất là trong thi-ca. Ngày 18.1.1915, Hoàng Nguyên-dũng đưa ra đề-nghị dùng bạch-thoại trong văn-chương. Đề-nghị này được giới trí-thức trong cũng như ngoài nước tán-thành. Vì thế, mùa hè năm 1915, Hồ-Thích (1891-1962), khi đó đang du-học tại Hoa-kỳ, đã đem đề-nghị của họ Hoàng ra thảo-luận với một số bạn-bè ở Nữu-ước, Hoa-kỳ. Sau đó, trong một bức thư được Thanh-niên Tạp-chí(1) đăng trong số ra ngày 1.10.1915, Hồ-Thích đề-nghị làm một cuộc cách-mệnh văn-nghệ ở Trung-quốc. Đề-nghị này sau lại được Hồ-Thích trình-bày thêm qua một bài báo khác đăng trong báo Tân Thanh-niên(2) số ra ngày 1.1.1917. Mặt khác, Trần Độc-tú (1879-1942) cũng viết một bài luận về cách-mệnh văn-nghệ đăng trong báo Tân Thanh-niên số ra ngày 1.2.1917. Sau hết, bắt đầu từ ngày 15.1.1918 báo Tân Thanh-niên khởi đăng các bài toàn viết bằng bạch-thoại. Kể từ đó, nhất là sau cuộc Ngũ-Tứ Vận-động, báo-chí mọc lên như nấm. Tất cả đều đáp-ứng các lời kêu gọi cải-cách văn-nghệ và dùng bạch-thoại làm chuyển-ngữ.

Sở-dĩ bạch-thoại đã được dùng thay-thế văn-ngôn là vì văn-ngôn là loại ngôn-ngữ văn-chương và dùng để viết chứ không phải để nói chuyện hàng ngày. Văn-ngôn quá súc-tích, cô-đọng, nên không phải bất cứ người nào cũng có thể hiểu được. Người đọc một tài-liệu viết bằng văn-ngôn cần phải có một vốn kiến-thức sung-túc và một sở-học phong-phú mới có thể thấu-hiểu được.

Chúng ta hãy xem bài thơ viết bằng văn-ngôn dưới đây của Lý Thương-ẩn (813-858) làm thí-dụ:

Ký Lệnh-hồ Lang-trung
Tung vân Tần thụ cửu ly cư,
Song lý diêu-diêu nhất chỉ thư.
Hưu vấn Lương-viên cựu tân-khách,
Mậu-lăng thu vũ bệnh Tương-như.

Gửi Lệnh-hồ Lang-trung
Cây Tần, mây núi cách vời,

Xa-xôi nhờ cả đưa người tờ thư.
Thôi đừng hỏi đến khách xưa,
Mậu-lăng mưa đổ, Tương-như bệnh nhiều.
Trần-trọng-San dịch

Một người có trình-độ học-vấn hay hiểu biết tầm-thường không thể hiểu bài thơ này được. Bài thơ mang nhiều từ, nhiều điển đòi hỏi người nghe hay đọc có học-vấn cao. Thực vậy, phải là người có học mới hiểu được từ "lang-trung" chỉ chức quan tứ-phẩm phục-vụ trong các bộ hay viện; "Tung" là tên một ngọn núi ở tỉnh Hà-nam; "Tần" vốn là tên một nước phụ-dung thời Chiến-quốc (476-221 TCN) và nay là tỉnh Thiểm-tây và một phần tỉnh Cam-túc; "Lương-viên" là tên đất (thuộc huyện Khai-phong, tỉnh Hà-nam ngày nay), nơi Lương Hiếu-vương đời Hán (206 TCN - 221 SCN) thường du-ngoạn; "Mậu-lăng" chỉ vùng đất (nay thuộc huyện Đông-bình, tỉnh Thiểm-tây), nơi đại thi-sĩ đời Hán là Tư-mã Tương-như (179-117 TCN) về dưỡng bệnh. Lại nữa, từ "song lý" ngụ ý chỉ thư-tín, lấy trong một bài cổ-thi đời Hán, có câu: "Khách tùng viễn-phương lai, di ngã song lý-ngư/Hô đồng phanh lý-ngư, trung hữu xích tố-thư" (Khách từ phương đông tới, tặng ta đôi cá gáy/Gọi con mổ cá gáy, thấy bên trong có tờ thư lụa).

Ngược lại, bạch-thoại là loại văn nói của người Trung-hoa mà bất cứ người nào, dù là một nhà trí-thức hay một bác nông-phu, một chú phu xe, cũng đều sử-dụng hàng ngày. Do đó thơ bạch-thoại (bạch-thoại thi) chính là lời nói chuyện dưới hình-thức văn vần, đọc lên nghe như có tác-giả ở bên mình nói chuyện. Vì thơ bạch-thoại giản-dị nên một người chỉ có một chút học-vấn sơ-đẳng cũng có thể hiểu được một cách dễ-dàng. Bài thơ sau đây của Hồ-Thích là một thí-dụ điển-hình:

Nhất tiếu
Thập kỷ niên tiền,
Nhất cá nhân dữ ngã tiếu liễu nhất tiếu.
Ngã đương-thời bất dổng đắc thậm-ma,
Chỉ giác đắc tha tiếu đích ngận hảo.
Na cá nhân bất tri hậu-lai chẩm-dạng liễu,
Chỉ thị tha na nhất tiếu hoàn tại:
Ngã bất dản vong bất liễu tha,
Hoàn giác đắc tha việt cửu việt khả-ái.
Ngã tá tha tố liễu hứa-đa tình-thi,
Ngã thế tha tưởng xuất chủng chủng cảnh-địa:
Hữu đích nhân độc liễu thương-tâm,
Hữu đích nhân độc liễu hoan-hỉ.
Hoan-hỉ dã bãi thương-tâm dã bãi,

Kỳ thực chỉ thị na nhất tiếu.
Ngã chí kim hoàn bất tăng tầm trước na tiếu đích nhân,
Đản ngã ngận cảm-tạ tha tiếu đích chân hảo.
Một nụ cười
Cách đây hơn mười năm,
Có một người đã cười với tôi một tiếng.
Lúc đó tôi không hiểu tại sao,
Chỉ cảm thấy ông ta cười rất hay.
Không hiểu người đó về sau đã ra sao,
Chỉ biết là cái cười của ông ta vẫn còn;
Chẳng những không thể quên ông ta được,
Mà tôi còn cảm thấy cái cười càng lâu càng khả-ái.
Tôi đã làm nhiều bài thơ tình về nụ cười,
Tôi đã đặt ra nhiều loại khung-cảnh về nó:
Có người đọc xong thấy thương-tâm,
Có người đọc xong thấy hoan-hỉ.
Hoan-hỉ cũng vậy mà thương-tâm cũng vậy,
Kỳ thực đó chỉ là một nụ cười thôi.
Cho tới nay tôi vẫn chưa tìm thấy con người cười đó,
Nhưng tôi rất cảm-tạ ông ta có cái cười thật tốt.

Toàn bài thơ không mang một từ khó hiểu hay một điển-cố nào đòi hỏi người nghe phải có một trình-độ học-vấn cao. Ngay cả một người mù chữ nếu nghe đọc bài thơ này thì cũng sẽ thấu-hiểu bài thơ một cách dễ-dàng.

II. Khác-biệt giữa văn-ngôn và bạch-thoại trong lãnh-vực thi-ca

Văn-ngôn không phải là một thứ ngôn-ngữ giả-tạo hay nhân-tạo. Từ thế-kỷ thứ 6 TCN nó đã là hình-thức viết của tất cả các thổ-ngữ của Trung-quốc. Đó là một thứ ngôn-ngữ phong-phú và quảng-phiếm, một thứ ngôn-ngữ, theo lời nhà Hoa-ngữ-học quốc-tế Bernhard Karlgren, "ở Đông- Á đã đóng một vai trò có thể so-sánh với tiếng La-tinh và Hy-lạp ở Âu- châu"(3). Văn-ngôn còn được tiếp-tục dùng trong các văn-kiện công của chính-phủ, các bản tin thông-tấn, các thư-từ thương-mại và cá-nhân, v.v..., rất lâu sau khi bạch-thoại được chính-thức coi là "quốc-ngữ" của Trung-hoa năm 1921.

Tuy nhiên, văn-ngôn lại quá xa ngôn-ngữ thường-nhật, quá cứng-rắn, súc-tích, quá cô-đọng. Vì vậy, nó không theo kịp đà tiến-triển của xã- hội Trung-hoa. Mặt khác, rất ít người có thể hiểu rõ được một bài văn hay một bài thơ viết bằng văn-ngôn nếu họ ít học. Trái lại, bạch-thoại thì đơn-giản, trực-tiếp, và sáng-sủa. Nó là phương-tiện tốt nhất để truyền-

bá tư-tưởng, học-thuật, tin-túc, v.v..., không mấy khó-khăn vì nó dễ đi sâu vào quần-chúng, nhất là quần-chúng ít học. Vì lẽ này, từ cuối thế-kỷ thứ 19 văn-ngôn đã dần-dần bị bạch-thoại thay-thế trong mọi địa-hạt, mọi hoạt-động của quốc-gia.

A. Đặc-điểm tổng-quát của bạch-thoại

Đứng về phương-diện từ-pháp, một từ bạch-thoại không khác gì một từ văn-ngôn, về hình-thức viết cũng như về nghĩa. Nếu có khác là ở chỗ một từ bạch-thoại thường được dùng với một phụ-từ ở đằng sau, như "tử" (nghĩa đen: con; con trai; người), "nhi" (nghĩa đen: con; trẻ con) "đầu" (nghĩa đen: cái đầu; người đứng đầu; bực cao nhất), v.v... Chẳng hạn trong văn-ngôn người ta viết là trác (cái bàn), kỷ (cái ghế), bôi (cái cốc, cái ly), tiễn (cái kéo), hoạt (việc làm; sự sống; sinh-kế), tiêm (đầu; mũi nhọn; vật dùng có đầu mũi nhọn; chỗ nghỉ để ăn cơm khi đi đường), bồn (cái chậu), họa (bức tranh), thạch (đá), mộc (cây), chỉ (ngón tay), thiệt (cái lưỡi), thì trong bạch-thoại người ta lại nói: trác-tử, ỷ-tử, bôi-tử, tiễn-tử, hoạt-nhi, tiêm-nhi, bồn-nhi, họa-nhi, thạch-đầu, mộc-đầu, chỉ-đầu, thiệt-đầu, v.v... Các phụ-từ này người Trung-hoa gọi là "từ-vĩ" vì nó bao giờ cũng đi sau danh-từ như một cái đuôi (vĩ) và bao giờ cũng dính liền với danh-từ đó để làm thành một từ kép.

Ngoài ra, khi nói về số-lượng các danh-từ bạch-thoại còn thường được dùng với một lượng-từ như: cá (cái), chi (ngành, nhánh), bản (gốc; tờ; tập), lượng (số xe), điều (nhánh nhỏ; đoạn, khúc), hồi (cơn; lúc), đính (đầu, chóp), vị (ngôi thứ; chỗ ở), bả (nắm, bó). Thí-dụ: nhất cá nguyệt (một tháng), nhị chi mao bút (hai cái bút lông), tam điều hà (ba con sông), tứ bản thư (bốn quyển sách), ngũ lượng khí-xa (năm chiếc xe hơi), lục hồi y-dược kiểm-nghiệm (sáu lần khám sức khỏe), thất đính mạo-tử (bảy cái mũ), bát tọa thành (tám cái thành), cửu vị thực-khách (chín vị khách ăn), thập bả ỷ-tử (mười cái ghế). Các lượng-từ này chỉ dùng khi dùng với tiếng chỉ số-lượng. Khác với các phụ-từ nói ở đoạn bên trên, lượng-từ và danh-từ đi kèm sau không phải là một từ kép vì ta có thể bỏ lượng-từ mà câu vẫn không bị mất nghĩa hay thiếu nghĩa. Về phương-diện văn-pháp và cú-pháp chúng ta thấy bạch-thoại dùng các khuôn-mẫu văn-pháp và cấu-trúc cú-pháp Tây-phương rất nhiều cũng như là chấm câu theo kiểu Tây-phương. Ảnh-hưởng của các ngôn-ngữ Tây-phương lớn đến độ chúng ta có thể nói được là bạch-thoại đã bị Âu-hóa.

B. Các khác-biệt trong lãnh-vực thi-ca

Trên đây là đặc-điểm tổng-quát của bạch-thoại so với văn-ngôn. Trong lãnh-vực thi-ca, sự khác-biệt giữa văn-ngôn và bạch-thoại còn rõ

hơn nữa.

1. Việc dùng nhân-xưng đại-danh-từ

Đại đa-số các bài thơ văn-ngôn không dùng nhân-xưng đại-danh-từ một cách trực-tiếp. Việc này khiến cho bài thơ có tình-cách vô-ngã, phi cá-nhân, bởi vì nếu được dùng, nhân-xưng đại-danh-từ sẽ xác-định nhân-vật ngay. Bài thơ Trúc-lý Quán của Vương-Duy (699-761) là một thí-dụ.

Trúc-lý quán

Độc tọa u hoàng lý,
Đàn cầm phục trường khiếu.
Thâm-lâm nhân bất tri,
Minh-nguyệt lai tương chiếu.

Quán Trúc-lý

Một mình trong khóm trúc,
Gẩy đàn rồi hát chơi.
Rừng sâu không kẻ biết,
Trăng sáng chiếu lên người.
Trần-trọng-San dịch

Mặc dù bài thơ này diễn-tả một kinh-nghiệm cá-nhân nhưng không có một nhân-xưng đại-danh-từ nào được dùng, kể cả tiếng chỉ ngôi thứ nhất (ngã hay ngô), tức thi-sĩ Vương-Duy.

Về phần thơ bạch-thoại, do ảnh-hưởng của văn-pháp Tây-phương, nhân-xưng đại-danh-từ đã được dùng rất nhiều và một cách rất tự-do. Thí-dụ trong bài thơ Ma-ma nữ thi-sĩ Huỳnh-Hồng (s. 1940) đã dùng 9 lần nhân-xưng đại-danh-từ ngôi thứ nhất "ngã" (tôi, con...) và 11 lần nhân-xưng đại-danh-từ ngôi thứ hai "nễ" (anh, cô, bà, ông, mẹ...).

Ma-ma

Đương ngã nhận-thức nễ, ngã thập tuế,
Nễ tam thập ngũ.
Nễ thị đoàn-đoàn liệm đích ma-ma.
Nễ đích ái thị mãn-mãn đích nhất bàn tẩy-táo thủy,
Noãn-noãn đích, cơ-hồ bả ngã phù khởi lai.
Đản thị hữu nhất độ
Nễ bả từ-ái Quan liễu, hựu toàn khẩn.
Đã-hứa nễ tưởng, hài-tử trưởng-đại liễu, bất-tất tái ái,
Đã-hứa, căn-bản một hữu tai-nạn,
Đã-hứa ma-ma vô tâm đích sai-thác
Thị ngã đích tối tai-nạn.
Đẳng ngã bả bệnh bệnh hảo,
Ngã tam thập ngũ,
Nễ cương hảo lục thập.

Hựu khán dáo nễ, đoàn-đoàn liệm đích ma-ma.
Hảo tượng nhất thế, chỉ thị lưỡng chiếu diện:
Nễ tại nhất đoan cấp,
Ngã tại nhất đoan thủ.
Giá hồi nễ thị tuyền lưu, ngã thị trì-đường,
Nễ thị lạc lệ đích tuyền lưu,
Ngã thị u-tịnh đích trì-đường.

Mẹ

Lúc con nhận biết mẹ, con mới lên mười,
Còn mẹ ba mươi lăm.
Mẹ là người mặt bầu-bầu.
Tình thương của mẹ đầy như thùng nước tắm,
Âm-ấm, cơ-hồ làm con nổi lên.
Nhưng cũng có khi Mẹ đem lòng từ-ái
Khép cửa, rồi thắt-chặt lại.
Có lẽ mẹ tưởng con đã lớn bất-tất phải yêu nữa,
Có lẽ vì lý-do không có họa,
Có lẽ mẹ đã vô-tình sai-lầm,
Đó chính là họa lớn nhất của con.
Chờ đến khi con hết đau-thương,
Con ba mươi lăm tuổi,
Mẹ cũng đã sáu mươi.
Lại nhận được mẹ, mẹ có mặt bầu-bầu.
Dường như đời chỉ là chiếc gương hai mặt:
Mẹ ở một bên mặt cho,
Con ở một bên mặt nhận.
Lần này mẹ là giòng suối, con là ao-chuôm,
Mẹ là giòng suối của lệ tuôn rơi,
Còn con là ao-chuôm u-tịnh.

2. *Cách diễn-tả thời-gian hay thể-cách của hành-động hay trạng-thái*

Không như ngôn-ngữ của nhiều nước khác vốn có những hình-thức riêng của động-từ để diễn-tả các thời (hiện-tại, quá-khứ, tương-lai) và các thể (xác-định, mệnh-lệnh, giả-thiết, điều-kiện), các động-từ Hoa-ngữ không thay-đổi về hình-thức khi cần diễn-tả các thời, các thể. Bài thơ sau của Lý-Bạch (701-762) xác-nhận điều đó.

Tống hữu-nhân

Thanh sơn hoành Bắc quách,
Bạch thủy nhiễu Đông thành.
Thử địa nhất vi biệt,

Cô bồng vạn lý chinh.
Phù-vân du-tử ý,
Lạc-nhật cố-nhân tình.
Huy thủ tự tư khứ,
Tiêu-tiêu ban-mã minh.

Tiễn bạn

Ngang cõi Bắc non xanh dựng ngược,
Quanh thành Đông mạch nước trắng phau.
Chốn này một tiễn đưa nhau,
Cánh bồng vạn dặm bắt đầu gió đưa.
Lòng du-tử lửng-lơ mây nổi,
Tình cố-nhân mòn-mỏi tà-huy.
Vẫy tay thôi nhé người đi,
Tiếng con ban-mã sao nghe đượm buồn.

Nguyễn-đức-Hiển dịch

Việc động-từ Hoa-ngữ không có hình-thức chỉ thời hay thể rất có ý-nghĩa. Cái mà ngôn-ngữ của nước khác gọi là thời hay thể vốn là một phương-tiện để qui-định hay xác-định thời-gian, hoàn-cảnh, điều-kiện của một trạng-thái hay hành-động nào đó. Nói cách khác, quan-niệm về thời-gian hay thể-cách là do con người đặt ra. Trái lại, động-từ Hoa-ngữ phát-xuất từ thiên-nhiên mà thiên-nhiên lại vô thời-gian, vô thể-cách; vì vậy động-từ Hoa-ngữ cũng mang hai đặc-tính vô thời-gian và vô thể-cách này.

Tuy nhiên đôi khi một từ được thêm vào trước một động-từ để qui-định một thời-gian hay thể-cách cho rõ hơn.

Để chỉ hành-động đang tiến tới, tức là sắp xảy ra trong tương-lai rất gần, người ta dùng một trong các từ sau: tương (sắp, sẽ), thả (sắp), tức (ngay), đãi (gần, ngay), cơ (hầu như, gần như). Chỉ hành-động đã hoàn-tất, tức đã xảy ra trong quá-khứ, thì có các từ: dĩ (thôi, đã qua), ký (đã, đã xong), cánh (trọn, xong, hết), tằng (đã, rồi), kinh (trải qua, qua), tằng-kinh (đã qua, qua rồi), dĩ-kinh (đã qua rồi), nghiệp-dĩ (đã, rồi), thường (từng-trải), thích (vừa rồi), phương (vừa rồi), tài (vừa, vừa chỉ). Mặt khác, để chỉ nguyên-nhân, người ta có thể dùng từ: nhân (cớ, nguyên-do, bởi vì), dĩ (bởi vì, nhân vì, do), dĩ ... cố (vì vậy, cho nên), cái (bởi vì), vị (vì, bởi). Muốn diễn-tả kết-quả hay hậu-quả, một trong các từ sau thường được dùng: tức (vậy thì), toại (thành-công, rút cục), nãi (tuy nhiên), thủy (bắt đầu), phương (do đó), tư (thì, bèn), tắc (thì, thời), nhi (mà, như thế), cố (vì vậy, cho nên), dĩ (do đó), tiện (vậy thì, cho nên), thị cố (vì lý-do đó), thị-dĩ (vì thế cho nên), dĩ-trí (vì thế cho nên), do thị (vì vậy, vì thế), toại-tức (ngay lập-tức), ư thị (ở chỗ ấy, do đó), sở-dĩ (vì thế, vì vậy), sử

(khiến cho, làm cho), nhược (cho nên). Còn như muốn diễn-tả điều-kiện, người ta có thể dùng các từ sau: nhược (nếu, ví bằng), như (ví như), thảng (ví, như), cẩu (ví thực), thử (ví thử, nếu), như sử (nếu, nếu mà), thiết-hoặc (ví-dụ rằng), thiết-sử (giả-sử), hương-sử (nếu thực như vậy), giả-lệnh (giả-thiết, nếu), hướng-sử (nếu thực như thế), thiết-nhược (nếu).

Lại nữa, người ta còn có thể dùng các từ hay thành-ngữ chỉ thời-gian, điều-kiện, nguyên-nhân, kết-quả ... khác để xác-định thời hay thể của một hành-động hay trạng-thái, như diễn-tả trong bài thơ sau của Lưu Vũ-tích (772-842):

Ẩm tửu khán mẫu-đơn
Kim-nhật hoa tiền ẩm,
Cam-tâm túy sổ bôi.
Bất sầu hoa hữu ngữ,
Bất vị lão-nhân khai.
Uống rượu xem hoa mẫu-đơn
Hôm nay uống rượu trước hoa,
Say-sưa mấy chén gọi là mà thôi.
Hoa kia mà biết hé môi,
Sẽ rằng: "Đâu nở vì người già nua."
Trần-trọng-San dịch

Trong bài thơ này, từ "kim-nhật" (hôm nay) được dùng để xác-định thời-gian (hiện-tại) của một hành-động (ẩm = uống, uống rượu) và một trạng-thái (túy = say-sưa). Còn giả-thiết cách được suy-luận qua hai câu thơ 3 và 4.

Hoặc chúng ta hãy đọc bài thơ sau của Thôi-Hộ (? - 804):

Đề tích sở-kiến xứ
Khứ-niên kim-nhật thử môn trung,
Nhân-diện đào-hoa tương ánh hồng.
Nhân-diện bất tri hà xứ khứ?
Đào-hoa y cựu tiếu đông-phong.
Đề chỗ đã trông thấy năm trước
Cửa này, năm ngoái, hôm nay,
Hoa đào phản-chiếu mặt ai ửng đào.
Mặt người giờ ở nơi nao?
Hoa đào vẫn đó, cười chào gió đông.
Trần-trọng-San dịch

Hai từ "khứ-niên" (năm ngoái) và "kim-nhật" (hôm nay) chỉ-định thời-gian của hành-động "ánh" (phản-chiếu).

Hoặc là hai câu sau trong bài thơ "Xuân-giang hoa nguyệt-dạ" (Đêm trăng trên sông xuân) của Trương Nhược-hư (? - 711) cũng có dùng từ

chỉ thời-gian của hành-động, "tạc dạ" (đêm qua, đêm trước):

Tạc dạ nhàn đàm mộng lạc hoa,
Khả-lân xuân bán bất hoàn gia.
Đầm đêm trước, mơ màng hoa rụng,
Thương nửa xuân vắng bóng quê nhà.
Trần-trọng-San dịch.

Trong những trường-hợp này các từ thêm đó được dùng để chỉ-định thời-gian xác-định hầu tạo nên một tác-dụng đặc-biệt. Tuy nhiên, ngay cả trong các trường-hợp này, động-từ vẫn giữ nguyên hình-thức không thay-đổi như ở trong các ngôn-ngữ khác. Mặt khác, việc dùng thêm các từ phụ này thỉnh-thoảng mới có chứ không nhiều và không thường-xuyên. Còn về phần thơ bạch-thoại, mặc dù các động-từ vẫn mang ý-niệm vô thời-gian, các thi-sĩ hiện-đại thường dùng các từ phụ để chỉ thời-gian hay thể-cách nhiều hơn và thường-xuyên hơn các thi-sĩ cổ-điển. Các từ phụ họ hay dùng là: tăng, dĩ, dĩ-kinh, quá (để chỉ thời quá-khứ); liễu (để chỉ hành-động quá-khứ đã chấm-dứt); tương, hội (để chỉ thời tương-lai); trước hay trứ (để chỉ hành-động hay trạng-thái đang tiến-hành hoặc tiếp-diễn); cương, cương-tài (để chỉ hành-động hay trạng-thái vừa mới có).

Thí-dụ nữ thi-sĩ La-Anh (s. 1940) trong câu 1 và 2 của đoạn 2 bài "Hài-ngữ" (Lời trẻ con) đã dùng từ phụ "trước" (còn đọc là "trứ") như sau:

Na khỏa khốc-khấp đích thụ thượng
Kết trước hoang-mậu đích thu-thiên.
Trên cây khóc rấm-rứt đó
Một trời thu giả-dối đang kết trái

và hai câu 4 và 5 của đoạn 5 đã kết-thúc bài thơ với hai từ phụ "liễu" và một từ "dĩ-kinh":

Truyền-thuyết dĩ kinh tử liễu,
Thủy-thủ tử liễu.
Đồn rằng anh đã chết rồi,
Người thủy-thủ đã chết rồi.

3. Súc-tích đổi lại tản-mạn

Đặc-điểm của văn-ngôn là rất súc-tích, rất giản-lược, rất cô-đọng. Chỉ cần vài chữ thôi là đủ diễn-tả hết một ý. Vì thế thơ văn-ngôn hầu hết ngắn và gọn. Thí-dụ Đỗ-Phủ (712-770) đã mở đầu bài thơ Xuân Vọng bằng câu "Quốc phá, sơn-hà tại" (Nước bị tàn-phá nhưng giang-sơn vẫn còn) mà Trường-xuân Phạm-Liễu đã dịch sang thơ Việt-ngữ là "Nước nhà loạn lạc liên miên/Thế nhưng sông núi vẫn nguyên muôn đời" hay

Trần-trọng-San cũng dịch sang thơ Việt-ngữ là "Nước vỡ, còn trơ sông núi đây". Ở đây, chỉ với 5 chữ thi-sĩ đã đặt hai hình-ảnh tương-phản bên nhau để diễn-tả hai trạng-thái mâu-thuẫn, không cần phải dùng các liên-tiếp-từ để nối hai ý "quốc phá" và "sơn-hà tại" lại với nhau như trong nhiều ngôn-ngữ khác.

Nếu diễn-tả bằng bạch-thoại, chúng ta phải dùng đến 15 chữ (Quốc-gia dĩ-kinh phá-toái liễu, chi-thị sơn-hà y-nhiên như cố), hoặc 17 chữ (Quốc-gia tuy-nhiên bị phá-hủy liễu, đản-thị sơn-hà hoàn y-nhiên như cố), hay ít nhất cũng là 14 chữ (Quốc-gia tuy-nhiên bị phá-hủy liễu, khả-thị sơn-hà hoàn tại). Ngoài ra, trong cả ba trường-hợp này chúng ta còn phải dùng thêm các phụ từ "dĩ-kinh" và "liễu" để chỉ hành-động đã xảy ra và chấm dứt, "như cố" để chỉ sự so-sánh hay đối-chiếu, "bị" để chỉ trạng-thái thụ-động của động-từ "phá-hủy", "hoàn" để chỉ sự tương-phản của hai trạng-thái phá-hủy và tồn-tại, và các liên-tiếp-từ "tuy-nhiên", "chi-thị", "đản-thị" hay "khả-thị" mới có thể diễn-đạt hết ý của Đỗ-Phủ được.

Tuy nhiên, cũng vì quá súc-tích, quá giản-lược, nên nhiều khi một câu văn-ngôn có thể gây lúng-túng cho người đọc hay nghe vì không hiểu ý nào là chính ý của tác-giả, nhất là khi đó lại là câu thơ văn-ngôn viết không có dấu chấm câu.

Chẳng hạn câu thơ 3,

Thâm-lâm nhân bất tri

trong bài Trúc-lý Quán của Vương-Duy, đã trích-dẫn ở bên trên, không cho chúng ta hiểu ý của Vương-Duy muốn nói là "ở trong rừng sâu người ta không biết" (hiểu theo thứ-tự các chữ trong câu) hay "ở trong rừng sâu không ai biết" (hiểu theo cách dịch của Trần-trọng-San).

Một thí-dụ khác là hai câu thơ 5 và 6 trong bài "Tống hữu-nhân" của Lý-Bạch mà chúng ta đã đọc qua cũng mang nhiều nghĩa khác nhau. Câu thơ 5, *Phù-vân du-tử ý*, có thể hiểu là:

(a) Mây bay [chính] là tâm-tình kẻ lãng-du;
(b) Tâm-tình kẻ lãng-du [chính] là mây bay;
(c) Mây bay [tựa] như tâm-tình kẻ lãng-du; hay
(d) Tâm-tình kẻ lãng-du [tựa] như mây bay.

Câu thơ 6, *Lạc-nhật cố-nhân tình*, cũng vậy. Nó có thể hiểu là:

(a) Ngày tàn là mối tình của cố-nhân;
(b) Mối tình của cố-nhân [chính] là ngày tàn;
(c) Ngày tàn [tựa] như mối tình của cố-nhân; hay
(d) Mối tình của cố-nhân [tựa] như ngày tàn.

Trái với văn-ngôn vì tính-cách súc-tích của nó nên câu thơ bao giờ cũng ngắn và gọn, ít lời nhiều ý, bạch-thoại lại có tính-cách tản-mạn, dài

giòng, phải dùng nhiều lời mới diễn-tả được một ý. Tính-cách này là nhược-điểm của thơ bạch-thoại. Nó khiến người đọc bị chia trí nhiều, vì phải đọc hết một đoạn mới hiểu ý được diễn-tả.

Bài "Ngô hương ấn-tượng" của Ngô-Thịnh (s. 1944) dưới đây là một thí-dụ.

Ngô hương ấn-tượng
Cổ tảo cổ tảo đích cổ tảo đĩ tiền
Ngô hương đích nhân-môn
Khai-thủy dổng dắc hướng thượng ngưỡng-vọng
Ngô hương đích thiên-không
Tựu thị na nhất phó vô sở vị đích mô-dạng
Vô sở vị đích âm trước hoặc lam trước.
Cổ tảo cổ tảo đích cổ tảo đĩ tiền
Tự ngô hương tả trắc-miên diên nhi cận đích sơn-ảnh
Tựu thị nhất đại phúc
Âm-ấp đích bát-mặc họa
Khẩn-khẩn thiếp tại ngô hương nhân-môn đích liệm thượng.
Cổ tảo cổ tảo đích cổ tảo đĩ tiền
Thế thế đại đại đích tổ-công, tựu tại giá phiến
Trường bất xuất vinh hoa phú quí
Trường bất xuất kỳ-tích đích thổ-địa thượng
Huy-sái hàm-hàm đích hãn-thủy
Phiền-diễn vô nại đích tử-tôn.

Ấn-tượng về quê-hương tôi
Từ trước thời xa-xưa xa-xưa lắm
Những người dân làng tôi
Bắt đầu biết ngước lên ngắm
Bầu trời của làng,
Một mô-dạng không tên gọi,
Không thể bảo nó đen hay xanh.
Từ trước thời xa-xưa xa-xưa lắm
Bóng núi từ bên trái làng đổ nghiêng dài dằng-dặc
Tựa một bức tranh bát-mặc lớn
Màu sắc bẳn vung ra Dính chặt trên mặt dân làng.
Từ trước thời xa-xưa xa-xưa lắm
Tổ-tiên tôi đời-đời kiếp-kiếp,
Đổ tràn đầy mồ-hôi mằn-mặn trên mảnh đất
Không sinh ra những vinh-hoa phú-quí,
Không sinh ra những kỳ-tích trên mặt đất,
Để nuôi đàn con cháu sinh-nở nhiều không cách kìm lại.

Bài thơ này mang ba ý, mỗi ý phải hết một đoạn mới diễn-tả đủ được: đoạn thứ nhất phải dùng tới 47 chữ mới diễn-tả hết ý; đoạn thứ nhì 43 chữ, và đoạn thứ ba 50 chữ. Chúng ta không thể nào cắt ngang mỗi đoạn được.

4. *Ảnh-hưởng của ngoại-ngữ*

Trong khi văn-ngôn giữ được nguyên-vẹn các đặc-tính thuần-túy của Hoa-ngữ thì bạch-thoại, trái lại, đã bị Âu-hóa rất nhiều. Tuy từ-pháp căn-bản vẫn là Trung-hoa, nhưng chúng ta đã thấy xuất-hiện trong kho ngữ-vựng những từ ngoại-ngữ Hoa-hóa (nghĩa là ghi âm cách đọc các từ đó bằng Hoa-ngữ) cũng như những từ ngoại-ngữ được để nguyên không Hoa-hóa. Về văn-pháp, ảnh-hưởng của văn-pháp Tây-phương rất rõ. Khuôn-mẫu văn-pháp của nhiều ngôn-ngữ Âu-Mỹ đã được dùng làm căn-bản cho các câu viết hay nói bằng bạch-thoại. Ngoài ra, các dấu chấm câu cũng được dùng nhiều hơn trong các cấu-trúc bạch-thoại. Ngay cả cú-pháp của Tây-phương cũng được mang vào trong các câu bạch-thoại. Nếu chúng ta nghiên-cứu kỹ các bài thơ bạch-thoại dẫn trong bài này, hay trong bài "Thơ Mới Trung-hoa", chúng ta sẽ thấy rõ ảnh-hưởng của ngôn-ngữ Tây-phương, nhất là về văn-pháp và cú-pháp. Ở đây chúng tôi xin dẫn vài thí-dụ về việc dùng từ ngoại-ngữ trong thơ bạch-thoại.

Trong đoạn cuối của bài thơ Đệ Tứ Dạ (Đêm Thứ Tư), Đại-Hoang (s. 1931) đã dùng hai từ Nhật-ngữ, một được phiên-âm sang Hoa-ngữ là Mã-đạt (tức Mazda) và một từ để nguyên "kimono":

Thân thiên thủ hướng nễ, ác nễ mỗi quán hôi-sắc đích ca-thanh,
Dương chu thức hội-xã đích
Mã-đạt niễn toái nễ tiêm-nhược đích linh-hồn,
Nễ tựu nhưng kimono ư Thần-hộ khảng-táng đích cảng-khẩu,
Ngã tương cát nhất trượng hồ-tì hoán tửu
Huề nễ nhập sơn, phần nhất thiên thi
Dụng cung tiễn dạn hoang-vu ngận cửu ngận cửu đích mục-ca.

(Anh giơ ngàn cánh tay về phía em, nắm lấy mỗi chuỗi tiếng hát xám tro của em,
Đang lúc xe Mazda của công-ty to-xù như gốc cây cán nát linh-hồn em nhỏ bé.
Giá em liệng chiếc áo kimono xuống cửa biển Thần-hộ nhơ-bẩn,
Anh sẽ cắt ngay chòm râu dài một trượng đổi lấy rượu,
Dắt tay em vào núi, đốt cháy quyển thơ,
Dùng cung tên bắn những bài mục-ca hoang-vu rất lâu rồi.

Hoặc như Dương-Mục (s. 1940) trong bài Tương Tiến Tửu Tứ Thủ, nơi đoạn hai của bài thứ tư (nhan-đề Tín Thiên Ông Dạ-Tứ) đã dùng

nguyên một câu tiếng Nhật:

Thị-giả vô thanh địa đoan thượng nhất bình lãnh khước đích bạch tửu,
"Ninomiya Yoshie desu!"
(Cô hầu bàn lặng-lẽ bưng đến bình rượu trắng đã nguội lạnh,
"Tôi tên là Nhị-Cung Hảo-Giang."

Lại trong đoạn hai một bài khác, Cấm Kỵ Đích Du-Hí 3, thi-sĩ đã phiên-âm sang Hoa-ngữ hai từ Granada (tên nước) là "Cách-luân-na-đạt" và Michael (tên người) là "Mạch-kha".

Tuy-nhiên giá tịnh bất biểu-thị tha như thử niên-khinh
Tựu đĩ-kinh liễu-giải tôn-giáo đích Cách-luân-na-đạt.
A Thánh Mạch-kha, thỉnh nễ thu-lưu
Nhất cá thiện-lương hảo-kỳ đích nữ-hài Đái tha trưởng-đại.
(Dù đây không phải là dấu hiệu cho thấy cô ta trẻ như vậy
Lại có thể hiểu rõ tinh-thần sùng-đạo của xứ Granada.
Hỡi Thánh Michael, xin ngài hãy lưu-giữ
Người con gái thiện-lương kỳ-lạ này Nuôi cho cô lớn khôn.)

Hoặc như thi-sĩ La-Thanh trong đoạn ba bài *Mao-Lư Tiểu Tướng-Quân* đã vừa giữ nguyên một từ ngoại-ngữ lại vừa phiên-âm sang Hoa-ngữ một từ ngoại-ngữ khác:

Chỉ liễu chỉ ngã đích chiếu-tướng-cơ thuyết:
"Picture, picture, Nhất cá lu-tỉ, nhất cá lu-tỉ"
(Nó lấy tay chỉ vào chiếc máy ảnh của tôi, nói:
"Picture, picture, Một rupee, một rupee.")

"Lu-tỉ" là âm Hoa-ngữ của từ Ấn-ngữ "rupee", đơn-vị tiền căn-bản của Ấn-độ.

Đấy là chưa kể có nhiều thi-sĩ đã đặt nhan-đề cho bài thơ của mình bằng ngoại-ngữ thay vì Hoa-ngữ mặc dù bài thơ toàn bằng Hoa-ngữ. Thí-dụ Trần Tuệ-Hoa (s. 1943) có hai bài thơ mang nhan-đề bằng ngoại-ngữ, một là *Irony of Fate* và một là *Irony of Love*, hay nhan-đề một bài thơ của Tống Hậu-dĩnh (s. 1942) là *Show*. Cũng có khi nhan-đề lại dùng cả từ ngoại-ngữ lẫn từ Hoa-ngữ như bài thơ *Pygmalion Đích Độc-ngữ* của Đỗ Quốc-thanh (s. 1941).

III. Kết-luận

Trên đây là những nét đặc-trưng của bạch-thoại dùng trong thơ mới Trung-hoa mà chúng ta thấy nhiều trong các thi-phẩm được sáng-tác từ cuối thế-kỷ thứ 19 và nhất là từ sau cuộc Ngũ-Tứ Vận-động. Tuy nhiên, với thời-gian, các thi-sĩ ở các thế-hệ hậu-sinh đã dần-dần làm những cuộc thay-đổi với mục-đích cải-thiện bạch-thoại trong lãnh-vực thi-ca. Họ bỏ dần các liên-tiếp-từ, dùng dấu chấm câu bên trong một câu, ở chỗ

Ngải thơ
HUỲNH MẠNH TIÊN

Năm ngón tay bâu đầu lỗ đỏ
Chuồn chuồn cắn rún đọ xanh sông
Phập phồng lưỡi trống môi cơm rượu
Núm nanh chồn hương võng mới thơ đong

Làm thơ phải biết thả tàu
Bút sốt chữ rên trang cạo gió
Lằn đen lằn đỏ thớ thơ đau
- Cù lao Bắc cực rùa dài cổ
Thả tàu thơ nhịp đứng. Nghìn sau.

hết một ý chính, nhiều hơn ở cuối một câu. Mục-đích của họ là tránh cái nạn ý tản-mạn trong thơ hầu giúp các độc-giả hay thính-giả có thể tập-trung vào thơ nhiều hơn. Nói cách khác, họ cố trau-giồi bạch-thoại bằng cách đưa vào thơ nhiều cấu-trúc cổ-điển để cho câu thơ được gọn hơn và rõ hơn.❐

CHÚ-THÍCH

(1) Báo này là một nguyệt-san tả-phái, do Trần Độc-Tú thành-lập ở Thượng-hải ngày 15.9.1915. (Trần Độc-tú là một nhà cách-mạng, sau là một trong những người sàng-lập đảng Cộng-sản Trung-quốc vào tháng 5 năm 1920 và được bầu làm bí-thư đầu tiên của đảng).

(2) Sau khi ra được 6 số (số này ra ngày 15.2.1916) *Thanh-niên Tạp-chí* phải tự đình-bản trong sáu tháng "vì nhiều yếu-tố" (*Tân Thanh-niên*, bộ II, số 1, ngày 1.9.1916, tr. 1). Ngày 1.9.1916, báo ra lại và mang tên mới là *Tân Thanh-niên*.

(3) Bernhard Karlgren, *Sound and Symbol in Chinese*, Hongkong University Press, Hongkong, tái-bản năm 1962, tr. 1.

Vào khuya

HOÀNG PHỦ CƯƠNG

bữa tiệc da căng mặt
trống bùng đêm lửa cháy ngươi mòn
khua chung ngàn chập choạng lời yên
trao nghỉ

đường lên kia dõi giấc xa mường
tượng tựa phong linh mong đọng lạc
ươm cây vừa quên niềm đất

hơi mây còn khép
nếp vào hâm hấp chín thôi thèm
cắn vào răng
đầu lưỡi buốt mai kia ai hỏi gió thay
mùa

màng xuân nhựa chảy tràn lưng nước vỗ
lưng vòm ánh mun nào
khuya mùa ban-mê sứ dại
từ ly biệt thoáng màu trăng
chảy vãi vung gom lại làm tin góp
thật sao tay hứng mưa đồng
lạnh đò không chờ buổi quá giang

ai gọi giữa đêm mình tỉnh
dậy tiếng tù
và động giấc cầm canh lòng trống.

Người Đàn Bà Tóc Trắng của Nguyễn Quang Thiều Một tác giả, hai truyện ngắn, hai văn phong

Mai Kim Ngọc

Để độc giả tiện theo dõi ý kiến của Mai Kim Ngọc về hai truyện ngắn được bàn đến trong bài viết, Văn Học đăng lại nguyên văn hai truyện ngắn " Người Đàn Bà Tóc Trắng" và "Bầy Chim Chìa Vôi"của Nguyễn Quang Thiều, trích trong tập *Người Đàn Bà Tóc Trắng*, Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn, 1993

Người Đàn Bà Tóc Trắng

Nguyễn Quang Thiều

Lần đầu tiên trong đời tôi đi đưa một đám ma rất dài nhưng không hề có một tiếng khóc. Chỉ có tiếng kèn bát âm réo rắt buồn thảm tựa tiếng khóc của con người thuở chưa có ngôn ngữ như bây giờ. Đám ma cũng không có điếu văn. Trong làng có một người chuyên viết điếu văn cho các cụ già khi về cõi tiên. Thế mà khi bà Nhim chết, người viết điếu văn đành chịu bó tay. Chôn cất bà Nhim xong, tôi từ ngoài đồng trở về tạt qua ngôi nhà của người quá cố. Tôi đứng lặng hồi lâu nhìn ngôi nhà. Thuở còn là học trò trường làng, tôi và lũ bạn học thường lẻn vào vườn nhà bà Nhim ăn trộm ổi chín. Ngôi nhà lúc nào cũng thâm u như

chùa. Sân gạch rộng thênh thang lác đác lá ổi, lá mít, lá bưởi rụng. Chiếc giếng khơi không biết đào từ thuở nào, nước bốn mùa trong như mắt mèo và lạnh nhức tay. Suốt cuộc đời bà Nhim sống ở đó. Hầu như chẳng mấy khi bà ra khỏi ngôi nhà ấy. Bà là người đàn bà góa chồng từ năm mười bốn tuổi. Gia đình chồng bà giàu lắm. Bây giờ nhìn nhà cửa, vườn tược còn lại người ta đều dễ dàng nhận thấy điều đó. Cả gia đình nhà chồng bà người nào cũng xanh bợt như da nhái bén. Sau khi chồng bà chết, những người trong gia đình chồng bà cũng lần lượt mất theo. Cũng từ ngày ấy tóc bà đổ trắng cho đến lúc bà tạ thế ở tuổi tám mươi lăm. Tóc của bà lạ lắm, trong và cứng như cước câu. Suốt đời bà Nhim không làm ruộng. Bà bán chuối, mít, ổi, đu đủ chín trong khu vườn rộng của mình mà sống cho hết đời. Ngoài ra bà là người duy nhất trong vùng biết làm thuốc cao để bán. Bà đựng cao trong một cái hũ sành mà người ta thường dùng đựng mắm tôm. Hễ trong làng trẻ con bị sưng nhọt, lên quai bị hay nổi hạch đều dùng cao của bà. Người bệnh dán cao và chỉ sau một đêm mủ ở nhọt được hút sạch vào cao. Bà quết cao vào miếng lá mít được cắt tròn nhỏ như đồng năm xu. Bởi vậy người ta gọi thuốc cao của bà là cao mít. Khách hàng của bà đông lắm. Thậm chí ở cả những vùng quê rất xa. Ngay cả khi trạm xá xã được thành lập với nhiều loại thuốc đông tây y thì thuốc cao của bà vẫn bán chạy như tôm tươi. Bà cứ thế sống một mình không cần ai giúp đỡ. Người làng tôi đồn đại biết bao nhiêu chuyện về bà đến nỗi chúng tôi đôi khi cảm thấy bà như một mụ phù thủy trong truyện cổ.

Năm bà ngoài sáu mươi thì có một người nữa đến với bà. Đó là một cô bé ăn mày. Nó gõ cửa nhà bà một chiều đông rét mướt để xin ăn. Bà nhìn nó bằng đôi mắt trong và lạnh như nước giếng khơi trong vườn.

"Bố mẹ mày đâu mà mày đi ăn xin?"

"Thưa bà, bố mẹ cháu chết cả rồi."

"Thế mày ở với ai?"

"Cháu chẳng ở với ai cả. Cháu đi ăn mày suốt năm."

"Tên mày là gì?"

"Tên cháu là Nhút."

"Tên với tuổi. Tao đặt tên mày là Gừng cho nó ấm. Ở đây với tao, tao nuôi."

"Cháu đội ơn bà. Cháu xin ở lại hầu bà."

"Tao không cần người hầu. Nhưng phải nghe lời tao. Tổ tiên cha mẹ mày ác quá hay cũng dần độn nên giờ mày phải đi ăn xin. Vào đi, người hôi như chuột. Ra giếng mà tắm."

Từ ngày ấy Gừng ở với bà Nhim. Hàng ngày nó quét dọn nhà cửa, sân vườn và lấy trái cây để bán. Hàng tháng nó chỉ ra khỏi nhà vào những phiên chợ. Cũng như bà Nhim, nó sống âm thầm như một bóng ma. Tuổi con gái của nó cũng âm thầm lớn theo. Một hôm nó ngồi bên hiên nhà bới chấy cho bà. Bà

chợt dấy nó ra và nói:

"Mày tanh lắm. Đến tuổi rồi dấy. Cởi quần ra, tao xem."

Nó ngoan ngoãn làm theo lời bà như hàng ngày quét nhà, chặt củi, lấy trái cây vậy.

"Bỏ dấy." Bà vơ nắm tóc cuộn lại và bảo "Ra giếng rửa đi."

Một hôm trên đường đi chợ về, Gừng gặp Mô. Mô là người làng làm nghề đánh xe bò. Người Mô nhỏ nhưng rắn như tre dực. Mô ghìm bò đi chậm lại và bảo Gừng:

"Đặt thúng lên đây cho đỡ mỏi mày."

Gừng liếc nhìn Mô rất nhanh rồi lại cắm cúi đi. Không trả lời một câu.

"Không ai lấy tiền đâu mà sợ. Người làng cả dấy."

Gừng vẫn im lặng cắm cúi đi. Mô nhảy xuống đất giằng lấy cái thúng trên đầu Gừng đặt vào xe. Gừng gắt lên:

"Trả thúng đây. Chả phải nhờ."

Mô nhe hàm răng xỉn khói thuốc lào cười rồi nhảy phốc lên xe. Mô ngồi quay lại phía sau, chân buông thõng xuống đất. Gừng hấp tấp bước theo.

"Cũng ở Chùa à?" Gừng lên tiếng.

"Ừ. Cùng xóm dấy. Bán mít cho tôi mà không nhớ à."

"Ai để ý mà nhớ."

"Thế thì bây giờ để ý."

"Hứ, hơi đâu."

"Lên đây mà ngồi này. Êm hơn ô tô ấy chứ lị."

Mô nói và dừng xe lại. Gừng ngượng ngập trèo lên. Con bò lại đủng đỉnh bước trên mặt đê làng.

"Sao chẳng thấy dằng ấy đi chơi làng xóm gì cả. Ở suốt trong nhà buồn chết."

"Bà không cho đi. Mà cũng chẳng biết chơi với ai."

"Sang nhà tôi."

"Hứ." Gừng lườm Mô, mặt đỏ ửng.

"Cho dằng ấy này." Mô móc trong túi một quả thị nhỏ như quả trứng gà đưa cho Gừng - thị nhỏ thơm phải biết.

Gừng đón lấy quả thị và đưa lên mũi hít nhè nhẹ. Mô nhìn vào ngực áo nâu của Gừng, người nao nao. Đến đầu làng Mô nhảy xuống và nhấc giúp Gừng chiếc thúng lên đầu.

"Phiên tới có đi không?" Mô hỏi.

"Chả biết." Gừng vừa nói vừa vội vã đi.

Buổi tối khi đi qua chỗ Gừng ngủ, bà Nhim chợt dừng lại kịt kịt mũi và hỏi:

"Mày mua thị dấy à?"

"Vâng." Gừng nằm trên giường trả lời.

"Tiền đâu mà mày mua?" Bà rít lên. "Con gái thích mùi thơm là hư đốn đấy. Để đâu rồi? Đưa đây!"

Vừa hỏi bà vừa lật đầu giường Gừng lấy quả thị và ném mạnh vào tường. Quả thị vỡ nát. Gừng ngồi dậy thẫn thờ. Trong đêm, hương thị thơm đậm, thơm quẩn mãi trong nhà. Gừng chợt nhớ đến Mô. Mặc dù cô chưa biết tên anh. Đêm ấy là đêm đầu tiên trong đời Gừng thao thức mãi mới ngủ.

Phiên chợ tới, Mô chờ Gừng. Khi thấy Gừng đội thúng từ dốc chợ đi lên. Mô chạy vội xuống đỡ thúng cho Gừng. Họ như thân thiết từ lâu rồi. Sau khi chiếc xe bò chuyển bánh Mô móc túi đưa cho Gừng một chiếc gương nhỏ bằng lòng bàn tay.

"Tôi mua cho Gừng đấy. Gừng soi mà chải tóc."

Gừng cầm chiếc gương nhỏ đưa lên. Lần đầu tiên cô được nhìn thấy gương mặt mình. Gừng đỏ mặt. Cô vội ấp chiếc gương vào ngực. Cô nhìn sang Mô thẹn thùng nói:

"Gớm xóc chết người mà cứ bảo êm."

Buổi chiều Gừng ra bờ giếng. Cô kín đáo lấy chiếc gương nhỏ ra soi. Cô vừa ngỡ ngàng, vừa thích thú với gương mặt mình trong gương. Cô cười. Cô bĩu môi. Cô chun mũi. Cô thì thầm trò chuyện với chính mình. Bỗng cô giật mình nhận thấy sau gương mặt mình trong gương có một gương mặt khác, một gương mặt già quắn queo, tóc bạc trắng. Cô hoảng hốt quay lại, bà Nhim đang đứng nhìn cô. Cô sợ hãi giấu chiếc gương sau lưng.

"Hừ, thật không ngờ. Đồ ăn xin ăn mày mà cũng ngắm vuốt. Con gái soi gương trộm là đồ lẳng lơ. Mày đưa cái gương đây. Đưa!"

Vừa nói bà vừa sấn tới giằng chiếc gương. Gừng không hề chống cự. Chưa bao giờ trong đời cô có ý thức chống cự người khác. Bà Nhim ném mạnh chiếc gương xuống nền gạch lát bên bờ giếng. Chiếc gương vỡ vụn.

"Đồ gian dối." Bà Nhim trì triết. "Tao đưa tiền cho mày đi chợ. Mày bớt gạo, bớt muối để mua gương. Mày không nhớ mày là kẻ đầu đường xó chợ ngửa tay xin ăn à. Tao cấm mày không được ăn uống gì ba ngày để trừ vào tiền mày mua gương. Nhớ chưa."

"Bà!" Gừng kêu lên. Giọng cô đầy nước mắt. "Cháu không lấy tiền của bà."

"Mày có của riêng chắc?"

"Người ta cho cháu."

Bà Nhim mở to đôi mắt nhìn cô. Bao nhiêu năm nay bà đinh ninh rằng Gừng không biết ai ngoài bà. Bà là người không hề thân thiện với ai, và bà cũng không muốn cho Gừng thân thiện với ai.

"À ra thế. Mày đã biết theo trai rồi đấy. Từ nay mày không được bước ra khỏi nhà."

Nói rồi bà bước đi. Gừng nấc lên.

Những ngày sau đó bà Nhim gọi mua những thứ cần thiết ngay ở cửa ngõ. Đêm đêm Gừng hay tỉnh giấc, cô thấy nhớ con đường đê tới chợ. Cô nghe thấy tiếng bánh xe bò lăn mơ hồ đâu đây. Tiếng Mô quát con bò và mùi cỏ tái hăng hăng trong thùng xe. Cô ngồi lặng trong bóng đêm ngột ngạt và bí ẩn đến hoảng sợ. Cô lẻn ra khỏi nhà ngồi xuống thềm hiên. Cô không hiểu tại sao cô lại ở đây lâu như thế. Cô quên đi tất cả những gì đã thuộc về quá khứ. Từ ngày bố mẹ cô mất, cô chưa lần nào thắp một nén hương. Chưa bao giờ cô có ý nghĩ đi khỏi nơi này. Trước kia trên mặt đất này cô chỉ biết có hai người, cô và bà Nhim. Bây giờ thêm một người nữa đó là Mô. Lúc này cô ước được ngồi trên thùng xe bò của Mô và đi, đi mãi.

"Mày ra đây làm gì?" Tiếng bà Nhim chợt vang lên từ bóng tối sau cánh cửa gỗ dã bị mọt ăn rỗng.

Gừng giật mình. Một lát sau cô mới trấn tĩnh lại. Cô không trả lời bà.

"Chỉ có mèo cái mới đêm hôm chờ dợi như thế này. Con gái mà hay tỉnh giấc là đồ... đồ..."

Nói đến đó bà Nhim im lặng đi vào. Gừng thấy rét run lên. Gừng cảm thấy bà Nhim có mặt ở mọi nơi mà Gừng đến. Hình như không phải có một bà Nhim mà có hàng trăm, hàng ngàn bà Nhim. Bà như một ngọn gió của âm ty cứ mỗi lần chờm qua cô lại làm cô sởn gai ốc.

Một buổi cô đang nhặt củi ở góc vườn thì chợt có tiếng gọi cô từ vòm lá cây phủ sát bờ tường.

"Gừng ơi! Gừng."

Gừng tròn mắt kinh hãi, vòm lá động xào xạc và gương mặt Mô ló ra. Gừng thở phào và nhoẻn miệng cười.

"Sao Gừng không đi chợ nữa. Tôi dợi mãi."

"Bà không cho đi. Bà cấm." Gừng thì thào.

"Tôi nhớ Gừng quá."

"Thế à." Gừng hỏi lại như ngớ ngẩn. "Tôi cũng nhớ."

"Mai là phiên chợ Túa. Gừng đi nhé."

"Không được đâu. Bà cấm."

"Thích đi thì đi, sợ gì."

"Tôi ở nhờ, ăn nhờ. Tôi chẳng dám làm gì theo ý tôi cả. Tôi buồn lắm."

"Mình còn trẻ, mình tự làm lấy mình ăn chứ có nhờ ai đâu mà lo. Nếu Gừng muốn tôi đăng ký ruộng cho mà cấy."

"Thôi xuống đi kẻo ngã." Gừng nói và thở dài. "Xuống đi. Tôi phải vào đây. Bà lại gọi bây giờ."

"Gừng ơi!" Giọng Mô run lên. "Tôi muốn nói chuyện với Gừng. Tối nay Gừng ra đây nhé. Vào lúc trăng lên ấy."

"Không. Không được đâu."

"Nếu Gừng không ra tôi lẻn vào nhà đấy."

"Đừng làm thế. Bà biết thì tôi sống thế nào được với bà."

"Tôi nhớ Gừng. Tôi muốn nói chuyện với Gừng. Gừng không thích nói chuyện với tôi à?"

"Có... nhưng không được đâu." Gừng nói và vội vã ôm đống củi đi vào.

Trước khi Mô tụt xuống đất còn dặn với theo:

"Tối tôi trèo vào đấy. Gừng đợi tôi nhé."

Đêm ấy trăng sáng lắm. Ánh trăng chui qua khe cửa gỗ cũ hắt vào nơi Gừng nằm. Gừng thở hồi hộp, Gừng linh cảm thấy Mô đang sốt ruột chờ Gừng ở góc vườn. Góc nhà tối om và im ắng đến lạnh buốt. Gừng cảm thấy từ khoảng tối đen ngòm kia bà Nhim đang nhìn Gừng. Hai con mắt bà trong đêm sáng như hai mảnh lân tinh, Gừng quay mặt vào tường nhắm mắt để cố quên đi lời hẹn tha thiết của Mô đang vang lên bên tai Gừng. Đêm càng trôi đi trăng càng sáng, và tiếng Mô hẹn cứ gấp gáp kêu gọi Gừng. Cuối cùng Gừng run rẩy ngồi dậy. Cô ngồi yên lặng bên mép giường rất lâu. Cuối cùng cô quyết định ra góc vườn để gặp Mô. Vừa gặp Gừng, Mô đã cầm lấy tay Gừng và ôm chầm lấy cô. Gừng không hề có một cử chỉ chống cự nào. Cô chấp nhận hành động của Mô như ngày trước cô chấp nhận ở lại nhà bà Nhim. Bởi cuộc đời cô quá nhiều bất hạnh và quá cô đơn. Cô im lặng và tựa vào lòng Mô. Cô thấy ấm áp. Bất chợt cô nhận thấy trăng đẹp quá.

"Gừng ơi..."

"Dạ."

"Tôi muốn cưới Gừng."

"..."

"Tôi muốn Gừng về ở với mẹ con tôi."

"Đừng nghĩ đến tôi mà khổ. Tôi không cha không mẹ, không nhà không cửa. Tôi chỉ là kẻ ăn mày ăn xin."

"Gừng đừng nói thế mà đau lòng tôi. Tôi yêu Gừng. Mẹ tôi bảo Gừng là người nhân hậu lắm."

"Mẹ làm sao mà biết tôi?"

"Mẹ nhìn thấy Gừng đôi lần rồi. Mẹ bảo nhìn con mắt thì biết người ấy lành hay ác."

"Thế à? Mẹ bảo thế à?"

Nói đến đó Gừng chợt quay người lại phía Mô. Cô gục đầu vào vai Mô. Cô nấc lên. Cô cố kìm tiếng khóc. Bởi thế tiếng khóc cô méo đi.

"Anh ơi!" Gừng kêu lên. Tiếng kêu âm thầm như chỉ để cho Mô nghe thấy. Tiếng kêu vỡ ra như đã bị nén chặt trong cõi lòng đầy cô đơn, đau khổ gần hai chục năm của cô. Mô ghì chặt Gừng vào lòng mình. Mô hôn lên mặt Gừng. Những cái hôn vụng về đến thương hại.

"Gừng ơi... chúng mình lấy nhau, Gừng nhé."

Gừng vừa khóc vừa gật đầu. Trong ngôi nhà âm u, lạnh lẽo này, trong cuộc đời tưởng mãi mãi như một dòng nước đục này, Gừng còn mong gì hơn một người bạn như Mô, với một tình cảm ấm áp chân thật như thế của Mô, Gừng không có khái niệm về sự trinh tiết như những người con gái khác. Gừng chỉ biết những gì Gừng có là của Mô. Gừng cảm thấy hai cánh tay Mô như hai cánh võng mềm mại đang dịu dàng dỗ lấy cơ thể cô. Gừng vẫn khóc. Cô thấy tiếng lá khô đang giãn ra dưới tấm lưng cô. Cô thấy ánh trăng đêm như một dòng nước đang tan chảy trên da thịt cô. Bỗng cô run lên. Cô như mê đi. Cô thấy một dòng sông lấp lánh ánh mặt trời ấm nóng đang cuồn cuộn cuốn Mô và cô vào một miền cực lạc.

Một đêm cô tỉnh giấc. Cô thấy bụng mình nhói đau. Cô không rõ ràng hiểu được điều ấy và cô hoảng sợ. Cô ngồi dậy và bước ra ngoài. Sương khuya loáng ướt trên sân gạch. Đến đầu nhà cô nhận thấy trong bếp có ánh lửa. Cô lén bước lại gần và nhận ra bà Nhim đang đun một nồi gì đó. Trong ánh lửa bếp chập chờn, cô nhận thấy trên một tàu lá chuối tươi là những con cóc đã bị lột da. Mùi cóc tanh xộc vào mũi, vào họng cô. Cô thấy chóng mặt và buồn nôn. Cô vội vàng ngồi xuống. Nghe tiếng động bà Nhim quay ngoắt ra cửa:

"Ai?" Bà hỏi và một tay cầm chiếc đèn dầu còn tay kia cầm cành củi đang cháy bước ra. Khi nhận ra Gừng bà rít lên:

"Đồ ăn cháo đái bát. Tao đánh cho mày chừa thói rình mò người khác."

Nói rồi bà cầm cành củi đang cháy quất túi bụi vào cô, Gừng ôm lấy đầu. Cô không kêu một tiếng.

Cái thai trong bụng cô ngày một lớn dần lên. Cô cố ém giữ cũng không giấu được bà Nhim. Một bữa ngồi ăn cơm bà nhận ra điều đó. Bà bỏ bát xuống mâm nhìn cô chằm chằm và nói:

"Bụng mày làm sao thế kia? Đứng dậy tao xem."

Gừng ngừng ăn. Cô ngồi im không nói.

"Đứng dậy." Bà Nhim thét lên.

Gừng nhìn bà rồi chống tay từ từ đứng dậy. Bà Nhim bước lại gần cô. Cô như một con chim đã kiệt sức trước một con mèo già. Con mèo bước những bước ma mãnh đến trước nó. Con mèo đưa bàn chân đầy móng cứng đặt lên lưng con chim bé bỏng. Con chim nằm ép xuống đất run rẩy.

"Giỏi thật. Gái không chồng mà chửa thì giỏi thật. Nhưng mày đã làm nhơ bẩn nhà tao. Sự nhơ bẩn ấy đã giết tao."

Nói đến đó bà Nhim bật khóc. Lần đầu tiên trong những tháng năm sống với bà Nhim, Gừng thấy bà khóc. Bao nhiêu sự sợ hãi và căm ghét bà bỗng tan biến trong cô. Giờ đây cô hoang mang trước tiếng khóc của bà. Cô bỗng thấy thương bà và cô òa khóc theo. Một lúc lâu bà Nhim thôi khóc. Bà lấy vạt áo lau nước mắt. Bà vào nhà thắp ngọn đèn dầu và lọm cọm trèo từng bậc thang lên cái gác xép làm bằng những cây tre đực già đen bóng. Bà mở chiếc hòm gỗ to bốn

góc được bít bằng đồng thau. Bà lôi một chiếc bình sứ nhỏ từ trong hòm ra. Bà giữ chặt cái bình sứ trong tay và ngồi bệt xuống sàn gác mà thở.

Năm bà mười hai tuổi thì bà đi làm dâu nhà người. Chồng bà là con trai độc nhất của một gia đình giàu có nhất vùng. Bà chỉ sống với chồng được hai năm. Sau khi chồng bà mất thì những người trong gia đình chồng cũng lần lượt đi theo. Ông bố chồng bà là người cuối cùng ra đi. Đêm trước ngày từ giã cõi trần thế, ông gọi bà vào giường ông nằm và nói:

"Ta chỉ ở lại cõi trần thế một đêm nay nữa thôi. Bởi vậy ta gọi con vào mà khuyên bảo đôi điều trước lúc ra đi. Ta không phải là người mang dóng máu Việt. Tuy rằng dòng họ ta đã mấy đời sinh sống trên mảnh đất này. Ông tổ ta là người họ Vũ. Nhà thờ tổ tiên nay còn ở Triều Châu. Ta không nhận được tin tức gì, nhưng thần giao cách cảm cho ta biết họ hàng ta bên đó suy thịnh ra sao. Nay con đã là người họ Vũ, khi sống con phải đốt hương khấn theo sở truyền họ Vũ, khi chết linh hồn phải về với tổ tiên họ Vũ. Chắc tổ tiên ta có việc nên mới gọi chồng con và đến nay ta trở về bên ấy. Rồi có ngày chồng con sẽ trở lại cõi trần đoàn tụ cùng con. Từ nay về sau con phải ở lại ngôi nhà này mà trông coi, hương nến. Con giữ lấy nghề thuốc cao cổ truyền mà sinh sống, nhớ là không được truyền lại cho ai. Con không cho bất cứ kẻ nam nhi nào lưu lại ngôi nhà này. Nếu có kẻ đàn bà nào khốn khó mà nhân hậu thì cho nương lại để có người trò chuyện sớm hôm. Nếu con để cho da thịt của lũ đàn ông chạm vào bất kỳ người đàn bà nào sống trong ngôi nhà này thì lúc đó con phải trở về với tổ tiên họ Vũ mà tạ tội."

Nói rồi ông sai bà Nhim lấy từ chiếc hòm gỗ một chiếc bình sứ trắng. Ông ta cầm lấy chiếc bình và đổ ra một thứ bột trắng như bột thạch cao và pha lẫn với một chén rượu trắng. Ông cầm chén rượu đưa cho bà Nhim và nói:

"Con hãy uống thứ thuốc này. Nó sẽ giúp con giữ được lòng trinh tiết với chồng và lòng thờ kính tổ tiên họ Vũ. Khi có kẻ nào ăn lộc họ Vũ mà làm ô họ Vũ thì con cho họ uống thuốc này để họ quên đi những ước muốn ma quỷ mà thờ kính tổ tiên ta."

Bà vừa khóc vừa đưa chén rượu thuốc lên uống. Sáng hôm sau thì ông bố chồng bà mất. Sau khi làm ma cho bố chồng xong, bà lăn ra ngủ mê mệt suốt ba ngày. Sau đó tóc bà cứ bạc dần và chỉ một thời gian ngắn tóc bà đổ trắng xóa. Sau khi đoạn tang chồng và những người trong gia đình chồng, bố mẹ đẻ của bà sai người nhà đến khuyên nhủ bà trở về quê. Nhưng bà không hề nghe một lời khuyên nào và nói:

"Tôi đã là người họ Vũ. Khi còn sống tôi phải thờ họ Vũ. Khi chết tôi về với tổ tiên họ Vũ. Làm người đàn bà phải biết thủ tiết với chồng và thờ kính tổ tiên nhà chồng."

Mới vừa đấy mà đã mấy chục năm trời. Nay bà lại mở chiếc hòm gỗ này. Khi phải mở chiếc hòm bà biết đã đến ngày bà phải về với tổ tiên họ Vũ. Bà đã

cho Gừng nương lại ngôi nhà này vì thấy Gừng là kẻ khốn khó và nhân hậu. Gừng đã được bà nuôi nấng. Trong ý nghĩ bà Nhim thì Gừng là người ăn lộc họ Vũ và cô đã làm ô họ Vũ. Theo lời dặn của người bố chồng từ mấy chục năm trước kia, bây giờ bà phải cho Gừng uống thứ thuốc gia truyền mà quên đi những ước muốn ma quỷ.

Nhưng khi bà Nhim mang chiếc bình sứ xuống nhà thì Gừng không còn ở đấy nữa. Bà chạy khắp nơi tìm Gừng. Khi bà Nhim nhìn Gừng bằng đôi mắt chưa bao giờ cô thấy và khi bà Nhim trèo lên gác xép, nơi chưa một lần Gừng thấy bà lên đó thì Gừng linh cảm thấy một điều gì đó không bình thường sắp xảy ra. Cô hoảng sợ. Cũng lúc ấy đứa bé trong bụng cô đang đạp mạnh mẽ, và những cơn đau sung sướng của người mẹ lại làm cô hoảng sợ. Cô không biết chạy đi đâu ngoài ý nghĩ đi tìm Mô. Cô chạy ra sân mở cổng. Cô vừa chạy vừa hỏi thăm nhà Mô. Tuy ở cùng xóm nhưng chưa bao giờ cô biết nhà Mô và những gia đình khác. Khi đến sân nhà Mô cô dừng lại. Tất cả sự lạ lùng cùng nỗi sợ hãi bây giờ của cô giống như cái cảm giác xưa kia khi mỗi lần cô đến trước cổng ngõ của một gia đình nào đó xin ăn. Mô luống cuống chạy ra đón cô. Bà mẹ Mô chau mày nhìn cô một thoáng, rồi bà giục Mô đưa cô vào nhà. Bà ngồi xuống hỏi thăm cô ân cần như một người mẹ đối với con gái. Rồi bà đi xuống bếp nhóm lửa đun nước. Mô ngồi gần lại Gừng hơn.

"Có chuyện gì vậy em?" Mô hỏi lo lắng.

"Em sợ..." Gừng nói. Giọng cô nghẹt trong hơi thở.

"Đừng sợ gì cả, anh nói với mẹ về chuyện chúng mình rồi. Mẹ thương lắm."

Lúc đó, trong chiếc sân gạch rộng thênh thang bà Nhim gào thét gọi Gừng. Khi thấy chiếc cửa ngõ như suốt đời đóng im lìm này đã mở tung thì bà tru lên khóc. Bà xiêu vẹo đi về phía sau vườn. Tất cả sự nhanh nhẹn, khỏe mạnh đến nghi ngờ của bà trước kia không còn nữa. Bây giờ bà đi như một chiếc lá khô đang dạt theo từng cơn gió. Đêm xuống, bà đốt hương và quỳ trước bàn thờ nhà chồng hầu như suốt đêm. Đôi mắt lạnh và trong như nước giếng khơi của bà giờ đục trắng. Và suốt những ngày sau bà nằm liệt trên giường.

Vào một buổi chiều, Gừng quay lại ngôi nhà khi nghe tin bà Nhim ốm nặng.

Bàn chân Gừng run lên khi cô bước vào đến chiếc sân gạch quen thuộc. Gió buổi chiều thổi những đám lá khô dạt từ góc sân này đến góc sân kia. Tiếng lá khô lăn trên sân gạch nghe như tiếng một bầy trẻ con đang xao xác gọi mẹ, Gừng bước từng bước một đến chiếc giường nơi bà Nhim nằm. Ngôi nhà tối lạnh và xông lên mùi ẩm mốc của vôi tường đã quá cũ. Chỉ có một vệt sáng duy nhất của nắng chiều chiếu qua ô cửa nhỏ vào nhà. Bà Nhim nằm như một tàu chuối khô trên giường. Mái tóc trắng dổ vung vãi.

"Bà ơi!" Gừng run gọi. Hai bàn tay cô ấp lên ngực mình như sợ hãi. "Bà,

bà ơi."

Không có tiếng trả lời dù chỉ là một tiếng ú ớ, không một tiếng cựa mình và cả như không một hơi thở. Chỉ có ngôi nhà im ắng và vệt nắng chiều đang nhợt nhạt dần dần. Gừng ngồi xuống mép giường và cầm lấy tay bà. Cô cảm thấy tay bà như một cành củi cháy dở đã nguội lạnh. Một lát sau cô đứng dậy xuống bếp rửa nồi nấu cháo.

Sáng hôm sau đột nhiên bà Nhim tỉnh hẳn tựa như người ngủ dậy thường ngày. Gừng gọi bà. Bà nhìn cô một lúc lâu rồi thì thào:

"Con đỡ bà ngồi dậy một chút."

Gừng đỡ bà ngồi dậy. Cô để bà tựa lưng vào lòng mình.

"Con xin lỗi bà. Con bỏ bà đau ốm thế này." Nói thế rồi cô khóc.

"Con trốn... đi... như thế... là... đúng. Nếu không... thì..." Nói đến đó bà Nhim thở hổn hển. "Bây giờ con mở cái hòm gỗ kia... lấy cho bà... bộ... quần áo... trắng."

Gừng đỡ bà nằm xuống và lấy bộ quần áo bằng lụa trắng.

"Con thay quần áo cho bà."

Gừng khẽ khàng cởi bộ quần áo cũ bằng vải đen và mặc cho bà bộ quần áo lụa trắng mà lần đầu tiên cô nhìn thấy. Tấm thân bà Nhim mỏng như một tờ giấy và trắng như thạch cao.

"Con ơi!" Chợt bà Nhim gọi Gừng. "Con sống với ta từng ấy năm nhưng con không biết gì về ta cả. Ở đây, ở cái làng Chùa này cũng chẳng ai biết rõ về ta. Trước kia ta cũng là một cô gái như con. Ta được ăn học và thạo việc gia đình. Nhưng gia đình ta đã gả chồng cho ta khi ta chưa hiểu biết gì về cuộc đời cả. Ta có chồng, nhưng thực ra ta vẫn là người đàn bà trinh tiết. Chồng ta là người ốm yếu và bệnh tật. Cứ đêm xuống ông ta lại ngồi trên chiếc ghế khảm mà lẩm rẩm những điều gì đó. Sau khi ông ta chết, ông bố chồng của ta đã nhiều lần đòi chung chạ với ta. Nhưng ta không cho. Ông ấy không cho ta trò chuyện hay thăm hỏi bất cứ người nào ở làng này. Đêm đêm, ông ấy vào ngồi trong giường ta mà nói những điều ma quỷ cho đến tận khi gà gáy canh ba. Tất cả những điều ông ấy nói ta không làm sao hiểu được, ta chỉ thấy sợ hãi mà thôi. Khi ông ấy sắp chết, ông ấy bắt ta uống một thứ thuốc gia truyền..."

Bà Nhim chợt ngừng nói. Đôi mắt bà mở to tưởng chỉ thêm một chút nữa là đôi mắt ấy vỡ tung ra. Đôi mắt đục trắng của bà nhòe ướt:

"Và... sau khi uống thứ thuốc đó vào người, ta không còn là ta nữa. Tóc ta cứ thế mà bỗ trắng, nhưng không hề rụng. Ta dần dần mất đi tính nết của một người đàn bà. Nhìn thấy dàn ông ta kinh tởm, nhìn thấy dàn bà ta căm ghét. Ta cũng không hiểu tại sao ta lại cho con ở lại với ta. Nhưng đúng là ta đã nhìn thấy đôi mắt con hôm ấy, đôi mắt mà không một ai trong gia đình nhà chồng ta có được. Mãi sau này ta mới hiểu được nỗi đau của ta... vì thế mà ta đã trút lòng đau khổ và căm thù người khác vào con. Khi con có chửa thì nỗi bất hạnh, đau

thương của đời ta cào xé hơn bao giờ hết. Ta đã quyết định, giết con... con ơi, thật đấy... ta định giết con thật đấy."

Bà Nhim bật khóc. Bà khóc như một đứa trẻ. Gừng cũng òa khóc theo. Lúc này cô thấy bà Nhim như bà cô. Trong ký ức xa vời và buồn bã của cô hiện về hình ảnh người bà nhân hậu và tội nghiệp. Khi bà Nhim ngừng khóc thì cũng là lúc bà tắt thở.

Gừng gào thét gọi bà. Tiếng cô dội lên trong ngôi nhà âm u và ẩm mốc. Ngoài sân gió thổi mạnh. Tiếng lá khô lăn trên sân gạch như tiếng trẻ con xào xạc gọi mẹ.

Khi cô chạy trốn khỏi nhà bà Nhim trong đầu cô chỉ có một ý nghĩ là chạy đi tìm Mô. Bây giờ bà Nhim đã chết, cô cũng chỉ có một ý nghĩ là chạy đi tìm Mô. Gừng thẳng thốt lao ra cửa, thì vừa lúc từ ngoài ngõ Mô và bà mẹ anh cũng đang bước vội về phía cô.

Làng Chùa – Hà Đông, 3 – 1990

Bầy Chim Chìa Vôi

Nguyễn Quang Thiều

Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó thì thào gọi:

"Anh Mên ơi, anh Mên!"

"Gì đấy? Mày không ngủ à?" Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.

"Anh bảo mưa có to không?"

"Lại chẳng to. Thế mày không nghe thấy gì à?"

"Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?"

"Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi."

"Thế anh bảo..."

"Bảo cái gì mà bảo lắm thế." Mên gắt em nó.

"Em bảo." Mon ngập ngừng. "Thế cái bãi cát giữa sông đã ngập chưa?"

"Ừ nhỉ." Giọng thằng Mên chợt thảng thốt. "Có lẽ sắp ngập mất bãi cát

rồi."

"Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất."

"Tao cũng sợ."

"Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?"

"Chim thì bơi làm sao được. Mày làm chim chìa vôi cứ như vịt ấy."

Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, rên xiết chảy.

"Chiều qua em theo bố đi kéo chũm ở gần cống sông ấy."

"Thế thì sao?"

"Bố bảo chỉ ở sông làng mình chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ hả anh?"

"Tao không biết."

Gần sáng mưa to và gió mạnh. Cánh cửa liếp bị gió thổi đập cành cạch. Có tiếng người đi qua đầu ngõ nhà hai đứa bé gọi nhau. Một ai đó nói: "Mẹ kiếp. Năm nay nước sông to phải biết."

"Ai đi đâu đấy hả anh?" Mon hỏi.

"Người trong làng đi kéo chũm sông về."

"Nhỡ nước ngập bãi cát thì sao, hả anh?"

"Mày đừng hỏi nữa, ngủ đi."

Mên gắt và xoay lưng về phía em nó. Hai đứa bé nằm im, nhưng không ngủ.

Có lẽ bố chúng nó nói đúng. Chỉ ở khúc sông làng chúng, những con chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một dải cát. Sau một thời gian, những đám rong sông tốt bời bời héo dần làm thành một lớp đệm êm trên cát. Vào lúc đó, những con chim chìa vôi mảnh khảnh và ít lời từ hai bờ sông bay ra bãi cát. Chúng tìm những đám rong khô và dày để đẻ trứng. Khi những con chim chìa vôi non đã đủ lông cánh cũng là lúc có những đám mây lạ từ dãy núi đá vôi Hòa Bình bay về báo hiệu mùa mưa. Những tiếng sấm sau mỗi đêm lại chuyển dần từ một chân trời xa về bên kia sông. Và bất chợt một đêm nào gần sáng, sấm nổ vang trên nóc nhà và mưa ném xuống. Con sông Đáy cựa mình lớn lên. Chỉ sau đăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ. Khi vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát thì những con chim chìa vôi non lần đầu tiên trong đời dập cánh bay lên. Những con chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay vào bờ. Và đến mùa khô sang năm chúng lại ra dải cát nổi bắt đầu mùa sinh nở của chúng.

Mươi ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông. Chỉ có lũ trẻ con mới biết con đường đi an toàn nhất chạy ngoằn ngoèo dưới đáy sông. Chúng tranh được những hố sâu dưới đáy sông do người làng lấy cát để lại. Hai anh em thằng Mên tìm đến cái ổ chim chìa vôi. Thấy

động, những con chim chìa vôi non kêu líu ríu tưởng bố mẹ chúng đi kiếm ăn về. Hai đứa bé cẩn thận quì xuống bên cạnh tổ chim.

"Anh bảo bao giờ thì chúng nó bay được?" thằng Mon hỏi.

"Mấy ngày nữa."

"Thế mẹ chúng đi kiếm ăn à?"

"Ừ."

"Chim chìa vôi có ăn được hến không?"

"Tao không biết, nhưng bố mẹ nó vẫn lội kiếm ăn ở ven sông."

"Mình bắt hến bỏ vào tổ cho chúng ăn anh nhé?"

"Ừ thì đi."

Hai đứa bé đi ra mép nước. Chúng tìm những cái lỗ hang nhỏ. Trong những cái hang nhỏ ấy luôn luôn có một con hến hoặc một con trùng trục. Chỉ một loáng hai đứa đã bắt được một nắm hến. Chúng xếp những con hến dính đầy đất cát bên tổ chim. Trước khi dời bãi cát, Mên nói với em nó:

"Mày không được nói cho đứa nào biết cái tổ chim này nhé. Mày mà nói tao không cho mày ra đây nữa."

"Thế bao giờ mình lại ra thăm chúng nó?"

"Ba ngày nữa. Này, nếu bố hỏi đi đâu thì bảo là xuống bãi ổi nhé."

Nhưng hai đứa trẻ không thực hiện được dự định của chúng. Mùa mưa năm nay như về sớm hơn. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.

"Anh ơi!" Thằng Mon lại thì thào gọi.

"Gì?"

"Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?"

"Chưa."

"Tổ chim sẽ bị chìm mất."

Thằng Mên nằm im lặng không trả lời em nó. Lâu sau nó hỏi:

"Thế làm thế nào bây giờ?"

"Hay mình... mang chúng nó vào bờ."

"Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được."

"Em không biết."

Hai đứa bé lại nằm im lặng. Mưa vẫn đổ xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phên của liếp cành cạch.

"Chiều qua bố kéo chũm được một con cá măng."

"Thế mà cũng khoe, ai mà chẳng biết."

"Cả một con cá bống rất to và đẹp. Em lấy trộm con cá bống."

"Thế để đâu rồi?" Thằng Mên quay sang phía em nó hỏi.

"Em thả vào chỗ cống sông rồi. Anh bảo đấy có phải là con bống ở hốc cắm sào đò dưới bến không?"

"Mày có nhìn thấy cái chấm đen to to ở vây nó không?"

"Em không nhìn. Chiều về đổ giỏ cá ra chậu, bố kêu mất con bống. Bố bảo có khi con cá măng ăn con bống rồi. Bố bảo mẹ mổ con măng xem có con bống trong bụng nó không."

"Hí hí." Thằng Mên bật cười khoái trí.

"Cái hốc cắm sào đò ngập bùm rồi anh nhỉ?"

"Ngập từ chiều hôm kia rồi. Ngập đến mái nhà con bống cũng chẳng sợ."

"Anh ơi..."

"Gì?"

"Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ."

"Đi bây giờ à?" Thằng Mên hỏi sau một phút im lặng.

"Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi."

Lần này thằng Mên im lặng lâu hơn. Cuối cùng nó quay lại phía em nó.

"Đi. Nhưng phải khẽ thôi. Bố tỉnh dậy bố đánh chết."

Hai anh em thằng Mên bò khe khẽ ra khỏi chăn và tụt khỏi giường. Chúng ngồi im ở mép giường rất lâu.

"Đi không?" Mên hỏi.

"Có anh ạ." Mon trả lời run run.

Hai đứa bé lần mò trong ngôi nhà tối om ra phía cửa. Khi cánh cửa liếp được mở hé ra thì gió ùa vào. Hai đứa bé khẽ rùng mình và lách ra ngoài.

"Để tao xem bố để áo mưa ở đâu."

Thằng Mên nói và lần theo hiên nhà xuống bếp. Một lát sau nó mang lên hai tấm áo mưa và hai chiếc mũ lá chúng thường dùng để đi chăn trâu. Chúng khoác áo mưa và đội mũ rồi bước xuống sân. Một tiếng sấm nổ vang trên đầu. Chớp lóe sáng. Thằng Mon vội ôm lấy cánh tay anh nó:

"Anh ơi, có ai đứng ở đầu ngõ..."

"Đâu? Làm gì có ai. Đâu?..."

"Lúc chớp em nhìn thấy."

Hai đứa bé đứng lặng giữa sân. Người chúng run lên. Mưa rào rào ném vào chúng.

"Đấy, người đấy. Anh thấy không?" Thằng Mon kêu lên sau ánh chớp vừa lóe sáng.

"Mày ngu lắm." Giọng thằng Mên như thở phào. "Đấy là cây chuối tao chặt lúc chiều cho lợn. Thôi đi."

Hai anh em thằng Mên lần ra khỏi ngõ đi xuống bến sông. Trong ánh chớp, hai đứa bé nhìn thấy dòng sông rộng lớn lạ thường.

"Anh có nhìn thấy dải cát không?"

"Tối lắm."

Khi xuống đến giữa bãi sông, hai đứa trẻ như dạt vào nhau vì gió. Một tiếng sấm nổ chói tai như ở ngay trên chóp mũ chúng. Hai đứa bé như bật lên khỏi mặt đất.

"Anh ơi" Thằng Mon kêu lên và ôm choàng lấy anh nó.

"Cái gì?" Thằng Mên hoảng hốt.

"Ai đội nón đứng ở kia kìa."

"Mày đừng nói nữa."

"Đấy anh." Giọng thằng Mon như khóc.

Một tia chớp phóng ra từ đâu đó và chạy lan trên trời như một cái rễ cây khổng lồ.

"Thế mà cũng nhìn." Thằng Mên bực tức. "Cái bù nhìn đuổi chim chú người đâu mà người."

"À đúng rồi."

Thằng Mon kêu lên. Bây giờ nó mới nhớ ra cái bù nhìn của ai đó dựng lên từ đầu vụ ngô bãi. Sau này bọn trẻ trâu vẫn dựng lại để chơi.

Hình như sau lần này, hai đứa bé dỡ sợ hơn. Chúng đi nhanh xuống bến nơi có con đò cột ở đó, thằng Mên hì hục cởi cây dây buộc đò. Bàn tay nó run bần bật. Thỉ thoảng nó lại ngoái lại nhìn về phía nhà ông lái đò ở sát chân đê.

"Được rồi. Lên đò đi."

Thằng Mon hấp tấp trèo lên đò. Hai đứa bé cùng ôm cây sào chống đò dài và nặng quá sức của chúng đẩy con đò ra khỏi bờ.

Con đò nặng nề trườn ra khỏi bờ. Nhưng khi vừa gặp dòng nước thì con đò quay mũi và cứ thế trôi xuôi dòng. Hai đứa bé luống cuống với chiếc sào chống đò. Nhưng con đò không để ý đến hai đứa bé cứ thế trôi đi. Thằng Mên kéo cây sào và đi lên phía mui đò, và rồi rít gọi em nó:

"Lên đây, nhanh lên."

Thằng Mon loạng choạng bước trong lòng đò lên phía mũi. Khi nó vừa bước lên tấm sạp gỗ ở mui đò thì một cơn gió mạnh ùa đến thổi hất tung chiếc mũ lá ra khỏi đầu nó. Thằng Mon vội huơ tay với theo và ngã xuống mạn đò.

"Anh ơi."

Thằng Mên hoảng hốt buông cây sào lao đến ôm lấy em nó. Nó nghe thấy trái tim hai anh em nó dập dến váng đầu.

"Mũ rơi xuống sông rồi."

"Cả cái sào chống đò nữa."

Một tiếng sấm nổ như muốn tung con đò lên. Hai đứa bé ôm chặt lấy nhau.

"Mất... mất sào đò rồi hả anh?"

"Ờ." Thằng Mên hổn hển. Nếu không có em nó ở đó chắc nó đã òa khóc. Nó tháo chiếc mũ lá của mình đội cho đứa em và nói:

"Phải thả cái mái chèo mà chèo, không đò trôi mất."

Hai đứa trẻ nắm tay nhau lảo đảo đi trên những tấm ván cập kênh trong lòng đò xuống phía mái chèo. Phải rất vất vả chúng mới hạ được cái mái chèo gỗ to và nặng xuống nước. Hai đứa bé rướn người giữ lấy tay chèo. Mái chèo gặp

nước xiết trở nên nặng khủng khiếp. Hai đứa bé không sao quậy nổi mái chèo. Mưa vẫn rầm rập. Dòng sông dâng lên nghiêng ngả.

"Giữ chèo như thế này thì đò mới vào bờ được."

Hai đứa bé mang hết sức lực để giữ mái chèo. Đầu chúng chúi vào nhau.

"Mày khóc đấy à?" Thằng Mên hỏi khi thấy em nó sụt sịt.

"Khô... ô... ông."

Trôi đến đoạn sông cách bến đò làng chúng chừng gần hai cây số con đò mới tạt được vào bờ.

"Vào bờ rồi anh ơi." Thằng Mon kêu lên sung sướng.

"Chú còn sao." Lúc này giọng thằng Mên tỏ vẻ rất người lớn. "Nào xuống đò được rồi đấy."

Hai anh em thằng Mên lập cập tụt khỏi đò.

"Mình để đò lại đây hả anh?"

"Phải kéo về bến chú, không thì chết. Bây giờ tao kéo còn mày đẩy."

Thằng Mên quấn cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo. Phía sau, thằng Mon lội bì bõm đẩy đò.

"Cái dải cát chưa chìm dâu anh nhỉ?"

"Chắc là chưa."

Khi hai đứa bé đưa được con đò trở về chỗ cũ thì trời đã tang tảng sáng. Chúng vội vã tìm cách buộc đò lại. Rồi ngay sau đó, cả hai đứa bé không nói gì và cùng chạy ngược lên đoạn bờ sông đối diện với dải cát.

"Anh có nhìn thấy gì không?"

"Tao chưa nhìn thấy, còn tối lắm."

"Thế anh bảo đã ngập hết chưa?"

"Để tao nhìn xem." Thằng Mên nói và ngồi thụp xuống. Nó căng mắt nhìn sát mặt sông.

"Ướt cánh, chim nó có bay được không?"

"Mày lội ra đấy mà hỏi."

"Anh ơi, có khi bố dậy rồi đấy."

Sau câu nói của thằng Mon, cả hai đứa trẻ bắt đầu thấy sợ. Từ phía ngôi nhà của chúng ở chân đê vọng lại tiếng người lớn gắt gỏng điều gì đấy. Hai đứa trẻ vẫn căng mắt nhìn ra giữa dòng sông. Trời đã sáng.

"Anh ơi, kia kìa, bãi cát." Thằng Mon chợt kêu lên.

"Ừ, đúng rồi. Vẫn chưa ngập hết. Còn bằng cái mũ thôi."

"Anh bảo bầy chim còn ở đó không?"

"Không biết. Nhưng bố bảo khi nước vừa ngập hết thì chim mới bay lên."

"Sao chúng lại không bay trước?"

"Làm sao mà tao biết được."

Khi ánh bình minh đã đủ sáng để soi rõ những hạt trên mặt sông thì cũng là lúc dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát. Và

trong mắt hai đứa trẻ, một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. Từ mặt nước sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên. Hai đứa bé không kêu lên được một tiếng nào. Người chúng như đang ngùn ngụt tỏa hơi nóng.

Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, con chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy chim non tránh nước lên theo đến đó. Cứ như thế chúng tiến dần đến phần cao nhất của dải cát. Và cứ thế bầy chim non nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật cứng cáp và đập cánh suốt đêm. Chim bố và chim mẹ vừa đập cánh theo dàn con vừa dẫn chúng đi. Hình như chúng biết chính xác khi nào thì dàn con chúng mới có đủ sức để nâng mình lên khỏi mặt đất một cách đảm bảo. Nếu bầy chim non cất cánh sớm hơn, chúng sẽ bị rơi xuống dòng nước trên đường từ bãi cát vào bờ. Và nếu chúng cất cánh chậm một giây thôi, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm.

Và bây giờ bầy chim đã bay lên. Mặt trời như lên nhanh hơn mọi ngày và mưa đã đột ngột tạnh hẳn. Chợt một con chim như đuối sức. Đôi cánh của nó chợt như dừng lại. Nó rơi xuống như một chiếc lá. Con chim mẹ xòe rộng đôi cánh lượn quanh đứa con và kêu lên. Nhưng khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.

Quanh hai đứa bé tất cả vụt im lặng, chỉ có tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non. Hình như chúng nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim chim hối hả nhưng đều đặn. Cuối cùng bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng và kỳ vĩ nhất đầu tiên trong đời chúng. Những đôi cánh mỏng mảnh, run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.

Hai anh em thằng Mên vẫn đứng không nhúc nhích. Trên gương mặt tái nhợt vì nước mưa của chúng hừng lên ánh ngày. Thằng Mên lặng lẽ quay lại nhìn em nó. Và cả hai đứa bé nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào.

"Tại sao mày lại khóc?" Thằng Mên hỏi.

"Em không biết, thế anh?"

Hai anh em thằng Mên nhìn nhau và cùng bật cười ngượng nghịu. Rồi bỗng cả hai đứa cùng quay người và rướn mình chạy về phía ngôi nhà của chúng. Được một đoạn, thằng Mon đứng lại thở và gọi:

"Anh Mên, anh Mên. Đợi em với. Không em ú chơi với anh nữa."

Làng Chùa, Tháng Ba, 1993.

Người Đàn Bà Tóc Trắng của Nguyễn Quang Thiều (NXB Hội Nhà Văn, Việt Nam, 1993) là một tuyển tập đáng để ý vì hai lý do.

Trước tiên, tuyển tập khác hẳn văn học của các nước cộng sản trước *Perestroika* (ở Nga) hay *Đổi Mới* (ở Việt Nam). Nơi đây vắng bóng những nét khuôn mẫu của văn học cộng sản loại Mayakovsky bên Nga mà Tố Hữu và các nhà văn đồng chí của ông đã du nhập vào Việt Nam. Không có anh hùng công nông binh mà sự tốt lành lại còn được gia tăng thêm bởi tư thế đoàn viên hay đảng viên... Khác với những nhà văn chỉ hơn ông trên dưới một giáp, ông không viết về những siêu anh hùng không những tay không đánh được xe tăng, mà đạo lý còn vững như thành đồng vô sản. Ông không viết về những cặp nam nữ cán bộ trong thời đánh Mỹ, anh tài hoa chị xinh đẹp, đang tuổi xuân thì quý mến nhau ngưỡng mộ nhau, vì chiến sự phải trốn chung dưới hầm bí mật với nhau. Ròng rã ba ngày đêm, chỉ có bóng tối và lương tâm chứng kiến hành động và tư tưởng, vậy mà khi mở nắp hầm sự liên hệ không đi quá chỗ nắm tay nhau để động viên cho nhau tinh thần chiến đấu... Lý do là anh đã có vợ và chị đã có chồng, và *con người cộng sản* nơi họ không bao giờ cho họ phạm vào những hành động có thể làm cho đạo lý sứt mẻ...

Ngược lại, ông cũng không viết những cảnh dâm ô tham nhũng xấu xa của xã hội mà trong đó kẻ xấu xa nhất tội lỗi nhất là những đảng viên và đoàn viên cộng sản, và những nhân vật anh hùng nhất tốt nhất là những nhân vật ngoài đảng, gian lao vất vả vì sự không chấp nhận luật chơi do đảng đề ra...

Tóm lại, sự phân loại *minh họa* hay *phản kháng* không áp dụng cho tuyển tập *Người đàn bà tóc trắng*. Đảng cộng sản hay chính quyền quốc nội không phải là đối tượng của tuyển tập, dù theo chiều thuận của văn chương *minh họa* tiền đổi mới, hay theo chiều nghịch của văn chương *phản kháng* về sau.

Chúng ta có cảm tưởng đang chứng kiến một giai đoạn văn học mới của tác giả. Tác phẩm nhắm vào những câu chuyện có tính cách nhân bản chung, như chuyện tốt xấu, chuyện con người, chuyện vị trí của tình yêu so với những diện khác của cuộc sống như lý trí và nhất là như hận thù... Trừ truyện *Con chuột lông vàng*, có lẽ để nhắn nhủ chuyện nghiệp báo của chiến dịch phá chùa, sứ điệp phổ thông nhất nơi Nguyễn Quang Thiều là tình yêu, và ông tìm cách thuyết phục độc giả rằng tình yêu rất mạnh, nó tất thắng được những nghiệt ngã của cuộc đời... Ông đi gần lại với văn học của thế giới tự do, và ít nhất ta phải công nhận những đề tài ông chọn là những đề tài chung của văn nhân kim cổ.

Lý do thứ hai làm tuyển tập của Nguyễn Quang Thiều đáng chú ý là tác giả khai triển những đề tài trên bằng hai bút pháp khác nhau. Nguyễn Quang Thiều như do dự trước hai ngả viết.

Một ngả nặng về ẩn dụ, sứ điệp, và huyền bí, những nét khá phổ thông của văn học quốc nội hiện đại. Tiêu biểu là truyện *Người đàn bà tóc trắng* mà tựa đề cũng là tựa đề chung cho toàn tập...

Ngả kia hồn nhiên, khai thác những chuyện tầm thường của đời sống để phát hiện những diện thâm sâu ly kỳ và có thể đẹp đẽ của con người, lấy tài năng để tiến tới chỗ đạt mà không bám theo những con tàu thời thượng để tạo tiếng ồn... Tiêu biểu cho thể văn này là truyện *Bầy chim chìa vôi*, trong đó tác giả coi nhẹ hay quên hẳn chuyện gửi gấm những sứ điệp triết học hay chính trị hay từ chương lý thuyết, mà chỉ nhằm bắt lấy cái đẹp cái thật của nhân tâm. Và tác giả đã thành công trong cố gắng ấy...

Văn Học in lại *Người đàn bà tóc trắng* và *Bầy chim chìa vôi* trong số này, để bạn đọc tiện thưởng lãm, và cũng để làm tư liệu cơ sở cho vài cảm nghĩ về tiến trình văn chương của Nguyễn Quang Thiều và những văn nhân Việt Nam miền bắc đồng cảnh với ông...(xin xem phụ lục)

Trong *"Người đàn bà tóc trắng,"* ta thấy rõ ràng tác giả muốn chứng minh là tình yêu thắng những ganh tị hay âm mưu ác độc. Cái Gừng và anh Mô yêu nhau và lấy được nhau mặc dầu hoàn cảnh khó khăn và những cấm đoán do những con người đen tối, tị hiềm với tình yêu và đời sống như bà Nghinh Tóc Trắng, hay dâm bôn và ma quái như ông thầy Tàu bố chồng của bà.

Để biện minh cho sứ điệp này, tác giả xử dụng ẩn dụ nặng nề đến chỗ tạo ra một cốt truyện hoang đường như truyện ma với những nhân vật kỳ dị quái đản... Người đọc không có cảm tưởng đang chia sẻ với nhân vật một cảnh sống thật, hay cùng tác giả chiêm ngưỡng một câu chuyện nhân sinh, mà trái lại thấy mình đang bị tác giả ráo riết thuyết phục về cái triết lý phổ thông sơ đẳng về giá trị của tình yêu.

Những nét trên đây (ẩn dụ, huyền bí kỳ dị, và chuyên chở sứ điệp) hiển hiện trong hơn nửa số truyện của tuyển tập (*Con chuột lông vàng, Mùa hoa cải bên sông, Gió dại, Tiếng dập của cánh chim thần*, và tất nhiên là *Người đàn bà tóc trắng*.) Nói chung, ở một trình độ tay nghề khác, những truyện này của ông làm ta nhớ đến Nguyễn Huy Thiệp.

Con chuột lông vàng là câu chuyện tai ương chuột xuất hiện trong một không khí ma quái, sau khi dân làng Chùa xoay ra phá chùa và quẳng tượng Phật xuống ao... Trong đám chuột lúc nhúc, một con chuột ma quái to như con chó và tinh khôn như con yêu đã giết chết ông Lẫm

Cùi đối thủ của nó...

Mùa hoa cải bên sông là về mối hận thù của ông cụ già thuyền chài chuyên nghề xúc cát dưới sông lên bán. Bị dân đất liền dọc sông Đáy không cho ông lên bờ chôn người vợ bị chết vì bệnh dịch, ông đã lấy gầu xúc cát đào lòng sông thành huyệt chôn vợ, và chở đá xanh đến đè lên trên để xác vợ khỏi trôi ra biển. Ông cho tất cả dân trên bờ là xấu xa độc ác, và ông nguyền không bao giờ ông và con cái ông đặt chân lên đất liền nữa... Nhưng khi Chinh, con gái út của ông tới tuổi dậy thì, cô gái hoang dại mù chữ nhưng đẹp lộng lẫy yêu một sinh viên văn khoa (biết thơ Tagore). Anh chàng là dân đất liền, nguyên đặc công nên biết lặn. Cô nhờ anh ta lén lặn xuống đáy sông mang xác mẹ cô lên bờ chôn cất bên ruộng cải. Đêm đêm cô lên bờ tình tự với người yêu, sau cùng có bầu. Ông cụ thuyền chài vô cùng uất ức vì một lúc bị hai chuyện bất như ý: mồ vợ bị dời lên bờ và con gái chửa hoang với một thanh niên dân đất liền... Kết cục là một thảm cảnh kiểu Hy-lạp. Ông đánh đập con gái rồi đem gia đình đi biệt tăm. Anh sinh viên bị ốm liệt giường trong lúc người yêu lâm nạn nên không can thiệp gì được. Khỏi bệnh anh lang thang các bến nước đi tìm người yêu, để được nghe những lời đồn đại huyền hoặc về con anh, thằng bé khi thì bị bỏ vào thúng cho thả sông được người vớt lên đem về nuôi, khi thì ngồi trên xác mẹ trôi giạt vào bờ... Hài nhi của huyền thoại không quên nhìn vào đất liền, khóc ba tiếng rồi cười ba tiếng...

Tiếng dập của cánh chim thần là chuyện người anh rể góa yêu cô em vợ, dùng em để thay thế cho hình ảnh người chị không còn nữa, với sự khuyến khích của bà mẹ vợ... Hoàn cảnh tình chị duyên em thật ra cũng không hiếm ngoài đời, riêng truyện có điểm bất thường là cô gái xử lý không giống đàn bà chút nào... Cô sung sướng vờ nhận mình là chị để được anh rể tật nguyền (lửa bom cháy mặt) yêu trong cơn mê sảng... Sự vô lý được biện minh bằng ẩn dụ huyền bí về tiếng vỗ của cánh chim thần...

Trong *Gió Dại*, cô May xinh đẹp sau bao nhiên thăng trầm tìm được người mẹ đẻ là một người đàn bà điên... Tình tiết truyện này phức tạp quá. Quá nhiều nhân vật điên khùng, quá nhiều tượng trưng cho quá nhiều chuyện, từ chuyện người đàn bà thương con trai muốn ép duyên cô cho người con trai tật nguyền, cho đến tình yêu đồng tính của bà thủ trưởng cựu thanh niên xung phong Trường Sơn, cho đến chuyện người mẹ nuôi độc ác... Chừng ấy nhân vật đều có khả năng cư xử rất bất ngờ, rất khác người ta, chỉ vì tác giả muốn gửi cái sứ điệp về tình mẫu tử, dù là tình mẫu tử của một người mẹ điên...

Tuy nhiên, văn tả cảnh và đối thoại của tác giả có trình độ cao, và

truyện nào cũng có những đoạn hay và đẹp. Chỉ tiếc là những ẩn dụ huyền bí và xu hướng sứ điệp của toàn truyện làm những thành công về bút pháp này trở thành cục bộ và không cứu nổi tác phẩm...

Truyện *Bầy chim chìa vôi* xuất hiện như một luồng gió mát trong dám truyện ngắn của tuyển tập. Tất cả những nhược điểm do quá độ về sứ điệp hay huyền bí hay ẩn dụ đều đã được trút sạch, và những sở trường của ông về đối thoại và tả cảnh trở nên dắc địa. Nơi đây, ta bỗng thấy một Nguyễn Quang Thiều khác, thoải mái, hồn nhiên bắt lấy những nét đặc biệt rất thật và cũng rất đẹp của cuộc sống.

Khác với những truyện loại sứ điệp của ông, cốt truyện giản dị. Hai anh em Mon và Mên một đêm mưa lụt đang nằm trong giường ấm bỗng lo lắng về số phận bầy chim chìa vôi chưa ra dàng trong những tổ chim ngoài bãi cát giữa sông. Rồi chúng trốn bố lẻn ra bến lấy đò toan chống ra bãi để cứu chim, giữa cảnh sấm chớp mưa gió và nước lụt cuồn cuộn dâng lên. Cuộc phiêu lưu nhi đồng gian lao hiểm nghèo, có lúc cây sào bị văng đi và thuyền suýt lật. Gần sáng, hai anh em tạt được vào bờ khoảng ngang bãi cát giữa sông. Nước đã dâng cao và bãi cát chỉ còn bằng cái chỏm mũ. Bất thần chuyện nhiệm mầu xảy ra. Khi tấc đất cuối cùng chìm dưới làn nước lụt thì chim vừa dủ cứng cáp để cất cánh bay lên. Trong ánh nắng đầu ngày sau một đêm mưa bão, bầy chim non ướt át đập cánh rào rào, vụng về bay tới lùm cây ven sông đáp xuống an toàn. Mon và Mên nhìn nhau, phát hiện ra hai anh em đã khóc tự bao giờ, và nước mắt đã in vệt trên hai khuôn mặt ấu thơ còn tái mét sau một đêm mưa lạnh.

Kỳ lạ thay, ta không thấy tác giả chủ tâm phản ảnh lịch sử hay xã hội. Không có sứ điệp cao siêu hay lẩn thẩn. Không có cả ẩn dụ để mỉa mai bạo lực, không có giảng triết lý cho độc giả, không có làm dáng hay lập dị trong văn phạm ngữ vựng. Không có cả than thở của người viết về mất tự do thủa trước viết văn chương minh họa, hay về nỗi bơ vơ hiện tại vì mất bao cấp trong cảnh kinh tế thị trường khó khăn...

Trong *Bầy chim chìa vôi* ta chỉ thấy cái tài hoa và bén nhậy của tác giả khi bắt lấy những phát hiện rất đẹp của tuổi thơ, của cuộc sống. Kỹ thuật truyện cao. Đêm mưa gió ra đêm mưa gió, không những hãi hùng một cách chung chung, mà hãi hùng một cách rất hiện thực dưới cái nhìn của những đứa trẻ có lẽ còn sợ ma. Từ ngôn ngữ đến tâm lý tuổi thơ, Mon và Mên có máu có hồn. Đối thoại của chúng sống động, đúng giọng con nít, khác hẳn thứ ngôn ngữ của người lớn nhái lại con nít thường thấy trong nhiều tác phẩm nhi đồng.

Trong bầu không khí chung tác giả dựng cho truyện, những chi tiết

cộng hưởng nhuần nhuyễn với nhau. Cái măng sữa của đàn chim sắp ra dàng lẫn vào cái măng sữa của hai đứa trẻ. Cái hiểm nghèo của hai anh em trên con thuyền tròng chành giữa sông cũng là cái hiểm nghèo của bầy chim non có thể không biết bay kịp để thoát chết đuối. Chuyện chim chuyện người quyện lấy nhau, tạo nên xúc động, và độc giả nhịn hơi băng qua những hàng chữ in trên mặt giấy để sau cùng thở phào sung sướng như chính mình thoát hiểm khi đàn chim cất cánh bay lên và hai em bé về nhà an toàn...

Sự sống thắng trận, và Nguyễn Quang Thiều đã thành công khi tả sự thắng trận ấy. Cái cảnh cuối cùng khi đàn chim bay lên, chỉ nửa trang sách mà vĩ đại như cảnh trong kinh thánh, khi Moise rẽ nước Hồng hải cho dân Do Thái chạy thoát.

Và thành công ấy, tác giả tạo được mà không cần đao to búa lớn, không cần triết lý dài dòng... Không cả cố gắng năn nỉ hay lý luận để thuyết phục độc giả...

Ta không biết Nguyễn Quang Thiều phản ảnh bao nhiêu sự tiến triển văn học trong nước trong thập niên qua. Chung chung ông có những nét của văn học phi chính trị gần đây, khi văn nhân quốc nội xem ra đã chán những đề tài công nông binh toàn hảo hay con người cộng sản siêu việt, chán đến chỗ không những không vinh danh họ theo lối *minh họa* mà cũng không buồn đả phá họ theo lối *phản kháng*... Thân cộng hay chống cộng không còn làm trụ cho sáng tác nữa, và ta có cảm tưởng ông đã thoát ly ra khỏi ảnh hưởng của văn học kiểu Mayakovsky, dù theo chiều thuận hay nghịch...

Và cũng như những nhà văn mới xuất hiện trên dưới thập niên qua, ông cũng thích những chuyện huyền bí. Hơn nữa, lối viết chủ đề rất mạnh nơi ông, với những sứ điệp nặng nề, nặng đến chỗ nhiều khi làm hại đến nghệ thuật. Ngay cả đối thoại của nhân vật, một diện ông có tài, có chỗ vì chủ đề đã mất tự nhiên và trở thành những bài cãi lý để thuyết phục cho sứ điệp của tác giả...

Điều đáng vui là khi tới *Bầy chim chìa vôi*, ông tỏ ra thoát ra được những nhược điểm ấy để tạo được một tác phẩm hay... Năm mười năm nữa, khi các tác phẩm thời thượng trúng giải này trúng giải nọ đã trở thành những tài liệu văn học sử cho học giả mai hậu nghiên cứu những bước phục hồi chập chững của tiến trình văn học Việt Nam cuối thế kỷ 20, khi ấy *Bầy Chim Chìa Vôi* sẽ tồn tại như một truyện ngắn hay, tự nó hay mà không cần những lời phi lộ, giới thiệu hay bị chú này nọ. Vì cái hay của truyện xây dựng trên cái đẹp của tuổi thơ, của tâm hồn con người, những căn bản trường cửu của cuộc sống và văn học.

Điều ngạc nhiên là ông không dùng *Bầy chim chìa vôi* làm tựa chung cho toàn tuyển tập. Ông không tâm đắc với truyện này chăng? Hay sự thờ ơ của bạn văn cùng chí hướng, muốn văn chương phải có sứ điệp này nọ, đã làm ông rẻ rúng đứa con xinh đẹp của mình?

Hay phải chăng những ẩn dụ có một giá trị đặc biệt với bạn văn của ông trong giới làng văn quốc nội. Trong cảnh sống của sĩ phu Bắc hà với những chuyện đang xảy ra ngoài đời, *Người đàn bà tóc trắng* (có đủ từ tâm để nuôi một đứa bé ăn mày, nhưng không đủ rộng lượng để thấy nó được yêu mà không ghen tức) tượng trưng cho tệ đoan xã hội gì, ảnh hưởng chính trị gì, nhân vật nào... đã cấm cảm tình yêu trong đời sống nói chung và văn học nói riêng? Nếu sống tại Hà Nội, biết bối cảnh nhân sự hay chính sự của thành phố ấy, có lẽ ta đã có thể chung vui với tác giả và bạn văn về người đàn bà tóc trắng... Tóm lại hoàn cảnh rất đặc thù của Hà Nội có thể tạo ra một thói thưởng lãm đặc thù, tâm đắc với lối văn ẩn dụ huyền bí như vậy.

Ra khỏi mấy chục mẫu đất ấy, ra khỏi thời gian ấy, người đọc sẽ hoàn toàn không tâm đắc được lối văn ẩn dụ và huyền bí này... Chúng ta đồng hương, đồng văn lại đồng thời với Nguyễn Quang Thiều mà cũng không bắt được ông trong những truyện chở sứ điệp như vậy...

Chúng ta chỉ tiếc là những yếu tố phi văn học loại này thường khuyến khích sự sản xuất ra những tác phẩm chỉ có giá trị nhất thời, đòi hỏi một không gian và một thời gian nhất định để tâm đắc, không gian và thời gian của ba mươi sáu phố phường trong giao thời của những năm đổi mới... Và chúng ta e sợ văn học Việt Nam đã cô lập gần nửa thế kỷ, lại càng cô lập hơn vì lối viết bí hiểm nếu tiếp tục khai triển đến chỗ cường điệu.

Chúng ta chỉ hy vọng là giá trị của truyện hay nói chung sớm muộn sẽ được ghi nhận đúng mức, và một truyện hay như *Bầy chim chìa vôi* sẽ được phát hiện bởi độc giả và các cơ quan văn học để trao những giải thưởng xứng đáng, khích lệ tác giả và khuyến khích những nhà văn trẻ đang tập sự nhìn vào đấy mà làm mẫu mực.

Và chúng ta cũng mơ ước những thể văn ẩn dụ bí hiểm như một bài toán đố, hay nặng sứ điệp như những bài dậy khôn về những chân lý cao siêu hay lẩn thẩn, sẽ sớm mất tư thế thời thượng, để rút ngắn khoảng thời gian chúng ta đã đánh mất vì sự cô lập văn học của đất nước trong quá khứ.□

Tháng 5

PHAN MINH KHÁNH

em đi chiều nắng nghiêng đồng lúa
tóc xoã ngang lưng mộng cuối trời
mắt đọng quê hương ngày mới lớn
lá muà xao xuyến lượn vai xuôi

gió lộng vườn cao ta nghiêng ngã
môi em nắng rực chuỗi ngày xanh
đường quê đất đỏ buồn khuynh diệp
ta cũng buồn theo tuổi độc hành

em ngắm mây bay lòng giếng cũ
má hồng dâm bụt dáng hồn nhiên
ta cười ngơ ngẩn hồn du tử
cát bụi nào bay hết muộn phiền

mù sương tiền kiếp tình quê quán
ta vẫn chiêm bao cuộc hẹn hò
bờ cỏ xuân xanh đời cách trở
em hiền ngoan sách vở học trò

ta về mất ngủ đêm miền lạ
rượu thắp trong tim lửa ngậm ngùi
nghe đã ngàn năm trong gặp gỡ
mà người khoảnh khắc bỗng xa xôi

nguyên sa

Nguyên Sa tên thật là Trần Bích Lan, sinh ngày 1 tháng 3 năm 1932. Trước thời gian 1975 làm nghề dậy học, môn triết học. Sau năm 1975 ty nạn chính trị ở Pháp, sau đó Mỹ, làm các nghề kế toán, điện tử, sản xuất băng nhạc và đĩa hát, và làm báo.

Các tác phẩm đã in:

- *Thơ Nguyên Sa 1*
- *Gõ đầu trẻ*, tập truyện.
- *Mây Bay Đi*, tập truyện.
- *Một Mình Một Ngựa*, tạp văn.
- *Một Bông Hồng Cho Văn Nghệ*, tiểu luận.
- *Descartes nhìn từ phương Đông*, triết học.
- *Vài Ngày Làm Việc Ở Chung Sự Vụ*, truyện.
- *Thơ Nguyên Sa 2*.
- *Giấc Mơ 1, 2, 3*, trường thiên tiểu thuyết.
- *Nghệ sĩ Việt Nam Ở Hải Ngoại*, tạp văn.

Vấn đề không có đủ thì giờ cho công việc sáng tạo là vấn đề muôn đời. Ngòi bút không đủ nuôi sống, nhà văn xứ nghèo như chúng ta cơm áo thúc phọc, nghề tay phải, nghề tay trái, không có đủ thì giờ để viết, tay trái làm mệt tay phải. Ngay như những người không cần đến nghề tay trái, tay mặt lúc nào cũng thảnh thơi cũng không đương nhiên có đủ thì giờ, vì khi có thì giờ thì không có cảm hứng, khi có cảm hứng lại thiếu thì giờ.

Thời gian này tôi hoàn toàn sống bằng nghề cầm bút, viết báo. Công việc này chiếm nhiều giờ, quả thật có gây khó khăn cho công việc sáng tạo,

với tôi là viết truyện và làm thơ. Nhưng mặt khác, công việc sinh nhai này cũng mang lại cho tôi những trợ giúp trong việc sáng tạo. Thì giờ dành hoàn toàn cho viết lách, dù báo chí, tạo thành một số thói quen sinh hoạt tinh thần, làm khi có cơ hội bước qua sáng tạo cũng thoải mái.

Tôi viết dở dang bộ Giấc Mơ, được ba cuốn, viết dở cuốn 4 thì trở lại làm tờ Dân Chúng từ cuối năm 1993, cuốn 4 do đó bị chậm lại, không xong được trong năm 1995 như dự tính. Mặt khác, bỗng nhiên, nhờ những tiếp xúc, gặp gỡ trong sự làm việc, tìm được cảm hứng cho thơ, hoàn thành được Thơ Nguyên Sa tập 3, sẽ xuất bản trong tháng 7 tới đây. Tôi in cuốn 1 năm 1957, cuốn 2 năm 1988, 31 năm sau, từ 88 tới nay, mới chỉ 7 năm có cuốn 3. Công việc sinh nhai có gây trở ngại cho sáng tạo trong vấn đề thì giờ, cũng mang lại thói quen tốt và cảm hứng bất ngờ. Tôi không có gì để than phiền.

Ba câu hỏi Viết để làm gì, Viết như thế nào, Viết cho ai là những câu hỏi có một gắn bó triết học được Sartre làm nổi bật. Khi đã xác định viết cho ai, thì phải chọn lựa viết để làm gì và viết như thế nào. Cũng có thể nói chính viết để làm gì làm cho chọn lựa viết như thế nào và cho ai.

Tôi xin phép trả lời một phần ở trong, một phần ra ngoài khuôn khổ triết học của những câu hỏi để có thể nói lên được nhiều tâm sự hơn.

Tôi viết văn và làm thơ bằng tiếng Việt, tôi viết cho người đọc tiếng Việt. Hiện nay tôi mong mỏi có người Việt Nam ở nơi hải ngoại đọc tôi, và tôi hy vọng đồng bào tôi ở trong nước, khi có tự do ngôn luận, tư tưởng và xuất bản, cũng sẽ đọc. Hành động viết và tiếp tục viết có biểu lộ một khuynh hướng lạc quan về ngôn ngữ Việt Nam, sự tồn tại của nó nơi hải ngoại, một khuynh hướng lạc quan về tương lai Việt Nam.

Tại sao viết? Trong những yếu tố triết lý, viết là hành động, là cách thể hiện hữu, yếu tố chính trị xã hội, viết là hành động dấn thân, là cách thế biến đổi thế giới, yếu tố tâm lý, như sự thôi thúc của nhu cầu sáng tạo, trở thành chính mình, thể hiện bản thân, tôi cảm thấy gần gụi yếu tố tâm lý nhiều hơn.

Biết một phần nào viết cho ai, biết đại khái tại sao viết, tôi còn biết ít hơn vấn nạn viết như thế nào? Tôi vẫn nghĩ câu trả lời luôn luôn hậu nghiệm, a posteriori. *Không thể tiên nghiệm,* a priori, *được. Cũng không thể là hệ luận của "tại sao" và "cho ai". Áp dụng một công thức để giải bài toán thì tốt. Sáng tạo theo một công thức, một định luật, sợ rằng có làm tổn thương cho sáng tạo. Mỗi lần sáng tạo là mỗi lần viết băng băng. Thỉnh thoảng có lúc suy gẫm về kỹ thuật sáng tạo của người đi trước, kinh nghiệm luật ba đơn vị của kịch trường Pháp thế kỷ 17, kinh nghiệm thơ tám chữ của tiền chiến, kinh nghiệm thơ tự do của Eluard, của Prevert, cũng có lúc rút tỉa*

kinh nghiệm của chính mình, nhưng kinh nghiệm giải thích được từ tha nhân hay chính mình có thể trở thành khuôn thước trong công nghiệp tới sau, nhất định không quan niệm được như những định luật và những chỉ dẫn ý thức trong việc sáng tạo.

Hơn thế, người sáng tạo nhiều khi còn loại bỏ những dấu vết của tha nhân và bản thân khi bắt gặp chúng vô thức lồng nhập vào trong tác phẩm. Tôi cũng mong có lúc có thì giờ nhìn lại xem mọi việc đã diễn ra "như thế nào". Lúc này còn kẹt quá. Tôi có thì giờ để in ra cuốn thơ Nguyên Sa 3 như dự tính. Sau đó mong có thì giờ để hoàn thành Giấc Mơ. Sau đó, may ra mới có thể tính đến chuyện "như thế nào?"

áo luạ hà đông

nguyên sa

Nắng Saigon anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng

Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa

Gặp một bữa anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn
Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu

Em không nói đã nghe lừng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình
Với tay trắng em vào thơ diễm tuyệt

Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu

Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại

Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời
Em đi rồi, sám hối chạy trên môi
Những ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng

Em ở đâu, hỡi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng

tháng giêng và anh

nguyên sa

Chào tháng Chạp, hôm nào thì đến Tết?
Em mặc áo xanh hay mặc áo thêu hồng
Bầu trời mây ở dưới áng mi cong
Em có muốn anh giữ dùm phân nửa?...

Tháng Giêng và anh vươn vai và mở cửa
Trời trên cao, em cũng ở trên cao
Tháng Giêng cho anh một nụ hoa đào
Anh gởi cho em một trời mộng tưởng...

Bài hát đó mang cho anh hò hẹn
Em nhớ mang vàng cho cúc, ngọc cho lan
Mang cầu vồng cho khoảnh khắc mưa tan
Và một chút vai em cho huệ trắng...

Con chim én cùng với thơ bay trong nắng
Trên môi anh dường có ngọn cỏ thơm

Là ngón tay nào trong mười ngón tay em
Có cả nụ hôn đầu quanh quất đó...

Tháng Giêng và anh rủ nhau ngồi dưới phố
Tô môi hồng xin nhớ cánh sen non
Tháng Giêng chờ một chút lượng xuân em
Nụ cười đó, anh chờ xuân vĩnh viễn

Tháng Giêng và anh rủ nhau châm điếu thuốc
Điếu thuốc đầu năm và điếu thuốc đầu ngày
Vòng khói tròn khuyên phía trái, bên tai
Tà áo em có nhánh cười trong vũ điệu

Tháng Giêng và anh rót đầy trong ly rượu
Một góc trời âu yếm, khúc Bolsa
Yêu cuộn tròn trong tám chữ mây qua
Khi em tới lượn vòng trên mái tóc...

nói chuyện với Phạm Công Thiện

nguyên sa

Người vào tịnh thất sống ba năm
Cất tiếng không lời để nói năng
Buổi sáng thinh không chiều tới chậm
Tiền kiếp chen vô cạnh chỗ nằm

Ta muốn cùng người một tối nay
Đầu sông uống rượu cuối sông say
Người trên sườn núi, ta từ biển
Tụ giấc mơ nào đã tới đây?

Dưới bóng tường im, giữa nhạc không
Đời đang phía trước bỗng mung lung
Thơ như hữu thể mà vô thể
Có cũng xong, mà không cũng xong

Sáng dậy ta nhìn tục lụy ta
Những đi không tới, đến không ngờ
Xóa luôn thì dứt, nhưng tâm thức:
Kinh Pháp Hoa nào dậy cách xa?...

Trong chín ngàn âm có hải triều
Còn thêm một kiếp nữa phiêu lưu
Này người bỏ sóng sang thuyền tĩnh
Nhớ đứng chờ ta ở cõi siêu...

tuyệt chiêu

nguyên sa

Nãy giờ tìm được tuyệt chiêu
Trên đường vô núi buổi chiều pha sương
Trông lên tượng Phật sơn son
Ngó qua tục lụy vẫn còn ngẩn ngơ
Trở ra chặt mấy cây già
Hai tay chai cứng nào ngờ vẫn đau

tiếng biển

nguyên sa

Đêm nghe tiếng biển thấy thương
Tiếng em thổn thức thấy ràng buộc nhau,
Ai về ngang đó mai sau,
Sợi giây tìm thấy gối đầu cho ta.
Nếu đang nằm xấp? Lật qua!
Lắng nghe tiếng biển trong ra dạt dào!...

trần hồng châu

1. Viết – người ta đã nói cả ngàn lần – là tuân theo một nội lực thôi thúc, khó cưỡng lại. Một dòng nhựa mạnh vươn lên qua ngàn thớ gỗ để sau cùng kết trái thơ văn ở đầu cành.

Viết vì những vui buồn của bản thân và đất nước, của kiếp người nổi trôi trong vũ trụ... Không viết thì trăn trở, vương mắc? Viết vì muốn "làm nghệ thuật", muốn thể hiện "một vật dẹp muôn năm vui". Giấc mơ hão huyền..., cái tôi và chủ quan người viết, khi cao hứng, thì tưởng như vậy và tự ru ngủ! Nhưng chẳng ai cấm chúng ta ngước mắt nhìn trời cao, hướng thượng, mặc dầu các vì tinh tú ở cách xa hàng ngàn ngàn năm ánh sáng...

Viết để chia sẻ với người đồng điệu. Âm hưởng từ phía người đọc mang lại an ủi, cảm thông và một ý nghĩa cho việc viết lách. Mấy yếu tố trên luôn luôn pha trộn, đan xen. Tất cả đều là thúc đẩy, bắt buộc. Một độc tài đáng yêu.

2. Viết về đủ mọi đề tài, không phân biệt. Miễn là có áp lực nội tâm. Miễn là đối tượng mang chất "chân, thiện, mỹ" của nghệ thuật, có hơi thở cuộc sống và tình người, nghĩa là nói lên được một cái gì.

Viết thế nào? Tôi thường thấy mệt mỏi với lý thuyết văn nghệ nên ít khi tự hỏi như vậy. Chỉ có một tiêu chuẩn: viết thế nào cho<F3> đạt<F2>, cho<F3> tới.<F2> Những ý niệm này kể ra cũng mơ hồ, nhưng trong địa hạt văn nghệ cái gì mà chẳng ít nhiều mơ hồ. Dù sao ta vẫn có một thứ trực giác, một thẩm quan rất có thể là bẩm sinh, một cái<F3> flair<F2> hay<F3> gout<F2> nào đó để cảm nhận rõ là một đoạn thi văn, một tác phẩm, *đã đạt, đã thành công.*

Viết cho đủ mọi tầng lớp độc giả, không giới hạn. Độc giả là một nửa phần tác phẩm. Tất nhiên tác giả nào cũng có một loại độc giả "ruột thịt", gần gũi, cùng tần số. Mong là số đó mỗi ngày một mở rộng, đông đảo. Nhưng nhất định không a dua, không chạy theo, không bị ám ảnh vì đa số. Để bảo vệ sinh mệnh của người viết và tác phẩm nghệ thuật.

anh không đi về hư vô

trần hồng châu

Đêm đêm anh còn nằm bên em nữa không?
Máu còn chảy giữa những vách tường đa đoan nữa không?
Từng cơn địa chấn chạy dài trên ngực anh
Bình nguyên đam mê
Từng giọt thuốc nổ thấm dần vào não cân
Lành lạnh đêm
T.N.T

Cardizem
Trái tim mênh mông
Bảy mầu mưa nắng
Trái tim có vỡ tung
Như một tinh cầu vắng lặng?
Trái tim hằng cửu
Vạn mùa xuân
Tình và thơ!

Đêm đêm anh vẫn nằm bên em
Thơ vẫn tuôn trào từ thịt da anh
Cỗ xe tuổi trẻ
Hương vị trần gian
Ngọc ngà em!

Anh không đi về hư vô!
Thơ vẫn tuôn trào từ thịt da anh
Anh vẫn mãi còn đây
Hữu cơ, vô cơ
Trong bàng bạc lời thơ
Về cõi trống không cùng
Trong hạt giống em hằng ấp ủ
Của chúng ta hoa trái đời đời
Hậu duệ ân ái những người tình...

Đêm đêm anh vẫn nằm bên em
Hiện hữu tuyệt vời
Như tượng linh thần
Song song những miếu đền xưa
Thiên Vương và Thiên Hậu
Muôn đời!

đêm loạn nghe tiếng hát L.T. và K.L.

trần hồng châu

nửa khuya rồi tiếng người nữ ca sĩ
một mình một mình
truyện thần kỳ
thanh âm ngút ngàn
đổ xuống vực thời gian
từng mảng tình cầu
lãng đãng về chân trời nào đây?

tiếng thời gian thành ánh trăng xanh
mầu thời gian thành hải triều âm
ta đi giữa núi đồi cung bậc
phân tử, chuỗi kết

đối điểm, hòa âm
thương yêu, hờn giận
tiếng lạnh băng giá nước ôn tuyền
tiếng ấm vỗ về miền cực bắc
biện chứng tình yêu nghiêng ngửa
biện chứng cuộc đời
mưa chiều nắng sớm
ta đam mê cắn vào chuỗi ngọc
lệ pha lê
trong suốt ngàn đời!

ta chợt thấy quá khứ
hôm nay, ngày mai
chợt thấy ảo ảnh núi sông
bóng hình ta hay em
nhạt nhòa cánh hoa khô

thôi hết!
lòng chùng xuống
võng em nằm
đường cong
nửa vầng trăng khuyết
mấy mùa loạn ly

kinh thành một thuở héo hon
yêu ma thánh thiện gói tròn lời ca...

núi yêu mệt lả

trần hồng châu

Núi xuân tình động muốn hôn
Ta vào Hội lửa càn khôn mặn mà
Duỗi chân hoa đụng rừng già
Hớ hênh con gái lòa xòa tóc mây

Mưa xuân huyệt đổ Vu Sơn
Vào sâu lòng núi mê hồn giai nhân
Lửa thiêu thiêu lửa bừng bừng
Ngàn rung địa động muôn từng dấu yêu
Ta đi trong cõi phân vân
Tỉnh say sấm chớp mây vần mười phương
Phấn thông ai rắc núi ngàn
Giống yêu ta đấy vô vàn hạt thương
Từ nơi ẩm ướt cuộc tình
Thung dung cỏ mọc cho mình nhớ ta

Âm dương nhật nguyệt mấy mùa
Gót chân thần nữ còn khua Động trời

Giờ đây núi đã đàn bà
Chia vui con gái ngọc ngà tiếc chăng
Say ta nghiêng ngửa đất trời
Núi say mệt lả nửa đời yêu mê

ngu yên

Ngu Yên: Nguyễn Hiền Tiên.

Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1952 tại Kim Châu, Bình Định.

Theo học Luật khoa Sài Gòn, 1971-1975.

Đến Hoa Kỳ July the Fourth, 1975. Làm tiền và làm thơ. Cư ngụ tại Little Rock tiểu bang Arkansas 18 năm. Giữa năm 1993 dời về Houston, Texas.

Làm Thơ và viết về thơ, cộng tác với *Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Thế Kỷ 21, Làng Văn, Hợp Lưu, Tạp Chí Thơ, Người Việt*....

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Hoá Ra Nét Chữ Lên Đàng Quẩn Quanh*, Nhà xuất Bản Văn Nghệ, CA, 1986
- *Tựa Đề Ở Bên Trong*, Nhà xuất bản Văn Nghệ, CA, 1987
- *Hỡi Ơi*, Nhà xuất bản Văn Nghệ, CA, 1991
- *Hãy Cho Ta Sống Giùm Đời Nhau*, Nhà xuất bản Văn Thơ Mới, TX, 1995

Sống trong một hoàn cảnh mà thì giờ vốn hiếm hoi và văn chương chữ nghĩa vốn là món hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh đi vào/ tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?

Nghệ thuật sáng tác có hai phần vừa tương quan vừa biệt lập. Sáng tác là làm hai nghệ thuật khác nhau cùng một lúc. Làm nên một sản phẩm nghệ thuật và làm nên nghệ thuật trong con người sáng tác. Khi một tác phẩm hoàn tất, nghệ thuật của tác phẩm ấy cũng chấm dứt, nó chứa đựng trong tác phẩm và phân phát trong người thưởng ngoạn. Ở mặt ấy sản phẩm là đứa con tinh thần và tác giả muốn lớn lên thì phải bỏ đứa con ấy lại cho quần chúng rồi tự mình đi thai nghén đứa khác, một nghệ thuật muốn đẹp hơn hay hơn ý nghĩa hơn. Làm nên nghệ thuật trong con người sáng tác là một tiến trình của phẩm chất và phẩm cách của nghệ sĩ leo lên bậc thang của nghệ thuật sống. (Tư cách chỉ là một phần của phẩm làm người. Ngày nay tư cách thường hay bị hiểu lệch lạc nên hành vi trở thành tư cách, lễ nhạc trở thành hình thức). Cứ mỗi khi sáng tác một tác phẩm, tác giả có dịp gần gũi hơn, kinh nghiệm hơn về cái đẹp cái hay cái ý nghĩa của đời sống. Tác giả dùng những dịp sáng tác để thực nghiệm và tìm hiểu thêm về mình về người và về những gì tác giả muốn tìm. Tác phẩm chấm dứt nhưng tiến trình không chấm dứt, nó tiếp tục sống còn với tác giả. Tiến trình trở thành nghệ thuật sống, nó làm cho đời sống càng ngày càng vượt lên trên những nhiễu nhương thường hằng, cũng như người đứng dưới đất thì thấy ít hơn hẹp hơn kẻ đứng trên nóc nhà; kẻ lên đến đỉnh Hy Mã Lạp Sơn thì mới hưởng được cái bao la hùng vĩ của vũ trụ; kẻ lên cao nữa mới cảm được cái kinh dị Lỗ Đen (Black Hole của Stephen Hawking). Có người coi trọng sản phẩm, có người coi trọng tiến trình. Sản phẩm đem lại danh lợi. Tiến trình đem lại sức sống. Sản phẩm là cái nghệ thuật bên ngoài, tiến trình là nghệ thuật bên trong. Nghệ thuật bên ngoài và bên trong không hẳn đã song song. Có khi sản phẩm tốt mà tiến trình chậm. Có khi một tác giả không có tác phẩm nào vượt bực nhưng có một đời sống vượt bực vào sâu trong đẹp hay và ý nghĩa. Có kẻ đoạt được cả hai. Giữa sản phẩm và tiến trình tôi cho tiến trình cần thiết hơn. Kẻ tiến đến bậc thang nghệ thuật cao thì dễ có tác phẩm có phẩm chất hơn và thường có một cuộc sống phẩm cách đúng nghĩa không giả hình, ví như một người theo đạo, lên thiên đàng hay xuống hỏa ngục là sản phẩm của giữ đạo nhưng lên hay xuống thì không quan trọng bằng hàng ngày giữ đạo, giữ được thì lên, không thì xuống. Thành Phật không bằng sống Phật. Sống nghệ thuật thì vui sướng hơn sản xuất nghệ thuật. Tôi chưa bao giờ gặp một người khỏe mạnh thật, lo lắng nhiều về sức khoẻ, cũng như một người tốt không phải lo lắng nhiều về

phần hồn- John Haldane. *Đạt được nghệ thuật thì lo gì tác phẩm.*

Từ cái nhìn này, câu hỏi đặt Văn chương trên vị trí sản phẩm và vì thiếu lợi ích thực tiễn nên sản phẩm trở thành xa xí phẩm, thời giờ để tạo nên sản phẩm này trở nên khó được vợ con thân thuộc dung tình. Từ xưa đến nay, lúc nào so sánh giữa sản phẩm văn chương và các sản phẩm thực tế khác: Tiền, tình ái..., văn chương cũng thua cuộc. Văn hay chữ tốt mà thèm ăn một miếng bíp tết trước khi nhắm mắt cũng không có thì đời sống quả thật thiếu một ý nghĩa dù rất bình thường (trường hợp nhà văn V.T.P). Nhưng kém như vậy tại sao văn chương mãi tồn tại? Ở đâu có con người, còn con người ở đấy có văn chương. Ngoài trừ tôn giáo ra, nghệ thuật là con đường lớn đưa con người vượt ra khỏi tà khí của vật chất diêu linh. Không phải chỉ người viết mà người thưởng ngoạn cũng tự tạo cho mình một tiến trình nghệ thuật khi thưởng thức từ tác phẩm này sang tác phẩm khác. Sở dĩ người ta không thấy kết quả nhãn tiền như hưởng thụ vật lý vì nghệ thuật ảnh hưởng trên hoá học năng lý và tâm linh. Một người sống (sáng tác hoặc thưởng ngoạn) nghệ thuật một thời gian bỗng nhiên một hôm sẽ cảm giác được sự vượt lên, thấy rõ hơn những ý nghĩa của đời sống, sẽ nhìn lại những bạn đồng hành đã tụt ra sau, sẽ thú vị một chút trước những ưu tư vật chất thường khi làm kẻ ấy bơ phờ. Người chung quanh dần cũng sẽ nhận ra sự thay đổi. Thấu được lợi ích này văn chương không còn là sản phẩm và thời giờ dành cho văn chương sẽ có vị trí trong hàng ngày thực dụng.

Riêng tôi từ khi bước chân vào văn chương 1979 đã lấy văn chương như trò giải trí, tiêu khiển trong những thời khắc phiền hà, cho đến một hôm 1987-1988 tôi cảm ra được cái tiến trình nghệ thuật nhân khi tìm hiểu về Thơ Cụ Thể (Concrete Poetry). Từ đó:

Tôi làm tiền như làm thơ
Tôi làm tình như làm thơ
Tôi làm thơ như tôi sống
.....

Tôi nghĩ Thượng Đế sáng tạo ra con người để mỗi người tự sáng tạo đời sống của mình. Sự sáng tạo mang đời sống mỗi ngày mỗi thêm ý nghĩa. Tôi làm thơ để đạt sức sống, tôi làm tiền để đạt vật chất, tôi làm chồng làm cha để đạt hạnh phúc gia đình, tôi làm gì cũng có cá tính căn bản: sáng tạo và có kết quả tương tựa: bài thơ Cụ Thể. (Tôi viết điều này vợ tôi sẽ đọc, tôi không nói thêm hay bớt). Thơ Cụ Thể mà người Tây Phương bị bí lối giữa chừng là bước đầu tiên để đưa thơ thoát khỏi ngôn ngữ (cái niềm tin bất di bất dịch mà người ta cho rằng không có ngôn ngữ không thể có thơ). Thơ đi thẳng vào mọi con đường, mọi phương tiện, mọi tín hiệu có thể thông đạt. Thơ vào ngay đời sống để cuối cùng trở thành đời sống. Với

động cơ tiến trình này tôi tiếp tục đi vào văn chương. Thơ tôi là nhiều sản *phẩm liên tục trong tôi là tác phẩm.*

Anh viết về cái gì? Viết như thế nào? Viết cho ai đọc?

Thi sĩ quan niệm thơ là gì, thơ hẳn sẽ như vậy. Tuy nhiên thơ đối với tôi không thú không trọng bằng làm và nghiên cứu thơ. Khi làm thơ tôi phục vụ cái phẩm của mình và cái phẩm của người đọc. Tôi vui, độc giả vui. Tôi cười, độc giả cười. Tôi thấy hay thì nói, thấy ý nghĩa thì viết, không phải lo lắng chuyện phục vụ nhân sinh hay nghệ thuật. Không có nhân sinh thì nghệ thuật cũng biến mất. Không có nghệ thuật thì nhân sinh khô khốc buồn sầu. Lấy nghệ thuật phục vụ cho mình và người để hai đứa cùng phục vụ lại nghệ thuật, chỉ là một cái vòng càng xoay nhanh càng nâng đời sống cao lên một chút. Tôi yêu sự tự do của sáng tác nên đề tài, thi phong, thể loại thường thay đổi không nhất định. Thơ của tôi biến từng đoạn quanh không giống nhau. Tập đầu lấy hồn nhiên làm gốc. Tập hai lấy kỹ thuật làm phương tiện. Tập ba lấy đạo lý ra nghi ngờ. Tập tư quay về hạnh phúc trong tầm tay với những bản nhạc tình muôn thuở vẫn mới.

Người nghiêm trang về luân lý, người cần trọng truyền thống, người giữ gìn qui tắc, người đạo giáo mãnh liệt khó mà ưa thích thơ của tôi. Khi tôi mới sáng tác, độc giả mà tôi chọn là những người thích giải trí bằng nụ cười. Người độc giả vô danh này là người yêu khôi hài, vui dù bi hài. Họ không quá câu nệ những qui điều. Họ cảm thấy trong đời sống lôi thôi ghê gớm này không thể thiếu tiếng cười. Tôi và họ cùng yêu thích, cùng chia nhau chút vui. Hễ đang cười thì không thể buồn vì hai phản ứng hoá học khác nhau trong cơ thể. Hễ cười nhiều thì bớt phiền lo. Vui cười nhiều sẽ thành thói quen, đó chỉ là kết quả của thay đổi tâm tình bằng hành vi bên ngoài (psychotherapy). Cười cho buồn thảm ngấm ngầm tuôn ra. Cười cho quen đến lúc già, cái buồn không dám tìm ta lẳng nhẳng.

Dần dần người độc giả vô danh và tôi bước thêm vào phẩm chất của nụ cười. Họ nhìn thấu qua những giả hình, vinh danh bởi lòng mặc cảm; những xuất hiện anh hùng giai nhân đầy hành vi vô ý thức bởi lòng thiếu tự tin; những ma lanh ma giáo tham lam hiểm tị dã lậm vào cá tính; những nhân quả của tinh thần nô lệ dã trở thành tinh thần căn bản bình thường hàng ngày. Chúng ta làm gì với cái căn nguyên di truyền suốt 4000 năm đó? Cười.

Cười đơn giản vậy thôi sao? Nếu người nào tưởng nói chơi, kề tai ngực hẳn nghe lời thật tâm nhưng xin báo trước đừng lầm, thơ theo ngôn ngữ tâm thần ngoài thơ. Nói ra không phải giả vờ, chính ta đây cũng nghi ngờ Ngu Yên.

cái ấy

ngu yên

Hỏi ngầm
Cái ấy đâu rồi?
Trả lời ánh mắt bùi ngùi
Chồng em đây chào bắt tay nhau
Không vừa bàn tay

Xưa cái ấy yểu điệu xinh xinh
Xưa cái ấy nũng nịu cung nghinh
Xưa cái ấy cưng nhau tươi cười
Xưa cái ấy như một bài thơ

Yêu cái ấy tóc xòa lăng quăng
Yêu cái ấy môi hồng như hoa
Yêu cái ấy mũi thon dọc dừa
Yêu cái ấy xoa mềm hơn bông

Thương cái ấy bao ngày xa nhau
Thương cái ấy bây giờ kém vui
Thương cái ấy theo em lấy chồng
Thương cái ấy mai rồi khô khan

Tiếc cái ấy không còn cho anh
Tiếc cái ấy cho người lơ ngơ
Tiếc cái ấy hôm nay gặp lại
Tiếc cái ấy khép tình nghiêm trang

Hỏi thầm
Cái ấy đâu rồi?
Người cười chỉ ngước nhìn trời
Nhìn mây bay chợt hiểu ý em
Quên rồi ngày xưa

tim em. âu yếm tôi

ngu yên

Nằm dài không thẳng
Nằm sấp không bằng
Nằm trở trăn
Nằm thiếu con tim
Nằm rát tâm tư
Nằm úng đôi môi
Nằm kéo hơi lên mà sầu
Đêm khuya
Tìm người
Mình tôi âu yếm tôi
Bay cao vào mơ ước

Rơi sâu vào hư ảnh
Tôi đi tìm em đến tư tình
Tìm lại em cho nhớ thương vơi đợi chờ

Chất ngất đôi tay lùa vào trong đắm say
Tìm lại bao ngất ngây
Người tình, em hãy nhanh lên
Tay nồng hương sắc giai nhân
Môi rờn thoi thóp da em
Ta cùng em đến đam mê tình ái

Đêm khuya
Một mình
Tìm em
Âu yếm tôi
Tôi tan vào thương nhớ
Tôi mê vào thân xác
Tôi say vào cảm giác mơ hồ
Một lần mơ bao nhớ thương vơi đợi chờ.

vi khuê

Vi Khuê là bút hiệu chính, các bút hiệu khác có Đoàn Văn, Đào Thị Khánh, Nguyễn Thị Bình Thường. Tên thật: Trần Trinh Thuận. Sinh ngày 20 tháng Năm, năm 1931. Nghề nghiệp chính: Tại Việt Nam: dạy học (Hiệu Trưởng trường Trung Học Văn Khoa Đà Lạt). Tại Hoa Kỳ: viết báo, viết văn, làm thơ, nội trợ...

Đến định cư tại Hoa Kỳ bằng máy bay từ ngày 28 tháng Tư năm 1975, để đoàn tụ với các con đã du học từ trước đó.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Giọt Lệ* (1971), thơ
- *Cát Vàng* (1985), thơ
- *Tặng Phẩm Tình Yêu* (1991), thơ
- *Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi* (1994), thơ
- *Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ* (1986), văn
- *Những Ngày ở Virginia* (1991), văn
- *Vẫn Chờ Xe Thổ Mộ* (1993), văn

Đã cộng tác từ năm 1982 với các tạp chí: *Văn, Làng Văn* (Gia Nã Đại), *Văn Học, Đất Mới, Nhân Văn, Sóng, Thế Kỷ 21, Thời Luận, Người Việt, Saigon Times, Thời Báo, Chiêu Dương* (Úc Châu). Tại Hoa Thịnh Đốn với các báo địa phương. Đã là Chủ Bút tạp chí *Tin Điện* xuất bản tại Tây Đức... Hiện định cư tại tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ.

1. a) Không phải trong hoàn cảnh này tôi mới muốn đi vào lãnh vực văn chương. Hình ảnh thần tượng trong tâm hồn tôi từ thuở còn ngồi trên ghế nhà trường, ở bậc Tiểu Học, là những nhà thơ và nhà văn mà tôi yêu mến nhất, từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim, dù là người Việt Nam hay là người năm châu bốn biển. Bằng tác phẩm, họ đã chinh phục tình cảm của tôi, đã chế ngự tư tưởng của tôi, cho tôi thấm thía thế nào là sức mạnh của ngôn ngữ con người qua cái hình thức siêu việt là Văn Chương Đúng Nghĩa. (Sở dĩ nói như vậy là vì có những bài thơ, những bài văn được viết ra nhưng theo tôi, vẫn không phải là Văn Chương). Thì, dương nhiên là, trong tôi có giấc mộng trở thành nhà văn nhà thơ, như vậy.

Gần đây, tôi thường hay nghĩ rằng
Trái đất có lẽ sẽ phải nổ
Lúc ấy rồi ta cũng tiếc thôi
Tiếc sao những buổi rong chơi phố
Những buổi nhìn mây, buổi ngó trời...

Bây giờ, tôi nói thêm rằng:

Nếu trái đất nổ tung (mà tôi còn sống) thì tôi rất tiếc những buổi quấn mình trong chăn ấm mà ngấu nghiến cho hết những truyện ngắn hay kia, của một tác giả nọ; và, trước khi nhắm mắt lìa đời, chắc chắn sẽ có một hình ảnh dễ thương nhất của kiếp người hiện ra với tôi: đó là hình ảnh "chàng" Thôi Hiệu, một buổi chiều ngồi trên bờ sông nhìn khói sóng, đã thốt nên một tiếng Sầu... vang dội cả ngàn sau! Sinh ra làm người, để biết buồn cái buồn vô hạn của kiếp nhân sinh! Hình ảnh dễ thương đó là Văn Chương. ít ra, cũng là một chút gì quan trọng đáng kể giữa cuộc đời, hơn bất cứ món gì khác.

b) Thì giờ hiếm hoi, văn chương xa xỉ? Thì giờ lúc nào mà chả hiếm hoi. Nhưng đối với tôi, đây là giai đoạn của cuộc đời mà tôi tương đối có thì giờ rảnh rỗi hơn trước, ở quê nhà, phần chính của ngày tháng phải dành cho việc mưu sinh. Nay thì con cái tôi đã trưởng thành, đời sống ở Mỹ có đủ tiện nghi để cho tôi không đến nỗi thiếu thì giờ để làm việc gì tôi thích nhất.

Văn chương chữ nghĩa thì tự bao giờ vẫn là món hàng xa xỉ, chứ đâu phải chỉ tới nay. Đã từng có danh ngôn "Đừng nói chuyện văn chương trong một thế giới nghèo đói." Đúng rồi. Nhưng hiện nay, người cầm bút Việt Nam đang được sống tại Hoa Kỳ, thì đâu phải là một thế giới nghèo đói! Thì nghĩ đến thứ tinh thần như văn chương, cũng không phải là chuyện ngoài tầm tay. Thê thảm là đã có thi sĩ so sánh thơ mình với thịt heo. Sao không nghĩ: Thơ, sở dĩ có giá trị đặc biệt, vì nó không giống thịt heo hay tôm cá, để mà bán được nhiều. Thơ chỉ bán được cho người biết thưởng thức:

sành điệu! Đối với một người dàn bà còn thích trang điểm như tôi, thơ dầu có xa xỉ cách mấy cũng không thấm vào đâu với hột xoàn mà các bà có người phải tất bật một đời mới sắm được vài "cục", đeo vào cũng không làm cho mình đẹp hơn hay sang hơn. Nếu chị em bạn gái tô điểm dung nhan của mình bằng Thơ, Văn... tôi nghĩ nhất định là... hữu hiệu hơn, và không xa xỉ chút nào, trong cái nghĩa thực tế nhất của nó!

Vậy, nhất định không có vấn đề "thì giờ hiếm hoi, văn chương xa xỉ"!

2. Những gì tôi viết ra và đã được in thành tác phẩm, đều đã được giới thiệu như thế này:

---Một dòng sông tình cảm êm đềm tươi mát của nữ giới Việt Nam,

---Một giếng sâu khắc khoải suy tư của con người thời thế,

---Một công trình văn hóa nghệ thuật của người Việt đi ra nước ngoài.

hay như thế này:

---Rạng rỡ thiên nhiên,

---Thắm thiết tình cảm,

---Nồng nàn tình yêu,

---Tràn ngập hình ảnh quê hương

---Với hai cánh tay nhỏ bé xin ôm lấy quả địa cầu, chấp nhận được làm Người...

Tất cả không ngoài những đề tài ấy, cho Thơ và cho Văn tôi, nghĩa là chẳng có gì khác hơn xưa nay Văn Chương đã chuyên chở, trong hoàn cảnh riêng của mỗi tác giả, mà tôi là một, trong hoàn cảnh đặc biệt của một người dàn bà Việt Nam tội nghiệp đã suốt một đời chịu nỗi đau khổ vô cùng của chiến tranh.

Viết để kêu lên với đồng bào trong nước, với thế giới bên ngoài nỗi đau khổ ấy, như một vấn đề lớn của thời đại, cùng với thế nào là tình cảm, là tư tưởng, là suy tư của người cầm bút nữ giới Việt Nam đã chọn lựa chỗ đứng không phải là cộng sản, nhưng lúc nào cũng gắn bó với đất nước quê hương. Chúng ta nghĩ gì trước hiện tình đất nước, trước sự chuyển mình của thế giới đang bước vào thế kỷ mới, với tư cách một người Việt Nam, đồng thời là công dân Hoa Kỳ. Tiếng nói của chúng ta không phải là không đáng kể, càng đáng kể với tư cách người cầm bút: nhà thơ, nhà văn...

Cũng cần nói thêm cho vui: Thơ tôi vẫn bán được. Và tôi chỉ yên tâm khi bán được cho độc giả gửi check đến nhà, tôi không chủ trương tặng bừa bãi.

bà hàng xóm mỹ

vi khuê

Tôi ở nơi đây đã sáu năm
gặp bà mới chỉ một đôi lần
dẫu rằng hàng xóm chung cư cả
nhưng chửa bao giờ tiện viếng thăm

Đêm kia trời nổi cơn ơi bức
tôi rảo quanh sân trước khoảnh vườn
từ dạo xa quê, trời dẫu lặng
lòng tôi ơi bức cứ từng cơn

Tôi bước, khoanh tay, đầu cúi xuống
thấy gì đâu giữa khoảng mông mênh
bỗng dưng một tiếng chào thăm hỏi
lạ lẫm, làm tôi thoắt giật mình

Bà hỏi tôi, "sao, mạnh khỏe không
biết chăng khuya xuống lạnh vô cùng?
có chi thao thức xin tâm sự
chút tình hàng-xóm-thấy-qua-song..."

Vội vàng, tôi nói cảm ơn. Ôi!
cảm động làm sao ở xứ người
không phải cố tri mình gặp gỡ
mà người hàng xóm rất xa xôi!

"À, tôi đang nghĩ có trời chăng
bà trả lời tôi với, được không?"
trong đêm le lói, đèn leo lét
lấp lánh đôi ngươi ngó, lạ lùng

"Có Trời, ồ có, chứ sao không
Trời ở đôi ngươi ngó, lạ lùng
Trời đẩy đưa tôi từ gác nhỏ
đến cùng người khác giữa đêm đông

Trời giáng cơn tai họa xuống người
khi, đời vô vị, vẫn ôm thôi
ôm cho đến chết còn tha thiết
Trời đó! người sao cưỡng lại Trời!"

"Vâng, Trời chỉ có thế mà thôi
không nghĩa là ban phước lộc đời
không nghĩa rằng dang tay cứu độ
khi người đau đớn gọi Trời ơi!

Việt Nam, hình ảnh 'bốt pi-pôn'
là đã từng giông tố bão bùng
đã gọi Trời ơi, Trời chẳng lại
thì đừng hy vọng, chớ trông mong..."

Bà hàng xóm Mỹ đêm tôi gặp
chỉ một tuần sau đã mất rồi
tôi đến thăm bà trên gác nhỏ
một mình nằm chết rất đơn côi

Chúng tôi trong cảnh chiếc thuyền con
bão táp triền miên cứ dập dồn
nên đến đây nương tìm hạnh phúc
sao bà mắt nhắm lệ còn tuôn?

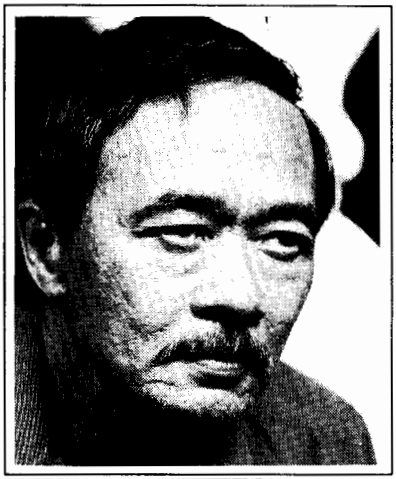

du tử lê

Sinh ngày 10 tháng 11, 1942 tại Hà Nam, Bắc phần. Trước tháng 4-75, cộng tác với một vài tạp chí ở Sàigòn. Tỵ nạn Hoa Kỳ 1975. Đã xuất bản tổng cộng trên 30 tác phẩm. Tại Hoa Kỳ, không kể sách cũ tái bản, đã in 10 tác phẩm. Gồm thơ, truyện ngắn, truyện dài. Riêng cuốn *Thơ Tình*, 1984, in lần thứ ba; và, cuốn thơ *Đi với về, cũng một nghĩa như nhau*, 1991, in lần thứ hai. Hầu hết sách do Tủ sách Văn học Nhân chứng xuất bản, tại California. Tác phẩm sau cùng, mới nhất *Chỗ một dời em vẫn để, dành*, tùy bút. Hiện sống tại miền Nam California, với gia đình, bằng nghề viết.

1. Từ năm 1980, sau khi nghỉ việc ở hãng Rockwell Int., tôi sống hoàn toàn bằng nghề viết, hoặc, công việc liên quan tới chữ nghĩa. Thời gian nào không viết được, tôi bứt rứt, cảm tưởng như mình đang ăn không, ăn hổng của ai đó, chén cơm, điếu thuốc lá, ly cà phê... (Ngày xưa, tôi không có cảm tưởng này). Cạnh đó, mấy năm gần đây, tôi thường suy nghĩ nhiều hơn về văn chương, về chữ nghĩa. Nên tôi hay có những "bài tập" (homework) cho chính tôi, như những thể nghiệm riêng. Phải chăng, nhờ đó, tôi còn tiếp tục viết?

2. Hồi nào giờ, tôi vẫn viết bằng những gì có trong tôi, dù mỗi ngày mỗi cảm thấy công việc viết lách nó mới khó nhọc làm sao! Càng lúc, tôi càng phải vận dụng nhiều cố gắng hơn. Còn viết cho ai đọc (?) thì, phần nào tôi đã trả lời ở phần trên. Tôi nghĩ mình giống như một người thợ. Thí dụ thợ mộc đi. Công việc của thợ mộc là gì (?) nếu không phải là việc đóng bàn, ghế... Có thể chẳng ai dùng tới cái bàn, cái ghế do tôi làm ra. Nhưng không phải vì thế, tôi tự cho phép mình được ngưng nghỉ. Lại nữa, tôi tin vẫn còn

người đọc, dù chúng ta ở hoàn cảnh nào, giai đoạn nào. Chưa kể, chúng ta, còn người đọc ở trong nước, (có quá lạc quan chăng?) Không hôm nay thì, ngày mai. Cách gì, mỗi ngôn ngữ, mỗi chữ viết cũng vẫn thuộc về nơi nó được sinh ra. Với mức tiến bộ của khoa học hiện nay, mọi loại cây, đều có thể búng đi, trồng lại, tươi tốt, ở một thổ ngơi khác, trừ cây ngôn ngữ. Tôi từng nghĩ, nói ra, và, tin như vậy.

3. Ngoại đề: Chưa (hay chẳng bao giờ) tôi tin mình có được bài viết ưng ý nhất. Cũng không dám chắc bài nào là bài mới nhất. Bài tôi gửi kèm theo đây, tạm coi là bài tôi thấy được hơn cả (lúc này) và cũng (xin tạm coi) là mới nhất của tôi. Tôi đã đưa một tờ báo bạn. Tờ báo đó chưa ra. Tôi nghĩ nhiều phần V.H. sẽ đăng trước.

tình yêu,
trang ruột và, bìa sách

du tử lê

** gửi bb.trúc, t.bò, k.trường, ph.hải.*

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
trong một câu thơ
thí dụ:...../...../...../...../
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt mầu da
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân là những đôi nhiễm sắc thể
như con người
vẫn một trong/hình dung/tốt lành
thượng đế
tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash

trong nhiều câu thơ
thí dụ:...../...../...../...../
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt tuổi tác, giống tính
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân
là vũ trụ tinh khôi
tất cả mọi người đều có quyền
tùy tiện đặt, để núi, sông/cỏ, cây/thiên nhiên/
thánh, thần/ma, quỷ
tùy tiện chọn việc làm/chỗ ở/người tình/cầu
tiêu/
chim muông/dã thú

rừng quá quắt dầm, ngâm biển muối
sớm mai tro/ngấu/giọt nhớ nhà

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
thí dụ:...../...../...../...../
trong bài thơ
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt cội nguồn, xuất xứ
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở
thi ca tự thân
là giải ngân hà

mỗi chúng ta
một black hole
hố chôn, dấu thẳm sâu, kín đáo nhất
mọi mơ ước, khát vọng tiền bạc/địa vị/tình yêu/
quyền lực
thậm chí ẩn ức sinh lý/loạn luân/bệnh hoạn...

không ai có quyền ngăn, cấm quý vị
điền tên tôi; và những lời nguyền rủa thô, bạo
vào khoảng trống (vừa đủ)
thí dụ: /đ.m.đu tử lê/và (vẫn thí dụ)/nên xót
thương y/
bởi ai cũng cần có cho mình một bà mẹ

chiếc nhau tôi chôn, xa
buồn hủi cùi cận, gần, quá đỗi

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
trên vách xương, thớ thịt bài thơ
thí dụ:...../...../...../...../
trong bài thơ
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt nghề, nghiệp
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân
vốn tật nguyền
(mỗi bài thơ một mệnh hệ riêng
lăn xuôi triền lở, hẵng)

đôi kẻ dư thịt da
nhưng lại thiếu tấm lòng để hiểu
sống hay chết cũng chỉ là cách nói
điều đáng buồn: - bạn biết hổ ngươi?

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
tâm thất trái bài thơ
thí dụ:...../...../...../...../
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt lý lịch
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân
dị ứng mọi khoanh vùng
chỉ có thơ
hoặc không phải thơ
thi sĩ
hoặc lũ hề
(và đám ruồi bu
nhặng xị phèng la, chiêng, trống)

hãy lánh xa bọn gọt đầu, nhổ răng văn học

tôi sẽ để khoảng trống duy nhất
giữa hai gạch xéo/slash
cho tình yêu ta
(câu thơ không cần viết ra)

chẳng thể có một câu thơ nào
máu huyết/lớn lao hơn
câu thơ viết ngoài bìa cuốn sách
/quê hương/
ấp, ủ ta: trang ruột.

San Jose, 1-95.

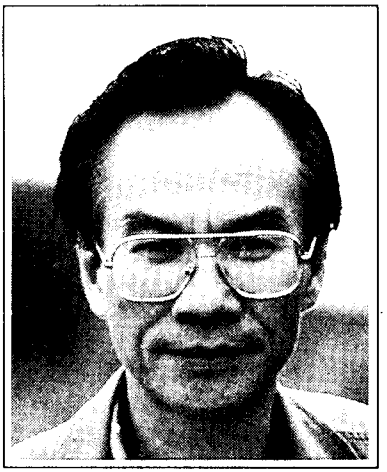

hoàng xuân sơn

Hoàng Xuân Sơn, tên thật. Sinh năm Nhâm Ngọ - Vỹ Dạ Huế (không nhớ rõ ngày, tháng sinh nhật) Trước 75: ở Huế – Sàigòn. Học Văn Khoa (Triết) - Chính trị kinh doanh (Cao học tại Saigon). Làm công chức (Bộ Giao Thông Bưu Điện – Tổng Cục Bưu Chính) Khởi viết: 1965 Sau 75: Định cư (cuối 1981) tại Montréal, Canada. Không có nghề nghiệp chính thức. Bài viết đăng rải rác ở nhiều tạp chí. Bút hiệu đã ký: tên thật, Sử Mặc...

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Viễn Phố* , 1989 Việt Chiến. Hoa Kỳ
- *Huế buồn chi*,1993, tự ấn hành

Bản thảo đã hoàn tất chưa có điều kiện in ấn:

- *Thơ Quỳnh*
- *Lục Bát Hoàng Xuân Sơn*
- *Thơ phiêu* - Sử Mặc.

Xin góp một vài ý về hai câu hỏi của quý anh: Thật dúng như Văn Học thấy: thì giờ hiếm quý, văn chương chữ nghĩa gẫm ra xa xỉ (mà lại rẻ như bèo!), bới mần răng mà cú deo dẳng? Trước hết là viết cho lòng đỡ trống trải các anh ạ! Qua dây rồi tháng ngày tất bật, việc vàng túi bụi tưởng là không có thì giờ nhìn ngắm tai mình, rứa mà có nhiều lúc nghe trống vắng dễ sợ. Cầm bút viết chơi chơi cho đỡ buồn lâu ngày thành thói quen lúc nào không biết: bỏ thì thương vương thì tội. Nói nôm na văn vẻ rằng thì là viết như một cách thế giải tỏa nỗi niềm chất ngất của tháng ngày mưu sinh ú dọng. Phải vậy không? Viết để mưu cầu hạnh phúc (!) cho riêng mình nhưng lúc tâm thần bấn loạn. Tới một lúc nào, cái viết bỗng trở thành một

thứ nhu cầu tự nhiên, ngấm ngầm mà thôi thúc mãnh liệt. Huống hồ với ai đã có lần tập tành viết lách, thói quen đó dễ trở lại như một gọi mời hấp dẫn, một thứ thủ đắc tâm linh cố làm thăng bằng cuộc sống vật chất cuốn hút ở xứ người. Không viết được nữa thì bứt rức khổ sở, mà viết ra được một cái gì tạm gọi là ưng ý cũng sung sướng lắm chứ. Nói đông dài chẳng qua trước hết viết là để thỏa mãn chính mình – thỏa mãn một cái – tôi – rất chủ quan. Đành rằng "văn mình thì hay", nhưng giá có nhiều người xúm lại đọc, có khen có chê thì càng khoái chứ. Bởi rứa vai trò của bạn đọc cũng rất chi là quan trọng. Không có người đọc lấy ai chia sẻ nỗi niềm. Mấy ai cầm bút (cho dù những người đã có danh có phận) mà không mong muốn có được một cái nhìn, một sự hưởng ứng từ phía người khác kể cả nghĩa vật chất lẫn tinh thần. Giữa bạn văn, cho nhau một lời khích lệ (không phải là tâng bốc) đã là quý, phương chi có được sự đáp ứng nồng nhiệt (khó lắm thay!) của độc giả thiệt sự là cả một điều trân trọng cho mình có đủ can đảm tiếp tục cầm bút múa may. Như rứa đó, trong tầm viết hạn hẹp (của tôi) sẽ không có vấn đề chức năng, sứ mệnh gì ghê gớm lắm đâu. "Vui thôi mà" nói theo kiểu Bùi Giáng. Còn viết về cái gì? Viết như thế nào? Viết cho ai... Tôi không có rắp tâm theo đuổi một đề tài, khuynh hướng sáng tác nào cá biệt nhằm cho một loại độc giả nào đó, mà chỉ viết tùy hứng, viết bất cứ cái gì gặp được, nghĩ được, cảm được và viết ở bất cứ lúc nào.

đơn điệu

hoàng xuân sơn

Buổi sáng đơn điệu đời buồn tẻ
dáng chim quen thường biệt đi xa
cây chắn gió ám trời cư quốc
không đến gì hơn mỗi chuyện nhà

Giả sơn khe thuyết ngầm ti tách
Giọt vợi buồn sâu xe vụt qua
nắng chói khoảng cách mù cắc cớ
không nhớ gì hơn nỗi nhớ nhà

Không phải mới xa không đếm xuể
đời lâu chìm đắm bặt xương da
hạt nứt xuân mầm đương chuyển hóa
không thiết gì hơn, bữa, gọi là...

Đêm Thâu

Nguyễn Quí Đức

Nàng có đôi bàn chân tuyệt vời. Tôi còn đang lơ mơ nhớ tới đôi bàn chân nàng. Thằng Tuấn buột miệng, tao cũng sợ hai đứa tụi bây luôn.

Tôi biết thế nào nó cũng phải nhắc đến chuyện này. Từ nãy giờ, tôi với nó ngồi lặng thinh, chậm chạp ăn tô mì. Có cớ ngồi với nhau, lúc nào bớt lúng túng thì nói chuyện với nhau. Trời đã hết nóng. Lâu lâu, có ngọn gió, bớt oi bức và giải tỏa được chút ô nhiễm. Tôi thôi chảy mồ hôi. Tôi hỏi thằng Tuấn, sợ cái gì, rồi đưa tay vung vẩy dưới gầm bàn. Cái quán này toàn là muỗi không.

Tao mới đi vô cầu tiêu một chút, đi ra là hai đứa tụi bây yêu nhau rồi.

Tôi uống nốt ly bia Tiger. Tao đang yêu à?

Còn hỏi ngây thơ nữa. Chắc nó mê cái mã tướng cướp của mày. Râu ria năm mười ngày không cạo. Cưới đi. Mang về Mỹ.

Tôi đốt điếu thuốc. Thằng Tuấn cũng mồi một điếu Marlboro Lights. Tôi bảo, nàng có chồng rồi, cưới hỏi gì. Để cho chồng mang qua Mỹ. Cưới hỏi là căn nguyên chính đưa đến ly dị.

Đúng. Sáu tháng thôi. Tao cá tụi nó lấy nhau, bỏ nhau, chỉ trong vòng sáu tháng. Mày tính sao? Yêu đương nghiêm túc chưa?

Tôi biết thằng Tuấn băn khoăn. Tôi với nó quen nhau đã hơn hai chục năm, từ hồi còn mặc đồng phục nhà trường. Lúc nào nó cũng bênh vực cho tôi. Nhưng mà chồng nàng thì dù sao cũng là chỗ quen biết với gia đình nó. Tôi đập tay, giết một con muỗi. Tôi làu bàu. Tao chả có tính gì hết.

Thằng Tuấn hỏi vặn. Vậy chớ mai mày gặp em làm chi?

Ghen à?

Muốn chọc tức tao, phải không, Minh? Tao chẳng biết ăn nói làm sao với thằng chồng nó.

Tao chỉ gặp em vậy thôi. Ăn sáng, nhằm gì. Em sẽ dẫn tao đi mua sách. Tôi thảy điếu thuốc xuống ống cống. Về đây hút thuốc quá cỡ.

Thằng Tuấn nói, tao cũng vậy. Tao cũng hút quá sá.

Tao cũng chẳng hiểu tao hẹn em ngày mai làm chi nữa. Tao còn đây bốn ngày nữa. Bộ mày phải kể cho chồng em nghe à. Thằng đó cũng ác quái lắm phải không?

Đâu có, thằng Tuấn cãi. Nó cù lần. Mà em lại mù tịt. Tao biết chắc, hai đứa đó không ở với nhau lâu được.

Không khá rồi. Muỗi quá. Đi chưa?

Thằng Tuấn nói ừ, đi, rồi hỏi tôi, có đạp xe nổ máy được không đó?

Tụi tôi bỏ tiền trên bàn. Bà chủ quán mì đẩy cái ghế nhôm, bước lại phía tụi tôi. Cám ơn mấy chú. Mai ghé dô ăn mì nữa đi nhe.

Tôi đạp xe, máy nổ dòn tan. Vang rầm trong đêm tối. Tôi cho xe chạy, và bảo với thằng Tuấn, đèn hư. Cũng gần một giờ sáng rồi. Cả thành phố ngủ say. Tôi bắt đầu run run. Dân địa phương chạy xe giờ này còn được. Chứ hai đứa tụi tôi, chạy xe không đèn kiểu này. Sổ thông hành, hộ chiếu, khách sạn giữ mất rồi. Lại không mang theo giấy tờ gì khác hộ thân. Mà có mang theo cái bằng lái xe cũng chẳng ích gì. Bằng lái xe của California thì ăn nhằm gì ở đây. Chạy một hồi, thấy ớn lạnh. Trời tối hù. Tôi cằn nhằn, thành phố gì chẳng có đèn đuốc gì hết.

Thằng Tuấn ngồi sau bảo hồi xưa đèn sáng trưng. Sài Gòn hồi đó đèn sáng thâu đêm.

Bộ hồi đó không có giới nghiêm sao?

Tụi tao lén đi chơi khuya dài dài. Thằng Tuấn vỗ vỗ vai tôi. Quẹo trái mày. Quẹo trái. Quẹo vô đây.

Tôi vừa quay tay lái, vừa rủa. Thấy đường gì dâu mà quẹo. Thằng Tuấn chỉ đường cho tôi vào khách sạn nằm trong con hẻm. Mùi xú uế hôi rình. Tôi quên chuyện giới nghiêm, chuyện chiến tranh thời hai mươi năm trước. Hồi đó tụi tôi học trung học với nhau trên Đà Lạt, chơi thân với nhau. Sau này thằng Tuấn dọn về Sài Gòn. Sau khi di tản, nó với tôi cùng lưu lạc ở Los Angeles. Trong đám bạn tôi sang Mỹ, chỉ có nó là không hóa thành kỹ sư, chuyên viên điện toán, hoặc làm nghề tính sổ. Có nó về Việt Nam chơi cùng một lần, cũng vui. Nó leo xuống xe, nói với tôi, thôi, mai rồi tính. Mai điện thoại cho tao.

Tôi bảo ừ, mai tao kêu cho mày.

Đi chơi về, có chuyện gì kể tao nghe.

Tôi quay đầu xe. Chuyện gì là chuyện gì. Không có chuyện gì đâu. Tôi phóng xe đi. Một mình, thấy ớn lạnh hơn nữa, mà trời tối, tôi cũng sợ sợ, lại đang say. Nhưng tôi lại nghĩ tới cái khuôn mặt của nàng, nghĩ tới buổi ăn sáng ngày mai, thấy hí hửng. Và thấy nhớ.

Khi rời California về đây, tôi chẳng có ý dan díu với ai. Tôi có đôi ba việc nghiên cứu, có thời hạn quy định. Tôi leo máy bay, bay về Việt Nam. Chẳng tìm kiếm chuyện gì. Chẳng yêu, chẳng tính chuyện cưới hỏi.

Khi máy bay đáp xuống đất thì đã quá nửa đêm. Tôi mệt quá, cũng không biết rõ những thứ tình cảm dồn ứ trong thâm tâm. Duy chỉ có cái bực bực là phải nghe một anh phi công người Đại Hàn phát biểu lời chào đón. Chào mừng các bạn đến Việt Nam. Nó chào mừng mình về xứ sở của mình, bằng một thứ tiếng Anh không sành sỏi. Bây giờ nhiệt độ tại Hồ Chí Minh là 87 độ. Nghe giọng cũng mệt nhọc, thiểu não. Thành phố Hồ Chí Minh, mệt quá chỉ đọc là Hồ Chí Minh. Tôi thì cứ theo thói quen, như mọi người. Sài Gòn, ngắn gọn.

Tôi khởi hành từ bên kia Thái Bình dương cách đó gần hai mươi tiếng. Lúc đó bên ấy chỉ cỡ năm mươi mấy độ. Xứ Mỹ nằm xa Việt Nam vạn dặm, mà nhiệt độ cách biệt và khoảng cách trên bản đồ có thấm vào đâu. Đánh nhau xong hai mươi năm rồi vẫn chưa chịu làm hòa với nhau cho hẳn hoi. Máy bay Mỹ bay khắp vòm trời quốc tế. Hàng không Việt Nam thì đã có đường bay đi Dubai, Kuala Lumpur và Paris. Nhưng giữa những thành phố Mỹ và những thành phố Việt Nam thì không có chuyến bay nào hết. Muốn về thăm nhà, phải bay máy bay Đại Hàn.

Phi công thôi không nói gì thêm. Đến đây là trạm cuối rồi. Không có chuyến bay tiếp nối để mà phải thông báo. Cũng không cần nhắc nhở hành khách về biện pháp an toàn. Vào tới địa phận Việt Nam thì chả ai lo chuyện an toàn. Máy bay còn đang lăn bánh, ai muốn đứng dậy thì đứng. Muốn mở ngăn tủ trên đầu, cứ mở, tự tiện lôi kéo hành lý. Muốn đi lại dọc hành lang, vào phòng tiêu, cứ tự tiện.

Tôi tháo dây nịt, đút một điếu thuốc vào mồm, quay đầu nhìn ra cửa sổ. Không có đèn đuốc gì hết. Màn đêm chia ngăn tôi với Sài Gòn. Người dân Sài Gòn ngủ hết ráo, chỉ dành lại màn đêm làm quà đón rước. Tôi cảm thấy buồn buồn, giận giận. Ở cái điểm ra vào này, cái thiếu vắng ánh sáng không thông báo cái gì hơn ngoài cái đói, cái khổ của đất nước. Tôi cũng muốn thông cảm cái hoàn cảnh đất nước hậu chiến chinh. Nhưng mà nhìn ra ngoài cửa sổ chỉ thấy toàn một màu đen như vậy, làm sao không khỏi liên tưởng đến trăm vàn nỗi khổ nhục đè nặng lên đất nước, không những từ thời chiến tranh mà còn cả trong hai chục năm qua nữa.

Hồi hết đánh nhau, tôi cũng như trăm ngàn người Việt khác chạy sang Mỹ trú ẩn. Mang tên mang họ, mang giống nòi ghi vào danh sách

những giống dân đã rời bỏ thế giới cũ, nung đúc lại cái mà người ta gọi là Giấc Mơ Mỹ. Mỹ miều hơn thì gọi là Hoài Bão Hoa Kỳ. Trong mười lăm năm, tôi sống cuộc sống như mọi người: một chiếc xe, một căn chung cư, trường học, việc làm, thẻ nợ, bạn bè, v.v. Tôi cũng sống cuộc sống lưu vong, giữ canh cánh trong lòng cái hy vọng một ngày kia được trở về hít thở không khí quê hương, tìm lại mảnh đất cắt rún, chôn nhau. Đến một lúc chuyện trở về thành một cơn ghiền, không có thì bại hoại hốc hác. Bởi vậy tôi băng ngang biển Thái Bình, chạy về nhìn lại ngôi trường cũ, gặp lại bà con, bạn bè. Lần đó thấy áy náy lắm, mặc cảm là người Việt hải ngoại sung sướng, tự do. Nhưng những ngày gặp gỡ, nối nhịp đó cũng đầy dẫy thân tình ấm áp. Những người Việt Cộng trước đây là kẻ thù kinh hãi thì bây giờ biến thành những con người rụt rè, bị băng hoại, hư thối vì chủ nghĩa cộng sản. Họ chẳng còn là những kẻ khủng bố đã một thời làm run sợ phần đất miền Nam.

Cuối cùng thì về thăm quê hương lần nào cũng thấy trước tiên là cái bóng tối.

Tôi bước khỏi chiếc máy bay hãng hàng không Đại Hàn, bước vào cái cõi đen tối và cái nóng hầm hực của Sài Gòn. Mồ hôi mồ kê nhỏ giọt, tôi cố làm ngơ, đứng rời khỏi cái đám đông chen chúc leo lên chuyến xe chở chúng tôi vào phi cảng. Có lẽ một phần vì cái bóng tối, một phần vì mệt nhọc. Chẳng ai nói, chẳng ai cười.

Tôi châm thuốc hút. Nhưng cũng không thoải mái được. Còn đang sắp hàng qua hải quan. Đất nước Việt Nam vẫn còn đang dẫn đo với những đứa con hải ngoại, với Việt kiều. Có học thức đó, có tiền đó. Nhưng mà người Việt hải ngoại cũng có thêm hai thứ khác. Tư tưởng và thái độ. Nhân viên hải quan không bao giờ cười. Mặt lạnh tanh, giống như hàng trăm hàng vạn nhân viên hải quan tại hàng trăm phi trường khác. Lão lật đi lật lại mấy trang giấy trong thông hành của tôi, làm như là sách báo dâm ô. Xem đi xem lại mấy con dấu những chuyến đi về lần trước. Công vụ ấy à? Lão không thèm ngẩng mặt lên. Tôi lắc đầu. Không phải. Về làm gì? Có cô nào chờ ấy? Cưới vợ à? Tôi phì cười. Mà lão cũng cứ cúi đầu. Không, công chuyện nghiên cứu lắc nhắc. Thật đấy à? Hỏi thì hỏi, mấy ngón tay thì nhanh như lưỡi hổ mang. Đồng đô la mười tì kẹp trong sổ thông hành, lão cuỗm ngay. Mặt lạnh tanh, ảo thuật gia tinh ranh.

Tôi thuê chiếc tắc xi, chạy về khách sạn dưới phố. Cứ có cảm tưởng vừa thoát nanh vuốt nhà cầm quyền. Về nơi gọi là quê hương mà cứ có cảm tưởng mình là kẻ đột nhập nguy hiểm. Xe chạy xuyên đêm đen Sài Gòn, tôi cứ thấy khó chịu trong lòng.

Hai ngày sau tôi đi khỏi Sài Gòn. Bỏ lại sau lưng náo nhiệt ồn ào,

bụi bặm, ô nhiễm. Và những đám đông, lớp người tuôn trào từ chợ ra phố, từ vỉa hè xuống dường sá, từ năm, sáu giờ sáng đến mười, mười một giờ khuya.

Tôi ra Hà Nội. Thoải mái hơn trong cái lạnh tháng Chạp, nhưng lòng buồn rầu vì ở Hà Nội bây giờ toàn là nhà mới xây, sắt, cửa kính, xi-măng xấu xí. Nhà cửa cũ đập phá hết cả. Những mặt tiền, những bức tường in hằn dấu vết lịch sử, bây giờ là những đống gạch vụn. Máy bay Mỹ thả bom không sập, bây giờ có chủ nghĩa tư bản tiếp tay. Chủ nghĩa tư bản đập xuống đầu thành phố Hà Nội mạnh bạo chứ không phải chơi. Ngoại kiều nhiều không thể tưởng: người Thụy Điển chuyên xuất nhập cảng, người Nhật, người Đài Loan mua bán địa ốc, người Úc khai thác dầu, người Mỹ làm luật sư. Toàn là thực dân tân thời hết. Ngồi ngả người trên những ghế nệm bọc vải trắng, đi những chiếc xe Citroën thời xưa đến diện kiến hết ông bộ trưởng này đến ông bộ trưởng khác. Hoặc đi tham quan khu xây dựng, nhà máy, sân cù tương lai. Không thì bệ vệ chiếm chỗ trong các nhà hàng, tiệm nước mới mở cửa, nói chuyện tiền nong, buôn bán. Rồi có cả đám thanh niên râu tóc luộm thuộm mà người Hà Nội gọi là Tây ba-lô, một thứ híp-pi mới, nuôi sống những căn nhà trọ chật chội đầy bọ rận. Đám này chuyên ăn bánh mì thịt, nửa dô một ổ, và chuyên hút thuốc vấn. Đèo nhau đi thăm chùa Hương, nói chuyện người Việt ăn thịt chó.

Tôi thuê phòng trong khu ba mươi sáu phố phường. Những con phố quanh co và những mẹ già nhỏ nhẹ bán hàng làm cho tôi trở nên vui vẻ hơn chút. Tạm quên cái bóng đen của Sài Gòn. Tôi gặp mấy tay văn nghệ sĩ trẻ. Ba tuần ngồi với nhau, để tôi hỏi han, để họ huyên hoang ăn nói. Cả đám ngồi ngẫm nghĩ, rồi mọi thứ chủ nghĩa tôn giáo sẽ đưa Việt Nam về đến đâu. Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo. Rồi Thiên Chúa giáo, và Xã Hội Chủ Nghĩa với Tư bản. Mọi thứ dều có mặt tại cái dất nước này, du nhập vào đây từ mấy ngàn năm nay, nẩy nở sinh sôi cạnh nhau và cạnh chủ nghĩa địa phương, tức là chủ nghĩa dân tộc. Mấy tay văn nghệ sĩ mời tôi uống trà và những hơi thuốc lào đều đặn. Thêm cả rượu mận, rượu dâu. Uống thâu đêm, suốt sáng, cho đến khi say vẫn không tỏa được ánh sáng vào đề tài chủ nghĩa và tôn giáo. Cuối cùng thì kệ mặc, cứ nhắm mắt tin đại. Chủ nghĩa dân tộc tất thắng.

Tôi quay trở về miền Nam. Ghé Huế, thấy "chủ nghĩa dân tộc tất thắng" đang bị bại trận. Tư bản tạo ra màn kịch nhờm tởm. Chỉ cần mười lăm đồng đô la thì có được một bữa ăn thịnh soạn. Mà ăn không phải bất cứ đâu. Ăn bệ vệ trên ngai vua nhà Nguyễn đàng hoàng. Ngai vàng nay thuộc vào tay công ty du lịch nhà nước. Còn có nhạc cung dình ò e nữa. Mấy ông Tây, bà dầm già mê cái màn này. Mặt mày thì

cháy nắng, lại đỏ gay vì uống bia. Thân xác thì to tướng. Vậy mà được quyền chun vào áo quan lụa là, đua đẩy bàn tọa một hồi cũng ngồi được lên ngai vua. Đùa giỡn, hò hét say sưa như trẻ con. Ở Việt Nam làm gì cũng được. Miễn là có đô la.

Tôi bỏ cái cảnh dị kỳ đó, đâm đầu trở lại Sài Gòn, nơi chủ nghĩa tư bản vẫn ngự trị từ ngàn xưa. Nơi đó sẽ có chuyến bay đưa tôi đi trở lại Mỹ.

Thằng Tuấn gọi điện thoại lại khách sạn, dặn dò. Lại Ciao gặp tao. Tôi bảo thôi, ra vỉa hè, ngồi ghế đẩu, bàn sắt. Vậy mà vui hơn. Ciao chỉ có đèn nê-ông chói chang. Tường sơn màu nhạt kiểu cách. Nhân viên thì ù ù, cạc cạc. Cà phê pha lãng nhách. Ciao là nơi chốn của giới trẻ giàu tiền ở Sài Gòn. Có khi là con cán bộ, trước là kháng chiến, cách mạng, nay chuyển nghề, làm tư bản, tiểu tư sản mại bản. Đồng đô la có sức mạnh thâm sâu lắm. Đám trẻ đến quán Ciao xem phim truyền hình ca nhạc hay là hoạt họa Mỹ. Có khi họ nói chuyện điện thoại cầm tay. Quán Ciao còn là chốn gặp gỡ của giới Việt kiều điệu bộ. Thanh niên về nước lập gia đình. Tìm tình yêu. Hay khoái lạc thể xác. Chiều chiều kéo nhau vào Ciao, áo quần, giày dép của Ý, của Mỹ, đúng kiểu hợp thời. Tay chuyền danh thiếp, hoặc mấy tờ đô la. Kể chuyện buôn bán làm ăn. Hay là mới cuỗm được một em nào. Chuyện làm ăn thì thường là hơi khoe khoang quá độ. Chuyện dụ dỗ các em thì có thật.

Thằng Tuấn nằng nặc. Tao có hẹn, ăn cơm tối gần đó. Tám giờ tao qua. Có máy lạnh mà. Tôi nhượng bộ. Chạy chiếc xe Honda cà rịch cà tang lại quán. Mấy thằng nhỏ lăng xăng trước khách sạn cho thuê chiếc xe, ba đô một ngày. Chạy một đoạn chưa thấy rớt bánh, gãy dè, đã muốn kiếm người tạ ơn.

Thằng Tuấn đến trễ. Có hai cô gái đi cùng, đẹp rùng mình. Tôi với thằng Tuấn túc khắc biến thành hai anh Việt kiều đang dụ dỗ gái tơ. Hai thằng tôi trắng phếu. Mập nữa. Tuấn giới thiệu hai nàng. Bạn. Tài tử đóng phim. Vậy mà tôi không đoán ra trước. Đẹp vô cùng, cao lêu nghêu. Một cô bận một bộ đồ lụa màu rong biển, cô kia bận áo vải thô kiểu Ấn Độ, quần Jeans đơn giản. Nàng không phấn son gì cả, nước da mặn mà. Nàng có cái cổ cao thật cao, da ở đó cũng ngăm ngăm đen. Nàng có vẻ vui tươi, nhưng sau cặp kính hình tròn, nàng có một cặp mắt buồn rượi. Cứ như ở đó đầy nước mắt.

Tôi lúng túng. Không nói được gì. Thấy mình thô kệch. Vênh mắt mà nhìn. Nhất là cô tên Thu-Ngân, có đôi mắt âm u. Tôi cứ chực nàng quay đi chỗ khác là liếc nhìn vào cặp mắt đen thẳm. Nàng có nỗi u sầu nào trong lòng thì nó nằm ngay cả trên đôi mắt. Làm tôi nhớ cái bóng tối

ở phi trường. Cái khổ nhục của đất nước. Tôi cúi đầu, giả làm như đang suy nghĩ. Chăm chú nhìn những ngón chân mượt mà.

Thằng Tuấn gõ rối, hỏi han chuyện văn nghệ sĩ Hà Nội. Khi nó vào phòng tắm, Ngân tình nguyện dẫn tôi đi tiệm sách, giới thiệu những cây viết mới nổi tiếng mà nàng thích. Tôi làm bộ. Giờ này tiệm sách đóng cửa rồi còn gì.

Anh muốn đi bây giờ hả? Ừ, có thể còn chỗ mở cửa đó. Bạn nàng cười. Đóng cửa hết rồi. Nhưng mà hai người cứ đi đi. Tụi này chờ.

Ngân theo tôi ra ngoài. Đột dưng đi dạo bộ, giống y hai kẻ vừa chớm, đang đưa tình, tán tỉnh. Người ta dòm, tôi cúi đầu, nhìn xuống chân. Đúng hơn là nhìn đôi chân của nàng. Tôi hỏi nàng về những cuốn sách tôi học thời nhỏ. Nàng nghiêng đầu cười. Hồi đó em đi học, người ta đâu có dạy mấy cuốn đó đâu. Tôi vẫn còn vướng mắc quá khứ, cứ quên đất nước đã đổi thay. Lúc tôi đi, Thu-Ngân vừa mới nhập học ê a. Sau này, nàng chỉ học sách nói về chiến thắng chống ngoại xâm, chống đô hộ, chống đế quốc. Thành quả cách mạng. Đường tiến lên xã hội chủ nghĩa vẻ vang.

Chúng tôi đi tản bộ quanh trung tâm phố. Ngang tiệm sách đóng cửa thì bật cười. Những con đường địa ngục của Sài Gòn tự dưng đầy thú vị. Nóng, chật, bụi bặm, náo nhiệt, đám đông. Bây giờ cái gì cũng rất dễ thương. Ngay cả quán Ciao cũng dễ thương. Chúng tôi đi tay không, về đó cũng tay không. Tôi mặc kệ.

Chúng tôi ra về cũng đã mười giờ ba mươi. Xe không nổ. Đạp một hồi mệt quá, tôi đẩy. Cũng không xong. Thu-Ngân lại, đạp một cái, nổ ngay. Anh đừng lên xăng nhiều quá. Tôi nói cám ơn. Giữa lúc đám nhóc con cười chọc quê, tôi rủ nàng sáng hôm sau đi ăn sáng. Tôi nói, rồi mình đi mua sách luôn. Nàng nói đã có chồng.

Sao mày không nói cho tao biết trước, tôi trách thằng Tuấn. Chúng tôi chạy loanh quanh, tìm một quán nước. Ngân đã đi về với cô bạn.

Nói trước cái gì. Mày ra quân chớp nhoáng, nói có kịp đâu. Thằng chồng nó làm bạn với ông anh tao.

Tôi buột miệng. Đù mẹ. Bởi vì không biết nói gì khác. Tôi tấp xe vào con đường hẹp, đưa cho thằng lỏi tì. Tôi với Tuấn kéo ghế ngồi trong bóng tối. Mấy đứa nhỏ nhanh nhẩu, mang ra bốn chai bia liền một lúc. Tôi cũng đang muốn uống. Tuấn cũng vậy. Hai thằng ngồi lặng thinh. Nửa tiếng sau, thằng Tuấn nổi hứng, bàn về cái tên của nàng.

Thu-Ngân là thu tiền. Cha mẹ đặt tên Thu-Ngân, chắc là muốn cho em giàu sang. Vậy mà không giàu, cũng chẳng có tình yêu.

Tại sao khi không tôi về Việt Nam lại tẳng tịu với một cô gái mang

tên Thu Tiền, mà lại vẫn nghèo? Có chồng, mà lại không có tình thương?

Em có chồng rồi đó. Thu-Ngân nói cái gì cũng thỏ thẻ. Lúc đó tôi bảo, anh xin lỗi. Ngân cười. Lỗi tại anh hả? Cười nhưng mà hai con mắt vẫn buồn rũ rượi. Dạ, đi ăn sáng đi anh. Mai mình nói chuyện. Chúng tôi hẹn chỗ gặp, rồi nàng vụt lên xe, phóng vào cái màn đêm ở cách phố mấy con đường.

Tôi với Tuấn uống hết mấy chai bia. Thằng cha chồng Thu-Ngân cù lần lắm. Việt kiều San José. Một anh kế toán có vận may. Về Việt Nam gặp được nàng chỉ ba tuần. Nàng chịu cưới chỉ sau ba tuần thôi à? Ừ, gần như vậy. Về bên Mỹ mấy tháng, gọi điện thoại qua, hỏi cưới ngay trên đường dây.

Nàng đồng ý à? Lão đó có gì mày?

Cũng xấu trai thôi. Nhưng mà ăn diện lắm. Về đây cứ nói chuyện áo quần, kiểu mẫu.

Vậy mà nàng theo?

Tao đoán vậy. Mấy tháng trước lão đó về đây, làm lễ, lo giấy tờ mang nàng sang Mỹ. Bây giờ thì lão không chắc.

Không chắc là làm sao?

Lão hô là bây giờ đã có nơi cho thân xác cập bến mỗi khi về Việt Nam. Mang sang bên kia phải nuôi dưỡng, chiều chuộng mất công.

Dơ dáy vậy?

Kỳ trước lão ghé tụi tao, mang hình ra khoe. Tụi tao la ó, mà cũng bụm miệng cười. Nàng thì cao, lão thì mập phệ. Lớn hơn nàng mười mấy tuổi. Tin không? Ông anh tao nói để coi, lão sẽ dìm nàng dẹp xuống vực sâu.

Tôi lại nói: Đù mẹ.

Biết đâu chừng. Nàng thương lão thiệt sao? Nhưng mà vậy chứ hẹn mày ngày mai làm gì?

Em cũng đi ăn với mày hồi tối vậy.

Tao mang thư về cho nàng mà.

Tôi gọi thêm bia, nhưng thằng Tuấn bảo chở nó về khách sạn. Chắc nó cũng hiểu tôi đang đau lòng. Khi đi ngang quán mì, tôi quay xe vào, bởi vì biết nói chuyện vẫn chưa xong. Nói chuyện Việt kiều mang tiền về Việt Nam lấy vợ thì dễ. Khối gì thằng lấy đó, bỏ đó. Bởi vì có vợ rồi. Hay là vì chỉ muốn vui chơi tạm bợ. Hay là vì thật ra không phải là kỹ sư hay là khoa học gia, không đủ sức nuôi một cô vợ mới mang ở Việt Nam qua. Chuyện đó quá thường. Nhưng mà nói thì nói vậy thôi, chớ còn trong đám bạn mình mà lại có một anh Việt kiều làm chuyện đó thì khó lòng quá. Bây giờ hai thằng chúng tôi lại bị liên lụy. Ít ra là tôi bị liên lụy.

Tôi đến sớm. Thu-Ngân bị lủng bánh xe. Em sợ anh không đến. Tôi hỏi, tại sao vậy. Nàng không trả lời. Anh chỉ còn đây có bốn ngày. Anh cũng tưởng em sẽ không đến.

Chúng tôi gọi món ăn. Thu-Ngân bẻ cho tôi những miếng bánh mì, và loay hoay sửa cái lọc cà phê cho tôi. Tôi rót nước sôi, bỏ đường, khuấy ly trà cho nàng. Nàng cười, không cần cám ơn. Cử chỉ nhỏ nhặt, làm như đã từng ăn sáng với nhau nhiều lần, đã tường tận thói quen của nhau. Không nói gì. Nói thì là phải nói cái chuyện chẳng dặng dừng, cái ngày mai vô duyên.

Người bồi đến dọn bàn. Thu-Ngân khoanh tay vòng trước ngực, ôm lấy mình một lúc lâu. Tôi hút hết mấy điếu thuốc còn trong bao, và gọi thêm một ly cà phê. Tôi hỏi nàng về chuyện đóng phim.

Ở đây chán nản lắm anh ơi.

Em qua Mỹ định làm gì?

Em không biết nữa. Nàng cười, nhỏ nhẹ như giọng nói. Em đang học tiếng Anh.

Thu-Ngân không có khả năng gì thích hợp với bên Mỹ. Hồi đi học giỏi toán. Sau này làm giáo viên dạy trẻ em cộng trừ nhân chia. Đóng phim là chuyện mới đây.

Em có muốn đi học không?

Có chứ. Mà chắc qua bên đó, em sẽ có con ngay.

Tôi thấy đau nhói trong bụng. Chồng em muốn có con liền hay sao? Lần đầu tiên tôi nhắc đến người chồng của nàng.

Em không biết. Chắc vậy. Thu-Ngân đặt tay lên bàn tay tôi. Anh Minh nè, anh có muốn coi hình em đóng phim không? Nàng lôi trong xách tay ra một tập hình.

Thu-Ngân, em có thật sự muốn có con không?

Ngân đặt tập hình trên bàn. Nếu mà như vậy làm cho chồng em vui.

Rồi còn em, tôi hỏi. Tôi thấy khó chịu với cái thái độ từ bi của nàng. Hay đó là cái tính người Việt, chuyện gì cũng cho là định mệnh, số phận.

Em thì sao? Đâu có gì. Nè, anh coi hình này, hồi mới đây đó. Còn cái hình này là hai năm trước. Con nít ghê, anh hả?

Tôi lật những tấm hình, thấy nàng đẹp quá. Nhưng trong ánh mắt vẫn có cái buồn. Tôi nhìn từ những bức hình sang cặp mắt của nàng, để coi nàng thấy cái gì trong tương lai mà tôi có thể chấp nhận được. Thu-Ngân im lặng. Ở cuối tập hình, tôi thấy có mấy tấm hình đám cưới. Em muốn anh coi hình này hả. Tùy anh.

Thu-Ngân trông thật gầy, mà tươi sáng trong chiếc áo dài gấm màu

đỏ chiến thắng. Nhưng nàng nhìn vào ống kính, mắt có vẻ dị kỳ. Như là nàng không hiểu chuyện chung quanh. Phấn sáp nàng cũng nhẹ tay, không che hết làn da ngăm đen. Cũng không che hết nỗi buồn. Tôi gắng sức tỏ vẻ bình thản, khen áo cưới nàng lộng lẫy. Nhưng không nói được gì hơn.

Ảnh đứng lên trên cái bục gỗ đó, nàng nói. Lúc đó tôi mới chú ý đến chú rể. Nhà kế toán San José có vẻ lúng túng. Thu-Ngân nói, ảnh không cho em mang khăn đóng. Em đứng bên cạnh ảnh, giống cái cột cờ, lêu nghêu.

Em có thương ảnh không? Tôi ngạc nhiên mình dám hỏi một câu thẳng thừng. Tôi cứ tỏ vẻ bình thản, sẵn sàng đón nghe bất cứ một câu trả lời nào của nàng. Nàng do dự chưa trả lời, làm tôi bấn trong lòng. Xong rồi lại sung sướng nghe nàng nói. Thương cũng không thương, mà yêu thì nhất định cũng là không.

Phút sung sướng trôi đi. Tôi nghĩ về cái số phận của Ngân. Và bao nhiêu cô gái Việt Nam khác. Lấy chồng chỉ để vượt thoát khỏi đất nước Việt Nam.

Em có muốn qua Mỹ thật sự không?

Đôi mắt của Thu-Ngân lại có vẻ tràn đầy nước mắt. Em không biết. Hồi đó, tại em muốn có cái gì ổn định. Ảnh hỏi, em đồng ý. Vậy thôi. Nàng lại khoanh đôi tay trước ngực, tránh ánh mắt tôi.

Anh nghĩ em không nên có con, trừ khi em muốn!

Nàng ngước mắt. Chỉ có cách đó em mới ở lại với ảnh.

Anh cũng chịu, không biết nói làm sao. Em muốn anh nói cái gì?

Ngân đưa tay thu lại tập hình. Em biết anh muốn nói gì rồi. Giọng nàng nhỏ nhẹ, chấp nhận. Anh khỏi nói. Em đưa anh đi mua sách nhe?

Tôi trả tiền. Chúng tôi rời quán, bỏ hết buổi sáng đi tìm mua mấy cuốn sách, nói chuyện loanh quanh về văn học Việt Nam thời đổi mới. Lại làm ra vẻ như đi chơi với nhau là chuyện tự nhiên. Nhưng Thu-Ngân thì thản nhiên hơn. Có khi nàng quàng tay vào khuỷu tay tôi, có khi đặt nhẹ bàn tay sau lưng tôi, chỉ cho tôi cuốn sách này, cuốn sách nọ. Tôi thì đã đánh mất cái khả năng của một người Việt, lẳng lặng chấp nhận mọi chuyện trong đời. Tôi bốc nóng trong người. Bao nhiêu thắc mắc, câu hỏi, muốn vạch trần mọi chuyện. Ngân cứ bảo thôi, hỏi làm chi? Nàng ngăn chận tôi, dễ dàng, mà cùng lúc làm tôi nguôi ngoai. Đến trưa, vào quán ăn cơm, tôi lại buột miệng. Lẽ ra anh không nên rủ em đi ăn sáng.

Nàng gọi tên tôi, nhẹ nhàng. Anh Minh. Em quý những lúc như vậy. Em đi đóng phim, gặp Việt kiều cũng nhiều. Em dị ứng với họ từ trước tới giờ. Chuyện xấu xa em nghe cũng nhiều. Nhưng mà em đã

quyết định, đã chọn lựa. Em không biết sống ở San José ra sao. Tốt, xấu em chẳng biết. Nhưng em không muốn áy náy. Em không muốn chua gì đã tiếc.

Anh xin lỗi.

Em thấy tự mình giận mình.

Tại sao?

Giá mà em chờ thêm một thời gian... Mà anh muốn làm sao?

Tôi không ngờ nàng hỏi tôi câu đó.

Thu-Ngân ngần ngừ. Em không muốn anh thương hại em. Anh cứ thật lòng đi.

Tôi luống cuống. Tôi nói với nàng tôi luống cuống. Anh còn ở đây bốn ngày.

Còn ba ngày thôi. Mà có còn hơn không.

Sau đó thì anh không biết được. Anh nghĩ không ra. Em lúc nào cũng cứ buồn buồn. Anh ước gì mà em trút được qua cho anh.

Tạ ơn. Nàng chỉ nói khẽ hai chữ đó thôi. Mà cũng đủ để tôi nghĩ đến chuyện đổi vé máy bay về California.

Tối nay em phải đi đám cưới. Em cũng không muốn đi. Em không muốn nói láo, thành ra em không rủ anh đi với em. Nhưng mà ngày mai, em chưa tính chuyện ăn sáng.

Vậy em có muốn?

Dạ có. Nếu anh muốn. Tối mai, em phải lại đằng khách sạn Tân Thế Giới, có công chuyện. Anh chở em lại đó nhe?

Ừ. Để anh chở em đi. Hồi nãy em nói anh nên thật lòng. Thật lòng cái gì.

Tình cảm của mình. Anh về đây là chuyện tốt. Ở đây chán nản lắm. Nhưng không ai muốn được thương hại hết.

Thằng Tuấn bĩu môi. Số mày thua con rệp.

Tôi say quá, chả thèm trả lời. Chúng tôi ngồi trong quán nhậu, to lớn ồn ào như hàng trăm quán nhậu khác ở Sài Gòn. Sáng hôm đó, Ngân với tôi lại điểm tâm với nhau trong yên lặng. Sau đó không biết đi đâu. Lái xe chạy vòng vòng một hồi, lại la cà quán cà phê, quán kem. Ăn trưa, rồi ăn cơm tối lúc sớm. Đi cho lắm nơi, cũng không dễ dàng nói chuyện được. Tối, tôi đưa nàng tới khách sạn Tân Thế Giới. Tòa nhà vuông vức, cao mười mấy tầng, in dấu khổng lồ trên nền trời Sài Gòn. Ngân e ngại, không muốn tôi đưa vào bên trong. Chúng tôi nấn ná bên cạnh bồn phun nước gần phía trước cửa. Một nhóm người diện áo quần bảnh bao đứng chụp hình bên cạnh bồn nước. Khách ra vào, phần lớn là người phương Tây, đưa mắt nhìn đám chúng tôi. Có vẻ khinh bỉ.

Tôi bỏ đi, chạy xe tìm Tuấn. Nó chẳng rộng lòng mà an ủi tôi. Số mày thua con rệp. Tao chỉ lo cho em sau khi mày cuốn gói.

Tao muốn giúp cho nàng tí.

Minh ơi, mày chỉ thương hại nàng. Tại sao?

Tao thử đổi vé máy bay rồi.

Ở thêm một tuần thì ăn nhằm gì. Về Cali phứt đi.

Rồi sao nữa?

Lúc đó coi thử sau. Mày mới gặp nàng có hai bữa.

Thấy rầu quá. Có con thì mới ở với nhau. Hay chỉ để làm vui lòng lão cù lần.

Thằng Tuấn lại bĩu môi. Mày làm được cái gì bây giờ. Nó mang chuyện kiều ra.

Ma dẫn lối, quỷ đưa đường. Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi. Nhìn mặt Ngân là thấy ngay. Đi từ sự khổ đau này sang sự khổ đau khác. Không biết hồi trước khi gặp lão cù lần thì sao. Chắc cũng chẳng vui gì. Bây giờ lại tới phiên mày ám nó.

Số mạng vậy thì chịu. Đất nước này ai cũng vậy. Cả nước. Đi từ sự khổ đau này sang sự khổ đau khác.

Thôi đi ông. Bây giờ lại làm người Việt Nam. Mọi chuyện tại số phận. Bộ hết muốn làm Việt kiều ra tay cứu cho em rồi à?

Mẹ mày. Vừa thôi. Tao cũng chả vui gì. Không biết làm chi đây.

Tôi rủ thằng Tuấn sáng ngày mai đi phố. Mua khăn đóng, tặng cho nàng. Cho nàng biết tao muốn nàng vươn cao.

Ác độc nữa đi. Ích kỷ vậy. Mày muốn chứng tỏ là kẻ cứu rỗi tâm linh phải không, Minh? Mày thì khỏi lo. Đâu có phải cưới hỏi gì đâu mà sợ. Mày còn thua mấy thằng Việt kiều kia nữa. Thua cả lão cù lần.

Tôi đi đón Ngân. Thấy mình thua cả anh cù lần. Thấy bực tức, ghét anh cù lần. Ghét hãng máy bay Đại Hàn. Đường phố Sài Gòn mới rong chơi, có nàng ngồi sau lưng. Thấy thẳm thiết lắm. Bây giờ không biết ghét hay là thương. Nhìn đám đông chung quanh, ghét họ không biết tâm trạng của mình. Giận cái xứ sở oái ăm và ác độc này. Hay là cái ác độc của chính mình.

Thu-Ngân đứng đợi ở bên ngoài. Nàng cười. Mọi chuyện tươi thắm hơn. Công chuyện của em ra sao? Mệt không?

Cũng được, nàng trả lời. Cho em đi uống nước nhe.

Tôi mang nàng lại Gigi's. Quán của một cô bạn Việt kiều tôi quen từ bên Cali. Tôi có thư phải giao lại cho nàng. Xe chạy ngang trước mặt mấy ông xích lô, và mấy người trông xe gắn máy. Thu-Ngân tỉnh bơ. Kê cằm nhẹ nhàng trên vai tôi. Tôi hơi ngại. Vô chỗ này có khi quê mặt. Quán Gigi's đông ngoại quốc, và mấy anh Việt kiều dê khuya hay

mang bạn gái lại đây. Có cô là điếm không dấu giếm mặt mày. Mà thôi. Kệ. Ai nói gì mặc ai.

Rồi. Rồi. Trời ơi. Dớt được một em thơm quá. Giọng ai bỡn cợt, nghe muốn đâm đầu xuống đất. Thu-Ngân dửng dưng cười. Em thơm không anh, nàng hỏi.

Tôi cũng muốn khen nàng đẹp, dễ thương. Nhưng mà ai lại nói tiếng lóng. Ừ, em thơm lắm. Dị kỳ quá.

Tôi không trả lời. Mở cửa. Đưa nàng vào trong quán Gigi's.

Gigi chồm dậy, ôm hôn tôi hai bên má. Vuốt vuốt cái lưng. Quay sang nhìn Thu-Ngân. Cũng mới ở Cali về hả. Gigi hỏi bằng tiếng Anh.

Thu-Ngân nhoẻn miệng cười. Không phải đâu, tôi nói. Bạn anh đó.

Gigi nháy mắt. Không tránh khỏi cái nhìn của Thu-Ngân. Chúng tôi ngồi, Gigi tiếp tục huyên thiên bằng tiếng Anh. Tôi làm như không nghe. Lập đi lập lại câu hỏi. Và trả lời bằng tiếng Việt. Thu-Ngân nghiêng đầu, nói nhỏ vào tai. Anh ơi, khỏi phải dịch chi cho mất công. Cứ nói chuyện với bạn anh đi.

Cô chiêu đãi mang thực đơn lại. Đủ loại rượu. Tôi hỏi em uống gì?

Anh cho em uống gì, em uống đó. Nàng rót nhẹ từng chữ. Ông ả nói một câu ngắn gọn. Nghe như hò hẹn, như đồng lõa đồng tình, như gần gũi riêng tư. Một câu mà gói ghém hết bao nhiêu đó, trong lúc che giấu được chuyện nàng không tài nào đọc được tên các loại rượu. Trước kia, mới qua Mỹ, tôi cũng vậy. Tôi hiểu. Anh đang muốn uống bia, tôi nói. Tôi không uống rượu mạnh pha trộn. Khỏi phải cắt nghĩa. Em uống bia với anh nhe? Thu-Ngân nói dạ.

Gigi rời bàn. Thu-Ngân kể tôi nghe chuyện ở khách sạn Tân Thế Giới. Lâu lâu, tài tử, diễn viên ở Việt Nam cũng được mời đi tiếp tân tiệc tùng. Nàng cùng với hai mươi diễn viên khác được mời lại khách sạn, không ngờ chỉ để bưng các thứ rượu giới thiệu với thực khách trong một buổi dạ tiệc. Tiệc dành riêng cho người ngoại quốc đang đầu tư tại Việt Nam. Trong bóng tối ở tiệm Gigi's, đôi mắt của nàng biến một màu đen đậm hơn. Hai con mắt mang mọi sự khổ đau tôi đã đoán thấy từ trước. Mang cả cái đau khổ của một đất nước đã thắng trận, độc lập đó, nhưng vẫn phải quỵ lụy với những tay tài phiệt ngoại quốc. Thu-Ngân và hai mươi cô gái đẹp nhất Sài Gòn đã được mang ra để quyến rũ những kẻ có tiền ở nước ngoài. Tôi bắt đầu thấy mình cũng thuộc vào đám người ngoại quốc đó. Bên cạnh tôi có một trong những cô gái đẹp nhất Sài Gòn đó, ngồi mang cái tâm trạng sầu buồn. Tôi uống ly bia. Hút điếu thuốc. Thấy mình xấu xí. Và chợt nhớ tên nàng là Thu-Ngân. Nàng mang số phận đi thu tiền, thu bạc.

Thu-Ngân rủ tôi đi thăm ba má nàng. Tôi giật mình. Tôi vừa đưa nàng về tới con hẻm bùn lầy, nơi nàng thuê một căn phòng nhỏ. Căn nhà nằm giữa một lô nhà hai ba tầng, mọc lổm chổm phía ngoại ô Sài Gòn. Rồi ba má biết sao?

Biết cái gì. Nàng mời mọc trở lại. Em muốn anh gặp ba má em.

Sáng sớm, chúng tôi ăn sáng qua loa. Chạy dọc con lộ bụi bặm xuống một khu vực cách Sài Gòn gần hai mươi cây số. Thu-Ngân có người chị dựng quán bán bún. Khách là mấy tay thợ mộc trong trại gỗ ở phía bên kia đường. Người chị dọn mấy tô bún. Mười giờ sáng, tôi chẳng đói. Ngân bỏ tôi ngồi một mình với mấy người láng giềng, nghe họ hỏi chuyện lung tung về đời sống xứ Mỹ giàu mạnh.

Nàng ngồi đùa giỡn với ba nàng. Ông có khuôn mặt nhăn nhúm. Và nụ cười đôn hậu. Nàng có vẻ thanh thản. Không lo thời giờ trôi qua. Lúc sau, tôi mới biết ba nàng bị giam tù dưới bốn chế độ. Việt Minh giam vì tình nghi ông làm tình báo cho Pháp. Thời ông Diệm, làm cảnh sát. Bị giam vì chống việc đàn áp Phật giáo, mặc dù là người Thiên Chúa giáo rất sùng đạo. Thời ông Thiệu, bị giam vì mấy vụ đảo chánh. Việt Cộng vào giải phóng, cho đi học tập tám năm vì làm cảnh sát chế độ cũ. Thêm ba năm về tội buôn heo lậu. Ông khều khào. Tao bảy mươi sáu tuổi. Ở trong khám nhiều bằng ở ngoài.

Tôi không biết nói gì. Chúc mừng bác sức khoẻ còn tốt. Tặng ông già cặp kính mát. Ba Thu-Ngân bị đau mắt. Má nàng chờ lúc tôi xin phép ra về mới nhẩn nhủ. Cho bác gởi lời thăm thằng Long. Bác đang lo. Chờ nó về rước con Ngân đi qua bển. Bên này nghe chuyện Việt kiều cũng nhiều. Bà cụ nhỏ giọng. Nó chưa có vợ, có con gì ở bển hết phải không con? Dạ đâu có bác. Ảnh hiền lắm bác.

Lên xe, chạy về Sài Gòn giữa buổi trời nắng chang chang. Tôi cũng không trách Thu-Ngân nói dối tôi là bạn của chồng nàng. Nhưng lỡ lão biết được thì sao. Ảnh có bao giờ nói chuyện với ba má em đâu.

Trên đường, tôi hỏi chuyện ba nàng ở tù. Lúc đó mới biết, đối với Thu-Ngân chế độ nào cũng vậy. Tôn giáo bên nào cũng không thành vấn đề. Nàng thương ba, thương cả hình ảnh anh hùng gian khổ. Tôi mất công nghe người ta nói chuyện chủ nghĩa, tôn giáo. Quên bén phần lãng mạn của người Việt Nam.

Về tới Sài Gòn là hai giờ trưa. Chỉ muốn kiếm một cái tủ lạnh, chun vào đó mà ngồi. Ngân hứa sẽ dẫn tôi đi ăn kem, với điều kiện tôi đi theo nàng lo cho xong chút chuyện. Đi bây giờ, giữa buổi trưa trời nắng?

Anh chìu em chút đi. Không lâu đâu.

Mất một tiếng rưỡi đồng hồ. Tốn công. Nhưng tôi không bất bình. Chỉ còn mười hai tiếng, tôi sẽ lên máy bay. Nàng phải lại trung tâm đi

trú, nộp giấy tờ nàng vừa lấy ở nhà ba má nàng. Giấy tờ của phường cấp. Chúng nàng chưa có chồng ở Việt Nam.

Phòng đợi ở trung tâm di trú nóng như lò nung. Ghế băng cũ kỹ, sắp thành hàng như trong giáo đường, nhưng cách nhau có mấy gang tay. Ít nhất là ba trăm người ngồi chồng chất bên nhau. Ngủ gà ngủ gật, tay ôm những bao ny-lông, kẹp những trang giấy chứng minh có liên hệ với một người, một nơi nào đó ở xứ Mỹ. Ba trăm người, có nhân viên trước làm toà sứ quán hay sở Mỹ. Cựu chiến binh, cựu sĩ quan Cộng Hòa. Cựu tù binh. Tù chính trị. Thân nhân Việt kiều. Và những phụ nữ cùng trường hợp với Ngân. Trên trần, có ba cánh quạt như đùa giỡn với những con người đổ mồ hôi chờ phiên làm giấy tờ.

Tôi ngồi với Ngân ở hàng ghế cuối. Nàng cầm tay tôi. Tay kia cầm mảnh giấy, quạt cho tôi có chút gió. Lâu lâu, nàng ngước mắt nhìn tôi. Không nói. Cả hai chúng tôi thấy rõ cái tình cảnh oái ăm. Còn mấy tiếng với nhau, phải chui vào cái lò nung này. Ngồi chờ tờ giấy chứng nhận của nhà nước, để nàng có thể sang đoàn tụ với một người khác bên kia địa cầu. Phía bên địa cầu nơi tôi sống. Sang đấy vĩnh viễn. Một lần nàng nói, khổ sai chung thân. Chúng tôi bật cười, tự thấy mình là nhân vật trong một vở bi hài kịch. Người ta kêu tên nàng lên làm giấy tờ. Không hiểu sao, chúng tôi lại cười.

Lúc chiến tranh kết thúc, nàng vẫn còn là đứa bé. Hai mươi năm sau, nàng lọt vào màng lưới liên kết hai bên. Nước Mỹ cũng với tay nhúng vào cuộc đời của nàng, giống như cuộc đời của ba trăm người trong phòng đợi. Trong khi giữa hai nước, lịch sử chua cay vẫn còn là niềm chia cách.

Ngân không giữ lời hứa. Không đi ăn kem. Nhưng đi hát karaôkê. Sài Gòn là thành phố karaôkê. Quán karaôkê ở khắp nơi. Tôi chưa hề vào quán karaôkê bao giờ. Bóng tối bên trong làm tôi ngột ngạt. Một lúc quen con mắt, ngồi nghe nàng hát, quên cả màu tường vàng úa. Quên cả bức màn xấu xí. Ngân hát mấy bài nhạc tiền chiến. Rồi mấy bài viết gần đây hơn. Lời nhạc có khi chẳng hay ho gì: *anh đã đi rồi, em vẫn còn đây.* Không hay, nhưng thấm thía. *Anh đi rồi, còn ai chiêm ngưỡng cổ em cao.*

Hơn hai triệu người bỏ đi. Có bao nhiêu bài viết về chuyện thành phố bỏ lại sau lưng? *Sài Gòn có chiều lộng gió, chút nắng trong tiếng gà trưa. Nhớ ngựa thồ, ngoại ô xa vắng...*

Có bao nhiêu bài khóc chia ly? *Có nghe bên ni lạnh hơn bên nớ. Phút giây chia lìa trong lòng vẫn phải đèo mong. Bên tê thành phố tráng lệ. Bên ni phố vắng u lòng ngoại ô. Yêu thương cũng rồi, dành thôi, ván đóng thuyền...*

Chủ nghĩa thắng bại bây giờ thấy viễn vông. Tôi chia với Thu-Ngân hớp chanh muối. Nàng hút một hơi điếu thuốc của tôi. Tình cảm Việt

Nam hẳn cứ làm cội nguồn căn nguyên cho mọi chuyện. Người ở Sài Gòn, ở trong đất nước, đôi khi hát lên được nỗi sầu đau của mình. Hát nhiều khi không hay. Nhưng hát thành thật, hát với hết cả tình cảm. Tôi muốn tin, bởi vì khi nghe Ngân hát, tôi muốn tin nàng trút bỏ được sầu đau.

Tôi ngồi nghe, quên cả thì giờ. Nàng đặt mấy ngón tay lên đầu gối của tôi. Để cho giọng hát nói với tôi là nay tôi đã có cõi đi, về. Tôi có lại chút niềm tin. Ở đất nước vẫn còn có trái tim. Cho dù là đất nước đắm chìm trong đêm thâu.

Tôi hối lộ nhân viên hải quan ở Tân Sơn Nhất. Mười đô. Ông ta đóng dấu trong sổ thông hành, vẫy tay cho tôi đi. Không ai soát hành lý. Đã quá một giờ sáng. Thu-Ngân không có điện thoại riêng. Gọi bây giờ, phải đánh thức nhà hàng xóm. Ở phi trường không có quán nước. Tiệm hàng kỷ niệm đã đóng cửa.

Tôi viết một bức thư, nhờ người lao công dọn dẹp phi trường gởi giúp. Tôi đưa cho bà năm đô, nói là thơ gởi cho vợ. Bà nhìn bì thơ. Ủa. Gởi về gần đây mà. Đưa gì nhiều tiền quá dậy? Mà bà xã tên hay quá há. Thu-Ngân, tên hay quá. Tôi cám ơn bà, quay lưng leo lên máy bay. Tôi có ghế ngồi cạnh cửa sổ. Ngoài kia, chỉ lại có màu đen đêm thâu.

Làm tôi nhớ cặp mắt của nàng. Mắt màu khổ đau.

Tôi quay mặt. Với tay lấy cuốn sách trong xách tay. Máy bay bắt đầu lăn bánh, tôi cài nịt an toàn. Mở cuốn sách ở nơi tôi kẹp hai lá thư. Cái phong bì có mang địa chỉ San José, tôi cất lại. Trong đó có giấy tờ di trú quan trọng. Cái phong bì kia chỉ có tên tôi. Tôi đặt lên đùi. Người chiêu đãi thông báo điều gì trên máy phóng thanh bằng tiếng Đại Hàn. Máy bay cất cánh. Tôi nhìn vào màu đen ngoài khung cửa sổ.

Bây giờ người chiêu đãi nói tiếng Anh. Chào mừng quý vị. Đây là chuyến bay Asiana 606, trực tiếp từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Los Angeles. Theo dự tính chuyến bay sẽ kéo dài mười sáu tiếng bốn mươi phút. Xin đừng hút thuốc từ đây đến lúc máy bay hạ cánh.

Tôi cầm phong thư. Tiếc lúc nãy không hút thêm một điếu thuốc trước khi lên máy bay.□

Mộng Đời Trôi Nổi

Hoàng Nga

Nàng nói với Khuê là nàng sẽ mặc *leggings* màu nâu sẫm, áo *pull-over* nâu nhạt, mang kính mát xanh lơ. Nàng nhỏ con, chắc thế nào Tùng cũng dễ dàng nhận ra. Khuê xuýt xoa:

"Xui quá, Hoàng đến đúng ngay ngày tụi này có *appointment*."

Nàng sẽ đến chỗ vợ chồng Khuê khoảng chín giờ sáng, ngay lúc Khuê đưa con đi chích ngừa. Khuê dề nghị nàng ngồi chờ tại nhà ga khoảng mười lăm, hai mươi phút, sau khi đưa mẹ con Khuê đến bác sĩ, Tùng sẽ quay lại đón nàng về nhà. Tùng và nàng chưa gặp nhau lần nào nhưng nàng hy vọng sẽ nhận ra Tùng qua tấm hình chồng nàng chụp chung với Tùng cách đây mấy năm.

Hoàng bảo "không sao", nhưng khi cúp máy xong, nàng không còn muốn đi nữa. Cái chuyến đi thăm vợ chồng Khuê với nhiều mục đích mà nàng dự định cả năm nay, lúc thực hiện được lại gặp trục trặc. Cái trục trặc nhỏ, nhưng vẫn khiến nàng mất hết cả hứng thú.

Hoàng nhận ra Tùng ngay, dù ở nhà ga có nhiều người Á châu. Nàng bảo Tùng:

"Trông anh không khác mấy so với trong hình."

Còn Tùng thì lại nhìn nàng với vẻ ngạc nhiên, ngập ngừng nói:

"Chị... chị khác hẳn."

Hoàng cười:

"Tôi sao hả anh, già lắm hả?"

Tùng lắc đầu:

"Ngược lại mới chết chú. Tôi nhìn thấy chị xuống xe, ngờ ngợ, nhưng không dám nghĩ là chị nên không đến."

Hoàng cười to, không biết nói gì thêm với Tùng. Hai người ra đến

chỗ đậu xe, Tùng khẽ liếc mớ hành lý gọn gàng của nàng trước khi cẩn thận bỏ vào cốp xe. Tùng có vẻ mập mạp nhiều hơn so với trong hình. Cái tấm hình duy nhất nàng mang từ bên nhà sang đây. Cái tấm hình chụp hai người đàn ông lúc còn tràn đầy nhựa sống, tràn đầy nét thanh xuân. Chồng nàng mặc áo *pull* màu xám tro, ôm con mèo tam thể lớn có sắc lông đậm, đẹp và dũng mãnh như một con cọp con. Tùng mặc một bộ đồ thể thao, dáng khỏe mạnh, tươi cười nghịch ngợm bên cạnh chồng nàng. Hai người đàn ông vượt biển một mình. Hai người đàn ông thân nhau vì vợ con cùng kẹt lại bên nhà. Hai người đàn ông là cái gạch nối để hai người đàn bà biết nhau, không hẳn thân, nhưng thư từ qua lại nhiều năm, gặp gỡ, thăm hỏi nhau nhiều lần. Khuê đi trước nàng vài tháng.

Nàng không biết Tùng và chồng nàng khác nhau những gì, nhưng Khuê và nàng thì hoàn toàn khác hẳn. Khuê giản dị. Giản dị từ lối suy nghĩ cho đến lối sống. Cả những ước mơ của Khuê cũng không mang màu sắc gì đáng kể. Lúc còn ở Việt Nam, Khuê hay viết thư cho nàng, lá thư nào cũng có một nội dung na ná nhau, được kết thúc bằng những câu hỏi là nàng có biết thêm tin tức gì trong chuyện đoàn tụ hay không. Và không như nàng, Khuê đã xoay sở tìm đủ mọi cách để vượt thoát nhiều lần. Khuê nói:

"Mấy ông mà không có mình thì "quậy" lắm Hoàng ạ. Tụi mình phải sang gấp mới mong giữ các ông được trong tay."

Khuê kể chuyện tình của hai người cho nàng nghe, cái câu chuyện đơn giản như thời tiết hết xuân hạ là lại đến thu đông:

"Anh Tùng là bạn của ông anh mình. Anh ấy hay đến chơi, học bài thi, rồi giúp mình học toán. Vậy là quen nhau, yêu nhau rồi cưới nhau."

Sau này có lần nói chuyện về vợ chồng Khuê, chồng nàng cười, bảo:

"Thằng Tùng bảo lúc ấy đến nhà, bị ông bố của Khuê "dí" thục mạng. Thân quá đành cưới chứ nó cũng còn quý "độc lập tự do" lắm.

Thân quá mà Tùng đành cưới Khuê, còn nàng và chồng nàng thì không biết vì lý do gì mà cưới nhau. Chỉ vì tuyệt vọng với cuộc sống, chán ngán sự đổi thay của xã hội mà cả hai đã bám víu vào nhau như bám víu một cái gì đó khác hơn cái bình thường hàng ngày ư? Hoàng nghĩ không thể nào gọi đó là một quyết định chín chắn được. Nàng vẫn còn nhớ cái cảm giác kỳ lạ của mình khi thức giấc, bàng hoàng thấy có một người đàn ông nằm bên cạnh. Vậy đó là có chồng? Nàng ngẩn ngơ tự hỏi, và chợt nhận ra mình đã không có một ý thức nào về hôn nhân trước khi quyết định nhận lời cầu hôn. Tất cả đã đến, hệt như một tuần tự nào đó phải đến. Lòng nàng hầu như không một chút hồi hộp và lo âu. Cũng chẳng có cả cái háo hức, khát khao được làm cô dâu như nhiều cô gái trước khi đi lấy chồng vẫn ao ước. Nàng không ưa phấn son, quần áo

là lượt. Không hề mường tượng ra mình lộng lẫy hay lu mờ như thế nào trong ngày cưới. Nàng còn nhớ gần đến giờ làm lễ, mà nàng vẫn cứ ở lì trong bếp phụ nấu nướng, tựa như nhà nàng chỉ có giỗ hay tiệc tùng gì đó, không liên quan đến nàng là mấy. Mẹ và các chị của nàng phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nàng mới đứng lên đi tắm. Tóc nàng ướt lúc quấn chiếc khăn vành rây lên đầu. Bà chị họ nàng la oai oái, vừa nhăn nhó mắng mỏ nàng, vừa chạy tháo mồ hôi hột tìm mấy chiếc kẹp tăm để giữ tóc nàng lại. Kệ, kệ. Nàng la lên. Cả đôi bông tai cưới bị đeo nhầm trái phải mà nàng cũng không chịu cho tháo ra đeo lại.

Nàng không biết mình lấy chồng để làm gì. Cái ngõ cụt của cuộc sống đã làm nàng dừng chân lại, như thể vì không biết đi đâu xa hơn. Và y như một người nhà quê thất học, nàng đã có con liền sau khi cưới. Điên rồ dại dột, hoàn toàn không tính toán, hay e dè gì cả, mà mãi cho đến khi phải đối diện với những hoàn cảnh khó khăn cơ cực, nàng mới biết mình ngã ngựa, bất lực đầu hàng từ miếng cơm manh áo cho con, đến vòng tay ấm áp của chồng.

Nàng không hiểu được Khuê đã có cách gì để giữ được chồng trong tay. Nàng, nàng không có cách gì cả. Hai bàn tay nàng trống trơn, lòng nàng không toan định và quanh mình nàng trụi trần, chẳng hề có một thứ vũ khí, hay một phương tiện nào có thể giúp nàng bảo vệ được cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy. Nhiều đêm nằm gác tay lên trán, nàng đã buồn bã nhận ra mình luôn luôn có những trở trăn nhọc nhằn, luôn luôn loay hoay trong những mớ cảm nghĩ rối như tơ vò mà ngay cả bản thân nàng, nàng cũng còn chưa biết được mình muốn gì, trở trăn những điều gì. Nàng hoang mang quan sát chồng, hoang mang dọ xem người bạn đồng hành của mình có những ưu tư hay ray rứt nào giống như mình hay không để tìm sự đồng điệu, nhưng nàng hoàn toàn thất vọng. Hoàng không tài nào hiểu được chồng. Lại càng không tìm thấy sự thông cảm nào cả.

Ra khỏi trung tâm thành phố, Tùng chỉ cho nàng thấy một sân *tennis* nổi tiếng, nơi nhiều tay quần vợt lừng danh trên thế giới đến tranh giải. Tùng kể:

"Có một lần tôi và Sơn thèm hai cái vé hạng bét để đi xem một trận tứ kết đến muốn khóc. Chỉ vài chục đồng bạc, mà giữa lúc hai bậc "đại trượng phu" có đầy đủ răng lợi, móng vuốt để cắn rứt và cấu xé lương tâm, bỗng dâm ra to lớn. Hai thằng đã leo lên giường nằm kể lể, than thân trách phận đủ mọi điều, kiểu "chúng tôi sinh ra đời dưới một bầu trời chỉ toàn những ngôi sao xấu." Tùng phì cười trước khi kể tiếp. "Vậy mà lúc bật TV lên coi, thì có thêm một thằng bạn đến chơi, thế là ba thằng bỗng hứng chí, máu cờ bạc bỗng bừng bừng nổi dậy như sóng

thần, nên hè nhau cá độ, ăn thua đủ tưng bừng... Cuối cùng tiền mua bia và tiền cá độ lên đến gần... gấp đôi hai cái vé."

Hoàng phì cười theo. Tùng vui miệng kể thêm vài chuyện lúc hai người còn ở chung với nhau. Lát sau Tùng chợt dè dặt hỏi:

"Sơn nó vẫn về nhà chú hả chị Hoàng?"

Nàng gật đầu:

"Vẫn."

Tùng cho xe chạy vào lề trong, hơi giảm tốc độ xuống, hỏi nàng bằng một giọng thản nhiên giả vờ:

"Lúc này nó ra sao rồi chị?"

Hoàng cười buồn ngó vu vơ ra ngoài:

"Có lẽ là vui hơn tôi. Anh ấy có việc làm, có nhiều người thân quen. Biết đâu sẽ chuẩn bị cưới vợ thêm lần nữa."

Tùng nhìn sang Hoàng:

"Chị nói đùa!"

Nàng vẫn giữ nụ cười buồn bã trên môi:

"Anh ấy hay bảo vậy đấy. Nhưng cũng có khi đùa là trong đời chỉ một lần dại là đủ rồi."

Tùng không nói gì. Nàng chợt nhớ đến lời chồng nàng kể về Tùng. Bị ông già Khuê "dí" quá đành cưới. Biết đâu chồng nàng cũng sẽ bị một ông bố nào đó "dí" quá mà đành tái hôn chăng. Nàng rùng mình với hai chữ tái hôn. Ở đâu đó trong tâm tư và suy nghĩ của nàng, những tiếng ly dị và tái hôn vẫn là một mớ âm thanh pha trộn lổn ngổn, chói tai, khó có thể được tiếp đón một cách lịch sự và niềm nở.

Đã nhiều lần nàng tự an ủi là hoàn cảnh sống của nàng chẳng mấy khác so với trong quá khứ. Nàng hay diễu mình là người lữ hành cô đơn, vậy mà vẫn không tránh được xót xa, cay đắng. Sự hiện diện của một người đàn ông được mệnh danh là chồng, dẫu mơ hồ, dẫu không đóng một vai trò quan trọng nào trong cuộc sống nhọc nhằn bươn chải của nàng hàng ngày, đối với nàng, vẫn là một sự "hiện diện", vẫn được kể là "có mặt" khi điểm danh. Cái thân tùng, khô gầy và yếu đuối ấy vẫn được nàng đặt cho một vị trí nào đó để ghé vai, tựa vào. Sự "hiện diện", lâu ngày, đã thành quen. Thiếu, nàng chới với.

Nàng nói:

"Tôi có đề nghị anh ấy dừng về thăm nhà, nhưng anh ấy không chịu."

Tùng đáp, giọng có vẻ cứng:

"Tôi, tôi cũng không chịu. Nhớ con, chị Hoàng ạ."

Hoàng so vai lại:

"Đôi khi thấy anh ấy, tôi nao cả dạ."

Tùng thở ra:

"Thì vẫn biết vậy. Nhưng tôi chắc với chị là Sơn nó cũng không mấy vui khi thấy chị và con bé sống thui thủi một mình như thế đâu. Nhưng biết làm sao bây giờ hả chị! Thường Thượng Đế để cho người này có thể chịu đựng được cái sóng gió này, người kia chịu đựng được sóng gió kia, nhưng chẳng bao giờ ngược lại." Tùng im lặng một lát. "Hy vọng là cái thành phố này sẽ có duyên với chị, sẽ lưu chị ở lại đây lâu. Tụi này chắc cũng chẳng giúp đỡ chị được mấy trong đời sống tinh thần của chị, nhưng dẫu sao, khi chị xa nơi đó rồi, có đôi chút đổi thay đi rồi, những vướng bận mới thế nào cũng làm cho chị khuây khỏa."

Nàng không đáp. Khuê cũng đã nói với nàng như vậy khi thuyết phục nàng dọn về thành phố này. Khuê bảo, cho nhẹ lòng. Nàng không biết là mình có nhẹ lòng ra được không, nhưng lời đề nghị của Khuê thỉnh thoảng lại hiện ra trong đầu nàng. Lần này, nhân lúc con nàng đi cắm trại với nhà trường cả tuần lễ, nàng quyết định khăn gói xuống thăm vợ chồng Khuê, tiện thể xem mặt hai bố con Tùng, và cả cái thành phố được mệnh danh là một ngày có bốn mùa này ra sao.

Tùng đưa nàng vào nhà, chỉ cho nàng phòng ngủ và buồng tắm xong lại trở ra phố, ghé phòng mạch bác sĩ để đón mẹ con Khuê về. Hoàng cười cám ơn và vẫy tay chào Tùng. Tùng nói lần nữa, "Chị cứ tự nhiên", rồi mới khép cửa đi ra. Nàng đứng yên một lúc lâu nhìn quanh căn phòng mà vợ chồng Khuê dành cho nàng. Căn phòng nhỏ, ngăn nắp, nằm ngay sau phòng khách với một khung cửa sổ lớn nhìn ra vườn, tầm mắt thả rộng xuống thung lũng đầy cỏ xanh biếc. Khuê có khoe với nàng là hai người đã mua căn nhà ấy với giá rẻ vì nằm trong một khu khá vắng vẻ. Khuê bảo:

"Mình không thích ở xa trung tâm thành phố đâu. Chợ búa, trường học, gì cũng bất tiện. Bạn bè muốn đến chơi thường xuyên chắc cũng ngại. Căn nhà này, chỉ được mỗi cái giá hời Hoàng ạ."

Khuê không thích căn nhà, nhưng cái vị trí bên sườn đồi của nó lại đập ngay vào mắt nàng lúc nàng vừa xuống xe. Nàng đã ngẩn người nhìn sững một lúc lâu rồi buột miệng khen:

"Anh và Khuê chọn được căn nhà tuyệt quá!"

Tùng chậm rãi quay lại nhìn nàng với vẻ vừa ngạc nhiên vừa thích thú. Tùng hỏi lại:

"Chị thích nó sao?"

Nàng gật đầu. Tùng bật cười:

"Thế mà tôi đã phải thuyết phục mãi, bà xã tôi mới chịu mua đấy. Nếu ông chủ nhà không bớt năm ngàn, có lẽ tôi đã mất đi cái cơ hội được ở đây."

Hoàng cười, nhận ra giữa vợ chồng Khuê cũng có một sự kết hợp nào đó không hài hòa. Nhiều lần Khuê khoe với nàng là tính tình và sở thích của hai người có nhiều điểm giống nhau. Khuê bảo, "Tụi mình sống vui vẻ lắm." Vui vẻ lắm, có nghĩ là hạnh phúc. Nàng đã tự hỏi không biết Khuê cảm nhận cái hạnh phúc ấy ra làm sao. Bằng lòng với những gì mình có như nhiều danh nhân "hoa thơm cỏ lạ" đã nói? Hay là một cảm nhận tuyệt diệu nào đó, niềm vui chứa chan nào đó mà nàng chưa bao giờ nhìn thấy sự có mặt của nó trong đời sống lứa đôi của nàng. Nàng nhớ hồi mới lấy chồng, nàng đã khổ sở và thất vọng vì khám phá ra chồng nàng, và chính cả nàng, có những cái sở thích và những đòi co rất đỗi tầm thường. Nàng không chịu được sự tầm thường, càng không chịu nổi những ứng xử tầm thường ngu xuẩn, nên khi nhận diện ra sự có mặt ngạo nghễ và thô thiển của chúng trong đời sống hai người, nàng tuyệt vọng. Vô tình, nàng không nhận ra cái sợi giây liên hệ giữa hai người dần dà cũng tàn héo theo.

Hoàng rời khung cửa sổ vào phòng tắm. Nước ấm khiến nàng tỉnh người. Nàng nhận ra căn nhà đã được bài trí một cách dễ thương, tươi mát nhờ những chậu kiểng xanh mượt lá, đặt ở nhiều vị trí khác nhau. Dung không nàng có cảm giác chẳng phải là Khuê đã chăm sóc những đám cây lá ấy.

Và quả thật, ngay khi vừa bước vào đến nhà, nhìn thấy nàng đang cẩn thận nhặt một cái lá vàng trong chậu cây jasmin, chưa kịp chào hỏi, Khuê đã la lên:

"Á à, Hoàng cũng thích cây lá giống ông Tùng nhà này rồi. Gớm, suốt ngày ông ấy cứ lẩn quẩn với đám cây chậu kiểng này thôi đấy. Bao nhiêu việc nhà ông ấy đùn hết cho mình."

Tùng cười hiền:

"Anh có 'tham gia công tác" giặt quần áo đấy nhé."

Khuê cười, mắt long lanh hạnh phúc. Người đàn bà cười, người đàn bà cảm thấy hạnh phúc vì được chồng chia sẻ những khó nhọc hàng ngày. Nàng cười theo, vui lây với cái hạnh phúc của Khuê:

"Thế là nhất Khuê rồi đấy. Anh Sơn nhà mình đã không thích làm việc lại còn hay chê nữa cơ."

Khuê lại cười, quay sang dạy con chào Hoàng dù thằng bé mới chỉ được vài tháng. Khuê đưa bàn tay trắng, mũm mĩm, cầm lấy tay con vẫy vẫy. "Cháu chào cô ạ." Nàng để ý thấy Khuê có vẻ đẫy đà hơn so với hồi còn ở Việt Nam. Tóc Khuê cũng thôi không cắt ngắn nữa mà để dài búi cao lên phía sau gáy. Khuê có dáng một người nội trợ thứ thiệt, chân chất lo toan chuyện nhà, chăm chỉ nuôi chồng nuôi con. Dung không Hoàng tự nhủ sẽ để ý xem nhà Khuê có quyển tạp chí lá cải "New Idea" nào

không. Nàng cười một mình. Ai chứ Khuê chắc là khoái đọc những loại tin tức và xì căng đan về vợ chồng hoàng tử Charles và hoàng gia Anh. Hoàng đưa mắt nhìn sang Khuê như dọ hỏi, nhưng liền sau đó lại mắng thầm mình "cà chớn".

Khuê cười nhiều, nói nhiều. Thân mật ôm vai nàng sau khi đưa con sang cho chồng bế:

"Gầy quá. Hoàng gầy quá. Phải lên thêm vài ký nữa mới đẹp. Để tóc ngắn thế này là được rồi, nhưng gương mặt của Hoàng vẫn không tròn trịa, thế có nghĩa là cần phải tẩm bổ, phải ăn nhiều nhiều vào một tí nữa, phải lên thêm dăm ký nữa Hoàng ạ."

Tùng diễu:

"Phải phục phịch như em ấy hở?"

Nàng cười. Khuê cũng cười, chẳng chút gì giận dỗi chồng. Tự dưng lời Khuê nói khiến nàng sực nhớ đến hai câu thơ mình làm. Còn dài chi nữa tóc ơi, Quỳnh hoa đã rũ mộng đời đã xa. Nàng kêu lên trong bụng. Quỳnh hoa rũ rồi Khuê ơi, nên mình cần chi tóc dài, cần chi là lượt, cần chi son phấn, cần chi mập lên thêm dăm ba ký, cần chi tròn trịa nữa hở Khuê.

Khuê "thực tế" hơn mình. Nàng nghĩ. Nàng vẫn thường không thích những người có lối sống và lối suy nghĩ quá giản dị như người đàn bà này. Nàng sợ cái cuộc đời im ắng, lấy chồng rồi sinh con đẻ cái, lẩn quẩn vào ra, hoàn toàn chẳng hề có một đòi hỏi, một trở trăn suy tư nào cho đời sống của chính mình và chung quanh. Nàng nghĩ mình không có những ước muốn to lớn, những bon chen ồn ào ngoài xã hội, nhưng cũng không thể nào chịu được sự tù túng chật hẹp của bốn bức tường nhà bếp và những lối đi mòn, nhàm chán dẫn từ nhà đến chợ, đến hàng rau hàng thịt mỗi ngày.

Nàng toan bảo sẽ ráng mập lên cho bằng Khuê, thì Khuê lại lên tiếng:

"Ngủ nghỉ gì chưa? Chắc chưa phải không? Nếu chưa thì vào trong phòng nghỉ một tí đi. Mình đi nấu cơm đây. Chỉ loáng một cái là xong, không cần Hoàng phải phụ dâu. Hoàng xuống đây kỳ này cứ xem như là đi nghỉ mát, cứ tự nhiên như ở trong khách sạn vậy. Mai mốt dọn về ở gần mình, mình sẽ chia việc cho mà làm. Mình sẽ "quậy" lại Hoàng để trừ nợ."

Và Khuê tiếp liền ngay sau đó:

"Nhưng nếu Hoàng không có thói quen ngủ nghỉ vào giờ này thì ngồi đây nói chuyện với bố con ông Tùng. Chỉ cho ông ấy cách nuôi dạy con như thế nào hộ mình đi. Dạy được cho ông ấy cách thay tã là mình mang ơn Hoàng rồi."

Nàng cười:

"Con mình là 'cháu ngoan Bác Hồ' thì làm gì được mang những thứ tã thế này mà mình biết cách dạy ông ấy."

Khuê bật cười ha hả, lấy tay ấn nàng ngồi xuống ghế:

"Nếu vậy thì ngồi đây vậy. Cho khỏe. Uống nước gì không? Không à. ừ, thôi để dành bụng ăn cơm vậy nhé. Trưa nay mình nấu canh rau đay với tôm khô. Không có riêu cua, hơi tiếc thật. Nhưng sẽ cho Hoàng ăn mắm tôm với cà pháo."

Nói xong là Khuê tất tả đi xuống bếp ngay. Còn lại hai người, Tùng cười với nàng, vẻ hơi ngượng:

"Tính Khuê lúc nào cũng ồn ào thế đấy."

Hoàng cười lại với Tùng, không nói gì. Trong đầu nàng dưng không lại bật ra những ý nghĩ. Như vậy là anh may mắn rồi đấy anh Tùng ơi. Người đàn bà này của anh chắc chắn suốt đời chỉ biết tìm cách sống sao cho anh vừa ý, sẽ luôn luôn cảm thấy bình an bên cạnh an, sẽ luôn luôn hài lòng với những gì mình có mà không hề đòi hỏi anh phải xuất chúng, phải hơn người. Người đàn bà này, nếu anh khôn ngoan, anh chịu khó làm một ít việc lặt vặt trong nhà, chịu khó lái xe chở con đi học mỗi ngày, chịu khó đưa nàng ra chợ những khi cần, chịu khó tham gia những câu chuyện phiếm của nàng những lúc rảnh rỗi..., thì chắc chắn là dẫu thích hay không thích sống ở một nơi hiu quạnh như thế này, con người ấy cũng sẽ lấy làm hoan hỉ và vui mừng khôn xiết mà lo lắng cho anh.

Nàng đưa mắt ngó lên tấm bản đồ thành phố treo trên tường nhà, hỏi:

"Anh và Khuê dự định đưa tôi đi những đâu để cho tôi làm quen với thành phố này thế?"

Tùng vỗ vỗ tay lên lưng con, nhìn nàng qua bờ vai thằng bé:

"Nếu chị dự tính ở lại thật, thì tụi này sẽ đưa chị đến gặp một số nơi đang cần người. Chị giỏi tiếng Anh, nên chắc chắn là không khó khăn gì để kiếm ra việc. Thành phố này lớn, không được job này thì có job khác."

Nàng hỏi lại:

"Còn như tôi chỉ muốn đi chơi?"

Tùng cười:

"Thì tùy chị. Nếu chị thích đi trượt tuyết, mùa này cũng có chỗ để chị tiêu tiền vào cái trò thể thao xa xỉ ấy."

Hai người ngồi nói chuyện giây lâu cho đến khi thằng bé ngủ muồi trên tay Tùng. Tùng đưa con vào phòng. Còn một mình, Hoàng lại chạn lòng nghĩ đến những tháng năm vò võ nuôi con trong quá khứ và đoạn đời trước mặt còn dài như không có nơi chấm dứt. Trong trí nàng lại hiện ra hình ảnh lần lặn lội đi thăm chồng, hôm về, nàng đã một mình lội bộ

từ trường học của chồng ra bến xe. Và dù đã nhủ lòng chồng nàng không hề có thói quen tiễn đưa vợ con đi đâu, nhưng suốt trên đường đi, lòng nàng vẫn không sao tránh khỏi những nặng nề, chua xót. Trời nắng chói chang, nắng đổ lửa trên những cánh đồng khô hạn ở hai bên đường, cái bào thai tám tháng trong bụng nàng quẫy đạp, bàn chân nàng, bụi và mồ hôi nhầy nhụa bám đầy. Những ngón chân của nàng cố bấu chặt trên đôi dép thấp, nàng nắm vành nón lá bằng cả hai bàn tay, răng xiết lại với nhau, cố không để cho những giọt nước mắt tủi cực rơi xuống má. Nàng biết là sẽ chẳng bao giờ còn trở lại cái nơi ấy lần nào nữa.

Tất cả những biến động trong đời sống giữa nàng với chồng, nàng luôn đem nhốt vào những ngăn kéo có khóa. Khóa chặt. Để đến khi không còn chỗ cất chứa nữa, thì nàng thu mình lại.

Nàng không hung hăng con bọ xít la lối, tôi không cần anh, như nhiều người đàn bà khác vẫn nói lúc tức giận. Hoàng lặng lẽ sống. Nàng lặng lẽ quyết định, và xoay trở một mình.

Chiều hôm sau, cơm nước xong, Khuê nhất định bảo Tùng phải lấy xe chở Hoàng xuống hãng bất động sản, nơi cần một người Việt có bằng cấp kế toán. Tùng nói với nàng lúc hai người lên xe:

"Khuê sợ chị nản."

Nàng không biết trả lời sao nên chỉ cười. Tùng nói tiếp:

"Nhưng tôi không chắc là chị thích lưu lại nơi này."

Hoàng nhìn qua người đàn ông đang vờ như chỉ chăm chú lái xe, nhưng thật sự lại để ý từng cử chỉ một của nàng. Nàng hỏi:

"Tại sao anh nghĩ như thế?"

Tùng im một lát:

"Qua những câu chuyện kể của chị. Tôi không nghĩ người vững vàng mạnh mẽ là Sơn mà là chị. Tôi không dám chắc, nhưng tôi đoán là chị đang nghĩ đến đoạn đường về, nghĩ đến những điều sẽ phải làm trong tương lai, nhưng không phải ở thành phố này."

Nàng quay đi, cười một mình. Anh giỏi, đoán trúng được cả những ý nghĩ thầm kín của tôi. Tùng cho xe rẽ qua một hướng khác để vào trung tâm thành phố, chỉ cho nàng thấy những đường ray:

"Ở đây đi loại 'tram' này tiện hơn đi bus."

Hoàng cười hóm hỉnh:

"Anh không định quảng cáo về thành phố này với tôi chứ hả?"

Tùng cười theo:

"Đúng ra là nên quảng cáo lắm chứ chị, vì đây là thành phố duy nhất của xứ này có loại xe điện."

Nàng dõi mắt nhìn ra ngoài cửa xe. Dung không nàng nhớ đến

những lá thư của chồng nàng, "ở đây có những buổi sáng mùa đông lạnh lẽo, co ro dưới trạm xe bus chờ giờ đi làm, anh đã ngồi thu mình lại như một cục nước đá nhỏ, đầu óc đông đặc, hoàn toàn không một nghĩ suy, một vướng bận nào ngoại trừ nỗi nhớ. Anh hay tưởng tượng em đã có mặt tại nơi này với anh. Ước ao đến muốn khóc, một chiều tan sở về, em bế con chờ anh trên ngưỡng cửa..."

Nàng cắn môi cười một mình. Thường người ta chỉ thèm khát những gì không có, những gì ở ngoài tầm với, những gì không thể thực hiện được. Mình cũng đã có những đêm nằm gối đầu trên cánh tay, trên những giọt nước mắt, nghĩ đến chồng với tất cả yêu thương và nhung nhớ tương tự.

Trái tim Hoàng se đi. Ta có nên trách người dửng dưng, lạt lẽo, có nên oán than tủi hờn, có nên khổ đau, trong khi chính ta, ta cũng sống lạnh lùng, cũng chai lì với tất cả những cảm xúc yêu thương khi gặp lại nhau?

Hoàng thở dài. Tùng quay lại:

"Chị nghĩ gì mà trông não ruột thế?"

Nàng cười:

"Nghĩ bâng quơ."

Rồi nàng đột ngột nói với Tùng với cả lòng chân thật của mình:

"Thành phố này đẹp quá anh Tùng ạ. Nhưng có lẽ tôi sẽ chẳng dám về ở đâu. Ngày mỗi ngày nhìn thấy cái vui vẻ hạnh phúc của gia đình anh, rồi lại nhìn cái quang cảnh, đường phố, và những nơi chốn mà anh Sơn đã từng đi qua, từng có mặt, chắc là tôi sẽ chạnh lòng lắm. Hôm qua đến giờ lòng tôi cứ không yên, cứ nao nao, chua xót làm sao ấy."

Nàng mỉm cười:

"Chắc phải chờ anh ấy có vợ, chờ anh ấy yên thì tôi mới yên được."

Tùng cười không ra tiếng. Người đàn bà này, tâm tư và tình cảm đầy dẫy những phức tạp và mâu thuẫn, đầy dẫy niềm đau. Tùng thở ra:

"Tôi chỉ sợ thằng Sơn cũng nghĩ như chị, chờ cho chị bước đi một bước nữa mới dám tái hôn."

Nàng cười:

"Sao vậy anh Tùng? Để khỏi bị mang tiếng mình bỏ người ta trước hả?"

Tùng cười. Lát sau Tùng nói:

"Tôi thật không hiểu nổi chị và Sơn. Ngày còn ở chung với tôi, mỗi bận nghe nó nhắc đến chị, là tôi lại cảm thấy xốn xang xấu hổ vì chưa bao giờ tôi có thể nghĩ đến vợ con một cách chân tình như vậy."

Tùng nhìn qua Hoàng:

"Sơn vẫn hay bảo chỉ có chị mới là người có thể yêu thương và chịu

dựng nổi nó. Mới gặp chị lần đầu, tôi không thể nói điều ấy đúng hay sai, nhưng tôi không tin được là Sơn có thể lập đi lập lại nhiều lần một điều không có thực."

Người đàn bà chép miệng:

"Tôi nghĩ trên đời này, có những con người được sinh ra là để sống với nhau cho đến ngày mãn phần, nhưng cũng có một số người khác, có lẽ chỉ có mặt tại thế gian để làm khổ người nào đó, hoặc để làm khổ nhau. Tôi và anh Sơn không có cái may mắn biết cách biểu lộ tình cảm của mình, cũng không có cái nhạy cảm dễ dàng bày tỏ cho người bạn đời mình thấy cái yếu điểm của mình để giúp nhau giữ vững hạnh phúc. Yêu suông, chắc chắn là không đủ đâu, mà còn cần phải biết chăm sóc, biết thông cảm và chấp nhận. Đấy là chưa kể phải "tương kính như tân" nữa mới sống được với nhau. Phải không anh Tùng?"

Tùng không trả lời. Hoàng thu mình lại, đặt hai tay vào trong lòng, ngồi yên nhìn những sợi nắng chiều chiếu trên mặt đường lấp loáng. Nàng bỗng nhận ra nàng mới vừa nói với Tùng về những điều nàng thường đòi hỏi ở chồng chứ chưa bao giờ nghĩ mình phải thực hiện.

Chăm sóc, thông cảm, chấp nhận và kính nể. Hoàng lặng lẽ bóp chặt đôi bàn tay lại với nhau, lòng rưng rức xót xa.

Buổi tối, thằng bé con của Khuê bắt đầu ngấm thuốc chích ngừa nên trằn trọc khóc mãi. Hoàng nằm trong bóng tối nhìn ra ngoài khung cửa sổ, nghe hai vợ chồng Khuê thầm thì dỗ con. Nàng bỗng nghĩ ngợi đến những điều Tùng và nàng nói với nhau lúc chiều. Ánh trăng sáng vằng vặc, soi trên những nhánh mận khô gầy nơi cuối vườn. Hoàng muốn trở dậy đi ra ngoài, đắm mình dưới ánh trăng và cái mát lạnh của trời đêm, nhưng nàng lại sợ Khuê và Tùng biết nàng không ngủ được. Nàng ấp hai bàn tay lên má, trong tâm trí nàng lại lảng vảng hình ảnh những buổi chiều đứng lặng lẽ một mình trong cửa sổ, thẫn thờ nhìn ánh đèn vàng nhà ai đó hắt ra sau bức rèm, chạnh lòng nghĩ đến cảnh xum họp đầm ấm mà nghe thèm một đôi vòng tay, một tiếng cười đàn ông mạnh mẽ, một giọng nói thầm thì, âu yếm qua bờ vai.

Hoàng thở dài, muốn khóc. Trong vùng bóng tối mệt nhọc, nàng uể oải xoay trở, và trong mớ nghĩ suy hỗn độn, không đâu vào đâu của mình, nàng bắt gặp lần đầu tiên nàng có cái khao khát có được một đời sống dung dị, đơn giản của một người đàn bà bình thường để đi cho hết đoạn đường còn lại.□

Chẳng cùng về...

TRIỀU HOA ĐẠI

Chiều mãi chìm lên, chìm xuống
đêm xanh dáng của em ngồi
chọt nhớ ra khung trời đã vợi
gọi thầm thơ ấu kia ơi

làm sao tìm lại được
đường xưa bụi ướt, đôi người
em lớn lên như là đĩ vãng
lại một ngày trôi

mùa hạ cỏ non óng ả
chim chẳng cùng về
rớt nắng đi đâu
mây lang thang quanh đầu
nhau mãi
ngược xuôi đường
ai chẳng cùng nhau

ta lớn lên, ngày lơi đĩ vãng
thời khắc trên tay
ngày cũ đâu rồi
không với nhau
vui vầy ngày mới
quẩn quanh hoài
đẫm đẫm mưa rơi.

Người đàn ông chủ nhật

Nguyễn Ý Thuần

Hắn nằm ngủ trên nệm ghế trông hiền lành như một con mèo con. Ví von như thế cũng có điều không phải khi so với thân xác của hắn. Vạm vỡ, mạnh và bừng bừng thứ lửa đàn ông làm giống cái phải thèm muốn. Nhưng tôi vẫn mang ý nghĩ đó là một con mèo con đang say ngủ chứ không muốn gọi đó là một con báo, một con sư tử hay gì khác. Một con mèo con trong giấc ngủ đủ để tôi an tâm trong suốt quãng đời còn lại bởi sự quan hệ rất lạ lùng. Thân quen, đằm thắm hơn tình vợ chồng nhưng cũng xa lạ, cách biệt như hai con người chưa một lần gặp.

Đến giờ này tôi cũng không biết tên thật của hắn là gì. Ngày mới theo ngày cũ. Khi ăn cũng như lúc làm tình. Hắn luôn mang những cái tên khác nhau. Lúc thì Minh. Lúc thì Huy. Lúc thì Trường... Mỗi cái tên mang một vai trò khác nhau trong cuộc sống. Và tôi trong tên gọi cũng thay đổi luôn luôn. Lúc thì Dung. Lúc thì Hà. Lúc thì mang một cái tên ngoại quốc nào đó. Jeanne, Mary, Cathy... chẳng hạn. Quá nhiều tên giữa hai đứa được đặt ra từ hắn nên tôi không thể nhớ được hắn đã mang tên gì và mình chọn cái tên nào. Tôi và hắn cùng lẫn lộn giữa những con người xa lạ nào đó. Nhưng có một điều tôi biết chắc là cả hai đều cần nhau bằng những gì đang có. Đang còn lại.

Tôi không đẹp. Điều này tôi biết rõ từ ngày vừa lớn. Thứ nhan sắc trung bình của một đứa con gái nhà nghèo chỉ cho phép tôi ao ước đến những điều bình thường trong cuộc sống. Thật bình thường như lấy một người chồng, đẻ một lũ con, nấu nướng, may vá hoặc làm những điều vớ vẩn trong phạm vi bốn bức vách gỗ. Chỉ vách gỗ chứ không dám nghĩ đến bốn miếng tường được tô vôi vữa nên tôi đã sống được một thời gian bình thường cho đến ngày Vị chết.

Hơn hai mươi năm trong cuộc sống bình thường, bên một đàn ông

bình thường và rơi vào cơn lốc chung của đất nước tôi cũng chẳng còn lại gì. Một thân thể đang về chiều với các nếp nhăn trên da thịt, các đụm mỡ thừa không cần thiết cho tuổi xuân trở lại. Vốn liếng nhỏ nhoi được chắt bóp của hai vợ chồng từ ngày đến đây đã mất gần hết trong đám táng của Vị. Người chồng ra đi mang gần hết những gì mang lại để tôi ngơ ngác trong cái bất bình thường đầu tiên. Tôi nhìn thấy khi ba đứa con trở về với gia đình riêng, ở ba thành phố khác nhau, sau đám táng. Căn nhà một phòng đã vắng lại càng vắng hơn khi tôi bắt đầu tập những cái bình thường mới cho cuộc sống của mình. Nghĩa là trong sáu ngày, sau mười tiếng phụ bếp tại một nhà hàng, tôi sẽ có những bữa cơm một mình, sẽ có những buổi tối nằm lăn lộn trên chiếc giường ngủ quen thuộc khi gối chăn thừa thãi... Tôi tập và cố nghĩ ra các việc làm đều đặn khác. Như chủ nhật thì đi chợ Lion nằm trong khu Lion Plaza, một khu thương mại lớn và sầm uất của người Việt tị nạn tại thành phố này. Như đi chợ xong, sau khi xếp những bọc hàng vào xe, tôi sẽ đến quán phở gà Hưng để ăn một tô phở. Tôi sẽ ngồi tại một bàn được kê phía ngoài sân. Ăn và nhìn giòng người qua lại. Uống ly nước và đọc thoáng qua vài trang báo biếu vất đầy dường. Ăn. Nhìn. Uống. Đọc một cách vô thưởng, vô phạt để chờ giờ ra xe về nhà làm việc khác. Như hút bụi. Như giặt quần áo. Như nấu bữa cơm tối... Và hết. Những việc vớ vẩn đó lấp vào khoảng trống do Vị để lại trong hơn hai năm thì hắn đến.

Tôi không nhớ chủ nhật đó trời nắng hay mưa, chỉ nhớ chuyện xảy ra tại cái bàn kê sát một chân cột lúc vừa ăn xong tô phở. Tôi bưng ly nước lên chưa kịp uống thì hắn đã đứng bên cạnh, dí tờ báo vào mặt. - Đọc đi.

Tôi giật mình nhìn lên. Một thân thể to lớn, vạm vỡ đang lù lù choán tầm nhìn. Hắn có vẻ hung dữ trong hành động. Tôi hoảng hốt toan đứng dậy thì tờ báo đã được dí sát mắt. Cánh tay hắn bị hất vào tô phở làm nước dùng bắn ra ngoài. Tôi không tránh kịp. Một vệt loang bẩn thỉu đã nằm trên áo.

- Ông muốn gì?

Tôi đứng dậy định làm dữ nhưng bắt gặp đôi mắt ngơ ngơ của hắn. Nhìn tôi như không phải nhìn tôi.

- Đọc đi. Chữ Việt Nam đấy.

- Đọc cái gì?

Tôi gạt tờ báo sang một bên. Đôi mắt hắn vẫn ngơ ngơ. Và thêm một một nụ cười cũng ngơ ngơ được hiện trên khuôn mặt. Tôi hiểu khi tờ báo lại dí sát vào mắt mình.

- Chữ Việt Nam đấy.

Tôi quơ chiếc sắc tay đặt trên bàn và xoay người đi. Hắn vẫn lẽo đẽo

theo sau với tờ báo trên tay. Quãng đường từ tiệm phở gà Hưng ra đến bãi đậu xe khá dài. Hoạt cảnh một người đàn bà đứng tuổi vội vã bước nhanh và một người đàn ông ngơ ngơ cầm tờ báo đuổi theo làm mọi người chú ý. Một vài tiếng cười từ chung quanh nổi lên. Há má tôi nóng bừng khi đến chỗ đậu xe. Hắn vẫn đứng cạnh, như chiếc bóng, với tờ báo dí sát mặt tôi.

- Đọc đi!

Tôi sập mạnh cửa xe và mở máy. Hắn cũng biết khôn ngoan tránh sang một bên khi khi chiếc xe chuyển động. Không có chuyện đáng tiếc nào xảy ra.

Về đến nhà, tôi tự hỏi tại sao lại dịu cơn nóng khi bắt gặp tia nhìn của hắn? Một tia nhìn chẳng có gì là đặc biệt, ngoài cái vẻ ngơ ngơ của loại người bịnh hoạn, trong khi tôi cũng chẳng hiền hay ngu gì cho lắm. Con nhà nghèo, nhan sắc trung bình, cuộc sống bình thường không có nghĩa là phải hiền lành và ngu độn đến độ không biết la lớn hay gọi cảnh sát đến can thiệp lúc bị làm phiền. Nhưng tôi đã dịu cơn nóng, rảo bước thật nhanh và không có hành động gì. Như cam chịu, như chấp thuận chuyện người đàn ông xa lạ chạy theo, dí tờ báo vào mặt mình là tự nhiên. Chỉ có hành động đầu tiên là nhổm dậy lúc vệt nước dùng bắn vào người và hành động cuối cùng là đập mạnh cửa xe mang chút ít sự khó chịu, còn lại gần như bình thường. Hoàn toàn bình thường như các điều bình thường đã có.

Chủ nhật sau, tôi chuẩn bị kỹ càng để có những thái độ cần thiết. Sẽ làm những gì, sẽ thủ thế ra sao để đừng có vệt nước dùng nào bắn vào quần áo. Tôi tính toán, nhắc đi, nhắc lại trong trí như sắp tham dự vào một trò chơi mới.

Từ bãi đậu xe, sau khi bỏ các gói thực phẩm vào ngăn sau của xe, tôi đến tiệm phở gà Hưng với cái nhìn chung quanh thật rõ. Một điều khác thường trong cái bình thường của tôi từ ngày Vị chết.

Hắn đã ngồi sẵn tại một bàn phía ngoài sân. Tia mắt vẫn ngơ ngơ và không có vẻ gì là <I>quen biết <D>tôi. Tôi tìm thấy trong tia nhìn của hắn sự thất vọng của mình. Hắn hoàn toàn quên chuyện xảy ra tuần trước và không biết tôi là ai. Như thế, cái hoạt cảnh bị hắn dí tờ báo vào mặt có thể không xảy ra hôm nay. Tôi đẩy cửa bước vào bên trong với tâm trạng khác thường.

Lần này, tôi cũng chọn cái bàn kê sát cột của tuần trước nhưng đổi hướng ngồi. Nghĩa là thay vì quay lưng về phía hắn thì tôi ngồi đối diện với hắn. Thủ thế trước vẫn hay hơn. Tôi tự nhủ khi ngồi xuống dù cảm giác thất vọng vì sự xa lạ của tia nhìn hắn dành cho mình vẫn còn. Tôi nhìn hắn khi cầm đôi đũa lên.

Hắn không nhìn về phía tôi. Cặp mắt trơ trơ nhìn về phía hai con ngựa gỗ kê giữa sân cho đám trẻ cưỡi. Trên tay hắn chẳng có gì. Chồng báo biếu xếp ngay ngắn trên mặt bàn, sát cạnh ly nước uống dở dang. Hắn ngồi bất động với cái đầu nghiêng nghiêng như đang lắng tai nghe điệu nhạc vui phát ra từ phía hai con ngựa gỗ. Tôi theo dõi một lúc lâu. Hắn vẫn không thay đổi dáng ngồi. Cứ như một pho tượng được nặn ra. Tôi bỏ mặc và cúi xuống tô phở. Hắn đã quên mình. Tôi lại nhủ và cảm thấy vị phở không còn giống mọi hôm.

- Đọc đi.

Tôi giật mình, đánh rơi đôi đũa vào tô phở. Một vệt nước dùng bắn vào áo. Hắn đã đứng cạnh tôi từ lúc nào, trên tay là chồng báo biếu đang trên đà dí vào mắt mình. Tôi ngả người ra phía sau, lưng chạm thành ghế nhựa, định làm các hành động đã xắp sẵn trong trí thì nhớ lại chiếc áo đang mặc. Vệt nước dùng đã bắn vào. Lần này tại tôi. - Đọc đi. Chữ Việt Nam đó!

Vẫn câu nói hệt như tuần trước. Vẫn cái nhìn ngơ ngơ khi chạm vào mắt tôi nhưng nụ cười đã có sẵn. Hình như hắn đã nhận ra tôi. Có điều gì lạ lùng vừa dậy lên trong tôi. Nửa như dễ chịu, nửa như thỏa mãn làm các điều đã chuẩn bị trở thành không cần thiết. Tôi gạt tờ báo ra.

- Cám ơn!

- Đọc đi. Chữ Việt Nam đó.

Hắn vẫn dí tờ báo vào mặt khi tôi nhỏm dậy, quơ tay lấy chiếc bóp để bỏ đi. Hoạt cảnh của tuần trước lại tái diễn giữa những tiếng cười chung quanh. Tôi quên chuyện gọi người giữ trật tự như đã nghĩ trong chương trình. Ngay cả lúc thấy bóng ông ta từ dãy cửa hàng bên kia đường.

Bây giờ hắn nằm đó. Ngủ như một con mèo con hiền lành. Khuôn mặt ngơ ngơ như nặn bằng sáp không vương một nét thỏa mãn nào sau cơn động tình. Chỉ có tiếng ngáy hơi mạnh sau khi thân thể đã thoát ra ngoài một phần sinh lực. Tôi nhìn hắn, như đã nhìn bao lần, để tưởng tượng những gì vừa xảy ra. Cảm xúc khác hắn hơn hai mươi năm đã có với Vị. Luôn luôn là sự mệt nhoài nhưng bên từng thớ thịt có độ rân ran của nhịp máu. Lan rộng, lan rộng rồi tan vào thân thể khi tôi xoãi mình trên ghế, nhìn hắn tiến về phía chiếc nệm ghế làm các hành động quen thuộc. Quấn chiếc mền vào người, buông mình xuống mặt nệm, không nói một lời với đôi mắt nhắm nghiền để chừng một thoáng ngắn là buông ra tiếng ngáy. Sự có mặt của tôi hay đang sống ở chốn nào với hắn như không quan trọng. Chỉ cần một chỗ nằm quen thuộc để lấy lại phần sinh lực đã mất.

Mọi việc diễn ra giữa chúng tôi đều đặn hàng tuần. Cả hai đều không thay đổi. Tôi giữ thật đúng giờ. Hắn cũng giữ thật đúng giờ vào mỗi chủ nhật để tờ báo luôn luôn được dí vào mặt tôi với câu nói quen thuộc. Chỉ có một điều thay đổi - một nhưng đã là tất cả - là thay tôi đóng mạnh cửa xe, bỏ lại hắn một mình thì hắn đã cùng tôi về căn nhà đang sống để biến thành con mèo con hiền lành trong giấc ngủ. Hình như đó là giữa tháng thứ hai hay đầu tháng thứ ba, từ lúc chồng báo biếu dí vào mặt tôi. Và thời gian trôi qua cho đến nay thật tình tôi không nhớ. Không muốn nhớ như bao lâu nay đã không muốn cho ba đứa con ở xa về thăm mình. Tôi không muốn tập thêm một điều mới để thêm vào đời sống. Từ giờ đến cuối đời có bấy nhiêu là đủ.

Tôi nghĩ thế nên chẳng còn ngạc nhiên khi thấy hắn biến từ người này thành một người khác. Và tôi cũng biến theo hắn một cách dễ dàng trong lớp vỏ của những con người mà mình chưa hề biết qúa khứ. Sự quan hệ giữa hai chúng tôi được lồng vào lớp vỏ của hai con người khác. Tuần này tôi là Dung nhưng tuần sau có thể tôi lại là một Tracy nào đó. Tuần trước hắn là Minh nhưng mới đây hắn lại là Dũng. Chỉ có hành động là không đổi. Kéo dài từ sáng chủ nhật cho đến lúc chiều xuống, tôi đưa hắn về một viện dưỡng trí nằm trên con đường William tại trung tâm thành phố.

Lúc chấm dứt cho mỗi lần, dù nắng hay mưa, hắn cũng xuống xe tại trước tiệm ăn Đà Lạt. Đóng mạnh cửa xe, bỏ mặc tôi ngồi phía tay lái và không một lời nói, không một nụ cười, hắn băng qua bên kia đường. Đẩy một cánh cửa sơn màu trắng rồi lẩn vào. Mất hút. Như chưa từng có bên tôi.

Từ trong xe, tôi nhìn thấy viện dưỡng trí như một con quái vật khổng lồ vừa nuốt trọn một góc đời sống của mình. Một góc đời sống đến thật tình cờ nhưng đã là cần thiết.

Bắt đầu từ một chủ nhật, cách chủ nhật đầu tiên một thời gian ngắn. Bấy giờ không còn vệt nước dùng của tô phở gà bắn vào áo. Tôi đã biết cách thủ thế để cánh tay hay hắn hay đôi đũa vì tôi rớt xuống không còn làm bẩn áo.

- Đọc đi.

Hắn dí tờ báo vào mặt tôi.

- Cám ơn.

- Đọc đi. Chữ Việt Nam đó!

Vẫn các câu nói, vẫn các hành động, vẫn có tiếng cười từ chung quanh khi hắn lẽo đẽo theo tôi ra chỗ đậu xe. Nhưng tình cờ - đúng là sự tình cờ làm thay đổi cuộc sống - là thay vì đóng cửa xe như mọi lần để bỏ hắn lại một mình thì tôi lại nói.

- Ông đọc đi.

Không đứng tránh sang một bên như thường lệ, nhìn tôi đi, sau câu đó. Rất tự nhiên, hắn vòng qua trước mũi xe để tiến về phía cửa bên kia. Tôi nhìn qua kính xe hơi lo sợ nhưng khuôn mặt hắn không lộ một nét hung dữ nào. Tôi không dám quay kính xe xuống. Hắn vẫn đứng yên, mắt nhìn chăm chăm vào tờ báo dã được mở rộng. Tôi không còn thấy khuôn mặt ngơ ngơ nhưng phần thân thể của hắn thì lại hiện rõ, thật gần. Hai bắp to đang dạng ra làm phần thân thể căng phồng dưới lớp vải quần. Cơn thèm muốn đột ngột của người đàn bà hồi xuân trong tôi chợt dấy lên sau khoảng thời gian Vị chết. Một ý nghĩ táo bạo lướt qua trí. Tôi nhắm mắt mở cửa xe.

Hắn biến thành một con thú như tôi muốn. Vồ dập, cuồng bạo để trái bóng căng phồng thoát ra ngoài tất cả thèm muốn. Tôi rã rượi dưới sức nặng của hắn khi bắt đầu mang một cái tên của người nào đó chưa hề gặp trong đời. Tôi đã biết cách đưa hắn đến với mình từ hôm đó. Nghĩa là giữ đều đặn giờ giấc. Nghĩa là không thay đổi các đối thoại hay hành động. Người đàn ông này có trí nhớ như những ô kéo tủ được đóng kỹ càng. Mở ngăn nào thì có các đồ vật chứa sẵn trong ngăn đó. Không lẫn lộn. Không thay đổi.

Thật ra, đã có lần tôi muốn thay đổi. Nhưng không dám. Sự có mặt của hắn tuy rất ngắn nhưng quả cần thiết. Sáu ngày trời chỉ biết căn bếp bẩn thỉu của một nhà hàng Tàu. Sáu đêm trời nằm lăn lộn với chiếc gối kẹp giữa hai bắp vế. Tuổi xuân sống lại của người đàn bà làm tôi e ngại. Ngày chủ nhật còn lại bên hắn cũng là một cách lấp các điều thiếu thốn. Tôi không muốn mọi việc xảy ra như một lần đã có. Chỉ một lần.

Tôi nhớ rõ từng hành động dù thời gian đã quên. Sau khi buông đôi đũa xuống, hắn đứng cạnh nói câu quen thuộc và thay vì cám ơn rồi dứng dậy, tôi với tay cầm lấy chồng báo hắn dí vào mặt. Tôi không đọc thấy một thoáng ngạc nhiên nào trong đôi mắt trơ trơ. Nhưng các hành động quen thuộc không được làm. Hắn quay lưng bỏ đi. Tôi hốt hoảng gọi bằng những cái tên của hắn đã nói khi làm tình. Hắn không một lần ngoảnh đầu lại. Tôi chạy theo, níu tay hắn và gọi bằng tiếng "anh". Hắn thản nhiên giật tay ra và tiếp tục bỏ đi về phía dãy cửa hàng trước mặt.

Tôi mất hắn chủ nhật đó. Khoảng trống của mặt nệm tôi nằm và khoảng trống của chiếc nệm ghế hắn nằm phủ đầy nắng từ cửa sổ hắt vào. Tấm màn che không được phủ khi nỗi âu lo sống với tôi suốt tuần. Tôi chờ chủ nhật đến như chưa hề có một chủ nhật nào trong đời.

Rồi nhẩm lại những điều quen thuộc đã có giữa chúng tôi. Từng ly, từng chút với hy vọng sẽ được đổ nước dùng vào chiếc áo thêm lần nữa. Hạnh phúc của tôi như bắt nguồn từ hành động đó. Tôi tìm thấy tôi thật

rõ ràng.

Nhưng sự âu lo của tôi đã thừa thãi. Hắn vẫn đến cạnh tôi vào chủ nhật sau. Tôi vẫn nói và làm các điều bình thường để đưa hắn về căn nhà đã trống chủ nhật trước. Mặt nệm lại không thừa. Tấm màn che lại được phủ. Tôi đã hiểu được một ngăn kéo trong chiếc tủ trí nhớ của hắn.

Tôi nhìn đồng hồ. Còn khoảng mươi phút nữa hắn sẽ tỉnh giấc. Một vệt nắng chui qua lớp màn che bị hở, hắt vào ngực hắn. Tháng này, khi vệt nắng chạy đến phần bụng thì hắn sẽ dậy. Nắng tại đây cao thấp theo mùa nhưng chúng tôi vẫn trôi theo từng nhịp thời gian đều đặn. Tại mặt nệm ghế này, hắn đã tỉnh giấc với các vệt nắng rơi đủ chỗ trên thân thể. Lúc thì bám vào mặt. Lúc thì tuột xuống chân. Hôm nay sẽ là phần bụng. Những vệt nắng không được đặt vào ngăn trí của hắn. Chỉ hành động. Các hành động rập khuôn theo nhịp đập của máu trong một thân xác gắn liền với từng nấc thời gian. Tôi cũng nằm trong một nhịp nào đó của ngày chủ nhật.

Chỉ chủ nhật bởi đã những ngày trong tuần tôi đến tìm hắn tại viện dưỡng trí đường William. Xuyên qua dãy hành lang hẹp nhưng sâu, những con người đủ loại đã đưa mắt nhìn tôi như nhìn một thứ đồ vật nào đó không có trên đời, tôi gặp hắn tại vài nơi. Ngồi trên chiếc ghế gỗ kê tại vườn sau; hay đang mở đôi mắt trân trân vào mặt truyền hình như những người cùng ngồi xem; hoặc nằm dài trên chiếc nệm cũ, xỉn màu bẩn thỉu... Nhưng lúc nào cũng thế, hắn đều không nhận ra tôi. Đứng trước mặt một con người hắn từng ôm ấp mà như chưa bao giờ gặp. Tôi gọi thử hắn bằng vài cái tên <I>của hắn. <D>Vẫn chỉ nhận được sự xa lạ. Khoảng cách giữa hai con người như chỉ được phá vỡ vào chủ nhật. Tôi ngưng lại và không muốn đi thêm. Vệt nắng rơi xuống gần bụng. Con mèo con vẫn còn ngủ thêm một khoảng thời gian ngắn. Hơi thở bớt dồn dập. Khuôn mặt hắn trở lại nét bình thường. Phần sinh lực tiêu hao đã được lấy lại. Tôi nhìn vào phần bụng dưới của hắn. Tấm mền quấn ngang bụng cắt phần lông rậm đang nổi cộm lên một khoảng. Tôi ngồi dậy nhìn vào mặt đồng hồ. Hai chiếc kim dài ngắn đang nhích lại gần nhau. Lát nữa đây, khi chiếc kim dài chồng lên chiếc kim ngắn hoặc vượt qua một tí thì hắn sẽ lồm cồm bò dậy, hất tấm mền sang một bên. Chắc chắn có những động tác rập khuôn, như một hình nộm được kéo dây từ cõi xa xăm nào đó. Một hình nộm cần thiết nhưng tôi vẫn không thể hiểu. Ngay cả các câu nói không có căn nguyên.

- Đọc đi.

- Đọc đi. Chữ Việt Nam đó.

Cộng thêm là những cái tên đủ loại cho cả hai. Hắn đến hệt như

những thứ đồ đạc bao quanh mà tôi không thể hiểu được đến từ đâu. Tôi đã tưởng tượng đến một con người nào đó có dính đến chữ nghĩa nhưng ngã bịnh là hẳn. Nhưng chỉ tưởng tượng bởi ngoài các câu nói rập khuôn, hẳn vẫn ngơ ngơ khi tôi nói đến một vài tên sách báo. Tất cả là con số không thật lớn phía sau một thân thể đầy sinh lực. Điều bực mình có đến từ lâu, nhưng cũng hết. Bởi ngoài những điều rập khuôn và khoảng trống trong trí nhớ, hẳn không để lại cho tôi một sự phiền toái nào. Không một sợi dây trói buộc. Không một trách nhiệm phải mang. Còn những tiếng cười kéo dài phía sau vào mỗi chủ nhật, từ tiệm phở gà Hưng đến bãi đậu xe cũng thành bình thường. Như tiếng cười của chính tôi.

Bỏ mặt đồng hồ khi hai chiếc kim chồng vào nhau, tôi quay về phía nệm ghế. Hẳn đã mở mắt và lồm cồm bò dậy. Tấm mền quấn ngang bụng rơi xuống đất khi vệt nắng bị hắt xuống mặt nệm. Tôi nhìn vào phần dưới thân thể của hẳn đang căng cứng. Phần sinh lực đã được trả lại. Tôi nuốt một ngụm nước bọt và đưa hai tay ra phía trước để đón.

Hẳn vật tôi xuống nệm giường và làm các hành động của một con người như mọi người trên trái đất đã làm. Tôi ôm chặt lấy vòng mông của hẳn và biến thành một người đàn bà mang tên khác. Nhịp đồng hồ trên tường không còn nghe rõ tiếng trong hơi thở dồn dập của chúng tôi. Tôi nhắm nghiền mắt khi thân thể như tan vào khoảng trống. Con mèo con hoá thân thành loài báo man dại để hối hả làm một cái thở hắt cuối cùng. Tôi nới vòng tay trên bờ mông chắc và nghĩ đến sáu ngày nữa đang đến để có ngày chủ nhật. Nghĩ chú không âu lo bởi một tuần chắc chắn chỉ có bảy ngày. Điều lo sợ duy nhất của tôi bây giờ chỉ là những tờ báo biếu tiếng Việt một ngày nào đó sẽ không còn được vất đầy chợ. ❐

Chúc Mừng

Nhận được tin

Nguyễn Linh Quang

tức nhà văn Cổ Ngư

kết duyên cùng

Dương Huệ Châu

ngày 23 tháng 7 năm 1995 tại Việt Nam

Ban Biên Tập tạp chí Văn Học và thân hữu chúc hai bạn trăm năm cầm sắt

Mùa Xuân Xám

Thơ Thơ

Kính dâng hương hồn Bà Ngoại

"Lại mùa xuân!" Tôi nghe tiếng mình vang vang từ một tiềm thức. Tôi trở lại căn phòng ấy vào đúng mùa xuân. Bên ngoài cửa sổ, về hướng cây cầu nhỏ, cây hoa lê trắng đã điểm đầy nụ. Màu lá thật tuyệt vời, xanh non, xanh ngắt, xanh mượt mà, xanh như màu của huyền thoại, màu nguyên thủy của ký ức tuổi thơ.

Tôi từng ngắm khung cửa ấy với nhiều tâm trạng khác nhau, có những lần tưởng như tuyệt vọng, có những lần tưởng như cả thế giới đã khép cửa lại. Nhưng khung cửa màu xanh ấy vẫn cứ lung linh, vì nó là cửa kính, trong suốt - phản chiếu - soi rọi. Nó tô màu mọi hình ảnh bên ngoài, nó thu hút mọi năng lượng của tâm thức. Chỉ có một lần, khung cửa ấy đã trở nên không màu, không ánh sáng, không bóng cây, không tiếng chim, không nắng, không hình ảnh, không thời gian, không còn gì hết.

Ngày mà bà ngoại tôi mất.

Bà ngoại tôi đau trong suốt bảy năm. Cái giường trong bảy năm đó kê ở một vị trí cố định, vị trí tốt nhất để nhìn ra cửa sổ. Bà tôi nhìn bốn mùa thay nhau qua lại khung cửa ấy—như một nhà thơ— nên càng ngày lời nói càng trở nên văn chương, bóng bẩy, đôi khi quá hàm súc đến độ mơ hồ. Những câu nói như được viết bằng một ngôn ngữ khác, mênh mông hơn, và vang vọng hơn; khó nhớ hơn, nhưng cũng khó quên hơn cái tiếng dội lại khi tôi chợt bắt được một ý nhỏ trong suốt một câu nói dài. Có một buổi chiều, ánh nắng thật kỳ quái, vừa chói lọi, vừa vàng vọt; tôi khó chịu toan kéo màn lại cho bà khỏi chói mắt. Chợt giọng bà thảng thốt: "Đừng! Đừng!" Tôi thôi ngay và quay lại nhìn bà. Bà bối rối nói nửa như giải thích, nửa như tự thú: "Con đừng ngăn ánh sáng nhé, đừng bao giờ. Nhất là ánh sáng của buổi chiều... chẳng còn bao lâu nữa..."

Có vẻ như bà muốn nói nữa, nhưng giọng chùng xuống rồi im bặt. Tôi thấy đau lòng, mà không tìm ra câu nào để an ủi. Bà chắc cũng quên rằng có tôi đang đứng chờ đợi, mắt đăm đăm dán vào khung cửa. Tôi khẽ khàng sửa lại chiếc gối cho bà, rồi len lén rút lui.

Tôi nhớ, bà càng ngày càng hao mòn đi, xương xẩu và hốc hác đến độ ai nhìn thấy cũng phải xót xa. Mỗi ngày tôi chải đầu cho bà, kín đáo dấu vào túi áo mớ tóc mới rụng trước khi bới lại cẩn thận cho bà. Nhưng có lẽ bà hiểu: "Hôm nào bà phải cắt tóc ngắn thôi, như mấy bà già Tầu ấy! Chú tóc chẳng còn mấy thì con làm sao mà búi mãi được."

Cơn bệnh tàn phá thật khủng khiếp, tốc độ và cường độ của một cơn bão lốc. Những cơn đau dã man, hành hạ không cho bà nằm, cũng chẳng thể nào ngồi. Những lúc đó, bà chỉ biết quỳ gối rên rỉ trong tư thế của kẻ cầu kinh, tư thế duy nhất làm giảm cơn đau cắn xé. Bà tôi bây giờ gần với một thây ma hơn là người sống, duy chỉ có đôi mắt là vẫn thế, trìu mến và buồn bã, đăm đăm và ngời sáng hướng về khung cửa sổ. Đôi mắt mở to giữa hai hốc mắt sâu thẳm, bất chấp tất cả, và khung cửa giờ không cần phải kéo màn nữa, dù ngày hay đêm.

Mỗi ngày lúc nắng lên, trong nhà thế nào cũng có người đem treo một giò lan có hoa trên cành cây ngoài cửa sổ cho bà ngắm. "Hoa lan chơi được lâu", bà bảo, "Nhưng kéo dài sự sống mãi hoa sẽ thành hoa giả." Tự nhiên tôi đâm ghét những cành lan chi chít hoa, bông này nối tiếp bông kia kéo đến cả tháng trời. "Bà thích hoa hồng nhất, mỗi lần con ra thăm bà, mang cho bà một đóa hồng thôi...". Đôi mắt bà thấp thoáng một nét cười, tôi muốn làm vui lòng bà, nên nói:

"Mai con ra chợ mua hoa hồng cho bà."

Bà nhìn đi nơi khác, rồi lại hướng về cửa sổ:

"Không, sau này. Sau này con ạ."

Rồi ánh mắt lại đi xa hơn nữa, nhưng không phải một tia nhìn vô định. Tôi biết, hình dung ra một vạt cỏ xanh, hoặc một bóng cây cao có lá lao xao ve vuốt mặt đất. Tôi nhìn sang bà, vẫn cái nhìn đó, bà đang hướng về một nơi nào đó, biết đâu chừng trong thâm tâm bà đã muốn đến đó rồi. Tôi nghĩ thầm, hoa hồng bây giờ vô ích, không hiểu sao mình lại đau lòng đến thế, khóc bây giờ cũng vô ích. Tôi thấy đau lòng, mà không biết làm cách nào.

Trong những ngày cuối đó, mùa xuân vẫn còn rất đẹp, rất rực rỡ ngoài khung cửa. Cây hoa trắng xóa, thả vào gió cả ngàn cánh hoa mong manh lả tả. Mùi hương thật nhẹ nhưng lại đọng rất lâu trong ký ức. Những lúc không bị cơn đau hành hạ, bà ngồi với một chồng gối sau lưng, mỏng hơn tờ giấy. Những lúc nửa thức nửa ngủ, bà hay nói một mình, kiểu như mê sảng, người nhà nói thế. Những câu nói mơ hồ và ẩn

ý, nghe từa tựa như thơ. Ngôn ngữ thực đơn giản đến độ dễ tan loãng trước khi người nghe kịp hiểu. Đôi khi tôi thấy hay hay, cảm thấy như mình hiểu và lấy giấy bút ghi lại. Nhưng rất hiếm khi tôi chép được trọn vẹn, như những câu nói hay ý tưởng của một giấc mơ, không kéo dài lâu, mới hiểu đó đã chợt trở nên vô nghĩa, hoặc ngớ ngẩn, mờ nhạt đi như khói, rồi mất hút. Tôi thấy nản, dành bỏ cuộc. Đáng lẽ bà đã có cả một tập thơ để lại...

Tôi đến thăm bà lần cuối.

Căn phòng tối sầm, ánh sáng ngoài kia không rọi thấu bức tường và tấm màn buông rủ. Miếng vải trắng đã phủ đến ngang vai, mái tóc ngắn xõa trên gối, tôi không rõ đã có ai vuốt mắt cho bà chưa. Đêm qua, bà đã tự tay pha chén thuốc cuối cùng. Khung cửa ấy trong suốt bảy năm không ai dám động đến, đêm qua chắc bà đã tự tay khép lại, kéo tấm màn cách biệt trước khi lên giường nhắm mắt... Tôi nhớ trong phòng lúc ấy nhiều người lắm, mẹ tôi cầm tấm gương nhỏ kê sát mũi bà, quan sát rồi lắc đầu. Tôi chạy ra cửa sổ, với một hy vọng mơ hồ, giựt mạnh tấm màn. Rõ ràng là tôi mở mắt, lúc đó, nhưng không thấy gì hết nữa. Mọi hình ảnh đã xóa nhòa, như một tấm màn thật lớn ngoài kia đang đóng đinh cả trời và đất, và tất cả. Một tấm màn im lìm, và cả thế giới đã đóng lại. Tôi nghe tiếng mình thét thật lớn, rồi không biết gì nữa.

Đám tang không nghi lễ, không cầu kinh, không tụng niệm, như ý bà muốn. Không một đặc ân nào của thế giới này dành cho thế giới bên kia. Trong suốt một năm trời sau đó, tất cả rèm trong nhà lúc nào cũng rủ, tôi dần quen với ý nghĩ nhà không có cửa sổ nữa.

Bẵng đi mười mấy năm, chúng tôi theo bố mẹ dời đi một thành phố khác. Ngôi nhà của bà và những ngày cũ hầu như bị xóa mờ khỏi ký ức, như ai lấy tấm vải chụp xuống mặt trắng xóa. Đôi khi tôi cố moi móc trong đầu, mong tìm ra chút manh mối nào chăng. Mỗi năm một lần, ngày giỗ bà, chúng tôi thắp nén hương, mơ hồ khấn vái, rồi ngồi vào bàn giỗ. Con đường về quá khứ tưởng như xa vô vọng.

Lần này dì tôi bán nhà, nhắn mẹ tôi về thu xếp nhà cửa, tôi mới có dịp trở lại thăm căn phòng—và cũng là lần cuối. Đồ đạc ngày xưa đã mang đi gần hết, kể cả cái giường của bà, để lộ những mảng bụi dầy cộm tích tụ đã nhiều năm. Trên sàn vương vãi giấy tờ và những tấm hình gỡ vội từ album ra, trông không hơn những đống rác là bao. Tranh ảnh đã gỡ tháo hết, để lại những dấu đinh loang trên bốn bức tường vô hồn. Tôi khó lòng nhận ra ngôi nhà của bà ngày nào nữa, cho tới khi bất chợt nhìn ra cửa sổ. Vẫn tấm màn cũ đã phai màu, kéo về một bên cho ánh nắng lùa vào—như ngày bà vẫn còn. Ánh nắng lung linh và vòm lá vẫn xanh như màu xanh tôi còn giữ trong ký ức. "Lại mùa xuân...", tôi thì thầm,

Tuyệt đỉnh hồng hoang
ĐỖ THÌ KÊNH G.

Đầm bông súng trắng mênh mông
O trăng tắm giữa cầu vồng phun mưa
Hạc về trắng bãi lau thưa
Ngọt phau phau trái bốn mùa đong đưa.
O đẹp như sau cơn mưa
Vườn măng võng lịm giấc trưa ạ ời
Xanh xanh tóc rối lưng trời
Thơm thơm tình ấp trăm lời gió rên.
O thèm mây bão dùn lên
Chân trời sấm chớp vang rền chiều nay
Rồng đen cuốn nước chân mây
Biển trườn cuống quít sóng vây chập chùng.
O xinh cây gió trong rừng
Nhờ anh chém thẹo thơm lừng trầm hương
Chém cho quằn quại trăm thương
Trăng rừng lăn lóc lan mường xôn xao.
O mèm như nước trong ao
Anh ùm xuống tắm ta nào mát hơn
Chân đạp tung toé nguồn cơn
Hai tay nghiến ngấu đau hơn bị đòn
Bồng o chót vót đầu non
Chộp mây quấn cặp vú còn thơm tay
Sương rừng tím mắt no say
Ngủ thơm nhoẻn giấc môi dầy hoang vu.

ngỡ ngàng và hân hoan như tìm thấy một điều gì mới mẻ. Không hẳn thế... tôi tìm lại được thì đúng hơn. Tôi chợt nhớ ra tất cả từ ngày ấy. Khung cửa giờ đã lấy lại tất cả những gì từng thuộc về nó, cây hoa lê trắng đã điểm đầy nụ, chùm lá xanh tươi, bóng mát, ánh nắng, bầu trời, mùa xuân, và sự sống...

Và khung cửa đã trả lại cho tôi cả một tuổi thơ trọn vẹn những huyền thoại. Tôi nhìn về hướng cây cầu nhỏ, trên những vạt cỏ xanh đã lác đác những bụi hoa hồng đầu xuân.❐

Nàng và Tôi

Phùng Nguyễn

Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu (1). Mồ côi cha mẹ từ lúc còn nhỏ, tôi được một người chú họ mang về nuôi dưỡng. Bng chú giao cho tôi mấy con trâu. Cả làng đều gọi tôi là thằng ... chăn trâu. Sau này mấy con trâu của chú tôi dạp phải mìn bẫy của mấy ông giải phóng chết hết, tôi chả còn trâu để chăn, buồn tình đi phá làng phá xóm, trộm ổi trộm xoài, người ta bèn gọi tôi là thằng ... mất dạy. Khi vào lính, tính ngổ nghịch vẫn còn, bạn bè cùng đơn vị thấy tôi cứ ở mãi trong chuồng cọp làm bằng kẽm gai bèn đua nhau gọi tôi thằng .. ba gai. Năm bảy mươi lăm mấy ông giải phóng đưa tôi vào tù, gọi tôi là thằng ... ngụy. Đến được Mỹ, người ta gọi tôi bằng cái tước vị nghề nghiệp – tạm bợ và nhiều vô kể – của tôi. Thằng ... bồi, thằng ... cu li, thằng ... cắt cỏ, vân vân và vân vân. Có một thời gian ngắn tôi sống chung với một người đàn bà, chả hiểu tôi đã làm gì nên tội mà một hôm cô ấy gọi tôi là thằng ... phản bội rồi đuổi tôi ra khỏi nhà. Từ đó, tôi trở thành thằng ... ma cà bông.

Rồi một hôm tôi gặp nàng. Nàng trẻ trung, xinh đẹp, ăn mặc hợp thời trang, nói năng dịu dàng. Nàng gọi tôi bằng ... anh. *Ôi chao là ôi chao* (2). Nàng *đã* gọi tôi bằng anh. Không những vậy, nàng còn bỏ công săn sóc cho tôi nữa. "Anh vào đây gội đầu," nàng bảo. Tôi theo nàng đi vào phía trong, nằm lên chiếc ghế dài mà phần tựa lưng có thể bật ngửa ra, lại có cả đồ gác chân. Tôi nằm duỗi dài trên đó, đầu lọt thỏm vào cái chậu sứ đựng nước, mắt mở trừng trừng nhìn lên trần nhà. Cả thân hình tôi *run như run thần tử thấy long nhan* (3) khi những ngón tay nuột nà có những chiếc móng dài sơn đỏ rực rỡ chà xát đầu tóc tôi. Nàng bỗng cất tiếng trách móc tôi một cách âu yếm, "Đã bao lâu rồi anh chưa gội đầu?" Tôi thật tình không nhớ rõ đã mấy ngày rồi mình chưa tắm gội. Tôi chỉ biết đầu tóc mình hiện đang chứa khoảng nửa kí lô hợp chất gồm bụi, đất, và đủ thứ keo xịt tóc. Gội đầu xong, nàng nâng tôi dậy, dìu tôi ra

phía trước. Tôi bước những bước nhẹ tênh, đầu óc lâng lâng như *người đi trên mây* (4). Chả gì thì đầu tóc tôi cũng đã mất đi một khối lượng không nhỏ *bụi và rác* (5). Nàng choàng lên người tôi một tấm khăn lớn làm bằng những mảnh vải đỏ tím vàng sặc sỡ. Trông tôi oai vệ như một vị hoàng đế vừa đăng đàn. Tôi hỏi nàng có phải đây là lá cờ của một quốc gia mới thành lập hay không. Nàng chỉ cười, không trả lời. Tôi thích nụ cười rạng rỡ của nàng quá đi nên tôi tiếp tục hỏi nàng những câu hỏi ngu xuẩn khác để nàng có dịp cười mãi. Tôi hỏi nàng về những đồ vật trong tầm mắt tôi: những chiếc lược đủ kiểu, chiếc "tông đơ" nhỏ xíu, chiếc kéo sáng loáng, chiếc máy sấy tóc xinh xắn, chiếc áo dễ thương, mái tóc dài óng ả, chiếc mũi thanh tú, đôi mắt long lanh, cặp môi mọng đỏ, bộ ngực nhỏ xinh đẹp. ồ không! Tôi không dám *hỏi* nàng điều đó, tôi chỉ *nghĩ* như thế thôi, tôi xin thề. Tôi ngồi cứng đơ trên ghế, nhìn nàng đôi chân thon bước những bước ng n nhẩy, hai cánh tay trần múa lượn chung quanh tôi như đang biểu diễn một *vũ điệu của loài công* (6). Những vụn tóc đen, tóc bạc, tóc muối tiêu lả tả rụng xuống, và ngắn dần trong tôi những sợi muộn phiền.

Cuối cùng rồi nàng cũng làm xong phần việc của mình. *Tôi nhìn tôi trên vách* (7), nơi có tấm gương lớn. Trong gương là một gã đàn ông *mày râu nhẵn nhụi, áo quần ... lôi thôi* (8). Nàng cầm một chiếc gương nhỏ đặt vào phía sau gáy tôi rồi hỏi, "Anh xem có được không?" Tôi không buồn nhìn tôi nữa, tôi thì chả có gì để mà nhìn ngắm cả. Tôi thấy nàng trong gương, xinh đẹp, dịu dàng, âu yếm tựa vào chiếc ghế tôi đang ngồi. Tôi tươi cười và nàng cũng tươi cười như trong một bức ảnh ... cưới. Tôi muốn nàng mãi đứng đó, mãi tươi cười, mãi tựa vào tôi. Trong đầu tôi bỗng dưng nảy ra một ước muốn kỳ quặc. Tôi mong một cơn băng giá khủng khiếp ập đến, ngay tại đây, ngay vào lúc này, làm đông cứng mọi thứ ở đây, người ngợm, chó mèo, cây cối, xe cộ, âm thanh. Nhưng lạnh bao nhiêu thì mới đủ? Mười độ dưới không? Chưa nhằm gì. Năm mươi độ dưới không? Có thể, nhưng chưa chắc ăn! Một trăm độ dưới không? Phải rồi, cơn lạnh một trăm độ âm sẽ làm đông cứng mấy người khách ở dãy ghế bên kia và nhữn i thợ làm tóc, kể cả cái anh chàng thấp lùn tự nảy giờ vẫn nói oang oang như ở chổ không người. Tôi lại mong trước đó những bông tuyết trắng nõn, phù phiếm sẽ bay vào, đậu lên áo nàng, biến nó thành chiếc áo cưới lộng lẫy; như vậy, chúng tôi sẽ có một tấm ảnh cưới tuyệt đẹp. Chẳng có cơn băng giá nào cả. Ngoài kia trời vẫn nắng chang chang, người ta vẫn đi lại rộn rịp, tiếng nhạc xập xình vẫn vọng lại từ cửa hàng âm nhạc bên cạnh, và anh chàng thấp lùn vẫn nói oang oang. Nàng lại hỏi tôi, "Anh thấy thế nào?" "Đẹp lắm. Đẹp tuyệt vời," tôi trả lời. Tôi chắc cả hai chúng tôi đều cảm thấy thích thú. Tôi

chắc nàng nghĩ là tôi khen nàng cắt tóc đẹp. Tôi chắc là nàng không nghĩ tôi khen nàng đẹp. *Tôi không chắc*. Tôi bước ra khỏi tiệm hớt tóc, chuệnh choạng như người say nắng. Mà có lẽ tôi say nắng thật. Trời đang nắng chói chang, và *trong tôi cũng ... bừng nắng hạ* (9).

Sau lần ấy, tháng tháng tôi lại đến tìm nàng. Đúng vậy, tháng tháng. Bởi vì tôi chỉ cắt tóc mỗi tháng một lần. Cái ngân khoản chật hẹp mà tôi có được hàng tháng không cho phép tôi hoang phí hơn. Trước khi đến gặp nàng, tôi cẩn thận vuốt thẳng những tờ giấy bạc nhàu nát tôi kiếm được bằng những công việc cũng ... nhàu nát không kém. Lúc trả tiền ở quầy, tôi luôn luôn kèm theo một món tiền "típ" nhỏ xíu (bữa ăn trưa hoặc gói thuốc lá hàng ngày của tôi đấy nàng ạ), sung sướng và cảm động nhìn nàng mỉm cười dịu dàng cảm ơn tôi.

Và cứ thế giòng đời trôi lặng lẽ (10). Tôi bây giờ đã trở thành khách quen của nàng. Tôi biết cả tên nàng, Châu. Tên nàng tiên của tôi chỉ có mỗi chữ Châu cụt lủn vậy thôi sao? Tôi tưởng tượng ra đủ thứ tên có kèm "Châu" trong đó để gọi nàng. Châu Á, Châu Đu, Châu Mỹ ... La Tinh, Châu ... Đốc? Tầm bậy! Hỏa Châu, Trân Châu, Bảo Châu, Ngọc Châu? Cải lương! Minh Châu? Phải rồi, Minh Châu. Hạt dạ minh châu tỏa ra những tia sáng rực rỡ, lấp lánh soi đời tôi u ẩn.

Tôi còn biết được một số chi tiết về nàng. Nàng đến Mỹ từ một hòn đảo ở vùng cực Nam nước Việt, đảo Phú Quốc. Phú Quốc, nơi sản xuất loại nước mắm nhĩ độc đáo, chỉ cần nếm vào một chút đã muốn quên hết tên tuổi, nơi có những vườn tiêu xanh mướt làm tôi nhớ đến món cua lột xào tiêu xanh ngon đến nghẹn ... ngào tôi đã có lần thưởng thức. Những hạt tiêu xanh tròn trĩnh, xanh mướt, thơm tho và Minh Châu mảnh mai, trắng trẻo, thơm tho. Tôi những muốn làm con cua lột để được ... xào chung với nàng, nhưng chắc không xong! Tôi chỉ là con cua đá sần sùi suốt ngày lẩn trốn trong hang hốc, đưa ra những càng những ngoe lởm chởm. Hay giỏi lắm tôi cũng chỉ làm được con dã tràng. *Con dã tràng tôi kềnh càng thô kệch cũng học đòi xây lu tình trên cát* (11).

Nàng chưa lập gia đình. Tôi vái van cầu nguyện Trời, Phật, Chúa, Satan, và tất cả các đấng toàn năng khác mà tôi có thể nghĩ ra đùng cho nàng đi ... lấy chồng. Nếu nàng lấy chồng, nàng sẽ lấy bác sĩ, nha sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, văn sĩ, thi sĩ, ... nhân sĩ. Hoặc nàng sẽ lấy kỹ sư, giáo sư, võ sư, vũ sư, ... thiền sư. Hoặc nàng sẽ lấy chủ hãng, chủ tiệm, chủ nhiệm, chủ bút, ... chủ tịch. Nghĩa là nàng sẽ không bao giờ lấy tôi. Tại sao nàng phải lấy tôi? Ngày thành hôn của nàng sẽ là ngày buồn thảm nhất đời tôi bởi vì những tia sáng rực rỡ của hạt dạ minh châu sẽ không bao giờ còn chiếu rọi đến tôi, và rồi chỉ còn lại trong tôi *đêm dài một đời* (12).

Tôi mãi lo sợ, mãi nguyện cầu. Cứ thế, mỗi tháng tôi có ba mươi

THƠ NGUYỄN PHAN THỊNH

Chiều
Mắt say rực ráng chiều tà
Nghiêng nghiêng đáy cốc sơn hà buồn nao
Hàng cây soi bóng bên rào
Một cơn gió thổi lao xao lạnh người
Bạn cười nghe tiếng ma trơi
Giọng thơ nghèn nghẹn một thời đã xa

Long lanh
Sương gieo mấy giọt lạnh trời
Giật mình. Nghe vọng âm lời tự khi
Ngoài đêm hoa nở nụ chi
Trong ta vụt hiện một vì sao xanh
Sao xanh hay đóa long lanh
Đất trời là một thiên thanh thuở giờ.

phút hạnh phúc và ba mươi ngày âu lo. Nhưng tôi cũng đã mãn nguyện lắm rồi. Nếu tôi không lạc loài đến chốn này vào một ngày nắng trong, có lẽ sẽ chẳng bao giờ tôi gặp được nàng. Sẽ chẳng bao giờ còn nhớ đến món cua lột xào tiêu xanh. Sẽ chẳng bao giờ nếm được mùi hạnh phúc âm thầm. Và sẽ chẳng bao giờ dám mơ làm con dã tràng xấu xí. Cho nên, tôi cũng đã mãn nguyện lắm rồi. *Who could ask for anything more?* (13)□

GHI CHÚ

1. Vũ Trọng Phụng, *Giông Tố*, Tiểu thuyết
2. Phạm thị Hoài, *Chín Bỏ Làm Mười*, Truyện ngắn
3. Hàn mặc Tử, "Đêm Xuân Cầu Nguyện," Thơ
4. Nguyễn Xuân Hoàng, *Người Đi Trên Mây*, Tiểu thuyết
5. Nguyễn Xuân Hoàng, *Bụi Và Rác*, Tiểu thuyết
6. Trần Diệu Hằng, *Vũ Điệu Của Loài Công*, Tập truyện
7. Túy Hồng, *Tôi Nhìn Tôi Trên Vách*, Tiểu thuyết
8. Tập Kiều
9. Tố Hữu, "Từ Ấy," Thơ
10. Nguyễn Bính, "Ông Lái Đò," Thơ
11. Tác giả, Đêm Nghe "Dù Nỗi Nhớ Có Muộn Màng," Tạp ghi
12. Lê Tất Điều, *Đêm Dài Một Đời*, Tiểu thuyết
13. Toyota Corp., "Còn Đòi Hỏi Gì Hơn Nữa?," TV commercial

Trồng Một Cây Cờ

Trần Vĩnh Phố

Hồi đó tôi cũng mới vừa ra khỏi tù. Buổi chiều, sau khi tập họp nghe đọc lệnh tha, tôi trở về trại chuẩn bị đồ đạc. Chẳng có gì nhiều. Mấy bộ quần áo. Vài ba cuốn sách. Thực phẩm thì đem cho những anh em chưa được may mắn, còn ở lại. Những cái vỗ vai chúc mừng. Những nụ cười an ủi. Tạm biệt, hẹn gặp nhau ở nhà tù lớn sau này. Tôi bước ra cửa ngôi nhà dùng làm trạm y tế, nhìn về phía đồng ruộng. Chiều bảng lảng mịt mù cái thầm lặng ngàn đời của U Minh cô tịch. Ở đó tôi đã sống qua một năm. Lao động khổ sai. Những ngày đội nắng dầm mưa làm cỏ đám mạ. Những tối bị phạt ngâm mình dưới ao đọc nội qui. Nước ngập đến cổ. Bụng đói rỗng không. Những buổi đi cấy, ngụp lặn trong biển nước trắng xóa mặt ruộng. Mỗi lần cúi xuống cắm nắm mạ là mỗi lần nín thở vì nước ngập khỏi đầu. Gió thốc phần phật, đẩy những cái xuồng của bọn cán bộ kiểm tra vèo vèo trên mặt nước. Cái lạnh cắt da cắt thịt. Những tinh sương lếch thếch ra đồng. Hàng trăm con người rách rưới gầy gò lặng lẽ bước đi trong bóng tối còn chập choạng của một ngày tù. Những đêm khiếp đảm không dám nhìn cảnh bốn tên công an đánh tử trụ một kẻ sa cơ. Tiếng thét đau đớn. Tiếng ạch đụi, té ngã. Tiếng thở hồng hộc của những con thú.

Với tôi, tất cả đã qua đi. Còn lại bây giờ là nỗi cay đắng xót xa. Trở về nhà sẽ phải đối phó với những cam go mới. Sẽ lại bắt đầu một mưu đồ. Để rồi có thể trở vào, sống lại những ngày tù khốn khổ, nhục nhằn. Cái vòng lẩn quẩn bi thảm.

Dù sao trước mặt cũng là tự do (cái tự do tội nghiệp, què quặt). Tôi cầm lệnh tha, bước ra khỏi trại. Trời sắp tối. Chuyến đò duy nhất đi từ kinh làng thứ bảy ra Rạch Sỏi đã khởi hành hồi sáng. Hai ngày sau mới có một chuyến khác, nên tôi nôn nóng không thể đợi được. Tôi vào nhà

dân, thuê một người chống xuồng đưa tôi ra bến đò ở làng bên cạnh. Từ đó tôi có thể về Rạch Giá.

Tôi ngồi bẹp trong lòng xuồng. Người đàn bà ngồi bơi ở sau lái. Tiếng cây dầm khuấy nước bì bõm đẩy xuồng lướt tới. Những bến bờ rậm rạp trôi lại đàng sau. Người đàn bà hỏi nhỏ :

— Anh ở đây bao lâu rồi?

Tôi quay nhìn chị. Cái khăn quấn đầu bay nhè nhẹ. Gương mặt quê mùa nhập nhoạng trong chiều. Cái áo bà ba cũ kỹ. Hai cánh tay nhịp nhàng trong nhịp bơi nhanh nhẹn. Tôi nói như thở ra.

— Một năm.

— Thôi. Về lo làm ăn...

Tôi cười :

— Ừ, tôi sợ ở tù quá rồi.

Người đàn bà buông dầm, vói lấy cái thùng mủ bể tát nước ra khỏi be xuồng, vặn hỏi :

— Anh quê ở đâu?

— Tôi ở Vĩnh Long.

— Không phải ở Sài gòn à?

— Sao chị hỏi vậy?

Người đàn bà lắc lắc đầu không trả lời. Đêm đã xuống. Lờ mờ ánh trăng non. Muỗi bắt đầu vần vũ bám vào mặt vào tay. Tôi trùm cái khăn lên đầu, nhắm mắt lại. Có cảm tưởng như mình đang trôi trong tịch mịch thiên thu.

Khoảng hai giờ sau, người đàn bà tấp xuồng vào bờ. Chị đưa tay chỉ mấy cái nhà le lói ánh đèn trên bến :

— Anh vào ngủ đỡ trong nhà kia. Nhà của chủ đò đó. Hỏng sao đâu. Thường cũng có vài người khách ngủ chờ đò. Ngoài ra còn có bạn hàng.

Tôi bước lên bờ, móc tiền ra đưa cho chị rồi cám ơn từ biệt. Người đàn bà gật đầu, cầm cây dầm chống vào bờ đẩy mạnh xuồng ra. Một lúc sau chị mất hút trong bóng tối mịt mùng.

Khi tôi nghe tiếng còi rúc lên thì trời đã hưng hửng sáng. Tôi ôm gói quần áo theo mọi người xuống đò. Đò là chiếc "tắc ráng" dài và hẹp. Hành khách ngồi ở hai băng gỗ hai bên. ở giữa ngổn ngang những hàng hóa của con buôn. Những bao, những bịch, những gánh, những thùng, lổn nhổn...Chiếc đò đang nổ máy rầm rì. Một ngọn đèn điện nhỏ lắc lư chỗ tài công. Bên cạnh tôi, những người bạn hàng vùi đầu trong khăn trong nón, rán ngủ tiếp một giấc muộn màng.

Khi đò ra sông cái thì trời đã sáng rõ. Mặt sông mở rộng, lao xao những đợt sóng. Hai bên bờ, ruộng xanh vẽ một vạch dài mút chân trời.

Bạn hàng lần lượt thức giấc. Tiếng cười nói đã rộn rịp trong đò. Tôi dụi mắt, thò tay qua cửa sổ khoát nước rửa mặt. Nước mát lạnh đánh thức nỗi hưng phấn bất ngờ. Tôi quay qua ông lão bên cạnh. Bộ bà ba đen mốc thích mốc cời. Gương mặt nhăn nheo, gẫy góc những nét khắc khổ cứng cỏi. Chòm râu lún phún bạc dưới cằm. Đôi mắt ẩm ướt, đỏ những tia máu mệt mỏi, mất ngủ. Ông lão ôm một túi vải nhỏ và một giỏ xách. Linh kinh những chai lọ, gà-mên. Có vẻ như một người đi thăm tù mới về. Tôi dè dặt mỉm cười làm quen, rồi nói nhỏ :

— Bác khoát nước rửa mặt cho khỏe. Hình như bác không phải người ở đây?

Ông lão nhìn tôi ngần ngừ, cảnh giác. Tiếng nói nặng nặng cái hơi hướng biển mặn miền Trung.

— Ừ, tui ở Qui Nhơn.

— Cháu cũng không phải ở đây. Cháu ở Vĩnh long. Vượt biên bị bắt xuống đây một năm rồi. Mới được thả hôm qua.

Ông lão đột nhiên có vẻ vui mừng. Ông vừa lấy cái khăn lau hai khóe mắt, vừa nói :

— Tui đi thăm thằng con. Nó cũng bị bắt ở đây.

— Anh ấy ở trại nào bác?

— Trại C. Cũng tù vượt biên.

Tôi ngạc nhiên :

— Qui Nhơn ở gần biển, sao lại phải vào tới đây?

Ông lão lắc đầu :

— Thì vậy. Trong này chạy ra ngoài, ở ngoài đi hoài không lọt thì chạy vô đây. Cuối cùng rồi cũng chun vô rọ.

Gương mặt ông lão chảy dài những nếp nhăn mệt mỏi, chán chường:

— Cái thằng. Không chịu lo làm ăn gì cả. Tối ngày chỉ tính chuyện vượt biên. Hết nhà tù này đến nhà tù khác. Tui đi nuôi thét thành chuyên nghiệp...nuôi tù.

Tôi cười. Tiếng cười gượng gạo. Nghe như ông lão đang nói về mình, đang nói về mẹ tôi lầm lũi bao nhiêu năm nay. Không phải nuôi một mình tôi, mà cả ba anh em trai. Kà Tum, Rạch giá, Ba động, Bến tre...

Tôi thở ra :

— Có muốn ở yên làm ăn cũng có được đâu bác. Rồi thì lao động, quản chế....

Ông lão gật gù, ánh mắt đăm chiêu.

Chiếc đò bỗng nhiên chậm lại. Người tài công quay đầu báo động :

— Kinh tế ba.

Tiếng ồn ào bùng vỡ ra, hỗn loạn.

— Ủa, sao lại có kinh tế ba ở đây?

Một người vừa hớt hải, vừa hét lên :

— Trạm đột xuất. Mau lên. Nhét vào góc kia. Đó, ở dưới chân ông già đó.

Bạn hàng chạy nhốn nháo. Họ cố giấu diếm hàng hóa, cố chèn, cố nhét vào những chỗ được coi là kín đáo nhất. Nhưng có chỗ nào khác ngoài cái khoang đò đã ngổn ngộn mọi thứ. Sự cố gắng tuyệt vọng để kéo theo nỗi buông xuôi, phó mặc, đánh liều.

Chiếc đò chậm hẳn lại rồi tắt máy. Tôi nhìn qua cửa sổ. ở giữa sông lừng lững một chiếc tàu nhỏ. Ngọn cờ đỏ bay phần phật trên nóc mui. Hai tên công an cầm súng AK đang đứng bên hông tàu. Gương mặt lạnh. Ánh mắt soi mói phía dưới cái nón cối màu vàng. Trong khoang đò bỗng nhiên im phăng phắc. Cái im lặng ngột ngạt, sự chờ đợi một tai họa chụp xuống, phủ lên. Trái tim đập hụt hẫng. Cổ họng khô. Hai bàn tay nhơm nhớp mồ hôi...

Mọi người thở phào nhẹ nhõm khi chiếc tàu được phép rời đi. Những kẻ xui xẻo đã phải ở lại với hàng hóa của mình trên tàu công an. Để nài nĩ một rộng lượng mong manh, để bấu víu một ân sủng phải trả giá. Có khi là tiền, đút lót. Có lúc là một đêm vui dâng hiến, nghẹn ngào. Bao nhiêu vốn liếng đổ hết vào may rủi. Một bà mẹ già, mấy đứa con nheo nhóc. Người chồng ngụy đang lê lết học tập trong rừng. Cũng đành. Cắn răng, bậm môi mà cười gượng gạo. Nhắm mắt lại, gục mặt xuống thở dài. Ôi, tai trời ách nước..

Tôi quay sang ông lão. Ông ngồi như pho tượng. Lặng lẽ, dửng dưng. Dường như tất cả những nhao nhác đời thường kia không mảy may ảnh hưởng đến ông. Gần mười năm rồi. Nỗi xúc động cũng có giới hạn ở mỗi con người. Vượt quá cái ngưỡng đó là chai đi, lì ra. Không chỉ với tai họa của kẻ khác, mà đôi khi với cả chính nỗi đau của mình.

Tôi bùi ngùi :

— Lúc này làm ăn buôn bán khó quá hở bác. Chắc chỉ còn về quê làm ruộng thôi. Ở chỗ bác, người ta trồng trọt ra sao?

Ông lão nhếch mép :

— Làng nhàng. Đời bây giờ chỉ có trồng cờ là mau phát tài nhứt.

Tôi trố mắt, không hiểu. Ông lão đột nhiên nổ ra phẫn nộ. Tiếng nói đay nghiến, uất ức :

— Có gì đâu. Cắm xuống một cây cờ, dựng lên một trạm thuế...Còn hơn là ăn cướp. Cái thứ cướp cạn.□

Dưới gốc hoa đào

Trần Mộng Tú

Đã ba hôm liền, ngày nào ông Lâm cũng gặp cặp vợ chồng người Á Đông đó đến khu vườn đào. Họ đến từ sáng sớm và ở lại cho đến giờ công viên đóng cửa. Mới đầu thì ông nghĩ có lẽ họ ở xa đến, và nơi họ ở không có hoa đào vào mùa xuân nên họ đến đây để thưởng lãm hoa, rồi ông lại nghĩ có lẽ họ là một cặp vợ chồng đang đi hưởng tuần trăng mật. Ông để ý đến họ vì ở họ hình như có một điều gì là lạ mà ông không cắt nghĩa được. Ông làm ở đây cả hai năm rồi, công việc của ông là quét dọn những rác của khách đến chơi trong công viên Japanese Garden này ông phụ trách nguyên một khu vào khoảng gần 5 mẫu, từ khu Hồ Sen, Vườn picnic cho đến ranh giới vườn đào. Công việc không có gì cực nhọc, chỉ làm xong bổn phận là tha hồ ngắm khách vãng lai.

Ngày đầu thì ông không chú ý đến họ lắm, nhưng đến ngày thứ hai, thứ ba thì ông đã quen mặt họ, vì chẳng có ai lại đi liền mấy ngày vào công viên mà chỉ đến có một chỗ như cặp vợ chồng này. Lần nào họ cũng ngừng lại ở Hồ Sen để ngắm những con cá Anh Vũ của Nhật bơi lội, và ông bắt đầu ngắm họ. Người đàn bà trạc dưới 40 tuổi và người đàn ông chắc khoảng gần 50, tóc đã ngả hoa râm. Hai người lúc nào cũng như ghé đầu vào nhau nói chuyện tương đắc lắm, ông thấy hai mắt người đàn bà lúc nào cũng lóng lánh như có nước, nụ cười của bà ấy thì dịu dàng quá nhưng trông cứ buồn buồn làm sao ấy. Trái lại người đàn ông thì lại có nụ cười như là nụ cười của trẻ thơ. Người vợ thì âu yếm chồng lắm, có khi thì vuốt lại cái cổ áo cho chồng, có khi thì cài thêm một cái khuy ở áo len, lại có lúc bà mở túi xách ra lấy ra một cái lược nhỏ chải lại tóc cho chồng, người đàn ông cứ đứng yên cho vợ săn sóc. Ngắm cá xem hoa sen cả tiếng đồng hồ, họ dắt nhau sang khu vườn picnic người vợ lấy trong túi xách ra một cái chăn nhỏ trải xuống thảm cỏ rồi xếp đồ ăn sáng ra cho hai người, ông để ý thấy người vợ lo cho chồng ăn như lo

cho một đứa con nhỏ, lúc thì bỏ vào đĩa của chồng một múi cam, lúc thì lại rót ly sữa nhỏ đưa tận miệng, ăn xong bà thu xếp gọn ghẽ, rồi lấy ra một cuốn truyện hoặc tờ báo đọc khe khẽ cho chồng nghe. Người đàn ông nằm ngửa mặt lên trời, gối đầu vào hai bàn tay úp sau gáy, người vợ vừa đọc vừa để ý ngắm nghía chồng, thỉnh thoảng lại bỏ sách xuống nhổ một sợi tóc trắng, hay nhặt một cọng cỏ vướng trên áo ông chồng.

Khi mặt trời bắt đầu đứng bóng thì họ thu dọn đi vào trong khu vườn đào. Ông Lâm không phụ trách quét dọn ở khu đó nên ông không theo chân họ nhưng ông cũng đoán được ra là họ sẽ kiếm một gốc đào đẹp nhất rồi trải khăn ra mà ngồi ngắm hoa đào. Người vợ sẽ lại săn sóc, cho chồng ăn trưa, đọc báo, đọc sách, nhổ tóc bạc hay nhặt những cánh đào rơi trên vai chồng. Sáng nay lúc người vợ mở sách ra đọc, ông liếc tựa của quyển sách ông mới biết họ là người Việt Nam. Thế nào đến giờ nghỉ ăn trưa ông sẽ đến làm quen với họ. Tính ra họ đến đây cũng đã 5,6 ngày liền rồi còn gì. Mấy hôm liền ông định tâm lắng nghe xem họ nói tiếng nước nào nhưng họ nói khẽ quá ông nghe không rõ, mà đến thật gần thì e bất tiện nên ông lại thôi, hôm nay ông sẽ đến thăm hỏi họ. Lâu quá rồi ông Lâm không có dịp gặp, trò chuyện với đồng hương ở cái công viên bát ngát này.

Cứ mỗi lần có dịp bước sang khu vườn đào vào những tháng hoa đào nở ông Lâm thường tưởng tượng ra mình là một trong hai chàng Lưu Nguyễn ngày xưa, ông như nghe văng vẳng ở bên tai bài hát Thiên Thai ngày nào, chắc Thiên Đàng cũng chỉ đẹp đến thế này là cùng. Cả một khu vườn có gần 100 gốc đào hồng tận đến chân mây. Có gốc đã cội lắm rồi, trông giống như cụ già lưng còng, da dẻ nhăn nheo nhưng lại mang trên môi những nụ cười thật đẹp, có gốc thân cây mảnh mai thẳng tắp, tàn hoa phủ gần chạm đất như một chiếc lọng mầu hồng của đám cưới ngày xưa. Trời mùa xuân trong vắt, nắng xuân như khăn lụa, hoa đào như thiếu nữ vào tuổi dậy thì. Bước vào đây lòng nhẹ lâng lâng, bao nhiêu nặng nhọc, lo lắng của đời sống hàng ngày để cả ngoài bên kia cửa vườn.

Ông Lâm đưa mắt tìm chỗ hai vợ chồng người Việt ông muốn làm quen. Ông nhìn bao quát cả mấy chục gốc đào trước mặt mà không thấy bóng họ, ông phải đi vào tận phía trong của khu vườn chỗ có một góc rẽ, tìm mãi mới thấy họ, họ như trốn dưới một gốc đào rất thấp mà lại nặng trĩu hoa, những cành đào cong xuống gần chạm mặt đất như một cái lồng chim mầu hồng, ông phải lấy tay rẽ hoa ra để bước vào. Nếu không phải là giữa trưa trời đang nắng thì khó mà biết có người trốn ở dưới tán hoa này. Người vợ ngồi dựa lưng vào thân cây, hai chân duỗi thẳng về phía trước, một tay luồn vào trong tóc chồng một tay đang cầm sách đọc

nho nhỏ, người chồng nằm gối đầu vào lòng vợ, ngước mắt mơ màng nhìn lên vòm hoa nửa thức nửa ngủ. Thấy ông đến, người vợ khẽ lay chồng ngồi dậy, rồi đứng lên. Ông Lâm tự giới thiệu mình trước. Người đàn bà cúi đầu, đáp lễ ông, bà nói nhỏ nhẻ, giọng ngập ngừng:

— Dạ, tôi là Mai và...nhà tôi là Thức.

Ông Lâm đưa tay ra bắt tay Thức, bàn tay Thức lạnh và xương xẩu, nụ cười của Thức ngu ngơ. Mai bắt gặp trong mắt ông Lâm một câu hỏi, Mai cắt nghĩa:

— Thưa ông, anh Thức tôi không được khỏe lắm.

— Ông bà từ xa đến chơi hay ở gần đây?

— Tôi thì ở tận Texas. Mai bỏ lửng câu nói, rót một ly nước cam mời khách, quay sang nhắc Thức:

— Anh lấy thuốc lá mời ông Lâm đi chứ.

Thức theo lời Mai, rút bao thuốc ở túi áo ra đưa cho ông Lâm nói chậm rãi:

— Mời ông.

Ông Lâm rút một điếu cầm trên tay nhưng chưa mồi lửa, ông khựng lại vì thấy Mai đang lấy chiếc khăn giấy lau một chút vụn bánh dính ở trên môi Thức, ông ngạc nhiên quá, tại sao mà lại có người đàn bà chìu chuộng săn sóc chồng quá đáng như vậy! Tự nhiên ông thấy nguợng vì sự có mặt của mình, ông uống hết ly nước cam, rồi chào Mai và Thức trở lại khu làm việc. Ông thấy hình như có điều gì bất an ở Thức và sự ngập ngừng của Mai khi nói "Tôi thì ở tận Texas...". Tại sao không nói "chúng tôi" mà chỉ có "tôi" không? Hay là họ không phải là vợ chồng? Không là vợ chồng mà sao Mai lại săn sóc Thức quá đáng như vậy? Ông cứ loay hoay với mấy câu hỏi trong đầu. Hai hôm sau liên tiếp Mai và Thức vẫn đến vườn đào. Sáng sớm họ vẫn dừng lại ở hồ sen ngắm cá Anh Vũ, buổi sáng vẫn ở vườn picnic cho đến trưa mới sang vườn đào và ở lại cho đến giờ công viên đóng cửa. Ông Lâm thấy hai người đến thì ông gật đầu chào, Mai cúi đầu chào lại rất lễ phép, còn Thức thì chỉ hơi nhếch miệng cười với ông. Ông không đến gần họ, ông chỉ đứng xa quan sát kín đáo. Ông thấy Mai vẫn âu yếm Thức như một cặp vợ chồng còn trăng mật, mà lại có cử chỉ tha thiết như một người tình cũ rất lâu vừa gặp lại. Vẫn kéo lại cái cổ áo cho Thức, cài khuy áo khoác, nhặt những cọng cỏ trên áo, nhổ sợi tóc bạc cho Thức, nhất nhất Mai làm với cử chỉ âu yếm. Khi cười, khi nói đều mang vẻ buồn buồn. Còn Thức thì vẫn ngu ngơ như một đứa trẻ thơ trong tay mẹ. Mai đọc báo xong, thì lại đọc sách. Sáng nay hình như ông Lâm nghe thấy Mai đọc thơ nữa ông thấy giọng Mai lên bổng xuống trầm, Mai vừa đọc như vừa khóc, vì ông thấy Mai đọc xong thì rút khăn ra chậm nước mắt, còn Thức thì cứ ngồi ngây người ra

nhìn vào đôi môi của Mai khi Mai đọc thơ, anh vụng về đưa mấy ngón tay xương xẩu lên quẹt những giọt lệ trên má vợ, ông Lâm phải quay mặt đi không dám nhìn nữa.

Nguyên cả buổi chiều nay ông Lâm bận quá có một chuyến xe bus chở mấy chục học trò đến chơi nên ông Lâm không bỏ sang khu vườn đào được, mà ngay cả lúc Mai và Thức ra về ông cũng không nhìn thấy mà chào họ.

Sáng hôm sau ông đến công viên làm việc, ông có ý chờ không thấy Mai và Thức đến, ông nghĩ có lẽ họ dắt nhau về Texas rồi, họ đến đây tính ra được cả tuần rồi còn gì, xem hoa, ngắm cá mãi thì cũng phải chán chứ. Ông ân hận là không được chào họ lần cuối, chiều hôm qua ông bận tối mắt vì đám học trò vứt rác bừa bãi, họ về lúc nào ông đâu có biết. Ông thấy tronglòng buồn buồn, ông nhớ đến cặp mắt lúc nào cũng như khóc của người vợ và nụ cười ngu ngơ của người chồng. Ông vào nhà kho lấy chổi ra làm việc một cách uể oải. Bỗng ông nghe tiếng của người Mễ đồng nghiệp kêu lên:

— Ông Lâm ơi, sang đây mà xem có người ngủ quên lại ở gốc đào.

Ông chạy vội sang bên khu vườn đào. Trước mắt ông Mai và Thức đang nằm im ngủ dưới một tàn hoa đào. Thức nằm thẳng một tay để cho Mai làm gối, một tay để lên bụng, Mai nằm nghiêng nép mình vào Thức vòng tay qua ngực chồng. Sương đêm ướt sũng trên quần áo hai người, hoa đào rụng qua đêm phủ như rắc pháo hồng trên thân thể họ. Ông Lâm biết họ sẽ không bao giờ dậy nữa, ông nói với người bạn Mễ bằng vốn liếng tiếng Anh ít ỏi của mình.

— Tôi biết họ, họ là bạn tôi, người Việt Nam để tôi xem họ có để lại thư từ gì trong túi không, trước khi gọi cảnh sát. Ông tìm được trong túi xách của Mai, ngoài giấy tờ cá nhân, mấy tờ báo Việt ngữ, có một quyển thơ, một quyển truyện ngắn, ông còn thấy một tờ giấy có lẽ là giấy của bệnh viện, bệnh nhân tên là Thức và người lãnh Thức ra viện là tên Mai. Ông đọc được giòng chữ "Alzheimer Center" ông không hiểu rõ là gì. Ở một góc túi ông tìm được một tờ giấy gấp làm tư, nếp gấp còn mới tinh, ông mở ra thì thấy một bài thơ năm chữ viết bằng nét chữ phụ nữ.

Anh đã thành người khác
Trong hình hài thân quen
Anh nói như tiếng chim
Kêu ở triền núi lạ
Anh nhìn em dửng dưng
Trái tim em rớm máu
Những kỷ niệm thân yêu
Không còn nơi nương náu

Em sống như một mình
Trong cả hai thân xác
Em nói rồi em nghe
Anh ở hành tinh khác
Thuở mình mới yêu nhau
Bài thơ chia một nửa
Hạnh phúc cần làm đôi
Hứa trăm năm là một.

Ông Lâm đứng sững người, bây giờ ông đã hiểu rõ, chữ *Alzheimer* là mất trí và cái mẩu giấy đó đúng là giấy xuất viện như ông đoán. Ông bỏ tất cả lại vào túi xách của Mai, trừ bài thơ, ông gấp lại cất vào ngực mình, ông nhờ người bạn đồng nghiệp đi báo cảnh sát. Còn ông, ông bỏ chiếc nón ở trên đầu xuống, ông cong mình ai điếu, cúi nhìn kỹ nét mặt của Mai và Thúc, ông không thấy một nét bi thương nào trên mặt họ, đôi mắt Mai khép kín, những sợi lông mi mềm mại như một vệt chì cong, ông cố hình dung ra những giọt lệ long lanh trong mắt Mai mà ông thấy ở mấy ngày hôm trước ông nhìn sang đôi môi Thúc để nhớ lại nụ cười ngu ngơ của anh, nhưng ông chẳng thấy gì cả ông chỉ thấy hình ảnh hai người yêu nhau nằm ngủ dưới gốc hoa đào, bình an. Cái chăn họ đắp cũng được dệt bằng hoa đào và trong tay Mai còn cầm một chiếc lọ nhỏ, chiếc lọ rỗng không, ông biết đó là lọ thuốc ngủ Mai đã cho cả hai người uống. Ông thấy cay xè trong mắt, những cánh hoa rơi phủ trên hai người nhòe đi như những giọt lệ hồng. Trái tim ông đập bi thương trong lồng ngực khi nghĩ đến trước khi tìm cái chết cho hai người, Mai đã thu xếp cho Thúc được hưởng một tuần lễ tuyệt vời dưới gốc hoa đào.❐

...đón đọc

nhớ đất thương trời

thơ trần hồng châu

(bút hiệu của GS. Nguyễn Khắc Hoạch,
Nguyên Khoa trưởng Đại học Văn Khoa
Sàigòn)

Thế kỷ xuất bản

nhà thơ, hoa vàng, chim khuyên và cô hàng xóm

NGUYỄN HỮU NHẬT

gánh hoa cô gái vào ngõ biếc
lạc đường con bướm đuổi theo sau
chiều bay ra khỏi màn sương mỏng
đôi cánh vàng thu bạc hết màu

1
sợ người ta sáng ngủ quên
không nghe được tiếng chim khuyên rộn ràng
tiếc như tình lỡ sang ngang
khóm hoa nở hết nụ vàng ngát thơm

nhà thơ nằm cuộn ổ rơm
mơ hồ ngửi thấy mùi cơm láng giềng
tỉnh ra trời đất tháng giêng
hồn xanh rau khúc, mưa nghiêng bụi trầm

2
cô hàng xóm chẳng bận tâm
đến người ôm mối tình câm với mình
mắt cười trong chiếc gương xinh
in màu sắc nước, dọng hình bóng hoa

vui mừng áo cánh cởi ra
vàng tơ lụa nắng, trắng ngà ngọc thân,
cây run, từng đóa hoa dần
thấm hương ướt hết mùa xuân mới về

ngon lành hơn bánh đa kê
ngọt tan đầu lưỡi, bùi tê đáy lòng
nơi nhìn hoài mắt hết trong
nét mềm eo ếch đường cong chân mày

3
con chim vàng hót mê say
phất phơ mưa bụi xuân bay nhẹ nhàng
tiếng đầm xuống, giọng lên vang
khỏi chìm vào khóm hoa vàng sắc tươi

vừa đi vừa dõi bóng người
sa chân vũng lội khiến trời đất rung
nguyễn hữu nhật may vô cùng
nhờ ai quay ánh mắt nhưng lại cười

4
người thương, chẳng lấy được người
vỡ tan hạt lệ, xé rời chiếc thân
buồn xa thắp sáng vui gần
than ngời cuối bếp, lửa vần ngọn rơm

nuôi nhau dâu chỉ hạt cơm
hương xông ngây ngất, mật tươm ngọt ngào
tóc bung sổ ngọn suối trào
miếng lê môi ngậy, trái đào ngực căng

5
anh gần chết mới hiểu rằng
vì sao sáng nhất chẳng bằng mắt em
trăng xuân còn tỏ ngoài rèm
hay vì tình lỡ mà đêm tối trời?

phất tay thoáng cái hết đời
thầm kêu cho bớt nhớ người của anh
em từ buổi ngó trời xanh
sóng reo mắt biếc lan thành biển khơi

xuân hồng rực, ánh xuân tươi
tình yêu làm đẹp những người yêu nhau
chờ em, anh bạc mái đầu
ai trêu mà gọi mái sầu cũng im

máu bầm hạt nhỏ về tim
cố đeo dòng chảy bám tìm miết nhau

6
trăng lên thở dốc trên cầu
hai người đội áo chụm đầu đứng nghe
nước nguồn chảy ấm lòng khe
bờ đi mướt cỏ, lối về dịu đêm

lưng êm ngả xuống giấc mềm
bớt hương hoa bù lại thêm mùi người
sớm mai trong mắt biếc ngời
trời xanh một cách dã đời, muốn hôn

7
xa nhau mất nửa phần hồn
yêu là lòng tự dưng buồn ngẩn ngơ
phần còn lại nhẹ như tơ
lưới sương giăng cỏ, tóc tơ vướng lòng

nghĩ vừa ra ý thơ xong
tiếng cười đã hạt lệ trong rớt vào

gió đi rắc cánh hoa đào
xuống sân vết chổi thanh hao mờ dần
người về mỗi bước run chân
dẫm lên hương sắc mùa xuân ngại ngùng

8
chim khuyên thấu lẽ tận cùng
chẳng riêng mà cũng không chung ý tình
giữa trời với đất lặng thinh
cho nên cứ hót một mình thảnh thơi

tang thương vẫn chỉ kiếp người
khởi xây thành mộng, hồn rời xác đau
mới cười đã khóc với nhau
hình tan trước, bóng mất sau, vô thường

hoa vàng năm ngoái mùa sương
ngày này rụng hết mùi hương chốn nào

9
vàng chìm vào bóng cờ sao
ra mưa hoa đỏ nở trào máu tươi
thương ai chót lỡ yêu đời
chùn tay, không dám giết người, lạc gươm

Tầm tơ thân nhộng rách bươm
hàng the lụa mỏng, kén ươm tơ dầy
đêm vơi nhớ, rót chén đầy
lửa mòn viền sáng, nến gầy ngọn lay

gió xuân tung, lá màn bay
nhà thơ chợt tỉnh cơn say giật mình

10
tay vò bản thảo lặng thinh
quặn lòng sống nhục, vật mình chết non
thời người cho lợm ăn ngon
hàng ngày bằng xác trẻ con tượng hình

người cầm bút chẳng tự khinh
trách chi người đọc vô tình dửng dưng
ngoài đời quen sống luật rừng
thú vui lạ viết trong từng câu thơ

ùn lên rác ruởi tanh lờ
tối tăm chữ nghĩa, vấn vơ ý tình
chuyện dâu phải chuyện của mình
kệ người oan khuất, mặc tình khổ đau?

quay lưng nào khó gì đâu
mới đằng trước đã phía sau túc thời
quê nhà ngoảnh mặt, trời ơi
văn chương lãng mạn ru người lãng quên

11
nương thân đất khách bình yên
vẫn là người, đôi lúc hiền hóa ngu,
chữ không sáng nghĩa, mắt mù
cùm gông sách vở, nhà tù bút nghiên

thánh hiền tỉnh mấy cũng điên,
giòng trôi mực máu, tên xuyên ngực hồng
tàn hơi chuột bạch trong lồng
nằm im chờ chết chiếc vòng vẫn quay

12
chim vàng năm cũ hót hay
tiếng vang đi mãi tới nay mới về
ngấm vào hồn, ngất ra mê
hoa quỳ xưa đó, tóc thề giờ dâu

lấy tay làm lược chải đầu
ngón run chạm phải rừng lau trắng ngần
sợi nào tóc cũng thương thân
xót người tới chết vẫn cần làm thơ...

tình cờ nghe tiếng chim hót ở khu Thiên Đường, Paradis Bergen, Na Uy mùa xuân năm ngoái, chạnh nhớ quê nhà vẫn còn một thành phố mang tên Cần Thơ.

Quyên Di và Mắt Nhìn Nhân Ái vào Thế Giới của Đời thường

Bùi Vĩnh Phúc

Hoa Hồng Nhà Kín và *Nhìn Xuống Cuộc Đời* là hai tác phẩm của Quyên Di vừa được nhà xuất bản Thời Điểm phát hành để kỷ niệm hai mươi năm người Việt tỵ nạn ngoài nước.

Hai cuốn sách, ghép lại với nhau, tạo nên một thế giới khép mở và đồng nhất trong sáng tạo của nhà văn. *Hoa Hồng Nhà Kín* là một thế giới vừa mở vừa đóng. Nó là một tập truyện ngắn được hư cấu trên cái nền của cuộc sống người Việt trong khoảng một vài năm sau biến cố tháng Tư, 1975. Đồng thời, nó cũng là những kinh nghiệm sống, những cảm nghiệm và thái độ của Quyên Di về cuộc đời. Nó trình bày trước mắt người đọc một thế giới có thật; cùng lúc, nó như mời gọi con người đóng góp vào sự sáng tạo cái thế giới ấy.

Nhìn Xuống Cuộc Đời có một bố cục khác. Nó là những suy tư, cảm nghiệm chân thật của Quyên Di về đời sống. Có thể nói cuốn sách là tập hợp những bài tiểu luận ngắn, trình bày cái nhìn của tác giả về cuộc đời. Cuộc đời *như nó là* và, trong một mắt nhìn nào đó, *như nó nên là*. Cuốn sách có bố cục như là một cánh cửa sổ mở bung vào đời sống nội tâm của tác giả. Nó phản chiếu bầu trời, ánh nắng, những vạt mây, và cả những giọt mưa lạnh—đôi khi—của cái không gian đời sống bên ngoài. Nó là tấm gương soi vào cuộc sống của chính người viết.

Những ý vừa nói chỉ là một vài nhận định khởi đầu của tôi về hai tập sách của Quyên Di. Tôi sẽ thử đào sâu những nhận xét của mình về những điều vừa nói trong phần phân tích của bài.

Đọc hết những dòng chữ cuối cùng của tập truyện *Hoa Hồng Nhà Kín*, đóng tập sách lại, nhắm mắt và để cho lòng mình tĩnh lặng, mềm mại thiết tha với cái không khí của toàn tập truyện, tôi muốn ghi lại ở đây một vài nhận xét của mình sau khi được đọc tập truyện này.

Tập sách có mười hai truyện ngắn. Mỗi truyện liên hệ đến một loài hoa. Nhưng hoa chỉ là một cái cớ. Hay đúng hơn, chỉ là một biểu tượng. Chúng là những biểu tượng về tình người. Những biểu tượng thật cao đẹp, thật thiết tha và đầy tình nhân ái. Nhà văn không bàn về hoa như một khách phong lưu tài tử, mang cái kiến thức, cái hiểu biết của mình, cái rung động của mình trước những vẻ đẹp cao nhã hay đài các của hoa để bàn về thú chơi hoa, về cái phong thái của thú chơi vương giả đó, hay về những câu chuyện liên hệ đến gốc tích–có thật hay đã được thi vị hóa–của những loài hoa này. Không, trong ý nghĩ của Quyên Di khi đặt bút viết truyện ngắn đầu tiên trong loạt truyện mang tên những loài hoa để gửi đến người đọc, tôi nghĩ là trong lòng ông đã nhen nhúm cháy lên một ánh lửa khác.

Ánh lửa mà tôi muốn nói ở đây, trong lòng nhà văn của tập truyện ngắn này, chính là ánh lửa của lòng nhân ái. Ánh lửa của sự sống lý tưởng, của lòng can đảm, của những trái tim nhiệt huyết. Ánh lửa của lòng thiết tha, của sự chung thủy. Với người. Và với đời.

Tôi muốn nói rằng Quyên Di, trên và trước, là một nhà văn của lòng nhân ái. Một nhà văn của niềm tin con người trước những cơn bão lửa và trước những chìm đắm của đời sống. Những nhân vật của ông có niềm tin trước cuộc đời và có niềm tin vào nhau. Những niềm tin ấy được nuôi dưỡng và đốt cháy lên nhờ một ánh lửa trên cao. Ánh lửa trong trái tim Thượng Đế. Nhìn dưới một góc cạnh nào đó, thế giới của nhà văn, tác giả những truyện ngắn trong tập sách này, là một thế giới được ban phép lành. Và như thế, có lẽ nó cũng là một *thế giới khuyết*. Dù sao, không phải là trong cái thế giới này người ta chỉ thấy toàn chuyện an bình và yêu thương, không phải tác giả chỉ đem lại cho người đọc những cảm xúc mềm, nhẹ và yên ổn. Không, đi qua mỗi truyện cho đến khi đóng tập sách lại, người đọc ắt hẳn cũng đã nhận thấy trong lòng mình xao động những con sóng cảm xúc khác nhau. Nhưng điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là, mặc dù những cảm xúc ấy có khác nhau, mặc dù chúng trái chiều và chúng có thể mang nhiều dáng vẻ, chúng đều vẽ nên cái diện mạo tích cực của những tình cảm thiết tha trong lòng con người. Người ta có thể đau xót cho hoàn cảnh của một nhân vật; nhưng cái đau xót ấy không làm cho người ta cay đắng, giận dữ với đời, hoặc thù hận đời. Trái lại, cái hoàn cảnh đau xót ấy chỉ làm cho người ta tin tưởng vững chắc hơn vào những sức mạnh tích cực của đời sống. Người ta tin là con người, nói

chung, hay, cụ thể hơn, nhân vật bị nhà văn đẩy vào hoàn cảnh ấy, nói riêng, rồi sẽ tìm được cách để vượt qua những trở ngại, những thử thách, hay những cay đắng, những xót xa của chính mình. Sở dĩ như thế là vì đọc hết tập truyện, người đọc sẽ cảm nhận rất rõ điều này: tất cả những nhân vật chính trong tập truyện *Hoa Hồng Nhà Kín* đều có một nội tâm phong phú và một đời sống tâm linh mạnh mẽ. Đây là cái ánh lửa không hề tắt trong lòng những nhân vật ấy. Nó làm cho họ tỏa sáng và làm cho chúng ta, những người đọc, thấy tâm hồn mình trở nên phấn khởi khi được đến gần họ.

Dù sao, như tôi đã nói, nhìn ở dưới một góc cạnh nào đó, đây vẫn là một *thế giới khuyết*. Cái thế giới mà Quyên Di đưa ra có thể bị coi là một thế giới khuyết bởi lẽ nó là một thế giới của ánh sáng. Những nhân vật của ông như được làm bằng ánh sáng, và những đóa hoa của ông, tỏa những mùi hương nhẹ nhàng và mong manh, ngay dù trong những không gian tối ám của những buổi tối sùi sụt mưa bay hay của những ngày bão lửa, vẫn là những đóa hoa khiết bạch của niềm tin và của tình người. Cái thế giới ấy cháy lên như một ngọn lửa đẹp trong lương tâm nhân loại. Trong cái nhìn của tôi, đây là một thế giới được làm bằng ánh sáng. Bởi thế, nó thiếu vắng cái mầu đen của đêm tối vẫn luôn rình rập trái tim con người. Cái mầu đen bôi tối đi vòm trời xanh thao thiết đầy niềm hy vọng trên cao.

Nói như thế không có nghĩa là nhà văn, ở đây, đã nói dối người đọc khi trình bày trước mắt họ một thế giới khuyết như thế. Dĩ nhiên, cuộc sống này muôn mặt và trái tim con người không chỉ lấp lánh những tiếng cười hay những niềm vui. Có khi, ở một lúc nào đó trong cuộc sống, nhìn vào trái tim con người, hay nói thẳng và nói thật hơn, nhìn vào chính giữa trái tim của mỗi một chúng ta, có thể chúng ta đã thấy rằng trái tim ấy chỉ là một biển sầu rưng rưng đầy lệ, hay tệ hơn nữa, nó sóng sánh màu đỏ của sự giận dữ, ghét ghen hay màu đen của lòng hận thù, ác độc. Cuộc sống này không chỉ mượt mà cánh huệ, nhưng, có những lúc, nó bầm dập máu me và đỏ đen những màu tang tóc hận thù. Nhưng ai là người dám tự phụ cho rằng mình có thể mô tả được tất cả mọi mặt của đời sống. Nhà văn là người tái hiện lại những mảnh đời. Và khi làm công việc tái hiện ấy, ông ta phải chọn cho mình một chỗ đứng. Sự chọn lựa này phản ánh nhân sinh quan của nhà văn. Nó cũng cho người đọc thấy được tấm lòng của nhà văn ấy. Một nhà văn có thể chọn cho mình một chỗ đứng để nói về những vùng bóng tối của cuộc đời. Ông cũng có thể chọn một vị trí khác, từ đó, cho phép ông nhìn ngắm và trình bày lại trước mắt người đọc những vùng ánh sáng của đời sống. Tài năng và giá trị của một nhà văn không ở nơi cái vị trí mà ông ta chọn lựa,

không ở cái thế giới mà ông tìm cách tái hiện trước mắt hay trong lòng người đọc. Nó hệ tại ở chỗ, qua sự trình bày của mình, nhà văn có làm cho người đọc gần gũi với đời sống hơn không. Và qua sự gần gũi này, người đọc có cảm thấy hiểu đời sống hơn, yêu thương và trân trọng nó hơn.

Tôi nghĩ, qua tập *Hoa Hồng Nhà Kín*, Quyên Di làm được điều ấy.

Trước hết, như một con người Việt Nam lưu vong, tôi thật sự xúc động và hạnh phúc khi đọc tập truyện của ông. Qua những trang sách, ông làm tôi thương nhớ thiết tha về một nơi chốn quê hương. Những con đường, những cây lá, những cánh hoa, những dòng sông, những bụi mù... của những ngày xưa cũ. Những mảnh rời của kỷ niệm tôi, những đứa con của ký ức tôi. Đó là xương thịt của quá khứ. Một quá khứ mà tôi đã để lại sau lưng từ buổi bước chân xuống thuyền chạy xa khỏi ngôi nhà lửa cháy. Tôi chỉ là một con chim dạt bay về những phương trời thảm thiết của đời sống mình kể từ ngày quê hương cháy bùng ánh lửa. Những bầu trời tưởng là bình yên của mười mấy năm qua vẫn không thể làm phai nhạt đi khung trời quê hương ngày cũ. Qua những trang sách *Hoa Hồng Nhà Kín*, tôi chợt tìm lại được vương vất đó đây những mảnh trời mình. Những mảnh trời ký ức. Thật sự, ký ức chẳng bao giờ chết đi. Nó chỉ nằm chờ đâu đó để được đánh thức lại trong lòng mỗi một chúng ta. Tập truyện của Quyên Di đã làm được điều đó. Với tôi. Và tôi cũng nghĩ rằng nó sẽ làm được điều ấy với những người đọc khác. Cả một khung cảnh của quê hương, đặc biệt của thành phố Sài Gòn, những tháng ngày ngay trước và sau thời điểm tháng Tư, 1975, đã thiết tha sống lại trên những trang giấy. Đó không hẳn là khung cảnh của một quê hương nhiều náo động và lắm khổ đau. Loạn lạc, náo động, khổ đau, những yếu tố ấy có mặt trong cái bối cảnh của quê hương mà nhà văn đưa ra. Nhưng chúng không nổi bật lên với những gam màu chủ động. Quê hương của Quyên Di là một quê hương khổ đau nhưng đằm thắm những tình cảm con người. Cái quê hương ấy có một linh hồn thoảng bay những mùi lá hoa dịu nhẹ làm cho những đứa con của nó—dù cho có lưu lạc đến tận chân trời góc bể nào—vẫn nhớ mãi không quên. Cái quê hương ấy mang chứa trong nó những con người với một niềm tin tỏa sáng như một ánh lửa dài cháy mãi vào đêm. Cho dù đêm có tối đen và có dài lâu thăm thẳm thì chính sự đen tối và thẳm sâu kia lại chỉ có tác dụng làm cho ánh lửa sáng và đẹp hơn.

Để chuyên chở những tình cảm và những ấn tượng vừa nói, Quyên Di dùng những câu văn trong sáng và gọn ghẽ. Những câu văn trong sáng ấy diễn tả được những tình cảm trong sáng. Những câu văn đẹp trong tư tưởng và trong khuôn phép ngữ pháp như làm nở ra trong chính

chúng những cánh hoa dịu dàng và tinh khiết. Tôi có cảm tưởng như ngửi được những giọt sương còn đọng lại trong các bài văn của Anatole France vương vất trong những câu văn của tập *Hoa Hồng Nhà Kín*. Quyên Di là nhà văn của những câu văn và những tư tưởng, những tình cảm trong sáng.

Để đóng lại những suy nghĩ cho tập *Hoa Hồng Nhà Kín*, tôi muốn nói lại một lần nữa, rằng, Quyên Di là một nhà văn của lòng nhân ái. Ông có niềm tin thiết tha vào đời sống, vào những giá trị mang tính cách vĩnh hằng của cuộc sống con người. Chính niềm tin ấy đem lại ánh sáng cho những nhân vật của ông, cùng lúc, đem lại ánh sáng cho tác phẩm mà ông gửi đến chúng ta.

Nhìn Xuống Cuộc Đời gồm có ba mươi bài văn ngắn. Chúng là những tiểu luận bàn về đời sống, về thái độ sống, về một lý tưởng sống ở giữa đời thường.

Một cách ý thức hay không ý thức, tác giả đã dùng hiện tượng luận của Merleau Ponty để mời gọi người đọc nhìn vào những sự vật chung quanh, cũng như nhìn vào những cử chỉ, hành vi, thái độ của con người. Sau đó, ông dẫn ta đi vào yếu tính, cốt lõi của chúng để nhìn thấy mặt mày thật sự của những sự vật và những hiện tượng con người ấy. Cuối cùng, ông đưa ra một cái nhìn phân tích, lý giải về ý nghĩa nội tại của sự vật cũng như những hiện tượng con người mà ông đã kêu gọi người đọc cùng ông nhìn ngắm. Những lý giải này gần như luôn được kết thúc với cái nhìn hướng về Thượng Đế, về ý nghĩa của sự có mặt của con người giữa đời.

Dù là nhìn vào sự vật (chẳng hạn những bài "Bàn chân," "Bên Cầu Biên Giới," "Bức Tường Đá," "Cánh én Trở Về," "Chim Sẻ Đáng Yêu," "Con Tắc Kè Trên Ngọn Cây Dừa," "Dã Thảo Nhàn Hoa," "Đàng Thánh Giá Trong Ngôi Nhà Nguyện Mễ Tây Cơ," "Những Ánh Lửa," "Những Giọt Nước," "Lá," "Rơm," "Tuyết Xuống Đêm Qua," "Viên Đá Trong Bàn Tay"...), hay nhìn vào những hiện tượng con người, như một cử chỉ, một hành vi, một thái độ (chẳng hạn những bài "Đi Trên Đường Đời," "Mệt Mỏi Chán Chường," "Mơ Một Vì Sao," "Người Ghét Mùa Xuân," "Những Ngày Sầu Thảm," "Những Tầm Thường," "Soi Gương Soi Lòng," "Tách Cà-phê Buổi Sáng," "Tháo Giày"...), tác giả đều áp dụng lối nhìn hiện tượng luận ấy để trình bày và chia sẻ cái nhìn của mình với người đọc.

Đó là một thứ chia sẻ đầy ắp chân tình. Như từ một đáy giếng, nó sâu, lắng, và được vọng lên từ một con tim nhiều thiết tha và yêu thương đời sống. Đời sống được nhìn trong cận ảnh hằng ngày cũng như đời

sống được nhìn như một vì sao lấp lánh trên cao.

Quyên Di là một người khéo léo trong sự suy luận. Ông có tài chẻ vấn đề ra làm nhiều mảnh nhỏ, đưa người đọc vào những suy tư, phân tích của mình một cách tự nhiên, với sức thuyết phục cao, để làm sáng rõ cái lập luận tổng quát của mình. Từ một hình ảnh, một sự vật hay một sự kiện, tác giả chẻ nó ra làm hai, rồi làm tư, làm tám, làm mười sáu... để phân tích và suy luận trên những mảnh vụn đó. Rồi, trong một tiến trình ngược lại, từ những mảnh vụn kia, ông ráp chúng lại, đưa chúng trở về cái vấn đề, cái hình ảnh nguyên thủy. Nhưng bây giờ, người đọc, sau khi đã cùng với ông đi qua những phân tích và lập luận, nhìn thấy rõ hơn nữa ý nghĩa của cái hình ảnh biểu tượng mà ông đã đưa ra lúc đầu. Bài "Lá" là một bài thể hiện rõ nét nhất cung cách thao tác này; nhưng, thật sự, tác giả đã áp dụng hướng phân tích ấy một cách hết sức nhuần nhuyễn và nhất trí trong tất cả những bài văn trong tập sách của ông.

Tinh thần triết lý bàng bạc trong tác phẩm; nhưng đây không phải là một thứ triết lý tháp ngà, một thứ triết lý đóng khung, để làm dáng và tách thoát ra khỏi đời sống. Mà đây là một thứ triết lý nhập cuộc, chia sẻ thiết thân với con người ngay trong những điều kiện giới hạn của cuộc sống nó. Đời sống con người hữu hạn. Nhưng chính trong cái hữu hạn ấy, con người tìm ra được ý nghĩa của cuộc sống.

Cái đáng yêu của tác phẩm, và cũng là cái đáng yêu của tác giả, chính là ở chỗ, mặc dầu nói chuyện triết lý, ông lại không có một cái giọng nói làm ra vẻ triết lý. Ông không "lên giọng." Cái giọng nói ấy vẫn thiết tha, dịu dàng, đầy nét sẻ chia, bộc bạch. Ông nói như là tâm sự. Và tôi nghĩ, chính cái giọng nói ấy đã giữ người đọc ở lại với ông. Hơn nữa, nó kéo người đọc đến gần, và, điều quan trọng, là nó giúp người ta, trong thinh lặng, cũng mở lòng ra để chia sẻ. Tôi muốn nói là từ những suy tư, sẻ chia rất chân thành và thiết tha của Quyên Di, người đọc cảm thấy dâng lên trong lòng mình một niềm cảm động, để rồi chính họ cũng bắt đầu nhìn vào tâm hồn mình, trái tim mình. Trong hình ảnh đẹp đẽ ấy, tôi nghĩ là Quyên Di đã thành công. Bởi lẽ, tác phẩm của ông đầy ắp tinh thần sẻ chia, mời gọi. Tạo được nơi độc giả một sự đáp ứng nào đó—có thể, bước đầu, chỉ là một sự đáp ứng âm thầm trong tâm hồn người đọc—tôi nghĩ, tác giả cũng đã thành công trong mục đích của mình.

Một điều rất lý thú mà tôi nhìn thấy trong *Nhìn Xuống Cuộc Đời* là tác giả đã có những cảm nghiệm và phân tích triết lý theo chiều hướng của Gaston Bachelard, nhà triết học nổi tiếng của Pháp, đặc biệt là hai ở bài viết về Nước và Lửa. Tôi có cảm tưởng là tác giả chưa đọc hai cuốn *Phân tâm học về Lửa* (La psychanalyse du Feu) và *Nước và Những giấc mơ* (L'eau et les Rêves) của Bachelard, vì cách nhìn của Quyên Di, dù đầy

tính triết lý, không trùng lập với cái nhìn phân tâm sâu thẳm của Bachelard. Cái nhìn của Quyên Di đầy tính thân ái, mời gọi con người bước vào cuộc sống và nhìn ngắm cũng như suy nghĩ về ý nghĩa của những điều rất cỏn con, nhỏ bé trong đời thường. Tuy nhiên, chính là trong những điều *tầm thường*, bé nhỏ ấy, con người khám phá ra giá trị và những ý nghĩa *không-tầm-thường* của đời sống. Sự liên tưởng và liên hệ này cũng là một điều thích thú, giúp ta nhìn rõ hơn con người của Quyên Di, cũng như thái độ nhìn vào và nhìn về cuộc đời của ông. Ta hãy nghe Quyên Di chia sẻ một vài suy nghĩ của ông về Lửa.

> *...Với tôi, lửa, trước tiên là một lời mời gọi. Lửa mời gọi mọi người đến với lửa và đến với nhau. Có ánh lửa là có tụ hội, quây quần. Ngay cả khi ta một mình đối diện với lửa, ta cũng được mời gọi đến với chính lửa, cũng như được mời gọi để gặp gỡ trong tâm tưởng hình ảnh của những người thân thương, quý mến. Chính vì thế, đôi khi, vào những lúc lý tưởng lóe sáng trong cuộc đời phục vụ, tôi ước ao mình được trở thành một ánh lửa, không hẳn để soi dẫn cho ai, nhưng để mời gọi người xung quanh đến với nhau, sống ân cần, thân ái và chia sẻ tình thương có sẵn trong trái tim. (...)*
>
> *Lửa, dĩ nhiên là có tác dụng soi sáng. Trong đêm tối, người ta không thấy gì hết. Một ánh lửa được đốt lên, người ta thấy nhau và thấy tất cả mọi vật chung quanh. Người ta thấy đường đi phía trước, thấy lối rẽ cần phải lưu tâm, thấy những chướng ngại phải tránh né hoặc phải cố gắng vượt qua. Nói tóm lại, người ta được "soi sáng". (...)*
>
> *Ngoài ánh sáng, lửa còn có sức nóng. Sức nóng làm nên sự ấm áp cho những ai gần lửa. Tôi nhớ đến chuỗi ngày thơ ấu, buổi sáng mùa Đông (...) Tôi cũng nhớ lại những đêm giao thừa, trong khi bên ngoài trời tối đen như mực, có tiếng gió rít trên mái nhà và tiếng lá khô xào xạc; trong bếp, anh chị em chúng tôi xúm xít ngồi cạnh mẹ bên nồi bánh chưng đang sôi sùng sục. (...) Hơi nóng từ đống lửa trong bếp khiến khuôn mặt chúng tôi đỏ bừng, nóng ran; cái nóng nồng nàn, dễ chịu. Hơi nóng làm chúng tôi ấm áp cơ thể, và hình như thấm vào tận bên trong, khiến chúng tôi ấm áp cả trái tim. (...) Nhiều khi tôi có mong ước mỗi một người trong cộng đồng nhân loại đều trở nên một ánh lửa, để sưởi ấm cho nhau và sưởi ấm cho thế giới băng giá tình người.*

Sau khi đã nói qua về một số những hình ảnh biểu tượng của lửa, cũng như những giá trị thiết thực của nó, Quyên Di tiếp tục chia sẻ những suy tư của ông:

... Lửa cung ứng cho con người nguồn sống. Không có lửa, con người sẽ chết vì giá lạnh và đói khát. (...) Lạc lõng trong rừng khuya, người lữ hành trông mong mắt mình nhìn thấy một ánh lửa. Thấy lửa là thấy sự sống.
Sự sống tâm linh cũng cần có lửa. Lửa của Đức Tin và Tình Yêu. (...)

Rồi ông bàn về những ngọn lửa mà con người đã cất giữ trong trái tim mình, "có ngọn lửa làm nồng ấm cuộc đời, mà cũng có ngọn lửa đốt cháy cuộc đời." Ông nói về ngọn lửa của tình yêu làm cho cuộc đời đầm ấm; ngọn lửa của đam mê; ngọn lửa của hận thù; ngọn lửa của lòng thủy chung; những ngọn nến trong ngày sinh nhật người thân; những ánh nến lung linh trong thánh đường; ngọn lửa thiêng của thế vận hội; ngọn lửa cháy giữa bụi gai soi sáng cho lời hứa nhân từ của Thiên Chúa trong tiến trình Cựu Ước; ngọn lửa của Thiên Chúa Ba Ngôi...

Tất cả những suy tư, chiêm nghiệm và chia sẻ ấy rất thật, rất gần, và rất con người. Nó đốt nóng trái tim chúng ta và để lại trong đó một ánh lửa gần gũi và nồng ấm. Trong những suy tư về Nước, hoặc trong những cảm nghiệm, chia sẻ khác được trình bày trong tập sách, Quyên Di cũng đi theo con đường phân tích ấy. Từ gần đến xa, từ xa về gần. Nhưng gần hay xa, xa hay gần thì tác giả cũng muốn cùng ta tìm về gặp gỡ. Và trong sự gặp gỡ đó, chúng ta nhìn ra nhau trong những giới hạn và trong sức mạnh tâm linh của mỗi người. Từ đó, ta nhìn ra được những giá trị ẩn giấu của cuộc đời này và sống xứng đáng với những giá trị đó.

Nhìn Xuống Cuộc Đời, trong cái nhìn của tôi sau khi đọc hết cuốn sách, cũng như trong cách cảm nhận vấn đề và chia sẻ chúng với người đọc của tác giả, nên được hiểu là nhìn vào cuộc đời. Dĩ nhiên, xét về phương diện cấu âm của tựa đề, Nhìn Xuống Cuộc Đời lôi cuốn và êm tai hơn. Nhưng thật sự, tác giả không có thái độ nhìn xuống. Ông đứng giữa lòng đời và trang trải tâm hồn mình trước đời sống, trước mọi người. Và ông thiết tha chia sẻ.

Cả cuốn sách là một lời mời gọi. Là một tiếng hát cất cao lên trời bật ra từ giữa đời thường này. Nó giúp ta yêu thương con người hơn, giúp ta thấy được ý nghĩa của những điều tầm thường, cỏn con trong cuộc sống. Nó giúp chúng ta sống thiết tha giữa đời. Hơn nữa, nó còn nâng lòng ta lên và tháp vào đó một đôi cánh nhẹ. Để ta lướt thắng những mỏi mệt trong cuộc sống hằng ngày, và bay lên để vượt qua những thử thách mà ta phải chấp nhận trong đời.

Để kết, tôi muốn nói lại rằng, Quyên Di, trong cái nhìn của tôi, trên và trước, vẫn là một nhà văn của lòng nhân ái. Ông yêu thương con

người và yêu thương cuộc sống. Cái nhìn của ông vào cuộc đời, vào con người, là một cái nhìn trân trọng và tha thiết. Câu văn của ông đẹp và trong sáng trong khuôn khổ ngữ pháp cũng như trong ý tưởng mà nó chuyên chở. Hai cuốn sách của ông là một lời mời gọi yêu thương và chia sẻ, những yếu tố rất cần thiết—nhất là trong cuộc sống náo loạn và đầy tiếng động này—để con người thức nhận được ý nghĩa và giá trị của cuộc sống mình, ngay trong những công việc tầm thường mỗi ngày.

Chọn lựa để đứng về phía những điều thiện, đứng về phía của tình thương yêu, của lòng nhân ái, nhà văn muốn thắp lên trong lòng thế giới này cái ánh sáng mà ông đã nhìn thấy trong đời mình. Tôi trân trọng tấm lòng thiết tha ấy của ông. Và tôi mong rằng nhiều người sẽ tìm thấy nơi những trang sách của hai tặng phẩm mà ông gửi tới người đọc những ánh lửa phản chiếu tự trái tim của mỗi một chúng ta. ❐

THÔNG BÁO

Kể từ đầu tháng 7 năm 1995, Văn Học sẽ hiện diện trên hệ thống Compuserve. Đây là một cố gắng của Ban Chủ trương nhằm khai thác phương tiện thông tin hiện đại, cải thiện việc liên lạc giữa văn hữu, độc giả và toà soạn. Qua hệ thống Compuserve, văn hữu và độc giả có thể gởi *e-mail* đến Văn Học, gởi các sáng tác phẩm của mình, hay bày tỏ ý kiến về các bài đăng tải và hiệu năng quản trị của Văn Học. Để việc sử dụng Compuserve được hiêu quả, Văn Học xin lưu ý các điểm sau đây:

1. Đia chỉ của Văn Học trên Compuserve là **102435,3524**
2. *E-mail* có thể viết bằng tiếng Anh hay tiếng Việt.
3. *E-mail* nên ngắn, gọn, rõ ràng.
4. Văn Học sẽ trả lời theo địa chỉ của người gởi, qua hệ thống Compuserve.

Đầu tháng 8. 1995, Văn Học sẽ có mặt trên hệ thống *Internet, Wide World Web (WWW). Home Page* của Văn Học sẽ gồm hình bìa số báo phát hành trong tháng, mục lục, một vài truyện ngắn và thơ tiêu biểu, kèm theo hình của tác giả.

Để chuẩn bị cho việc thực hiện *home page*, Văn Học xin các văn hữu mỗi khi gởi bài, *gởi kèm theo một tấm hình* (chỉ gởi một lần, trừ khi tác giả muốn thay đổi). Nếu viết bài bằng máy điện toán, *gởi thêm diã (3.5")*, ghi rõ tên bài viết (file name), bộ chữ Việt (VNU, VNI, VNLabs,v.v), chương trình úng dụng (Word, WordPerfect, Ami Pro, v.v.). Văn Học hiện sử dụng bộ chữ VNU, Word for Window 6 và PageMaker 5 để thực hiện tờ báo, nhưng có khả năng đọc và hoán chuyển bài viết dùng các nhu liệu khác.

Ghi chép

Nguyễn Huy Thạch

• Thi sĩ Mai Trung Tĩnh đến Hoa Kỳ

Nhà thơ Mai Trung Tĩnh cùng vợ và hai con đã Hoa Kỳ ngày 7.6.1995, và định cư tại thành phố Annapolis thuộc tiểu bang Maryland.

Mai Trung Tĩnh tên thật là Nguyễn Thiệu Hùng sinh năm 1937 tại Hà nội, trước 1975 đã xuất bản hai tập thơ, nguyên là đại úy ngành Tâm lý chiến và làm việc tại đài phát thanh quân đội VNCH. Ông bị tù tội hai lần: lần thứ nhất đi tù cải tạo từ 1975 đến 1982; lần thứ hai vì hợp tác với Đoàn Viết Hoạt làm tờ Diễn đàn Tự Do, lãnh án 4 năm tù. Được thả năm 1994, ông bị bệnh tim, mù một mắt và sưng gan do hậu quả những năm lao tù.

Mai Trung Tĩnh được tặng giải Tự do Phát biểu 1995 của tổ chức Human Rights Watch, mà theo Văn Học được biết, do đề nghị và vận động tích cực của nhà văn Duy Lam. Giải này lấy từ tiền tặng dũ của các nhà văn Lillian Hellman và Dashiell Hammett, hằng năm được tổ chức Human Rights Watch tặng cho các văn thi sĩ tại các quốc gia độc tài và cộng sản bị cầm tù vì tư tưởng. Năm 1992, nhà văn Duy Lam được giải này. Năm 1993, có Như Phong và Doãn Quốc Sỹ. Năm 1994: Tô Thùy Yên và Đoàn Viết Hoạt. Năm 1995 Việt Nam có ba người được giải là Mai Trung Tĩnh, Châu Sơn và Nguyễn Hộ.

Thay mặt các văn hữu cộng tác với Văn Học, xin chào mừng nhà thơ Mai Trung Tĩnh!

• Hoàng Chính viết truyện ngắn Anh ngữ được đài BBC chọn.

Hoàng Chính, nhà văn quen thuộc rất được bạn đọc Văn Học yêu mến, vừa "thử thời vận" và

thành công ngay lần đầu: anh viết một truyện ngắn bằng Anh ngữ nhan đề *Stateless* gửi cho ban biên tập chương trình truyện ngắn hay thế giới của đài BBC, và đã được đài tuyển chọn phát thanh. Trả lời cuộc phỏng vấn của nhà văn Hồ Đình nghiêm, Hoàng Chính cho biết anh đã thi xong bằng tương đương bác sĩ y khoa nhưng chưa tìm được nơi nội trú, nên tạm thời vẫn làm việc cho Sở Di trú Canada và viết văn làm thơ giải sầu. Anh mê cuốn *Of Human Bondage* của Somerset Maugham, và mơ ước được theo gót những nhà văn y sĩ như Anton Tchekov, J. Cronin, S. Maugham. Một ngày bình thường của Hoàng Chính theo lời anh kể: "sáng thức dậy, viết lách lem nhem, rồi vội vã tới sở làm. Suốt ngày theo đuổi những ý tưởng của cái truyện đã đọc đêm hôm trước. Nếu như đó là một áng văn hay, hoặc những câu thơ đầy bùa phép thì suốt ngày sống thảnh thơi với niềm hạnh phúc có thật."

• Ra mắt tuyển tập 20 người viết tại Canada

Trung tâm Văn Bút Québec và Cơ sở Xuất bản Nắng Mới vừa tổ chức một đêm sinh hoạt giới thiệu "Tuyển Tập Hai mươi Người viết tại Canada" do Nắng Mới ấn hành tại Centre d'Essai, Đại học Montréal vào tối 20.5.95.

Buổi sinh hoạt qui tụ khoảng 200 quan khách, thân hữu và văn hữu diễn ra trong không khí thân mật và trang trọng. Tuyển tập được chia làm ba phần chính: lời vào tập của nhóm thực hiện, lược duyệt sinh hoạt văn học của người Việt tại Canada trong 20 năm qua.

Phần hai gồm 35 bài thơ của 8 thi sĩ.

Phần ba gồm 12 truyện ngắn của 12 nhà văn.

Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn điều khiển chương trình, nhà thơ Trang Châu thay mặt Nhóm thực hiện trình bày tiến trình thực hiện tuyển tập. Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc từ Hoa Thịnh Đốn lên Canada trong dịp này đã phát biểu một vài cảm nghĩ sau khi đọc tuyển tập.

• Mùa "Ra Mắt Sách" tại Little Sài Gòn.

Mùa hè tại thủ đô tị nạn Little Sài Gòn Miền Nam California năm nào cũng tưng bừng với những buổi ra mắt sách.

Mở mùa là nhà văn Quyên Di, ra mắt một lượt hai cuốn *"Hoa hồng nhà kín"* (tập truyện ngắn) và *"Nhìn xuống cuộc đời"* (suy tư - cảm nghiệm) tại Phòng Sinh hoạt Nhật báo Người Việt chiều ngày 10.6.95. Xin xem bài viết của Bùi Vĩnh Phúc và mục giới thiệu sách mới để biết thêm về hai đứa con tinh thần của nhà văn suốt đời tận tụy với tuổi thơ và Thiên Chúa.

Ngày hôm sau 11.6.95 nhà văn Đặng Trần Huân ra mắt tác phẩm đầu tiên của ông ở hải ngoại, với

cái tên rất độc đáo *"Hành trình một Hát Ô"*.

Tối 16.6.95 Ban Chấp hành Văn Bút Tây Nam Hoa Kỳ tổ chức ra mắt *"Tuyển tập Truyện Ngắn Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại"* tại khiêu vũ trường Majestic.

Chiều 17.6.95 tại Phòng Sinh hoạt Nhật báo Người Việt, nhà thơ Phạm Xuân Tích từ Âu châu qua ra mắt tập kịch thơ *"Hoa Vàng Cũ"*.

• Trở lại "học làm người"?

Những bạn đọc yêu sách vở gần đây về thăm Việt Nam trở ra đều có chung một nhận xét: là loại sách nhằm nhí khai thác tình dục, bạo lực theo thị hiếu tầm thường đã vắng bóng trên thị trường sách báo quốc nội, rút lui về các tiệm cho thuê sách và nhường chỗ cho loại sách tương đối đứng đắn hơn. Đắt hàng nhất hiện nay là loại sách học máy vi tính và Anh ngữ. Tiếp theo là loại sách "học làm người" của Nguyễn Hiến Lê và Hoàng Xuân Việt. Ở các hiệu sách lớn, sách Nguyễn Hiến Lê được bày trân trọng tại một kệ riêng, và hầu như tất cả các sách của ông đều được tái bản. Những người am tường tình hình sách báo trong nước giải thích rằng: sau khi thất vọng cay đắng về chủ nghĩa xã hội, những người đọc sách ở Việt Nam (nhất là ở Miền Bắc) bây giờ cuống cuồng đi tìm trở lại những giá trị cơ bản của đạo đức đời thường, từng bị "đạo đức cách mạng" phủ nhận suốt nửa thế kỷ. Những điều nhân nghĩa, trung tín, nhân ái trong quan hệ giữa người với người, chí tự học để lập thân và sống cuộc đời lương thiện, nói chung là "cách học làm người", tất cả những cái đó đều có trong sách Nguyễn Hiến Lê. Đáng mừng thay!

• Di cảo, Di bút: Chết mới nói thật!

Người ta đã tranh luận nhau gay go về những bài thơ di cảo của Chế Lan Viên. Sắp tới đây, có thể lại có tranh luận về *Di bút* của Hoài Thanh sắp xuất bản. *Di bút* có 23 đoạn và một bức thư Hoài Thanh viết cho Tố Hữu mà không gửi. Bản thảo gồm 40 trang đánh máy với dòng ghi trong ngoặc đơn của tác giả: "Có những chuyện nếu muốn đưa in cần cân nhắc kỹ". Hoài Thanh tâm sự: "Phần lớn tập tùy bút này chắc là không được in và cũng không nên được in. Thường tôi viết là nhằm vào hàng trăm, hàng ngàn người đọc. Người đọc tập này có lẽ chỉ có một vài người là con, là em, là cháu và đọc cũng chỉ để biết vậy thôi. Nhưng sao tôi vẫn cứ muốn viết. Có những điều không viết ra thì thấy bứt rứt, không chịu được."

Những trăn trở bứt rứt làm khổ Hoài Thanh cuối đời, theo giới thiệu của nhà xuất bản, toàn là những điều "xét lại", chẳng hạn

những tàn bạo phi lý trong cải cách ruộng đất, những cái khổ không cần thiết dân phải chịu do guồng máy quan liêu bao cấp gây ra, ghi nhận của Hoài Thanh là trong năm điều Bác dạy không có điều nào nói về tình thương mẹ thương cha, quan niệm hẹp hòi của Lê Duẩn và Trường Chinh đối với văn nghệ nói chung, đối với Truyện Kiều nói riêng.

Những sự thật đơn giản ấy mà trước khi chết Hoài Thanh vẫn chưa dám nói, lỡ viết còn khuyên con cháu phải cẩn thận trước khi công bố!

• Nguyễn Tuân tự phê bình!

Trong một bài viết của nhà thơ Vương Tân trên báo Tuổi Trẻ, tác giả có thuật lại diễn tiến bữa nhậu thịt rùa với Nguyễn Tuân và Vũ Bằng tại Sài gòn sau 1975. Nhà thơ kể lại cuộc đối thoại giữa mình và Nguyễn Tuân như sau:

NT: Ông có đọc *Sông Đà* của mình không?

VT: Mới đọc đây thôi.

NT: Thấy thế nào?

VT: Khó nói quá...

NT: Không bằng *Chiếc lư đồng mắt cua* phải không?

VT: Anh ưng *Chiếc lư đồng mắt cua* à?

NT: Có thể mình lẩm cẩm, nhưng thú thật mình ưng nhất *Chiếc lư đồng mắt cua*.

VT: Thế còn *Chùa dàn* và *Vang bóng một thời*?

NT: *Vang bóng một thời* hơi ưng, nhưng *Chùa dàn* thì thú thật mình chỉ thích lúc nó còn là *Yêu ngôn*, chứ khi thành *Chùa dàn* thì nó thế nào ấy.

VT: Còn *Tóc chị Hoài*?

NT: Cũng hơi ưng, nhưng những bài tùy bút, ưng nhất vẫn là *Chiếc lư đồng mắt cua*.

• 100.000 Mỹ kim cho 10 cuốn sách dịch.

Cơ quan Ford Foundation vừa tài trợ 100.000 Mỹ kim để chọn, dịch và ấn hành mười cuốn sách quan trọng về khoa học xã hội trên thế giới phát hành cho bạn đọc ở VN. Philip Taylor, thạc sĩ nhân chủng học trường Đại học Quốc gia Úc (ANU) được cử làm điều phối viên của dự án này. Theo Taylor, cuốn sách đầu tiên được dịch và phát hành ở Vn sẽ in sớm nhất vào đầu năm 1997. Sau đây là vài cuốn đứng hàng đầu ưu tiên được chọn để dịch:

– *Xã hội học* của Antony Giddens

– *Các triết gia của thế giới* của Robert Heilroner

– *Viễn cảnh Á châu về quyền lực* của Charles Keynes

– *Các nước công nghiệp mới ở Đông Á* của Anis Chowdhury và Iyyanatul Islam

– *Lịch sử các tư tưởng kinh tế* của William Barber

– *Phản ánh của ngôn ngữ* của

Noam Chomsky

– *Đông Nam Á trong kinh tế thế giới* của Chris Dixon

– *Chính trị học của quan hệ kinh tế quốc tế* của Joan Edelman.

• Bảo Ninh, *Nỗi buồn Chiến Tranh* và siêu lộ thông tin Internet

Sau khi bài viết của Tim Larimer về Bảo Ninh và tác phẩm *The Sorrow of War* xuất hiện trên tờ *The New York Times* ngày 15 tháng 5, 1995, mà Văn Học đã loan trong mục này ở số trước, nhiều phản ứng của độc giả Việt lẫn Mỹ xuất hiện dưới hình thức *E-mail* trên Internet.

Khởi đầu, Judith Henchy, quản thủ thư viện Phân bộ Đông Nam Á, Đại học Washington ở Seattle, Washington lên tiếng cho biết ngoài *The Sorrow of War* của Bảo Ninh, bản dịch *Thời Xa Vắng* của Lê Lựu cũng sẽ được Đại học Massachussetts ấn hành vào một ngày gần đây. Cũng theo lời Henchy, đây là một tác phẩm viết rất trung thực về cuộc chiến, xuất bản năm 1984, và được giải thưởng của Hội Nhà Văn.

Stephen Denny, ngoài việc loan báo rộng rãi về cuốn sách của Bảo Ninh còn giới thiệu thêm cuốn *Ăn Mày Đi Vắng* (không ghi tên tác giả), viết về "tâm trạng của cựu chiến binh cộng sản, những việc xấu xa, dơ bẩn cũng những hành động đê tiện của những người trước đây từng chiến đấu chống Mỹ." Stephen Denny còn nói thêm là những sự kiện xảy ra sau trận chiến tranh Đông Dương kết thúc, khoảng thời gian từ 1954 đến 1964, có thể dùng làm căn bản giải thích cho những vụ việc xảy ra sau trận chiến chống Mỹ, và đó là nội dung của cuốn *Đống Rác Cũ* của Hà Minh Tuân.

Larry Engelmann, giáo sư sử học tại Đại học San Jose State University, tác giả cuốn *Tears before the Rain*, một loại khẩu sử (oral history) viết về những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hoà, mới đây được Nguyễn Bá Trạc dịch sang Việt Ngữ, đã gởi nguyên bài báo của Larimer trong *E-mail* của ông.

Phía người Việt, có người đặt vấn đề về việc Bảo Ninh viết lính Biệt kích của VNCH hãm hiếp rồi giết chết các cô gái giao liên cộng sản. HTran (tên dùng trong hệ thống Internet) nghĩ rằng không thể nào có chuyện đó xảy ra vào thời điểm Bảo Ninh viết trong truyện, nghĩa là khoảng mùa hè 1974. Thế nhưng, Hiep D. Tran phúc đáp, qua *E-mail*, rằng chuyện đó có thể xảy ra, sau khi đưa ra khá nhiều thông tin chi tiết về các cuộc hành quân bí mật của các lực lượng đặc biệt, biệt kích và tình báo trên vùng cao nguyên, nhưng vẫn không thể nào kết luận một cách chắc chắn là chuyện hãm hiếp và giết người đã xảy ra. Hiep D. Tran viết bằng tiếng Anh, dịch ra Việt ngữ như sau: "*Tôi có một người bạn*

làm Trung đội trưởng thuộc Chiến đoàn 3 Lôi Hổ đóng ở Ban Mê thuột. Năm 1973, tôi đến thăm anh ở phi trường Phụng Dực (Bộ chỉ huy Chiến đoàn 3) và sống với anh ấy 1 tuần ở Ban Mê thuột. Anh kể cho tôi nghe nhiều chuyện chiến tranh và những lần xâm nhập vào trong lòng địch ở cao nguyên trung phần, có khi vào tới bên trong lãnh thổ Lào và Kămpuchia.

Bạn tôi có lẽ đã không sống sót sau trận tấn công cuối cùng vào tháng 3 năm 1975 khi 3 sư đoàn Bắc Việt tấn công Ban Mê thuật. Tôi nghe nói Biệt kích chống cự mãnh liệt ở phi trường Phụng Dực, mặc dù quân số của họ quá ít (khoảng 200 người), họ cố thủ được vị trí của mình trong hơn một tuần trong khi Bộ Tư lệnh sư đoàn 23 bị tràn ngập ngay vào ngày thứ nhì của cuộc tấn công. Liệu tôi có nghĩ rằng lính biệt kích có khả năng hãm hiếp và giết người như đã mô tả hay không? Có chứ! Họ là những người lính dũng cảm, nhưng trước khi vào lính,một số có thể là những phần tử bất hảo. Các cấp chỉ huy Lôi hổ khó khăn lắm mới kiềm toả được lính dưới quyền mỗi khi họ về phố dưỡng quân. Lúc nào họ cũng đánh lộn với lính của Sư đoàn 23 và Địa phương quân. Vậy những vụ hãm hiếp và giết người được mô tả như thế có thật sự xảy ra không? Tôi không biết!"

Một người Việt khác, Giao Vu, viết (dịch ra Việt ngữ):

"Cuốn sách của Bảo Ninh thật sự đã tố giác những kinh hoàng và phí phạm của chiến tranh Việt Nam.

Có một điều làm tôi thắc mắc. Những kinh hoàng anh ấy mô tả trong truyện khi thì tả lính Mỹ giết lính Bắc Việt, khi thì tả lính Bắc Việt giết lính Nam Việt. Tại sao anh ấy lại chọn cách viết như thế?

Bảo Ninh và đồng đội của anh chịu đựng nhiều gian khổ không thể nói thành lời, vì thế anh có quyền và xứng đáng được khen ngợi khi nói lên những ý nghĩ của mình về cuộc chiến đó. Tuy nhiên, cách anh mô tả những người lính miền Nam, những người anh đã từng phải đương đầu, không mũ thượng chút nào. Hơn nữa, những điều anh viết lại càng làm cho thân nhân những người lính miền Nam đã bỏ mình trong trận chiến thêm đau khổ và tức giận. Chưa đủ, anh còn mô tả người lính miền Nam là những tên hãm hiếp, giết người, hèn nhát, không còn chút nhân tính nào. Tôi nhớ hình như chỉ có một hay hai người lính miền Nam được anh mô tả như là những tay hãm hiếp và giết người. Mặc dù cuốn sách viết về chiến tranh, câu truyện chỉ thuật lại có một hay hai trận đánh. Đó là những trận đánh nhau trong rừng, và trận đánh sau cùng ở phi trường vào ngày cuối cùng của cuộc chiến. Trận sau cùng này thật sự là một trận kinh hoàng, sống mái giữa hai phe. Nhân vật chính, Kiên, đã hết sức ngạc nhiên khi thấy một nhóm nữ quân nhân miền Nam chống cự dữ dội đến thế. Một nữ sĩ quan vờ đầu hàng để dụ địch rồi giết thêm được nhiều người lính cộng sản khác trước khi bị bắn gục. Cuồng tín, gan dạ, hào hùng, có nhiều cách để mô tả hành động của những người nữ

quân nhân này. Nhưng hèn nhát thì không. Cũng đừng quên rằng Bảo Ninh phê phán đồng đội của anh một cách gay gắt không kém. Chính một người lính hay sĩ quan cộng sản nào đó đã lợi dụng lúc lánh bom để hãm hiếp người yêu của Kiên. Nỗi khát máu mà anh và đồng đội anh từng kinh qua trong các trận đánh, về sau này chỉ được nhắc lại một cách sơ sài. (Nhân vật chính chỉ còn nhớ đến những vụ bắn giết bừa bãi, mà chẳng bao giờ nhắc đến những cái chết vì "chính nghĩa" như chính phủ anh từng rêu rao..."

Chris Jenkins lại quan tâm đến đề sách nguyên thủy của cuốn *Nỗi Buồn Chiến Tranh*. Trong *e-mail* gởi cho Judith Henchy, ông nhấn mạnh là nhan đề nguyên thủy là *Thân Phận Tình Yêu*, chứ không phải là *Thân phận Của Tình Yêu*. như đã ghi trong thẻ phân loại do Thư Viện Quốc Hội cung cấp.

Chưa hết, ngày 24 tháng 5, một *E-mail* khác do Chi Nam gởi qua hệ thống *clarinet* cho biết thêm là báo *Quân Đội Nhân Dân* số ra ngày thứ tư 24 tháng 5 lên án Bảo Ninh nặng nề khi anh viết truyện nói rằng đời sống ở miền Nam trước 1975 tốt đẹp hơn, trong thời gian trước khi Mỹ rút quân và bị Cộng sản xâm chiếm. Bài báo phản ứng khi truyện ngắn "Gió Dại" (?) của Bảo Ninh, viết về một mối tình xảy ra trong khung cảnh một làng quê ở miền Nam, được phiên dịch ra Pháp ngữ và đăng tải trong một tuyển tập vừa mới xuất bản tại Pháp. Truyện này sẽ xuất hiện trên tạp chí *Granta* bằng Anh ngữ trong số phát hành vào tháng 6, dưới nhan đề "Savage Winds." Diệp Minh Tuyền, tác giả bài báo, công kích Bảo Ninh nặng nề: "Bảo Ninh thực sự là người công khai ủng hộ kẻ phạm tội ác, bọn xâm lược Mỹ ngày trước. Truyện ngắn này là một nhát dao đâm sau lưng chiến sĩ."

Qua những dư luận trên hệ thống siêu lộ thông tin *Internet*, chúng ta rút ra được một nhận xét: Số người quan tâm đến những vấn đề Việt Nam, từ văn học đến chính trị hay quân sự, không phải là ít. Điều đáng mừng hơn nữa, lớp người trẻ Việt Nam ngày càng quan tâm đến các vấn đề Việt Nam nhiều hơn, và không ngần ngại phát biểu những suy nghiệm của mình, trao đổi ý kiến với những người khác một cách cởi mở.

• Lại chuyện những chiếc cầu: *The Bridges of Madison County*

Đầu tháng 6, hãng phim Warner Bros. rầm rộ trình làng cuốn phim "The Bridges of Madison County," dựa theo cuốn tiểu thuyết cùng tên của Robert James. Waller, một cuốn sách tạo kỷ lục về số sách bán và được liệt kê ở vị trí số 1 hoặc 2 trên danh sách những sách *best sellers* của *The New York Times* trong suốt 150 tuần lễ.

Cuốn phim do hai tài tử gạo cội đóng vai chính: Clint Eastwood

trong vai Robert Kincaid, một nhiếp ảnh gia; và Meryl Streep, trong vai Francesca Johnson, vợ một chủ trại. Trong một chuyến đi săn ảnh những chiếc cầu có mái che ở vùng Madison County, tiểu bang Iowa, Robert Kincaid gặp Francesca Johnson và hai người đã yêu nhau thầm thiết, dù mối tình lãng mạn này chỉ kéo dài trong bốn ngày ngắn ngủi.

Cuốn sách của Robert James Waller chẳng có gì đáng nói về phương diện tiểu thuyết, nhưng câu chuyện lại hấp dẫn được rất nhiều người đọc và đã thành công ngoài sức tưởng tượng của tác giả cũng như nhà xuất bản. Và cũng vì cấu trúc của cuốn sách gây khó khăn cho việc dàn dựng truyện phim, nhà viết truyện phim Richard LaGravenese đã phải thay đổi nhiều tình tiết, cắt xén những chi tiết dư thừa, thêm một vài cảnh không có ở trong sách, biến truyện thành một cuốn phim được nhiều nhà phê bình phim ảnh khen ngợi.

Richard LaGravenese là một nhà viết truyện phim có tài. Đầu năm 1994, nhà sản xuất Steven Spielberg yêu cầu LaGavenese viết truyện phim. Nhưng sau khi đọc truyện phim, Steven Spielberg cho rằng chẳng thể nào làm thành phim nếu dựa vào bản viết đó. Clint Eastwood, lúc đầu chỉ là diễn viên, yêu cầu viết lại, giữ nhiều chi tiết trong sách hơn. Viết xong bản thảo lần thứ hai, Bruce Beresford được chọn làm nhà sản xuất, và ông này lập tức yêu cầu thuê một người viết truyện phim khác thay thế. Richard LaGravenese thấy tự ái mình bị tổn thương, và nói: "Ông ấy không hề muốn gặp tôi. Nhưng tôi cũng học được một điều là nên bỏ qua hết. Giận dữ, chua chát chỉ làm ảnh hưởng đến việc sáng tạo mà thôi." Nhưng khi Beresford nằng nặc đòi phải dùng một nữ tài tử ngoại quốc để đóng vai Francesca Johnson, hãng Warner Bros không chấp thuận và quyết định giao trách nhiệm đạo diễn cho Clint Eastwood. La Gravenese trở thành người viết truyện phim chính thức, và Meryl Streep được Clint Eastwood chọn đóng vai Francesca. Kết quả là một cuốn phim được nhiều nhà phê bình cho là xuất sắc và ngay trong ba tuần lễ đầu tiên, cuốn phim mang lại cho Warner Bros. hơn 30 triệu Mỹ kim.

Ngoài cuốn phim, hãng Warner Bros. còn phát hành một cuốn sách khác, có nhan *The Bridges of Madison County: The Film*, do nhiếp ảnh gia Ken Regan thực hiện, gồm hình ảnh và các chi tiết chung quanh việc quay phim; một *compact disk* thâu nhạc trong phim cùng những bài ca do Clint Eastwood sáng tác. Chưa hết, Warner Bros. còn cấp hợp đồng cho một hãng sản xuất nước hoa để bán mùi "Bridges," và các công ty khác tung ra thị trường túi vải, áo polo, sách dạy nấu ăn, v.v, tất cả đều mang dấu ấn *Bridges*. □

TÒA SOẠN VĂN HỌC

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

Minh Pharmacy Edmonton Canada; EBSCO (về việc mua báo cho Banktown Library Australia), Nguyễn Liệp Tuyết Switzerland, Nguyễn Thúy Belgium, Võ văn Đàn Vancover Canada, Bùi Tiến Muôn (mua báo cho Tuệ Bùi T.) El Monte CA, Le D Hoa San Diego CA, Westminster Library CA, HB Hillview Branch Lib San Jose, San Jose State Univ. Lib CA, Đinh Hoang Pham Grand Prairie TX, Fung Ngo Oakland CA, Hồng Đế Minh Carthage MO, Sài Gòn Tạp hoá Toronto Canada, Thiên Nga Bookstore Houston TX, Đào Quang Mỹ Norway (đổi địa chỉ), Giang Kim Trường Los Angeles CA, Kim Fitzgerald Hawaii, Lib of Congress DC, Tracy Le El Monte CA, Hoang Lan Nguyên Seattle WA, Luu Ha San Diego CA, Nam Vu Brooklyn NY, Dan K. Nguyễn Tustin CA, Lyty Le Fairview Heights IL; Nguyễn Vy Khanh Québec Canada; Lê Tấn Tài El Cajon CA;Lý Thu Linh Santa Ana CA; Vi Khuê Burke VA.

Nhắn tin chung: Quí bạn gia hạn hoặc mua báo có yêu cầu tặng sách, tính đến ngày 20.6.95, tòa soạn đã gửi sách biếu. Trong trường hợp đến nay có bạn vẫn chưa nhận được sách biếu, xin tin cho Văn Học biết để chúng tôi gửi bù cuốn khác. Những sách mua, nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách gửi thẳng đến quí bạn.

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng

Thư của Mme Đặng Mai Lan France; Thư và bài của Mme Thụy Khuê Paris France; Thư Trần Vũ Bali Indonesia; Ngải thơ, Làm thơ phải biết thả tàu, Thơ bụi đời gửi từ Paris France; Chẳng cùng về, Còn không gửi từ Middleburg FL; Vườn mặc khải gửi từ Los Angeles CA; Vào khuya gửi từ Cupertino CA; Bữa tiệc trần gian, Muộn, Ngẫu tượng ở St. Denis gửi từ Montréal Canada; Đọc sách mới của Nguyễn Đình Toàn gửi từ Richmond Australia; Cảm đề và dịch thơ Cao bá Quát gửi từ Westminster CA; Nhà thơ, hoa vàng, chim khuyên và cô hàng xóm gửi từ Norway; Thư Phạm thị Hoài Berlin Germany; Bản tin của tạp chí Nắng Mới Montréal Canada; Thư và truyện của Hoàng Nga Germany; Truyện, thơ của Hoàng Chính Canada; Bến nụ tình xanh gửi từ Montréal Canada; Khóc bạn gửi từ Rosemead CA; Thư và tin của nhà văn Duy Lam Lawndale CA; Về đâu gửi từ Santa Ana CA; Bến mơ gửi từ Montréal

Canada; Phỏng vấn H.C. về truyện Stateless gửi từ Montréal Canada; Thư, thơ và trả lời phỏng vấn của Ngô Nguyên Dũng Germany; Lục bát đời thường, Lục bát cho nhau gửi từ Westminster CA; Năm tháng dài, Theo ngọn mây Tần, Vết thương gửi từ Beaverton OR, Đêm thâu gửi từ San Francisco CA; Tiếng gà gáy quận Cam gửi từ Westminster CA; Cắn lưỡi, Kiều ơi gửi từ Renton WA; Uống trà gửi từ Issaquah WA; Chốn cũ, Ghé lại mùa thu; Nếu biết thế anh không làm thơ gửi từ Santa Ana Ca; Chiếc sập gụ của gia đình tôi gửi từ Holland; Cũng là điều bình thường gửi từ Worcester MA

• Tiếp tục phỏng vấn

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của các văn hữu sau đây: Phan Nhật Nam, Ngô Nguyên Dũng

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác. Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Tuyển tập truyện ngắn hai mươi năm văn học Việt Nam Hải ngoại,*** do Trung tâm Văn bút Việt Nam Hải ngoại và Trung tâm Tây Nam Hoa kỳ thực hiện, một công trình đồ sộ dày 900 trang sưu tập truyện ngắn ưng ý nhất của 49 tác giả hải ngoại thuộc nhiều thế hệ khác nhau. Theo ghi nhận của Viên Linh: "Trong Tuyển tập Truyện Ngắn 20 Năm Văn học Việt Nam Hải ngoại này, người đọc sẽ thấy những tác giả trẻ nhất chưa tới ba mươi lăm, Hoàng Mai Đạt; những tác giả nhiều tuổi nhất đã trên bảy mươi, Nguyễn Sỹ Tế. Có người đã rời đất nước ba mươi năm, Võ Đình; có người vừa chân ướt chân ráo tới hải ngoại, Hồ Minh Dũng. Có người đến từ miền Bắc, Thế Giang; có người từng tìm đường về nước kháng chiến, Tưởng Năng Tiến. Hẳn có người sẽ chống cộng sản đến hơi thở cuối cùng, Định Nguyên, và hẳn có người chủ trương hòa giải. Có người vượt biên đường bộ, Đặng Phùng Quân; có người về trại tị nạn làm việc, Nguyễn Bá Trạc. Trên hết là những cựu tù, hiện đều sống ở ngoài nước."

Tuyển tập là một cố gắng kịp thời của Trung tâm Văn bút để sơ kết thành quả hai mươi năm văn chương hải ngoại nhân dịp kỷ niệm 20 năm lưu vong 30.4.1975 -

30.4.1995. Công lao thực hiện tuyển tập là do một số nhỏ văn hữu trong Văn bút Tây Nam Hoa Kỳ, mặc dù điều kiện tài chánh của những vị này rất eo hẹp. Một món quà tinh thần giá trị để bạn bè tặng nhau, hoặc gửi tặng thân nhân bạn bè trong nước. Tuy nhiên, cũng do thời gian thực hiện tuyển tập quá ngắn nên tác phẩm cũng có vài khuyết điểm, như lời giới thiệu rời rạc tản mạn, tiểu sử tác giả và hành tích sáng tác của họ chưa cập nhật. Dĩ nhiên tuyển tập nào cũng không làm vừa lòng mọi người, tuyển tập nào cũng có những cái thiếu và những cái thừa, do chủ quan của người đứng ra thực hiện. Giá mỗi tuyển tập là 30 Mỹ kim, hiện có bán tại các hiệu sách. Mọi thư từ giao dịch xin liên lạc về địa chỉ : P.O. Box 2054-G31, Westminster CA 92683 U.S.A.

📖 ***Tuyển tập hai mươi người viết tại Canada 1975-1995***, do Tạp chí Nắng Mới Montréal thực hiện, sách dày 322 trang, giá 15 Mỹ kim.

Đây cũng là một công trình khác của các nhà văn nhà thơ định cư tại Canada đánh dấu đoạn đường 20 năm sáng tác trên xứ người. Sau phần Vào Tập giới thiệu sinh hoạt chữ nghĩa và tác giả ở Canada do nhóm chủ biên viết, tuyển tập giới thiệu Thơ của Đỗ Quí Toàn, Hoàng Xuân Sơn, Lâm Hảo Dũng, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Phạm Đình Cường, Phan Ni Tấn, Vũ Kiện; và Văn của Hoàng Chính, Hoàng Du Thụy, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Phổ Lại, Hồng Hoang, Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn văn Ba, Song Thao, Trang Châu. Có lẽ vì hầu hết những nhà văn nhà thơ đứng ra thực hiện tuyển tập này đều ở Montréal, nên tác phẩm thiếu một số những cây bút ở Toronto như Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Sa, Cung Vũ...

Địa chỉ liên lạc: Nắng Mới, CP 40 Succ Côte des Neiges, Montréal H3S 2S4 Canada.

Phone: (514) 733-1695, Fax: (514) 342-7106.

📖 ***Truyện mới chọn lọc***, tập truyện ngắn của Duy Lam, Văn Khoa xuất bản, bìa Nguyễn thị Hợp và Nguyễn Đồng, sách dày 190 trang, giá 12 Mỹ kim. Tác phẩm đầu xuất bản tại hải ngoại của một nhà văn kỳ cựu từng có chân trong Tự Lực Văn đoàn, tác giả của *Chồng Con Tôi, Gia Đình Tôi, Cái Lưới, Ngày Nào Còn Đàn Bà, Nỗi Chết Không Rời* (viết chung với Thế Uyên), *Lột Xác*. Tác phẩm gồm 11 truyện ngắn Duy Lam mới viết tại hải ngoại, với bút pháp rất "Tự Lực văn đoàn", nghĩa là đặc biệt quan tâm tới những biến chuyển tâm lý tế vi của nhân vật, vào thời kỳ nhà văn có lòng tự tin cho rằng mình là Thượng đế nhỏ, đứng trên cõi nhân gian phân tích nội tâm con người. Cũng do quan niệm sáng tác này mà Duy Lam đòi

hỏi người đọc phải kiên nhẫn lắng nghe những điều sâu lắng ẩn giấu bên trong. Đọc truyện Duy Lam không thể đọc vội. Những truyện "Ông tướng", "Gói kẹo", có lẽ dễ được nhiều người thích, vì dễ đọc hơn các truyện kia.

📖 ***Hoa hồng nhà kín***, tập truyện của Quyên Di, Thời Điểm xuất bản, lời giới thiệu của Huy Trâm, lời bạt của Bùi Vĩnh Phúc, sách dày 260 trang, giá 15 Mỹ kim.

Quyên Di là một nhà giáo, nhà văn chuyên viết về tuổi thơ, hiện chủ trương tạp chí *Tuổi Hoa*. Tác phẩm gồm 12 truyện ngắn, mỗi truyện liên hệ đến một loài hoa. Nhưng dây không phải là tập truyện viết về thú xem hoa. Hoa chỉ là cái cớ để Quyên Di viết về tình người. Bùi Vĩnh Phúc nhận định rất đúng về Quyên Di khi anh viết trong lời bạt: "Quyên Di, trên hết và trước hết, là một nhà văn của lòng nhân ái. Một nhà văn của niềm tin con người trước những cơn bão lửa và trước những chìm đắm của đời sống. Những nhân vật của ông có niềm tin trước cuộc đời và có niềm tin vào nhau. Những niềm tin ấy được nuôi dưỡng và đốt cháy lên nhờ một ánh lửa trên cao. Ánh lửa trong trái tim Thượng đế."

📖 ***Thiên thần quét lá***, tập truyện ngắn tái bản của Vĩnh Hảo, Chiêu Hà xuất bản, sách dày 216 trang, giá 10 Mỹ kim. Nếu Quyên Di lấy cảm hứng sáng tạo từ ánh lửa trong trái tim Thiên Chúa, thì Vĩnh Hảo lấy cảm hứng từ đời sống tu trì của các tu sĩ Phật giáo. Suốt tám tác phẩm đã xuất bản của Vĩnh Hảo, những kỷ niệm của thời đi tu luôn luôn làm nền cho truyện, và điều đó khiến văn chương của Vĩnh Hảo có một nét độc đáo.

Thiên thần quét lá được tái bản là bằng chứng thể tài này có một sức lôi cuốn riêng, giống như sức lôi cuốn của những dịch phẩm của Nguyên Phong. Sách bán qua bưu điện. Liên lạc về : Chiêu Hà Publisher, P.O. Box 2303, North Hills, CA 91393-0303.

📖 ***Việt Nam và Tâm thức dân tộc***, luận thuyết của Nguyễn Hữu Tấn và Huy Trâm, các tác giả tự xuất bản, sách dày 190 trang, giá 15 Mỹ kim. Nguyễn Hữu Tấn là một chuyên gia kỹ thuật, Huy Trâm là nhà thơ và luật gia. Cả hai từng giữ những vai trò chỉ huy cao thời VNCH, từng đi tù cải tạo ở Miền Bắc và hiện định cư tại Hoa Kỳ. Gần đến tuổi sáu mươi, hai tác giả suy nghiệm lại quá khứ, của bản thân và dân tộc, để đặt những câu hỏi: Dân tộc tính Việt Nam ra sao? Tâm thức dân tộc VN ra sao? Ai đã thực sự vì dân tộc và ai đã lãng quên? Đâu là hướng đi của đất nước trong những năm tháng tới?

Các tác giả đặt câu hỏi, và trả lời. Những câu hỏi quá lớn, nhưng những câu trả lời lại chỉ mới là những phác thảo.

📖 ***Cuồng lưu***, truyện dài của Điệp Mỹ Linh, bìa và phụ bản của Nguyễn Thông, sách dày 436 trang, giá 17 Mỹ kim. Điệp Mỹ Linh là một cây viết nữ rất quen thuộc với bạn đọc ở Houston, tác giả *Một đoạn đường*, *Bước chân non*, *Sau cuộc chiến*, *Hải quân VNCH ra khơi*, *Đưa tiễn* và *Cuồng Lưu*, công trình dài hơi nhất của bà. Hơn bốn trăm trang sách kể về cuộc đời rất nhiều thăng trầm của một phụ nữ Huế, trải dài từ thời thanh xuân trong nước cho đến thời kỳ sống ở hải ngoại. Điệp Mỹ Linh ưa dựng truyện với nhiều tình tiết ly kỳ, từ trắc trở gia đình cho tới cái chết của người chồng kết thúc câu chuyện. Tình tiết ly kỳ nhưng quan niệm nhân sinh của người viết vẫn là quan niệm cổ điển: thiện ác phân minh và nhân quả nhãn tiền.

Mọi liên lạc xin gửi về P.O. Box 401 Alief, TX 77411 U.S.A.

📖 ***Thoughts of You***, tập thơ viết bằng Anh ngữ của Huong Xuan Nguyen Ho, một cây viết nữ thuộc thế hệ thứ hai trưởng thành trên xứ người và diễn đạt bằng ngôn ngữ khác ngôn ngữ mẹ. Hiện là sinh viên ban Cao học ngành Tâm lý ở Đại học Houston-Clear Lake, tập thơ đầu tay của Huong Xuan có thể mở màn cho một trào lưu sáng tác mới của thế hệ trẻ, trào lưu viết văn làm thơ bằng ngoại ngữ. Có một chi tiết lý thú: Huong Xuan là con của nhà văn Điệp Mỹ Linh. Bản quí không đề giá bán.

📖 ***Hành trình một Hát Ô***, tạp ghi của Đặng Trần Huân, một nhà văn quân đội quen thuộc với nhiều bạn đọc trước 1975, tác giả *Ngày Vui* (truyện ngắn, 1962), *Hải đảo thần tiên* (truyện dịch, 1963), *Chuyện cấm dàn bà* (truyện vui, 1969), *Chuyện vợ chồng* (truyện vui, 1970), *Thành phố buồn hiu* (bút ký, 1970) và *Hành trình một Hát Ô*, tác phẩm mới nhất của ông sau khi đến định cư tại Hoa Kỳ tháng 6.1992. Với trên hai mươi năm sống dưới chế độ cộng sản cũng như nhà tù cộng sản, ông đã theo dõi ghi nhận nhiều điều khác với sự hào nhoáng hiện nay về thực tế xã hội cộng sản. Đối chiếu với những nhận xét và tài liệu của bạn bè mới tới Hoa Kỳ trong năm 1994, Đặng Trần Huân cống hiến bạn đọc một phần sự thực về thảm cảnh quê hương VN bây giờ như một nhân chứng sống, mà những người chỉ về VN một vài tuần không nhìn thấy.

Đặc biệt là bài "Hành trình một H.O.," tác giả ghi lại tỉ mỉ những cam go gia đình mình trải qua, từ lúc bắt đầu làm hồ sơ cho đến lúc rời khỏi VN. Một tài liệu sống động trung thực phản ảnh phần nào thực trạng guồng máy công quyền của cộng sản VN.

Hành trình một Hát Ô dày 288 trang, bìa bốn màu, giá 15 Mỹ kim (tính luôn cước phí máy bay nếu bạn đọc ở trong lãnh thổ Hoa Kỳ). Thư từ, ngân phiếu, chi phiếu xin gửi về tác giả:

Đặng Trần Huân
P.O. Box 3022
Industry, CA 91744

📖 ***Nước mắt trước cơn mưa***, sưu tập phỏng vấn các nhân chứng lịch sử về biến số 30.4.75, do giáo sư sử học Larry Engelmann thực hiện, bản Việt ngữ của nhà thơ Nguyễn Bá Trạc, Tin Biển xuất bản. Sách dày 544 trang, giá 20 Mỹ kim. Engelmann đã bỏ ra năm năm đi từ Âu sang Á, từ Úc châu đến Bắc Mỹ . Đã qua Hồng kông để gặp các thuyền nhân. Qua Việt Nam để gặp kẻ thắng lẫn người bại. Tại Hoa Kỳ ông đã gặp rất nhiều người liên quan đến việc Miền Nam thất thủ kể cả người Mỹ lẫn người Việt. Ông đã nói chuyện với hầu hết các viên chức, tướng lãnh VNCH.

Cuốn sách quí được Nguyễn Bá Trạc dịch sang Việt ngữ với nhiều công phu, mỗi người tùy địa vị và quá khứ phát biểu đúng theo cốt cách thích hợp của tiếng Việt, chưa kể các phụ chú quan trọng dịch giả thêm vào để làm sáng tỏ vấn đề. Một cuốn sách mọi người Việt tị nạn cần có để ôn lại những ngày tháng bi thương không thể quên. Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa có thể liên lạc với nhà phát hành Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Phone (714) 527-5761.

📖 ***Ngọn cỏ bồng toàn tập***, của Nguyễn Bá Trạc là cuốn sách ghi chép về hai mươi năm của những người Việt rời khỏi nước, gồm những câu chuyện, với các bài viết, thơ, thư từ giữa tác giả và thân nhân bạn hữu trong khoảng thời gian mười lăm năm, từ 1980 tới nay.

Phần thứ nhất phản ảnh mười năm đầu tiên. Tại California, nơi họ đến, thiết lập nên chợ búa hàng quán, bắt đầu in ấn sách vở báo chí Việt ngữ để chia sẻ, trao đổi ý nghĩ.

Phần thứ hai (1985-1995) đưa độc giả về các trại tị nạn với những cuộc vượt biên và trên mười ngàn người chen chúc tại hòn đảo Pulau Bidong, sau đó trôi nổi đến các chân trời của những Đường Xa Xứ Lạ. Để suy nghĩ. Để ngắm nhìn. Để ghi lại lịch sử và cuộc sống của người Việt ra khỏi nước hai mươi năm qua.

Những người đã định cư lâu năm tại xứ người cần đọc *Ngọn cỏ bồng Toàn tập* để bồi hồi nhớ lại những chặng đường hội nhập gia đình mình trải qua.

Những người mới tới lại cần tìm đọc để rút kinh nghiệm những người đi trước, chuẩn bị một cách nhìn thích hợp cho giai đoạn mới cuộc đời mình.

Sách dày 500 trang, giá 16 Mỹ kim, hiện bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa liên lạc về

Nguyễn Bá Trạc
1796 Cheney Dr.
San Jose, CA 95128

hoặc nhà phát hành Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683.

📖 ***Những con chuột thời thơ ấu***, tập truyện của Hoàng Khởi Phong, Người Việt xuất bản, Đỗ Quí Toàn giới thiệu, Khánh Trường vẽ bìa, sách dày 172 trang, giá 10 Mỹ kim. Là một trong những sáng lập viên của tạp chí Văn Học, nhiều năm là giám đốc trị sự, chủ nhiệm, chủ bút Văn Học, Hoàng Khởi Phong không phải là một nhà văn xa lạ của bạn đọc. Đặc biệt những năm gần đây ông viết rất hăng, liên tiếp cho xuất bản *Ngày N +* (1988), *Thư không người nhận* (1991), *Người trăm năm cũ* (tập 1 trường thiên tiểu thuyết, 1993), *Cây tùng trước bão* (1994), và *Những con chuột thời thơ ấu* (1995). Qua sáu truyện ngắn trong tập truyện, nhà thơ Đỗ Quí Toàn ghi nhận được lòng nhân hậu của một người đầy ắp tinh thần hướng đạo, khả năng làm cho người đọc cười khóc ngạc nhiên của một nhà văn, và thiện chí của một con người tha thiết với những vấn đề xã hội trước mắt. Đỗ Quí Toàn viết: "Tôi ước mong độc giả khi đọc tập truyện này, nhìn thấy cái tâm từ bi nơi chính mình, và nơi tác giả. Cũng để cho cuộc đời này đẹp đẽ hơn, đáng sống hơn".

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Người Việt, 14891 Moran St. Westminster CA 92683. Phone (714) 892-9316.

📖 ***Sen nở trong tôi***, tập thơ của Duy Nghiệp Bùi Duy Thuyết, Hùng Nguyễn và Nghiêu Đề trình bày, Hoa Vàng xuất bản, dày 90 trang, không đề giá bán. Tác giả sưu tập những bài thơ lấy cảm hứng từ đạo Phật đã đăng rải rác trên Vạn Hạnh, Hải Triều Âm, Đuốc Tuệ, Hoa Sen Giác Minh, Chân Nguyên, Phật giáo Hải ngoại, Pháp Duyên, Chánh Đạo, Tin Sáng, Làng Văn, Thế Kỷ 21 để xuất bản thành "Sen nở trong tôi". Vì thời gian sáng tác trải dài từ 1962 đến 1995, nên thi tập chia làm hai phần rõ rệt: phần 1 là Sen nở trong tôi có nhiều âm hưởng dạo ca cổ điển, phần 2 là Sự có mặt của kiếp người tác giả làm thời trẻ viết theo lối thơ tự do, ý tứ quẫn quại hơn phần trước.

Nhìn chung đây là một tập thơ hay. Liên lạc với tác giả : Bùi Duy Thuyết, Phone (408) 225-8429.

THÔNG BÁO

Tòa soạn Văn Học hiện còn một ít báo cũ như sau:

Văn Học Nghệ thuật (bộ mới): Số 4,6,7. **Mỗi số $2.50**

Văn Học : Số 10, 11, 12, 13, 15. **Mỗi số $2.50**

Số 16, 18, 19, 20, 23, 27,29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 38, 39, 40, 41, 42, 44, 49, 53,54, 55, 57, 58, 59, 80. **Mỗi số $3.00**

Từ số 61 đến 92, và từ số 95 đến 107. **Mỗi số $3.50**

Số 108, 109, 110. **Mỗi số $4.00**

Bạn đọc cần mua báo cũ, gởi chi phiếu gồm tiền báo và cước phí hạng tư : từ 1 đến 5 số, $3.00; từ 5 đến 10 số : $6.00. Mua nhiều hơn, xin liên lạc với toà soạn

Tìm Đọc Hai Tác Phẩm Của Nguyễn Bá Trạc

Ngọc Cỏ Bồng Toàn Tập: Câu chuyện 20 năm của người Việt rời bỏ nước, được kể bằng mọi hình thức: văn, thơ, thư từ.Mộc mạc và lãng mạn. Cười cợt với đau thương.

Nước Mắt Trước Cơn Mưa: Sử liệu phỏng vấn về sự sụp đổ Miền Nam Việt Nam. Bản dịch từ Nguyên tác Anh Ngữ của Larry Engelmann với 71 câu chuyện sau khi phỏng vấn trên 300 người, Việt lẫn Mỹ, kẻ thắng lẫn người bại.

Đã Có Bán Tại Các Tiệm Sách

***Ngọn Cỏ Bồng Toàn Tập**, 500 trang, $16 Mỹ Kim*

***Nước Mắt Trước Cơn Mưa**, 600 trang, $20 Mỹ Kim*

Nha sĩ

DƯ THỊ MỸ LAN

General Dentistry

- Nguyên trưởng phòng Nha khoa Tổng Y viện Khánh Hội, Sài gòn
- Đã hành nghề 7 năm tại Việt Nam và 13 năm tại Mỹ

9141 Bolsa Ave., Suite 302, Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)

Phone: (714) 898-6449

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước, muốn nắm bắt những vấn đề, muốn đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, văn hóa, nghệ thuật...

Phải tìm đọc

Tạp chí ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới. Giá mỗi số $4.00 — mua dài hạn $40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ $52; Canada $58; Âu châu $76; Á, Úc $86.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về THẾ KỶ 21, PO BOX 2054-H39
WESTMINSTER CA 92684 USA.
Tòa soạn: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.
E-mail 75504.3510@compuserve.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu Bang_____ Zip_____ _____

Quốc gia_____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỆ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài Hoa Kỳ 23MK

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài Hoa Kỳ 11MK

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài Hoa Kỳ 10MK

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bát ngát yêu thương. Giá 16MK. Ngoài Hoa Kỳ 18MK

Giá:$4.00